

Chương 3

KIẾN TRÚC TRONG CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN CHÂU ÂU

3.1. GIỚI THIỆU CHUNG

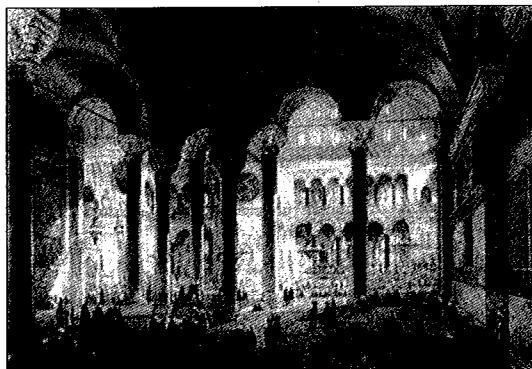
Trung thế kỷ là thời kỳ xuất hiện và hưng thịnh của chế độ phong kiến, với sự thống trị của các chúa đất ở châu Âu.

Ngay từ cuối thế kỷ thứ IV, những mâu thuẫn giai cấp sâu sắc đã làm lung lay tận gốc nền chính trị và kinh tế La Mã, dẫn tới các cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô lệ thuộc địa, làm tan rã chế độ chiếm hữu nô lệ và làm nảy sinh những hình thức quan hệ xã hội - kinh tế mới. Sự chuyên quyền của chúa đất và sự thống trị không hạn chế của tôn giáo là hai nền tảng của tổ chức nhà nước mới, có ảnh hưởng tới sự phát triển xã hội nói chung và tới nghệ thuật kiến trúc nói riêng (hình 165).

Nhiều công trình kiến trúc từng đóng vai trò quan trọng trước đây như các sân vận động, basilica, nhà tắm công cộng, rạp hát, rạp xiếc v.v... dần dần trở thành hoang phế, bị lãng quên, thậm chí bị phá hủy. Vào thời điểm này, tương phản với những kiểu nhà ở do dân thường và nông dân tự xây bằng các vật liệu rẻ tiền, các lanh chúa phong kiến chọn nơi hiểm yếu nhất trong lãnh địa của mình để xây nhiều lâu đài nguy nga tráng lệ, có tường dày và tháp canh bao quanh, nhằm



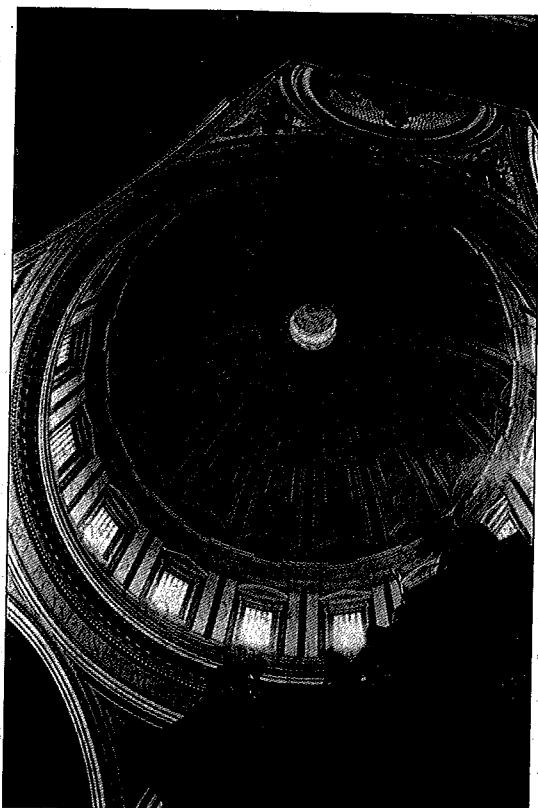
165. Bản đồ đế quốc Bidangtin TK VI



166. Vòm mái và nội thất nhà thờ Xanh Xôphia
ở Côngxtantinopol thế kỷ III

đối phó với các cuộc tấn công của nông dân nổi loạn hoặc binh lính các lãnh chúa vùng khác tới xâm lăng. Trong tình hình xã hội đầy bất an, kiến trúc quốc phòng cũng được đà phát triển. Đất đai đô thị bị chia nhỏ để làm những loại nhà ở mặt phố của người buôn bán trung lưu, có tầng trên để ở và tường rất dày bọc lấy tầng cửa hàng ở dưới. Đồng thời, hàng loạt các tu viện và đền đài đô sộ cũng được xây dựng làm phương tiện củng cố và khẳng định vị thế của nền đế chế, đảm bảo cho sự tồn tại lâu dài của chế độ phong kiến. Đạo Thiên chúa ra đời từ cuối thời cổ đại (thế kỷ thứ IV) như một thứ tín ngưỡng của giai cấp nô lệ La Mã đã được truyền bá rộng rãi trong các tầng lớp dân chúng. Nhà thờ vừa là nơi cầu nguyện, vừa là dạng công trình công cộng chủ yếu. Kiến trúc nhà thờ phản ánh cả thế giới quan Thiên chúa giáo lẫn các quan điểm xã hội của thời đại (hình 166, 167).

Sự phân hóa của đế quốc La Mã thành hai phần Đông - Tây do có các hoàn cảnh kinh tế - xã hội khác biệt là nguyên nhân chính khiến chế độ phong kiến Đông và Tây có những tiến trình khác nhau. Ở phương Tây, sau khi đế quốc Tây La Mã tan rã thì chỉ còn lại một thế lực duy nhất có tầm ảnh hưởng trên toàn lãnh thổ là Giáo hoàng. Ở phương Đông, nhờ sự ủng hộ của chính quyền phong kiến và của Thiên chúa giáo, các nền văn hóa cổ truyền vùng Ả Rập, văn hóa Đông La Mã không hề bị suy sụp trước hoàn cảnh mới, mà còn có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn trước. Tại Bidängtin thuộc Đông La Mã,



167.

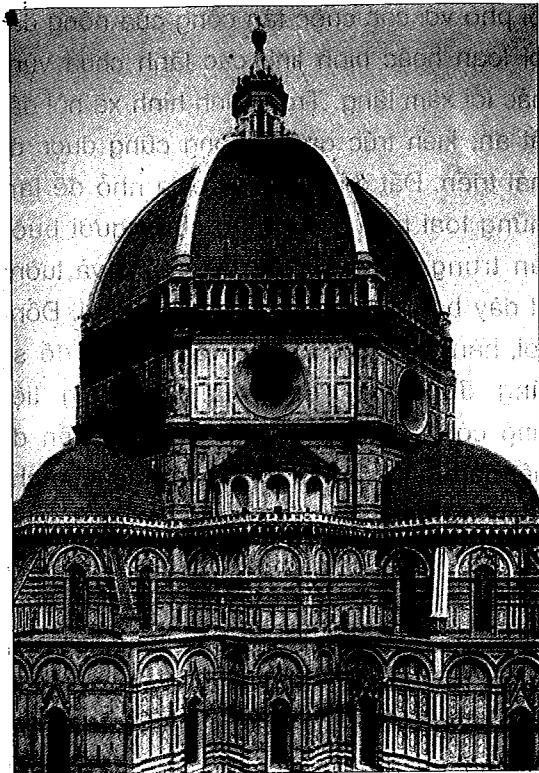
Vòm mái nhà thờ
Xanh Maria ở
Phlorängxơ
TK XV

những thành tựu của kỹ thuật xây dựng giai đoạn vừa qua được tiếp tục hoàn thiện như các mái vòm đường kính lớn, các vòm cuốn gạch, các cấu tạo được thực hiện một cách mạch lạc, cân bằng, đầy tính logic.

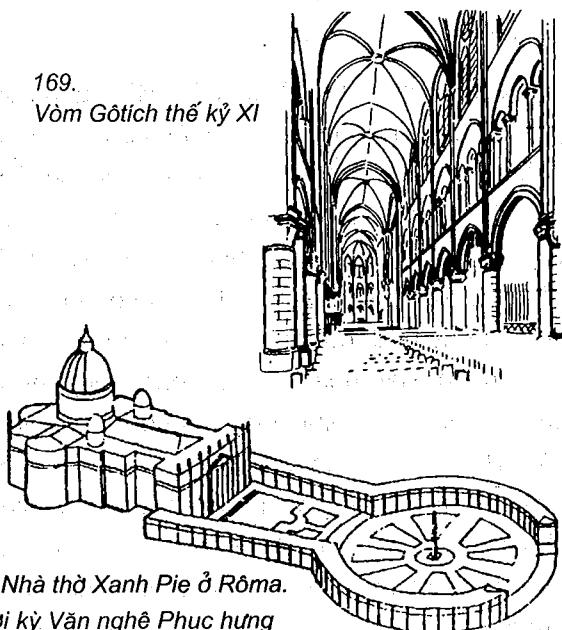
Tại các nước Italia, Pháp và Tây Âu khác, mãi đến thế kỷ thứ X và XI, nền văn hóa phong kiến mới được vực dậy và phát triển song song với sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa. Các phong cách kiến trúc mới là Rôman, Gótich trở thành chủ đạo, chi phối toàn bộ trào lưu xây dựng ở Italia, Đức, Anh, Pháp, lan sang cả Ba Lan, Tiệp Khắc, các nước khu vực biển Bantich và khắp châu Âu (hình 168, 169). Giai đoạn cuối của thời kỳ phong kiến châu Âu được đánh dấu bằng cao trào văn hóa mới - thời kỳ Văn nghệ Phục hưng ở Italia - bao gồm nhiều lĩnh vực văn học, nghệ thuật đạt tới đỉnh cao rực rỡ với những thiên tài vô song (hình 170). Một số phong cách kiến trúc khác cũng được sinh ra từ đó, như Baroque, Roccocô, phong cách kiến trúc cổ điển Pháp.

3.2 - KIẾN TRÚC BIDĂNGTIN

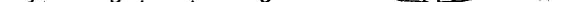
Đế quốc Bidăngtin bao gồm các nước thuộc phía Đông Địa Trung Hải được thành lập do hậu quả của sự tan rã và chia đôi đế quốc La Mã. Bidăngtin lấy thủ đô là Côngxtantinopol, một thành phố ở phía nam Biển Đen. Tham gia vào nền văn hóa Bidăngtin có các nước Hy Lạp, Ai Cập, Xiri, Tiểu Á Tế Á (hình 171).



168. Vòm nhà làm lễ rửa tội ở Pisa thế kỷ XI



169.
Vòm Gótich thế kỷ XI



170. Nhà thờ Xanh Pie ở Roma.
Thời kỳ Văn nghệ Phục hưng

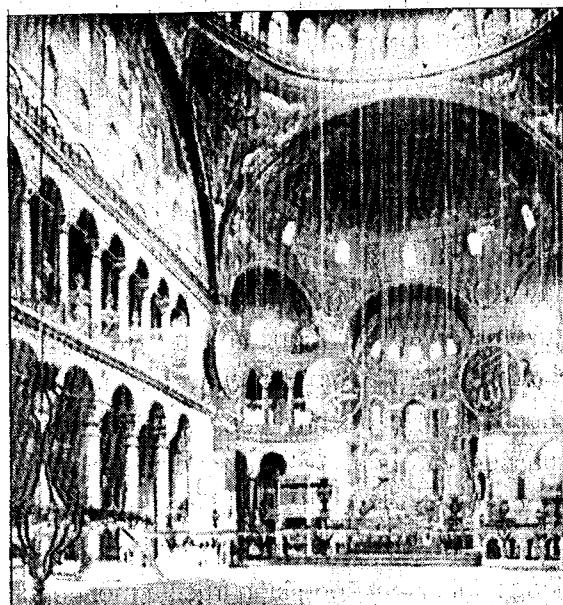
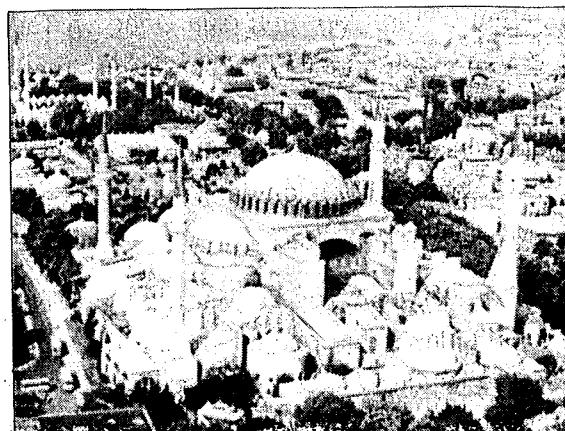
Păngtêông), mái vòm ở đây tựa trên các trụ đứng độc lập ở các góc trong không gian tòa nhà và có thể tổ hợp thành các nhóm. Với một vòm buồm ở giữa và bốn vòm xung quanh, người ta có thể lợp được những không gian rất lớn. Độ vững chắc của công trình ở đây đạt được không phải bằng cách tăng khối tích của vật liệu, mà qua sự cân bằng lực tác động qua lại giữa vòm và các cuốn. Đây chính là nét đặc biệt nhất trong cấu tạo kiểu vòm buồm của kiến trúc tôn giáo Bidăngtin. Kiến trúc vòm buồm dùng gạch đá là vật liệu xây dựng chính, trong đó đá được đẽo chuẩn theo kích thước định sẵn để xây kèm với gạch. Riêng phần mái được xây bằng các loại đá nhẹ.

Nhờ thực hiện kết cấu vòm buồm, phía trong nhà trở thành một không gian rộng bát ngát tới hàng vài ngàn mét vuông. Nội thất được trang trí bằng tranh mô tả các hình ảnh của Thánh, được làm từ nhiều loại gạch màu modaich trên các nền xanh hoặc vàng.

Kiến trúc Bidăngtin còn lưu lại nhiều đô thị, đền đài, cung điện như điện Bucôlêôn (thế kỷ thứ V - VIII), chùa Xanh Simôn ở Saman (thế kỷ thứ V), nhà thờ Xanh Xiren ở Côngxtantinôp (thế kỷ thứ VIII) v.v... Tiêu biểu nhất trong số này là nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinôp và nhà thờ Xanh Mác ở Vornidơ.

Nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinôp

Nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinôp là một trong số những tác phẩm kiến trúc nổi bật



173. Nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinôp.

Toàn cảnh và nội thất

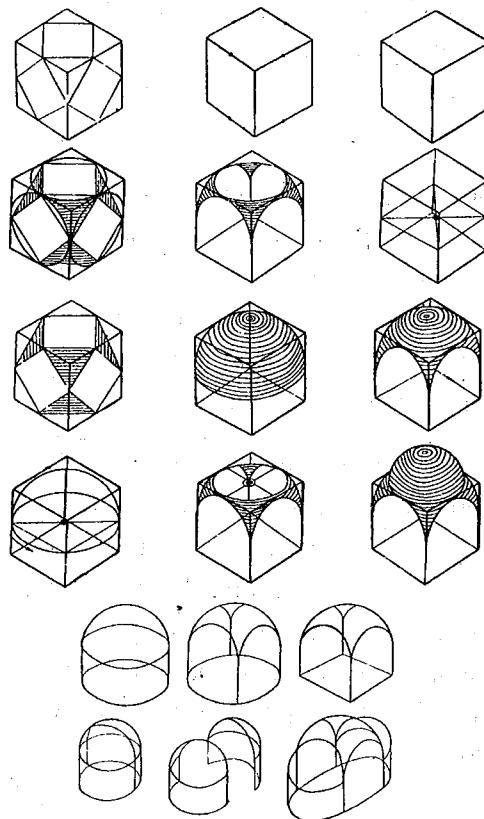
Nằm ở vị trí giáp ranh giữa Đông và Tây, nền văn hóa Bidāngtin in đậm dấu ấn truyền thống của cả hai vùng này. Trong kiến trúc Bidāngtin, người ta dễ dàng nhận thấy cả các yếu tố phương Đông lẫn các yếu tố Hy Lạp - La Mã cổ đại.

Khác với vùng Tây La Mã, nơi thành phố và công trình bị tàn phá khá nhiều, Bidāngtin vào thế kỷ thứ IV và thứ V còn giữ được các thành phố với các nghề thủ công và thương mại phát triển. Lực lượng lao động nô lệ còn lại tương đối lớn và tồn tại song song với chế độ phong kiến trong một thời gian dài. Quan hệ buôn bán với phương Đông được mở rộng. Những giá trị truyền thống về mặt tư tưởng vẫn được duy trì. Tôn giáo chính và sức mạnh tư tưởng chủ yếu của nền đế chế lúc này là Thiên chúa giáo. Để xây dựng chính quyền chuyên chế hùng mạnh, chế độ mới rất chú ý đề cao vai trò của nhà thờ Thiên chúa giáo. Họ đã huy động mọi thành quả của nền văn hóa cổ trong nước và của các nước lân cận vào việc xây dựng chế độ xã hội và nền văn hóa theo một thế giới quan của riêng mình. Hoạt động kiến trúc và mọi ngành văn hóa nghệ thuật khác đều phải ca ngợi nhà vua, coi vua như một đấng siêu nhân.

Tính nhất quán là điểm nổi bật của kiến trúc Bidāngtin, được thể hiện qua việc nghiên cứu sâu và toàn diện hình tượng vòm mái bán cầu bắt nguồn từ kiến trúc nhà ở dân gian phương Đông (hình 172). Khác với mái vòm La Mã tựa trên các bức tường dày (như



171. Bản đồ Bidāngtin trong thế kỷ XIV - XV

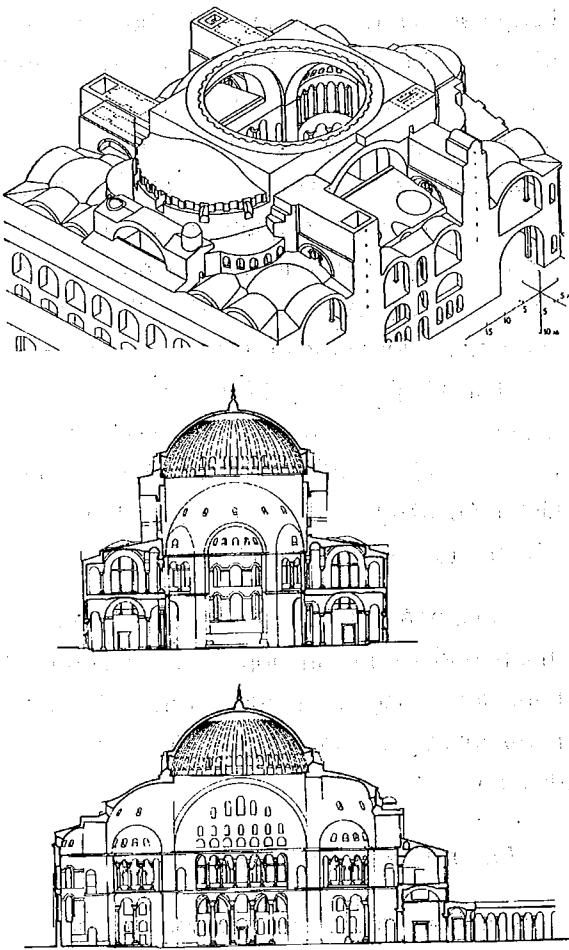


172. Nguồn gốc và quá trình phát triển các loại vòm nhà thờ Bidāngtin

nhanh của kho tàng lịch sử kiến trúc thế giới, được xây dựng vào các năm 532 - 537 (hình 173). Tác giả công trình là kỹ sư Antemuis và kiến trúc sư Isidor cùng là người quê gốc ở Tiểu Á.

Ngự trị tại một quần thể ở trung tâm, đây là tòa nhà chính nhất của đế quốc Byzantine, là điểm nhấn của toàn thành phố Côngxtantinopol. Tại đây, đám dân thường đông đúc từ các phố có thể vào bên trong để gặp mặt với giới thượng lưu, dẫn đầu là nhà vua và cha cố từ Đại điện gần đó đi sang (hình 174).

Các tác giả đã xuất phát từ kiểu vòm gỗ truyền thống vùng Tiểu Á quê hương để giải quyết bài toán khó nhất của công trình, tạo ra được một không gian cực lớn cho hàng ngàn người bằng vật liệu gạch đá. Và họ đã thành công nhờ kết hợp nguyên tắc basilica La Mã cổ đại với hệ vòm bán cầu tựa trên trụ - một cấu trúc rất sáng tạo của chính họ. Không gian lớn được lợp bằng một vòm trung tâm nối với hai bán vòm kéo dài về hai phía Đông Tây và năm vòm nhỏ đấu tiếp vào hai bán vòm đó. Hai bên lối đường còn có các khối hai tầng với hàng trụ cuốn dùng làm chỗ ngồi cho dân chúng trong các ngày lễ lớn. Đường kính vòm trung tâm là 33m. Chiều cao ở chân các vòm nhỏ là 24,3m, còn chiều cao của chân vòm trung tâm là 40m. Kích thước mặt bằng $74,8m \times 69,7m$. Tổng chiều cao nhà thờ Xanh Xôphi lên tới 56m. Vật liệu được sử dụng tương ứng với vai trò chịu lực ở các vị trí khác nhau: tường làm bằng gạch, trụ bằng đá tảng đẽo, còn mái vòm được xây



174. Phối cảnh và các mặt cắt
nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinopol

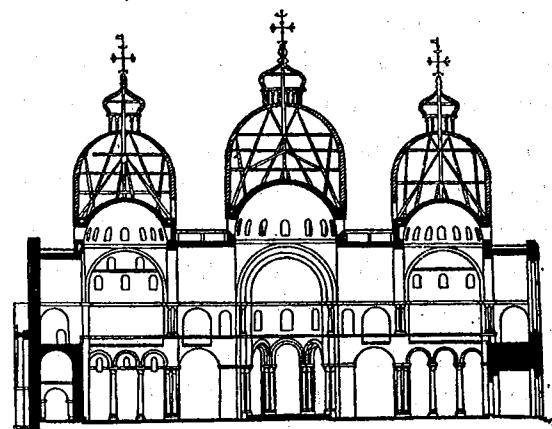
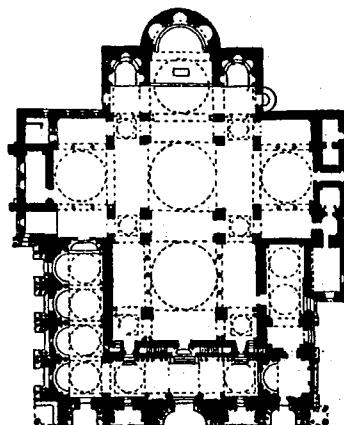
bằng các loại đá xốp nhẹ. Nội thất tạo được cảm giác lộng lẫy, hùng vĩ nhờ sự kết hợp các không gian cao rộng khác thường với rất nhiều loại gạch men, đá quý màu sắc rực rỡ. Luồng ánh sáng thiên nhiên chiếu qua hệ cửa sổ tầng ba đục quanh chân vòm cùng với các gam màu lung linh đã đưa lại cảm giác kỳ ảo, tạo nên một tác động tinh thần vô cùng mãnh liệt đối với người cầu nguyện. Vẻ đẹp tinh tế giàu trang trí, sức quyến rũ của nội thất phong phú tương phản rõ rệt với dáng vóc đồ sộ và có phần đơn giản, khô khan của hình thức kiến trúc bên ngoài cũng là nét đặc đáo của tòa nhà thờ nổi tiếng này.

Ngoài nhà thờ Xanh Xôphi, khu trung tâm thành phố Côngxtantinôp còn nổi tiếng với hàng loạt công trình quan trọng có giá trị nghệ thuật cao như trường đua ngựa, Đại điện v.v...

Nhà thờ Xanh Mác ở Voniđo

Nền kiến trúc Bidăngtin còn có một đại diện khác không kém giá trị. Đó là nhà thờ Xanh Mác ngự trị trên quảng trường cùng tên tại Voniđo - Italia được xây dựng khoảng giữa thế kỷ thứ XI. Nhà thờ này là biểu tượng trân trọng của người dân Voniđo đối với sự ủng hộ của Bidăngtin giành cho họ trong cuộc chống đối với Giáo hoàng.

Cấu trúc tòa nhà bao gồm hệ vòm cuốn chữ thập với 5 đơn vị vòm độc lập theo nguyên tắc vòm và mái bán cầu trong kiến trúc Bidăngtin. Trong mặt bằng, vòm trung tâm lớn hơn bốn vòm còn lại, nhưng cả 5 vòm



175. Nhà thờ Xanh Mác ở Voniđo - Italia TK XI.

Mặt bằng - nội thất, mặt cắt

đều thông với nhau để tạo thành không gian lớn. Nền nhà, mặt tường và trần với diện tích hàng vạn mét vuông đều được ốp lát bằng đá hoa cương màu hoặc gạch môdaich.

Các đầu cột cũng được ốp gạch men màu, còn tượng được mạ vàng. Nhà thờ Xanh Mác đã được xây dựng trong một thời gian dài, nhưng vẫn duy trì được một phong cách tương đối nhất quán, với chất lượng hoàn thiện cao (hình 175).

Các kiểu mái vòm đặt trên đế vuông của Bidăngtin là biểu tượng của bầu trời và thế giới siêu hình trong tôn giáo, là kỹ thuật đặc trưng đã hình thành trong một thời gian dài ở nhiều nước châu Âu cũng như Trung và Đông Á. Kiến trúc nhà thờ Bidăngtin đã thể hiện chủ ý của giai cấp phong kiến thống trị dùng tôn giáo để tách con người ra khỏi thực tế xã hội, hướng con người vào sự quy phục sức mạnh của "Đấng tối cao" hiện thân trong vai trò các vua chúa phong kiến.

Đã có cơ sở để chứng minh rằng nền kiến trúc huy hoàng này có một ảnh hưởng khá mạnh tới việc hình thành các phong cách kiến trúc Rôman và Gôtích ở Đức, ở Pháp, và đến cả các phong cách trong thời kỳ Văn nghệ Phục hưng sau này.

3.3. KIẾN TRÚC RÔMAN

Tình trạng sản xuất ngày càng sút kém tại hàng loạt các quốc gia phong kiến mạnh mún ở Tây Âu vào các thế kỷ thứ V đến thứ IX đã khiến kinh tế ngưng trệ và kỹ thuật xây

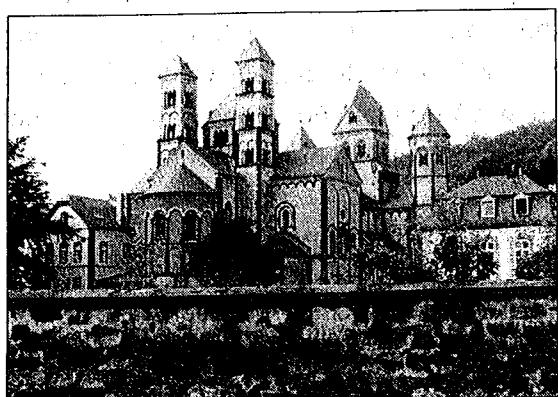
dựng không còn cơ hội phát triển. Ngoài số ít công trình tôn giáo và thành quách còn được tiếp tục xây dựng, những thành tựu kỹ thuật thời đế quốc La Mã hầu như bị lãng quên. Phải đến thế kỷ thứ X và XI, nền kinh tế phong kiến ở một số nước Tây Âu - Pháp, Đức, Italia - dường như mới sực tỉnh sau một giấc ngủ dài đầy lo âu.

Khi các cuộc xâm lăng cướp phá chấm dứt, xã hội Tây Âu trở lại yên tĩnh thì cuộc sống có điều kiện ổn định và cải thiện dần. Sự lớn mạnh tương đối mau lẹ của lực lượng sản xuất phong kiến đưa đến sự sôi động của các khu chợ búa, khôi phục các đô thị cũ và xây thêm nhiều đô thị mới. Lúc này dưới tác động của giáo hội, con người chuyển hướng sang cầu xin sự che chở của Chúa. Mọi người dân không phân biệt giai cấp đều là con của Chúa. Nhà thờ trở thành ngôi nhà chung. Nhiều nhà thờ cũ được phục hồi. Các nhà thờ mới lần lượt ra đời ở những vùng đất mới được khai phá. Các hoạt động xây dựng dần dần trở lại nhịp. Các phương thức xây dựng truyền thống từ thời hậu đế quốc La Mã, các kiểu kiến trúc Tiên Thiên chúa giáo và kiến trúc Bidăngtin được khuyến khích áp dụng đã dẫn đến việc hình thành một phong cách kiến trúc mới với tên gọi là kiến trúc Rôman, thể hiện qua các nhà thờ, tu viện và lâu đài phong kiến (hình 176).

Kiến trúc nhà thờ Rôman

Tuy xuất phát từ mô hình baxilica thời La Mã cổ đại, nhưng chức năng sử dụng và cấu

176.
Hình thức
nhà thờ
Rôman

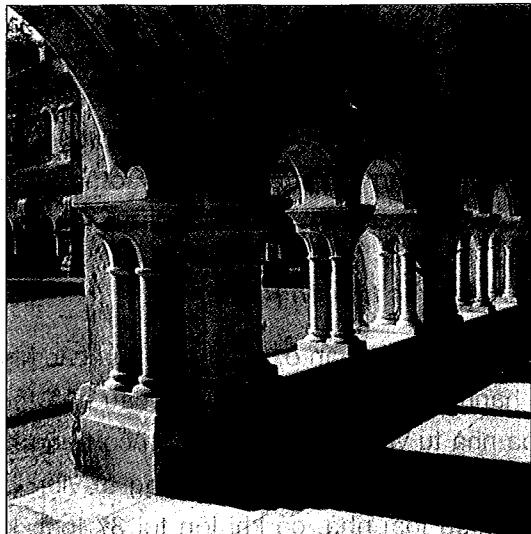


tạo của nhà thờ Rôman đã biến đổi khá nhiều. Thay cho các chức năng cũ như làm chợ, tòa án, nơi giao dịch, các baxilica nay chuyển sang chỉ để làm nơi tiến hành các lễ nghi của đạo Thiên chúa: cầu kinh, rửa tội. Từ các mặt bằng chữ nhật tương đối ngắn, ít gian, mặt ngang nhà ba nhíp có một phần cao ở giữa, hai bên thấp hơn theo kiểu baxilica La Mã, các mặt bằng nhà thờ Rôman được kéo ra nhiều gian, chiều dài lớn gấp nhiều lần chiều ngang nhà, với phần sảnh và phần kết được biến hóa phức tạp.

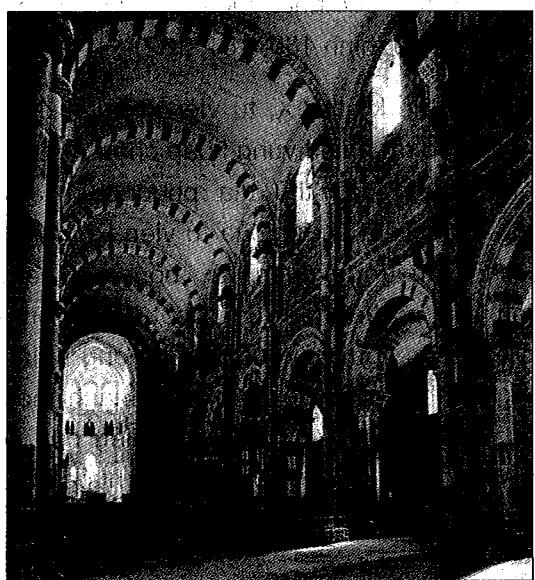
Trần ở khu vực giữa nhà thờ thường là một vòm bán nguyệt kéo dài. Hai gian bên thấp hơn được lợp vòm bán cầu hoặc hình xương cá. Trụ chịu lực của vòm giữa được chuyển dần từ tường sang các loại cột ngày càng thanh mảnh hơn. Chỉ các tường ngoài cùng mới cần xây bằng đá thật chắc chắn. (hình 177).

Nhà thờ Rôman thường kết thúc bằng một không gian ba nhánh rộng rãi, mái lợp bằng bốn vòm (vòm giữa lớn, vòm ba phía nhỏ hơn) theo kiểu các nhà thờ Bidăngtin. Ánh sáng lọt vào trong nhà gián tiếp qua hàng cửa sổ hẹp từ các gian bên hoặc trực tiếp qua dãy cửa sổ gian chính từ trên cao. Lượng sáng này tuy yếu ớt nhưng lại rất phù hợp với thứ ánh sáng cần thiết cho mục đích tịnh tâm và nguyện cầu (hình 178).

Đến cuối thời kỳ Rôman, các cửa sổ được làm có vành tròn, đố bằng đá nổi trên nền kính màu. Mặt nhà thường có những mảng đặc trang trí bằng phù điêu, các hàng cột



177. Hàng hiên trong tu viện Xistecxiān (TK XI)



178. Vòm nhà thờ Madolen thế kỷ XII

hiên, cửa cuốn chia theo chiều ngang (hình 179). Do kỹ thuật xây đá có phần hạn chế nên nhà thờ Rôman có chiều cao vừa phải, thường dưới 20m. Có thể điều này còn do chủ ý của tư tưởng Thiên chúa giáo tạo ấn tượng đè nén con người.

Kiến trúc tu viện Rôman

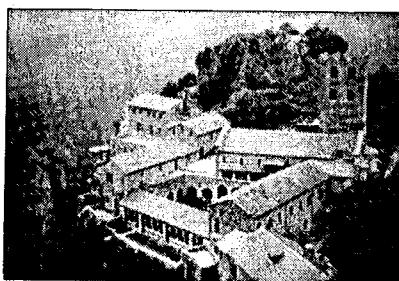
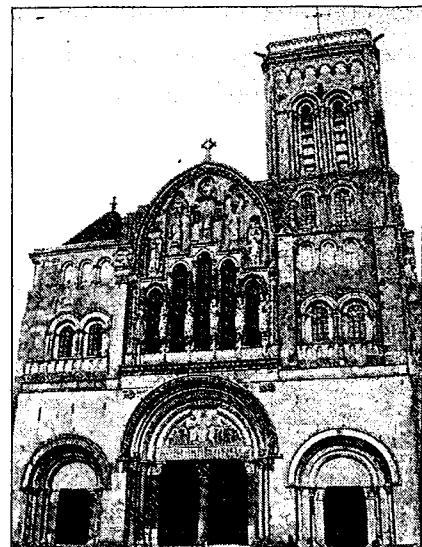
Tu viện là nơi ăn ở, học hành của các nhà tu hành nên thường gắn với cơ cấu nhà thờ. Tòa nhà tu viện là một phần hữu cơ trong bộ cục của quần thể nhà thờ. Trong tu viện có rất nhiều loại nhà, có khi lên tới 37 loại, kể cả bệnh xá, xưởng sản xuất, vườn cây thuốc v.v... Tu viện thường chiếm vị trí tốt trong quy hoạch đô thị hoặc những khu đất gần sông ở các vùng quê (hình 180, 181, 182).

Trong thế kỷ thứ X, tu viện Rôman được xây dựng ở rất nhiều vùng khắp châu Âu, nên mang những đặc thù địa phương khá đa dạng. Đặc điểm chung của tu viện Rôman là có các sân trong được vây bốn mặt bằng hành lang có hệ vòm - một cột hoặc vòm - hai cột. Các vòm này lúc đầu thường bị làm nặng và thô, càng về sau càng thanh thoát dần. Hành lang được tôn cao nhiều bậc so với sân, còn giữa sân có vòi phun nước hoặc có tượng chúa.

Kiến trúc lâu đài

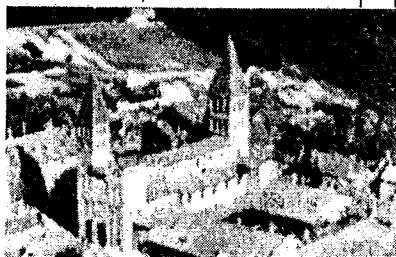
Nếu tu viện dùng cho thầy tu ở nơi thoáng đãng gần thiên nhiên, thì lâu đài phong kiến là nơi cố thủ của các lãnh chúa. Không giống như các mẫu hình nhà thờ hoặc tu viện, lâu

179.
Nhà thờ
Rôman
ở TK XII



180. Tu viện
Xanh Mactanh
ở Camighen
Pháp 1009

181. Nhà thờ lớn Xanh Phrông ở Pháp
(1120 - 60)



182. Nhà thờ
Xanh Philiber
ở Turinô -
Pháp - 970

đài là loại hình kiến trúc trước nay chưa hề có. Sự phát triển của kiến trúc lâu đài được xếp gần như song song với thời kỳ Gôtích, tức là từ thế kỷ thứ XI - XIII, khi phương thức sản xuất phong kiến đã thực sự ổn định ở Tây Âu.

Vị trí xây dựng lâu đài thường được chọn ở nơi hiểm yếu, trên đồi cao, đường vào khó khăn. Khu vực xung quanh lâu đài đều có các bức thành cao, tháp canh và các lỗ chau mai. Dưới chân tường thành có hào nước rộng và sâu. Thường chỉ có một cây cầu duy nhất bắc qua hào, đôi khi nâng hạ được, và một cổng duy nhất tại chỗ đó để vào thành (hình 183).

Tường các lâu đài thường được xây rất dày bằng gạch và đá, có ít khe cửa nhỏ hình lỗ chau mai, nhìn bè ngoài rất nặng nề thô thiển. Phía bên trong lâu đài được chia làm hai hoặc ba tầng. Tầng dưới tối tăm, dùng làm kho và nơi ở của gia nhân. Các tầng trên thường sáng sủa, có bếp nấu, phòng ăn, chỗ ở của chúa đất và gia tộc.

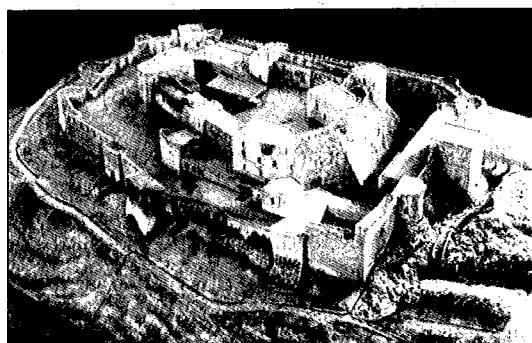
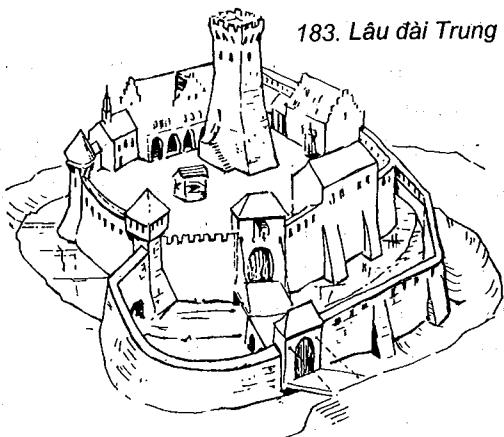
Lâu đài Rôman thường được xây dựng trên các đỉnh đồi, nổi bật giữa một vùng bằng phẳng hay giữa những nơi nhiều cây xanh rậm rạp um tùm nên lối kiến trúc này được coi là thứ nghệ thuật thôn dã (hình 184).

Trong tình hình loạn lạc và cát cứ suốt nhiều thế kỷ, kiểu lâu đài như trên có thể bắt gặp ở bất cứ nơi nào trên lãnh thổ châu Âu.

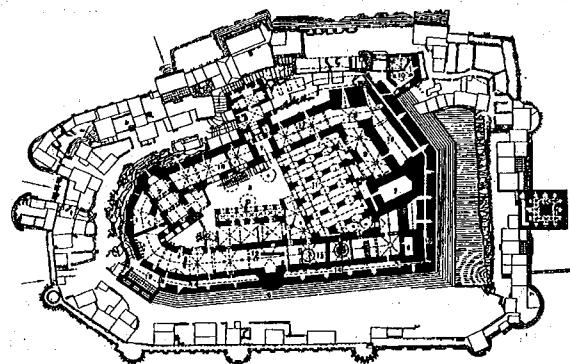
Kiến trúc Rôman ở các nước Tây Âu

Bước vào thiên niên kỷ mới (1000), số lượng nhà thờ Rôman phát triển nhanh và

183. Lâu đài Trung cổ



184. Lâu đài Crắc đờ Sovalê TK XII



nhiều đền mức một giáo sĩ có tên là Raun Glaber đã phải thốt lên: "Mới có ba năm đầu tiên của thiên niên kỷ mà hầu như trên khắp trái đất, nhất là ở Italia và vùng Galli, nhà thờ được xây sửa biết bao nhiêu mà kể. Thế giới vừa vứt bỏ bộ xiêm áo cũ, liền được phủ ngay bộ áo choàng trắng - các nhà thờ mới". Mỗi địa phương của châu Âu đều đưa vào bộ áo này phần đóng góp của riêng mình.

Kiến trúc Rôman ở Pháp

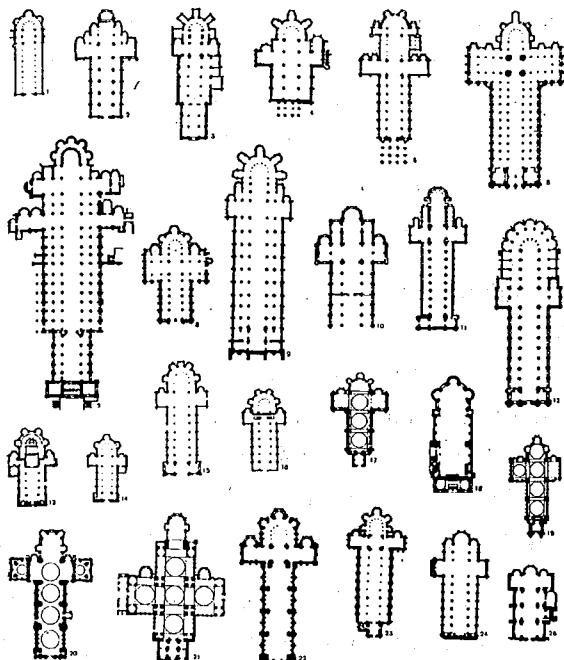
Kiến trúc Rôman ở Pháp đã trải qua một chặng đường dài phát triển và hoàn thiện ở tất cả các thể loại công trình: nhà ở, cầu cống, tu viện, lâu đài, nhà thờ v.v... (hình 185).

Tu viện Cluny (thế kỷ thứ XI) có tới gần 20 hạng mục công trình. Cầu qua sông ở Evre bằng đá có mố trụ rất lớn, chiều rộng 5m với 11 nhịp bằng vòm cuốn.

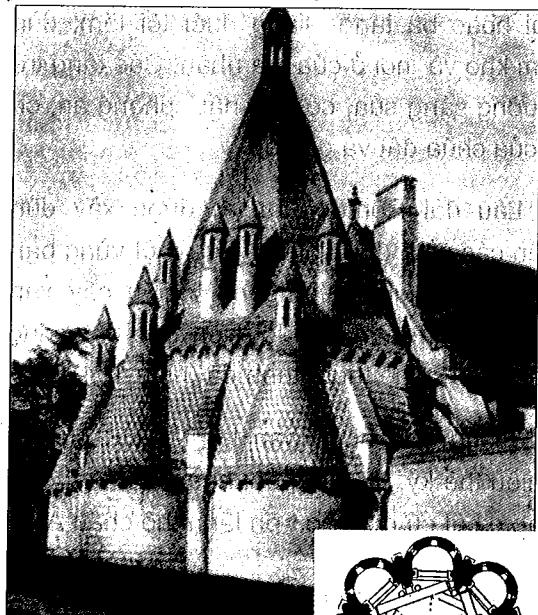
Đáng chú ý là nhà bếp của tu viện ở Phontevrault có cấu trúc và tỷ lệ hoàn hảo khác thường (hình 186).

Tiêu biểu cho kiến trúc Rôman Pháp là nhà thờ Xanh Phêrô ở Perigord, nhà thờ La Madeleine ở Vézelay và quần thể nhà thờ vùng Overnay.

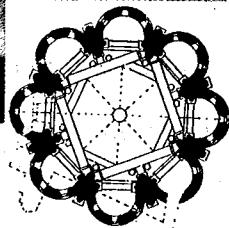
Nhà thờ Xanh Phêrô ở Perigord với tháp chuông cao 69m xây năm 1120 (hình 187). Mặt bằng hình chữ thập Hy Lạp với 5 vòm buồm đường kính 17m xếp theo kiểu nhà thờ Xanh Mác của Vézelay. Không gian, hình khối và mặt đứng của công trình này khá phức tạp. Ánh sáng chủ yếu lọt vào phòng từ các cửa



185. Các dạng mặt bằng nhà thờ Rôman
ở Pháp TK XI



186. Nhà bếp
ở tu viện Phontevrault



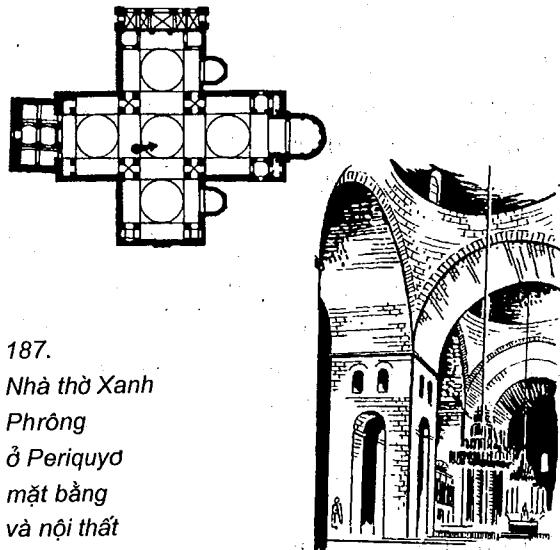
trở trên cao, sát vòm mái. Nhà thờ La Mađolen ở Vêđolê có trang trí vòm chính rất độc đáo. Còn mặt đứng hướng Đông của các nhà thờ vùng Overnơ lại có nhiều chi tiết biến đổi linh hoạt trên cơ sở cùng một kích thước mặt bằng và mặt đứng giống nhau như ở những nơi khác.

Kiến trúc Rôman ở Đức

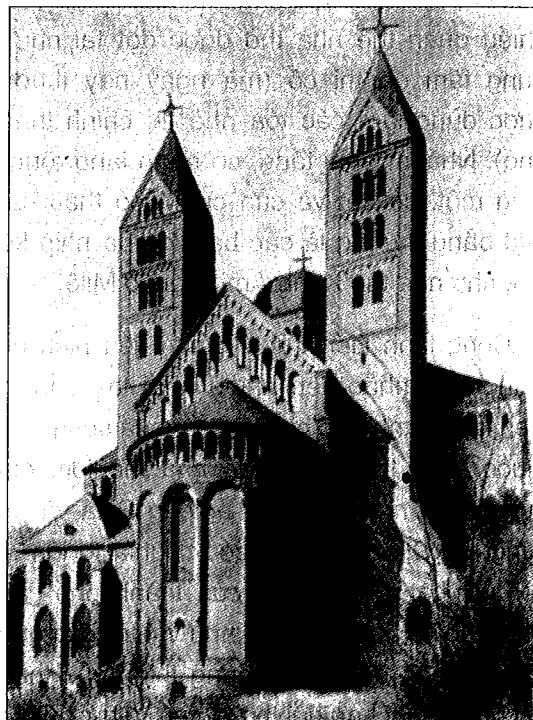
Nhà thờ Rôman Đức thế kỷ thứ X - XI là những baxilica ba hoặc năm nhịp. Cột đỡ nhịp giữa thường rất to. Tỷ lệ giữa đầu và thân cột mất cân đối làm tăng thêm cảm giác nặng nề vốn đã sẵn có ở mặt nhà.

Trong giai đoạn đầu, nhà thờ Rôman Đức vẫn rập khuôn theo kiểu mái lợp gỗ như các baxilica sơ khai thời La Mã. Điển hình là nhà thờ Hoàng gia ở Spâyơ (hình 188), xây vào thời vua Henri IV (1093 - 1106). Tại đây, lần đầu tiên vòm chữ thập được dùng để lợp mái một nhà thờ lớn nhất nước, nên công trình này đã có thời được coi là một kỳ tích về kỹ thuật. Thời gian về sau, tòa nhà này đã phải trải qua nhiều lần cháy, đổ và sang sửa, khiến cho hàng cột đỡ mái ở trong nhà có hai loại xen nhau: hàng lẻ (1, 3, 5, ...) giữ nguyên tường dẹt ban đầu và hàng chẵn dùng cột thúc Côranh.

Nhà thờ lớn năm nhịp ở Mainxơ (thế kỷ thứ XI - XIII) đạt kỷ lục về số lần bị cháy rồi được làm lại. Do không ngừng được mở rộng và hoàn thiện, nên kiến trúc ở đây không giữ được sự nhất quán. Các khối ở hai hồi nhà bị sửa đổi nhiều đã trở nên khá phức tạp.



187.
Nhà thờ Xanh
Phrong
ở Periquyơ
mặt bằng
và nội thất



188.Nhà thờ Spâyơ ở Đức

Nhà thờ Maria thuộc tu viện Laăc (1093 -1156) có ba nhịp cuốn vòm cung nối dài, nhịp giữa cao gần gấp đôi hai nhịp bên. Dãy cửa sổ kép tầng dưới ứng với dãy cửa đơn tầng trên tạo nên sự độc đáo của tòa nhà này.

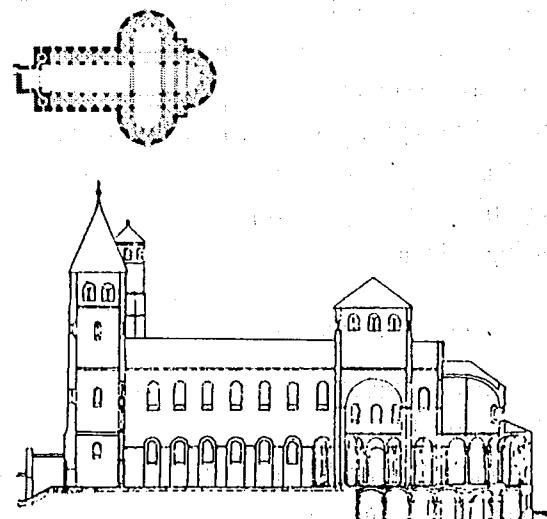
Nhà thờ Xanh Maria ở Kapitôlia xây vào thế kỷ XI - XII có bố cục hướng tâm (ở phía Đông) kết hợp với phần baxilica ba nhịp (ở phía Tây) đã tạo được những không gian nội thất rất thoáng rộng (hình 189).

Kiến trúc Rôman ở Italia

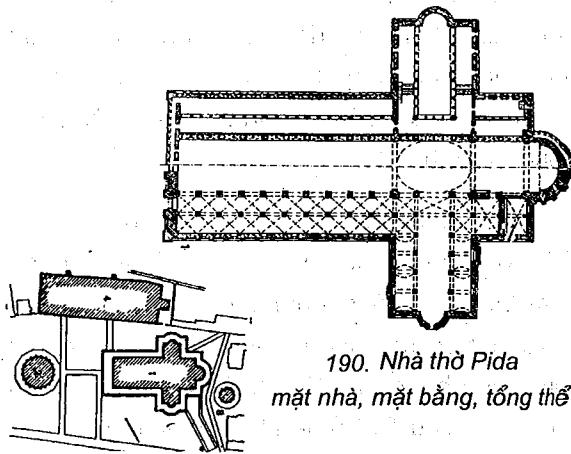
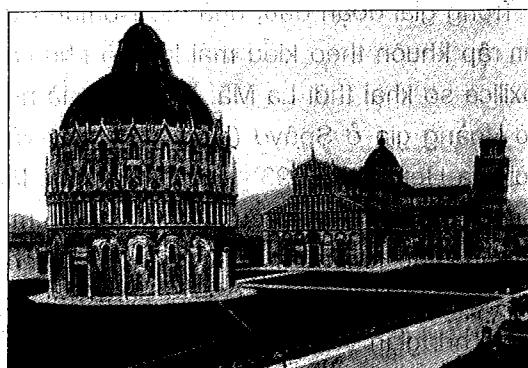
Trong các thế kỷ thứ XI và XIII, kiến trúc Italia phát triển mạnh ở các thành phố Voniđơ, Pida, Phlorăngxơ, Milê. Tại đây, nhiều quần thể nhà thờ được đặt tại những trung tâm đô thị cổ (mà ngày nay thường được dùng làm các tòa nhà thị chính thành phố). Nhà làm hai tầng, có hành lang rộng ở tầng một, có cột và cửa cuốn, có tháp cao. Mặt bằng thường là các baxilica ba nhịp kéo dài, như nhà thờ Xanh Ambrôgiô ở Milê.

Công trình kiến trúc Rôman tiêu biểu của Italia được nhắc đến nhiều nhất là quần thể kiến trúc thành phố biển Pida ở cửa sông Ácnô thuộc miền trung, với tòa nhà thờ lớn, giáo đường cầu nguyện, tháp nghiêng Pida và nhà xưng tội. Quần thể này có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển rực rỡ của thành phố cảng Pida vào thế kỷ XI, giống như vai trò của quần thể Acrôpôn đối với sự hưng thịnh của thành phố Aten - Hy Lạp hồi thế kỷ thứ V trước CN.

Nhà thờ Pida được khởi công năm 1063 theo thiết kế của Busketô - nhà kiến trúc Italia



189. Nhà thờ Xanh Maria ở Kapitolia



190. Nhà thờ Pida
mặt nhả, mặt bằng, tổng thể

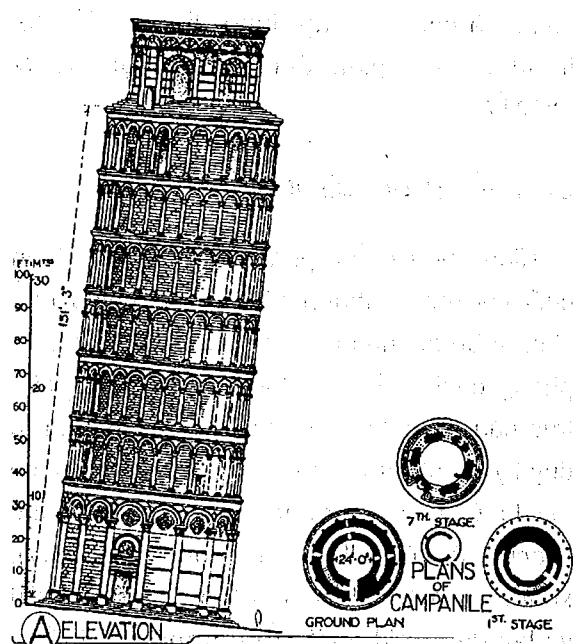
đầu tiên được khắc tên tuổi lên mộ chí mà ngôi mộ đó vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Mặt bằng nhà thờ dài 95m hình chữ thập với năm nhịp ở gian chính và ba nhịp ở cánh gà. Nhà thờ Pida là điển hình của loạt kiến trúc mặt nhả giàu trang trí, với các hành lang vòm chồng nhiều tầng, với hai màu đá cẩm thạch trắng và đen ốp xen kẽ. Khác với các mái nhà thờ thông thường, mái vòm trung tâm ở đây cao 54m, có mặt bằng hình bầu dục tựa trên đế tam giác. Nội thất cũng được ốp bằng đá theo các dải đen trắng xen kẽ giống như mặt ngoài của tòa nhà (hình 190).

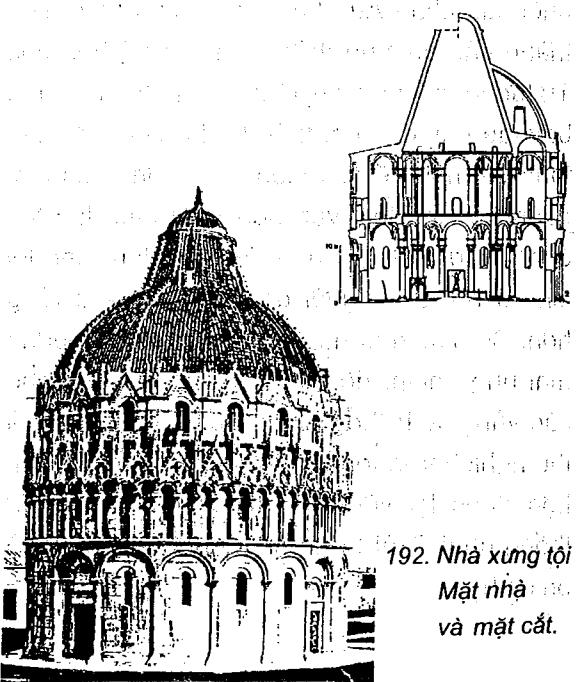
Tòa tháp Pida nổi tiếng (1173 -1350) hình trụ cao 55,2m đứng độc lập, bọc quanh bằng 6 tầng cột vòm. Do lún không đều nên tháp đã bị nghiêng trong quá trình xây dựng, gây nên cảm giác của đường xoáy tròn ốc. Để trung hòa lại, vào năm 1301 người ta xây thêm tầng thứ bảy theo độ rọi thẳng đứng. Đến nay, độ nghiêng trên đỉnh so với chân tháp đã đạt tới 4,2m. Các tầng hành lang rỗng bọc quanh lõi trống như một chiếc đèn lồng, thay đổi theo chiều ánh sáng, tạo nên một hình ảnh lung linh, huyền ảo (hình 191).

Nhà xưng tội khởi công xây dựng năm 1153 là một khối tròn hai tầng đường kính tới trên 20m. Mái nhà có hai lớp - lớp ngoài hình bán cầu, lớp trong hình phễu ngược (hình 192).

Phong cách kiến trúc của quần thể nhà thờ Pida có ảnh hưởng mạnh tới kiến trúc các thành phố láng giềng như Luca, Pistoia



191. Tòa tháp Pida



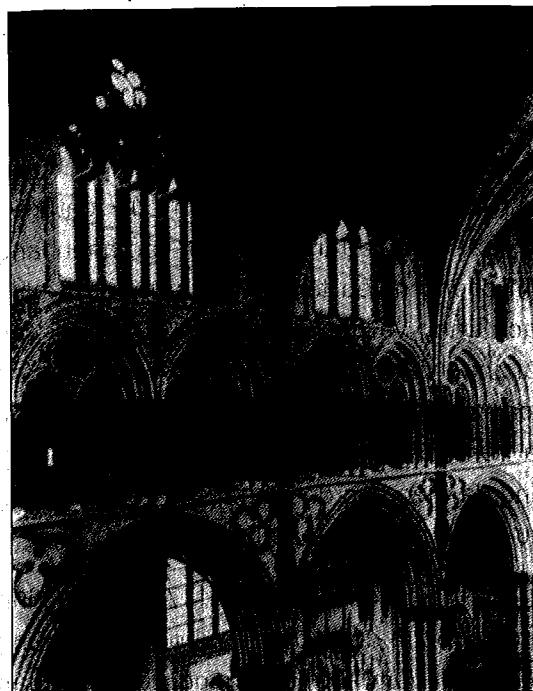
192. Nhà xưng tội
Mặt nhà
và mặt cắt.

v.v..., và còn được áp dụng rộng rãi ở Italia trong một thời gian khá dài, đến tận thế kỷ thứ XIV.

3.4. KIẾN TRÚC GÔTÍCH

Kiến trúc Rôman phát triển đến giai đoạn cuối với những thành công cùng nhiều hạn chế, là bước chuẩn bị cho sự ra đời của một phong cách kiến trúc mới, được coi là kiến trúc của tài nghệ đỉnh cao và của những tư duy kỹ thuật rất táo bạo. Phong cách này có tên là Gôtích - một tên gọi của dân tộc Giécmanh vùng Ilor (vùng Paris ngày nay), xuất hiện năm 1140 dưới thời vua Louis VII và lan dần ra khắp Tây Âu trong các thế kỷ sau đó (hình 193).

Đây là thời kỳ hình thành nền tảng của các quốc gia châu Âu như ta biết hiện nay, hình thành các phương thức quan hệ xã hội mới. Tư tưởng con người bị lẽ giáo nhà thờ kìm nén bấy lâu nay đã chợt tỉnh để tìm đến sự nhận thức về một thế giới hiện thực hơn. Các mối quan hệ kinh tế - văn hóa giữa các dân tộc được tăng cường. Các mối quan tâm đến lợi ích xã hội của người dân trở nên sâu rộng hơn. Sự sản xuất hàng hóa sôi động, thương mại nhộn nhịp, đô thị phát triển đã làm cho các vùng lãnh thổ phong kiến mạnh mún và thù nghịch trên toàn nước Pháp trước đây tập hợp được lại với nhau trong một quốc gia thống nhất. Trật tự an ninh được phục hồi và ổn định.



193. Vòm Gotic

Đến thế kỷ XII, kiến trúc Gothic bắt đầu xuất hiện tại Pháp, sau đó lan rộng sang Anh, Đức, Ý, Bồ Đào Nha, Hungary, Ba Lan, Nga, và các nước Đông Âu. Kiến trúc Gothic là một bước tiến đột phá trong nghệ thuật xây dựng. Các nhà thám hiểm và thương nhân đã khám phá ra các tuyến đường biển mới, mang về cho châu Âu những kho báu từ các lục địa xa xôi. Điều này đã tạo ra một luồng sinh khí mới, thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội. Các thành phố mới được xây dựng, đặc biệt là Paris, London, và Paris. Các nhà thờ Gothic cao ráo, với các vòm và cung vòm, không chỉ là nơi العبادة, mà còn là biểu tượng của sự giàu có và uy lực của các dòng họ quý tộc và Giáo hội. Các bức tranh trên tường và các bộ điêu khắc trang trí bên trong nhà thờ miêu tả các câu chuyện tôn giáo và các sự kiện lịch sử quan trọng.

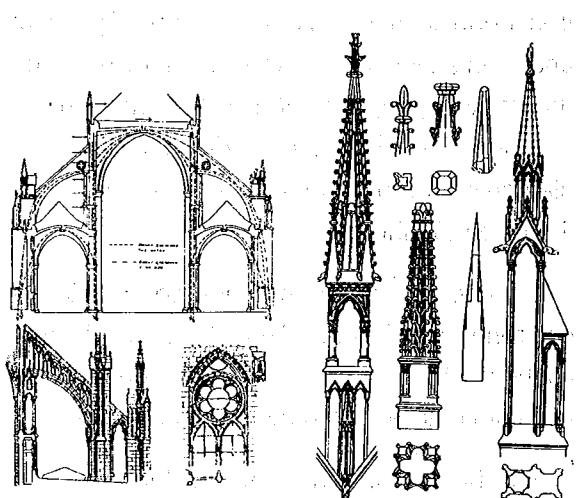
Trong thời kỳ này, nghệ thuật Gothic cũng đạt đến đỉnh cao. Các họa sĩ và điêu khắc viên tạo ra những tác phẩm tuyệt đẹp, phản ánh tinh thần và giá trị của thời đại. Họ sử dụng các kỹ thuật mới, như việc sử dụng kính màu để tạo ra ánh sáng rực rỡ, và cách trang trí tinh tế, sinh động.

Tuy nhiên, thời kỳ này cũng có những khía cạnh tiêu cực. Việc xây dựng các nhà thờ và các công trình công cộng đòi hỏi một lượng lao động khổng lồ và nguồn tài chính lớn. Điều này đã gây ra sự bất bình đẳng xã hội, với tầng lớp quý tộc và Giáo hội chiếm hữu phần lớn tài sản và quyền lực. Tuy nhiên, dù có những khía cạnh tiêu cực, thời kỳ này vẫn là một thời kỳ phát triển quan trọng trong lịch sử văn hóa và nghệ thuật của châu Âu.

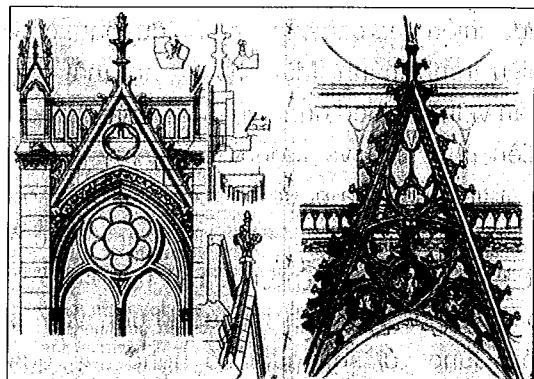
Từ đây đã nảy sinh nhu cầu về những kiểu loại công trình mới, đặc biệt là nhà thờ, nhằm thể hiện tầm vóc mới, suy nghĩ mới.

Kiến trúc Gôtích thanh thoát, nhẹ nhàng là sự đối nghịch với kiểu kiến trúc Rôman nặng nề, khép kín. Kiểu kiến trúc này được áp dụng trong nhà ở, trong các lâu đài, cung điện, tòa thị chính, trong xây dựng đô thị, và đặc biệt là trong xây dựng nhà thờ với số lượng và quy mô vô cùng lớn. Nếu kiến trúc nhà thờ Rôman được mệnh danh là loại nghệ thuật thô dã, thì kiến trúc nhà thờ Gôtích xây dựng ngay tại trung tâm các đô thị được mệnh danh là kiến trúc thị thành. Nếu kiến trúc Rôman có nguồn gốc từ thời đế chế La Mã, thì kiến trúc Gôtích lại chính là sự sáng tạo của người Pháp. So với nhà thờ Rôman, nhà thờ Gôtích cao hơn, rộng hơn, sáng hơn, thanh nhẹ hơn, nhiều chức năng công cộng hơn, nên cũng gần gũi với cuộc sống người dân hơn và thích hợp với niềm mong mỏi của mọi người hơn (hình 194, 195).

Về mặt cấu tạo, kiến trúc Gôtích đã khẳng định được việc áp dụng một hệ khung sườn rất mạch lạc, sự táo bạo trong tư duy kỹ thuật qua việc dùng hệ cột và vòm nhọn đỡ mái thay cho các mảng tường. Hệ cấu tạo này bao gồm các bộ 4 cột một dung theo hình vuông (hoặc chữ nhật). Mỗi cặp hai cột đứng liền nhau đỡ một vòm nhọn cùng mặt phẳng và hai cột chéo nhau đỡ một vòm cung nhọn, chụm nhau tại một điểm ở đỉnh gọi là vòm Ôngiovơ (hình mũi tên). Khác với loại vòm nửa



194. Cấu tạo nhà thờ Gôtich

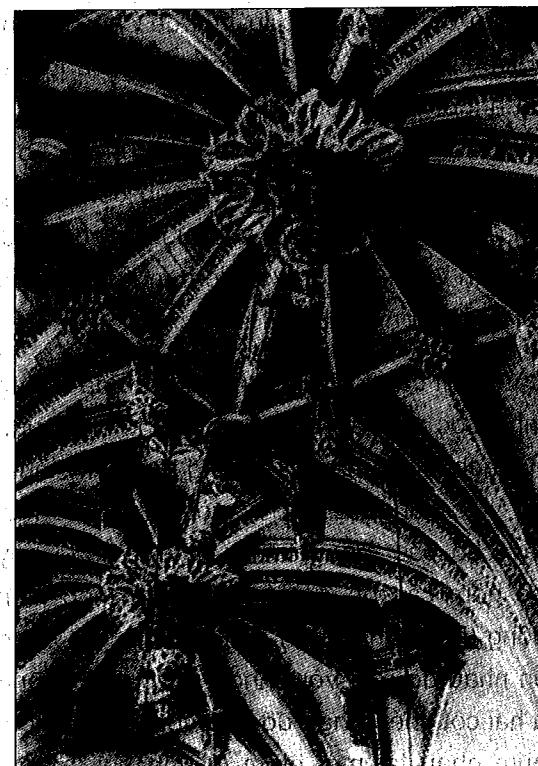
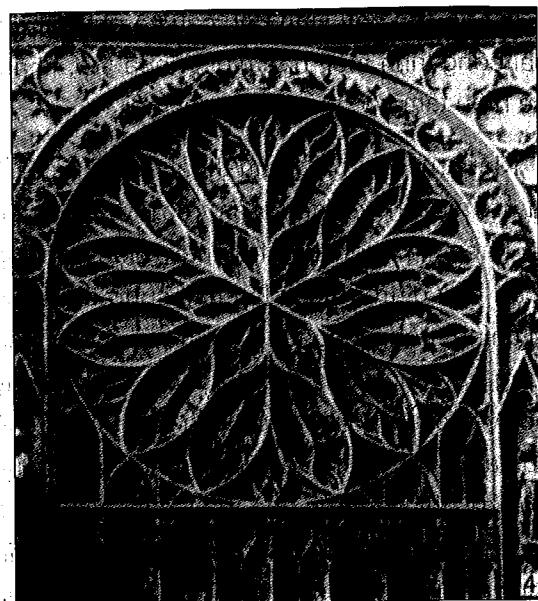


195. Một số kiểu cửa sổ Gôtich

tròn trong kiến trúc Rôman, vòm này sở dĩ phải dựng theo hình đứng là nhằm giảm tối đa lực xô ngang đạp lên tường (nay không còn nữa) và dồn lực nén vào cột. Toàn bộ gian chính trong nhà thờ là sự nối dài các bộ 4 cột đỡ mái như trên.

Nhờ hệ cột đỡ vòm mái nên có thể trổ cửa cao rộng một cách dễ dàng, chiều cao tòa nhà có thể lên tới 1 - 2 chục mét hoặc hơn nữa, tạo nên cảm giác bộ mái đang bay lên bầu trời.

Mặt bằng điển hình của nhà thờ Gôtích là các baxilica ba nhịp (hoặc đôi khi năm nhịp) hình chữ thập, phát triển từ kiến trúc Rôman. Không gian bên trong thoáng, rộng. Ánh sáng được chiếu qua các cửa kính nhiều màu, có vẽ nhiều tranh thánh. Mặt nhà và nội thất được phân vị theo chiều đứng và được trang trí bằng nhiều phù điêu và tượng. Đáng lưu ý là kỹ thuật tinh xảo của người thợ xây cất, gia công và hoàn thiện (hình 196). Thợ chạm khắc đá rất được tôn trọng. Thợ ngoã là người giữ vai trò chủ chốt. Họ định ra các khuôn vòm và mái. Cùng với số người có nghề liên quan khác, họ tập hợp thành những phường hội. Các thế hệ thợ trong cùng phường hội truyền nghề cho nhau, từ đời này sang đời khác. Ngay cả hôn nhân, nhiều khi cũng khép kín trong phường hội. (khá phổ biến ở Đức vào thế kỷ thứ XIV). Những người thợ này rất thành thạo công việc làm đá. Họ đục chạm các gờ cửa, các họa tiết đá rất tinh vi, nhất là các đồ cửa độc đáo hình hoa hồng xen giữa các mảng kính nhiều màu. Đôi khi vật liệu chì cũng được dùng để giữ chặt kính. Những người xây



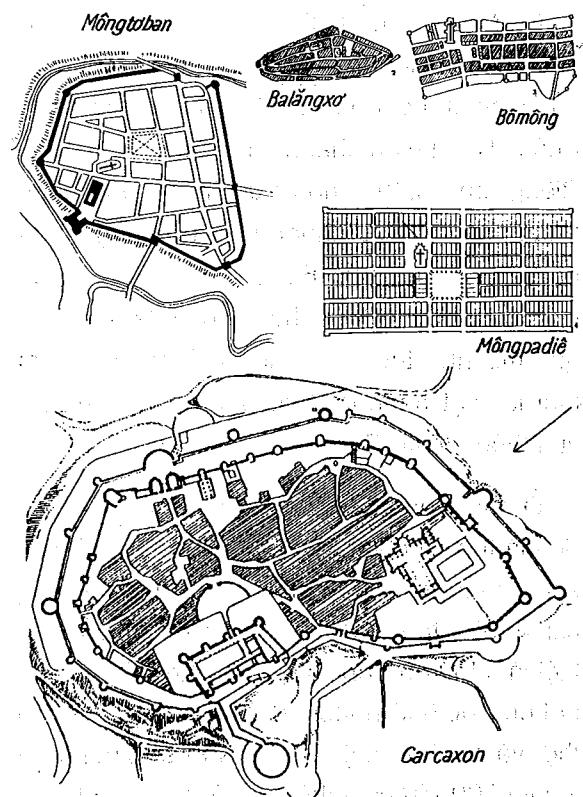
196. Sự già công tinh xảo trong các nhà thờ Gôtich

dựng nhà thờ Gótích luôn năng động trong thử nghiệm, luôn thay đổi việc hoàn thiện, luôn tìm tòi cải tiến những phương thức mới để cho công trình của mình được sống động, độc đáo và toàn mỹ. Điều này là một đặc tính nổi bật làm cho các nhà thờ Gótich đạt được chất lượng nghệ thuật rất cao.

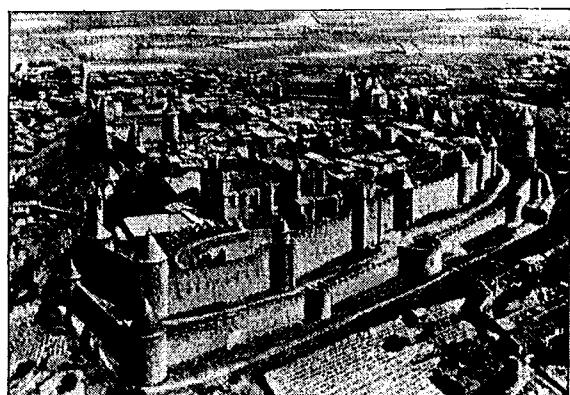
Đô thị thời kỳ kiến trúc Gótich thường nằm ven các con sông lớn hoặc vịnh. Khá phổ biến là các đô thị nằm ở ngã ba sông, được hai mặt sông che chắn. Các thành được gia cố bằng tường - công sự, có cổng và tháp canh. Mạng đường thành phố thường có dạng bàn cờ với một chợ và quảng trường ở trung tâm. Vào cuối thế kỷ thứ XII, ở các quảng trường trung tâm xuất hiện các nhà thờ Gótich (hình 197, 198). Nhiều nhà ở cao tới hai - ba tầng bao quanh quảng trường trung tâm, trong đó tầng một dành để bán hàng hoặc làm xưởng thủ công. Các tầng trên dùng để ngủ, ăn uống và sinh hoạt gia đình. Loại nhà này có mặt bằng kéo sâu vào trong, đầu hồi quay ra đường, mái đỗ dốc về hai phía. Nhà có tầng áp mái.

Kiến trúc nhà ở kiểu Gótich ở Tây Âu giàu sức biểu hiện, nhưng ở mỗi nước lại được điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm riêng. Các lâu đài và cầu cống có quy mô lớn và kèm khá nhiều tháp canh.

3.4.1. Kiến trúc Gótich ở Pháp



197. Các đô thị mới ra đời ở Pháp TK XII - XIII

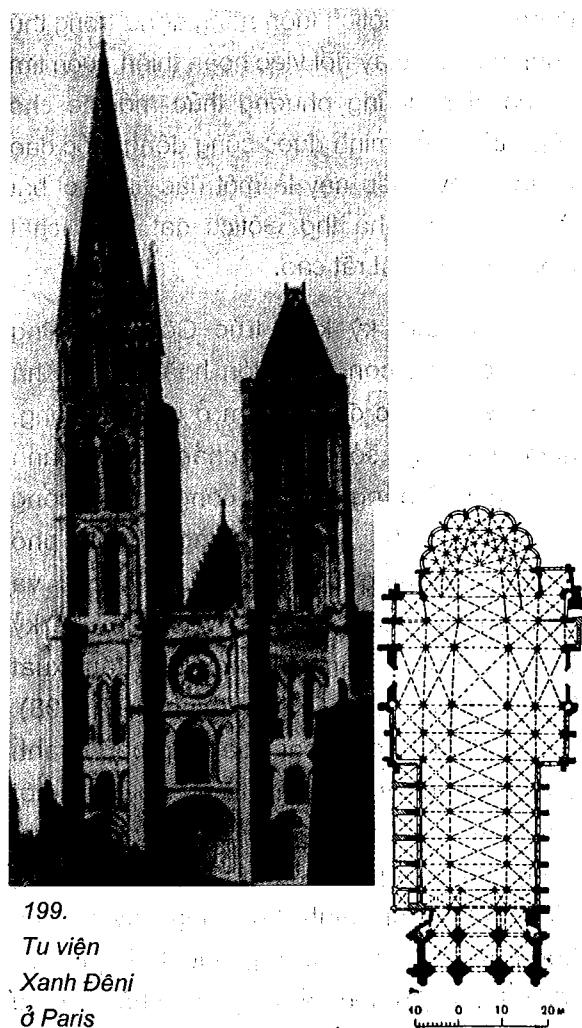


198. Thành Carcason

Như đã nói, nước Pháp là quê hương của phong cách kiến trúc Gôtích. Đây là một mốc rất quan trọng trong lịch sử kiến trúc nước Pháp. Rất nhiều thành phố mới đã ra đời. Riêng tên gọi của hơn 500 thành phố nước Pháp ngày nay có nguồn gốc từ những đô thị cổ thời kỳ kiến trúc Gôtích, đã chứng tỏ sự phát triển đô thị Pháp thời kỳ này đã đạt được quy mô như thế nào. Việc mở mang đô thị mới là một phương thức độc quyền để nhà vua thống soái đất nước.

Ở đây, nhà vua sử dụng hai thế lực chính là nhà thờ và chính quyền thành phố. Vì vậy, song song với việc nắm các bộ máy tòa thị chính, nhà thờ được xây dựng rất nhiều, đặc biệt là ở thủ đô Paris. Dân số Paris lúc này đã là hơn 100.000 người với 100 tổ chức xưởng thợ, và chỉ hơn một thế kỷ sau số xưởng đã lên tới 300. Từ cuối thế kỷ thứ XIII, Vua Philip II đã cho xây thanh bảo vệ, và lập cung điện Luvơ bên tả ngạn sông Xen để tối săn bắn.

Kiến trúc Gôtích Pháp phát triển qua ba thời kỳ chính: Gôtích sơ khai (thế kỷ thứ XII), Gôtích chính muồi (thế kỷ thứ XIII - XIV) và Gôtích muộn (cuối thế kỷ thứ XIV - thế kỷ thứ XV). Công trình đầu tiên đánh dấu sự ra đời của phong cách Gôtích ở Pháp và ở cả châu Âu là nhà thờ Xanh Đêni do người tu viện trưởng có tên là Bisôp Suger phụ trách xây dựng (hình 199). Trong một khoảng thời gian dài gần 4 thế kỷ, nước Pháp đã xây dựng hàng ngàn ngôi nhà thờ lớn nhỏ, trong đó có những tòa nhà thờ cực lớn như Xăng Rêmi (1170 - 1190), Xenxơ (1140), Laông (1150 - 1210),

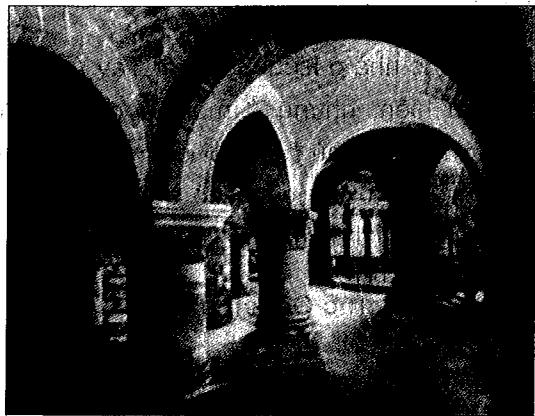


199.

Tu viện

Xanh Đêni

ở Paris



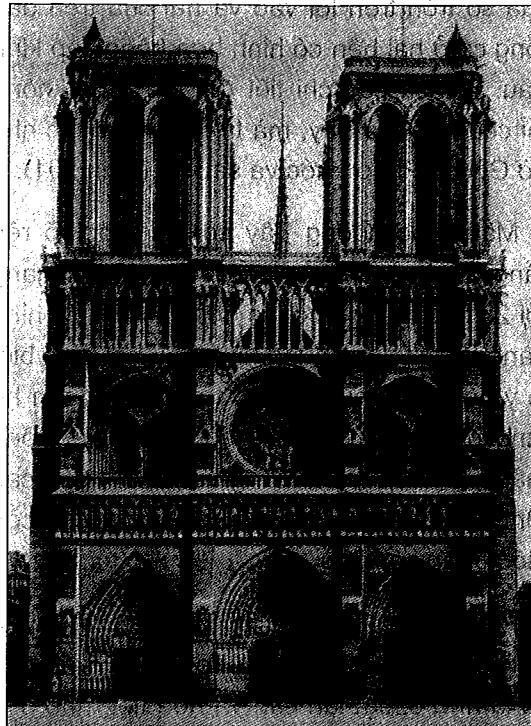
Sau đó dưới thời vua Lútvich IX (1226 - 1270), nhà thờ Amiăng cao 42,5m (1220 - 1269), nhà thờ Xanh Pie ở Bôvê (1247 - 1272) có vòm chính cao tới 48m (bị sụp đổ năm 1284) và tháp cao 153m (bị sụp đổ năm 1572), nhà thờ Mông Xăng Misen (thế kỷ thứ XV) chiếm trọn một ngọn đồi cao tới 40m trên mặt hồ v.v...

Tiêu biểu cho kiến trúc Gotic Pháp là nhà thờ Đức Bà Paris và nhà thờ Reims.

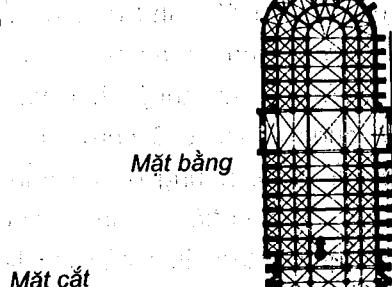
Nhà thờ Đức Bà Paris

Khởi công xây dựng năm 1163, nhà thờ Đức Bà Paris đánh dấu bước phát triển lớn của nghệ thuật Gothic giai đoạn sơ khai ở Pháp. Đây là tòa nhà kiểu basilica 5 nhịp dài tới 17 gian (130m) với một hệ thống kết cấu rất phức tạp. Chiều cao vòm chữ thập 6 múi ở nhịp giữa lên tới 32,5m, cao hơn tất cả các nhà thờ xây trước đó. Các nhịp ở hai bên thấp hơn, lợp bằng vòm 4 múi. Chiều ngang đạt tới 42m đã tạo cho tòa nhà một không gian bên trong rộng lớn và lộng lẫy với rất nhiều tượng. Hai hàng cột chính hình tròn đường kính tới 1,4m, phần đầu cột cao bằng 1/5 thân, có hình hoa lá mềm mại. Tỷ lệ cột cùng với những mảng tường hai bên gian giữa (trước thời cải tạo) đã nói lên phần nào ảnh hưởng còn rót lại của kiến trúc Roman (hình 200).

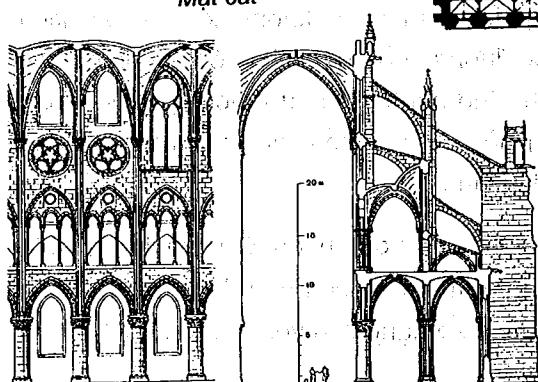
Hàng cửa sổ kính ở trên cao của nhịp giữa đến nay trông còn rất hiện đại, được sửa lại vào thế kỷ thứ XIII, là kết quả của việc thay đổi hệ trụ chịu lực cho thanh mảnh hơn. Trọng tâm bố cục của mặt nhà là hệ cửa sổ với nhiều họa tiết được gia công rất công phu.



200. Nhà thờ Đức Bà Paris
(mặt chính)



Mặt cắt



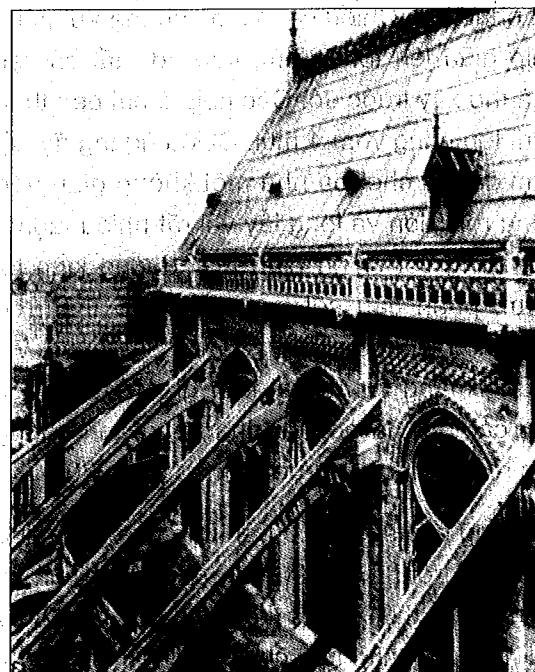
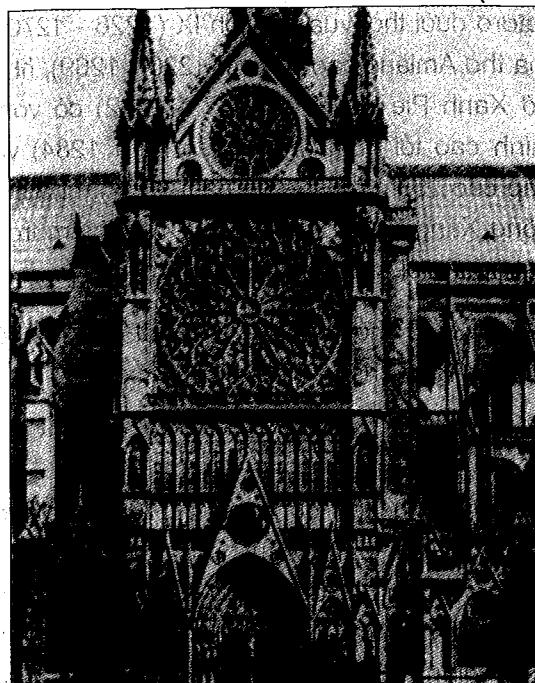
Mặt bằng

Cửa sổ tròn trên lối vào và hai cửa trên dàn đồng ca ở hai bên có hình hoa hồng, lắp kính màu. Đây là các chi tiết đắt giá nhất không chỉ của nhà thờ này, mà trong tất cả các nhà thờ Gôtích Pháp trước và sau đó (hình 201).

Mặt trước hướng Tây có hai tầng rõ rệt. Tầng dưới có ba cửa vào được chắn ngang bởi 28 bức tượng đức mẹ đồng trinh biến hình thành 28 vị vua. Những hình ảnh này đặc biệt có ý nghĩa với nước Pháp trong giai đoạn họ đang phải chiến đấu vì một quốc gia thống nhất. Hai tháp hình vuông vát nhẹ 4 góc cao 69m đặt ở hai bên mặt nhà đường như còn thiếu phần kết thúc.

Phần nhà phía dưới có cấu trúc rất vững chắc, nhưng không hề nặng nề và lạnh lẽo. Đó là nhờ ở loạt lan can và họa tiết, nhờ ở tỷ lệ đẹp giữa các bộ phận chính phụ, giữa nét chung và chi tiết, nhờ ở chiều sâu các vòm cửa tạo nên các bóng đổ chõ nổi, chõ chìm. Mặc dù các kích thước hai bên cửa vào cơ bản được khống chế chặt chẽ theo nguyên tắc đối xứng, nhưng ở đây vẫn có sự khác nhau trong họa tiết. Đó là do các nghệ nhân được quyền thể hiện các chi tiết theo cảm hứng riêng, miễn là không xa rời các kích thước đường bao quy định. Có khi còn do các thế hệ thợ nối tiếp nhau thực hiện. Điều này cũng là cách nhiều nước phương Đông thường làm.

Ngoài loại vòm nhọn Ogiơvơ trong nhịp chính, tại mặt bên của nhà thờ Đức Bà Paris còn được áp dụng loại vòm có tên gọi là cuốn



201. Nhà thờ Đức Bà Paris

Mặt đứng hướng Tây và chi tiết

bay như một thành phần trang trí, có chiều dài tới 15m. Hai loại vòm này giúp nhấn mạnh vẻ siêu thoát của công trình, đáp ứng được chủ đích tự tưởng của giáo hội là làm cho "tâm hồn con người vươn tới gần Chúa Trời". Vẻ đẹp hoàn chỉnh, sự sinh động và đầy quyến rũ của nhà thờ này đã được nhiều thế hệ các nhà văn hóa hết lời ca ngợi. "Trong lịch sử khó có thể tìm ra được một trang trí nào đẹp hơn mặt trước của tòa nhà thờ kiều diễm đó" (Vícto Huygô).

Nhà thờ Đức Bà Paris đã trải qua quá trình xây dựng tới 170 năm, từ đời vua Sắclơ đại đế với người đặt viên gạch đầu tiên là Giáo hoàng Alexandra III, cho đến tận đời vua Philip Oguyst - người cắt băng khánh thành công trình. Tuy bị kéo dài về thời gian như vậy, công trình vẫn giữ được sự thống nhất trọn vẹn đáng khâm phục (hình 202).

Nhà thờ Reimx

Nhà thờ Reimx nằm ở tỉnh Marne thuộc Đông Bắc Pháp, được khởi công xây dựng vào năm 1211 sau trận cháy thiêu hủy hoàn toàn ngôi nhà thờ cũ, và được coi là "Thánh đường cao quý nhất vương quốc" (lời vua Pháp Sắclơ VIII). Tòa nhà này là điển hình của thời kỳ Gótich chín muồi ở Pháp với xu thế giảm nhẹ kết cấu đến tối đa và nhấn mạnh tính chất nghệ thuật. Tại đây đã từng diễn ra lễ phong vương cho nhiều nhà vua Pháp. Cửa vào chính phía Tây dẫn tới một baxilica ba nhịp, kéo dài 18 gian, rồi nhập vào khu vực dàn đồng ca để kết thúc bằng



202. Nhà thờ Đức Bà Paris - Nội thất và chi tiết

trường Xanh Mác, được khởi công xây dựng năm 1309 (hình 209). Trong thời gian dài hơn một thế kỷ, rất nhiều nhà kiến trúc lỗi lạc của Italia đã tham gia vào việc xây dựng công trình tuyệt vời này. Tòa nhà cao ba tầng. Tầng dưới cùng là hàng cột và vòm cuốn nhịp lớn. Tầng hai có nhịp bằng nửa tầng dưới. Tầng trên cùng kết hợp tường có hàng cửa rộng và thưa, hợp thành một bức họa nhịp nhàng, tao nhã. Mặc dù đã vận dụng nhiều nguyên tắc cơ bản của kiến trúc Gôtích, cung điện này vẫn mang nhiều dấu ấn của phong cách bố cục cổ điển. Song, nhờ có cấu trúc rành mạch, gọn gàng, vật liệu đá ốp màu phớt hồng làm bừng sáng mặt nhà, và sự hoàn thiện tinh tế mà Cung Đôgiơ đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật đặc sắc. Cung này cũng góp phần làm cho quảng trường trung tâm nằm bên bờ vịnh đạt được những giá trị cao về kiến trúc và cảnh quan.

Ngoài Venedig, kiến trúc Gôtích còn được ứng dụng nhiều ở Phlörenxię, Xiena, Oriento và các thành phố khác ở Bắc và Trung Italia. Đặc điểm chung của kiến trúc Gôtích những vùng này là sự chắc khỏe hơn, các vòm cửa và mái ít nhọn hơn so với kiến trúc Gôtích ở Pháp.

3.4.5. Nhận xét chung

Sự xuất hiện của chế độ phong kiến ở Tây Âu và Cận Đông vào thế kỷ thứ V và mười thế kỷ phát triển phong kiến sau đó đã tạo cho kiến trúc những điều kiện mới.

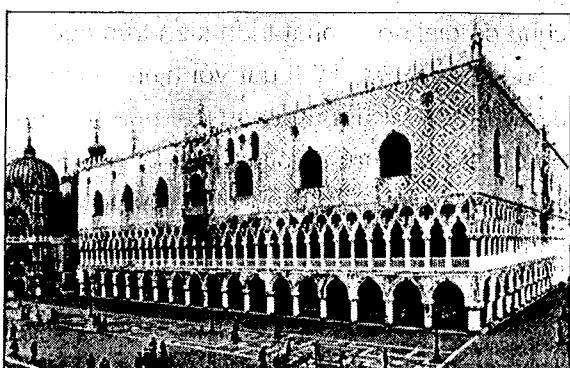
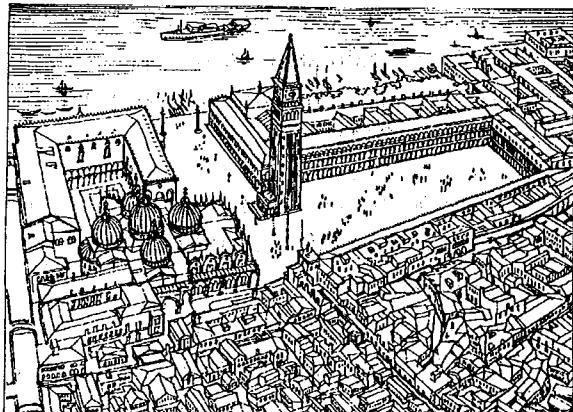


208. Nhà thờ Ulm TK XIV - XVI

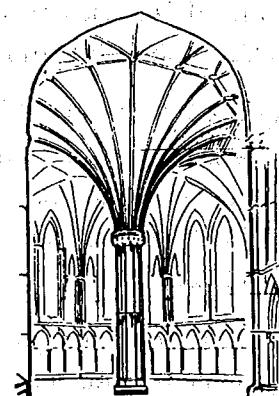
Mặt nhà và chi tiết đầu cột

Thoát thai từ tàn dư của chế độ chiếm hữu nô lệ, chính quyền phong kiến Đông La Mã một khi được củng cố đã trở thành động lực để sản sinh ra nền kiến trúc Bidängtin rực rỡ. Làn sóng xây dựng nhà thờ bao phủ khắp châu Âu, là nguồn cảm hứng cho những sáng tạo kỳ diệu của kiến trúc. Lần đầu tiên, trong nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinốp đã xuất hiện hệ thống nội thất rộng và phong phú. Tại đây đã ra đời kiểu vòm buồm trung tâm có cuồn đỡ tựa trên các trụ độc lập (hình 210).

Từ thế kỷ thứ X, với các lâu đài kiên cố, các tu viện - nhà thờ khép kín, kiến trúc Rôman đánh dấu thời kỳ ổn định của quan hệ sản xuất phong kiến. Song song với nhà thờ, các thành phố Trung thế kỷ là làn sóng thứ hai có tác động mạnh mẽ đến việc tiếp tục tìm kiếm những phong cách kiến trúc mới. Phong cách kiến trúc Gôtích bắt nguồn từ nước Pháp đã lan nhanh ra khắp châu Âu và trở thành một cột mốc đáng kể trong nghệ thuật kiến trúc Trung thế kỷ. Từ những mái vòm đặt trên mặt bằng vuông trong các baxilica thời kỳ Bidängtin, kiến trúc Gôtích đã tạo nên những mái vòm hình mũi tên có gân, các cuồn nhọn và cuồn bay tựa trên cột độc lập. Nếu trước đây, việc xây dựng vòm cuốn tròn Bidängtin đòi hỏi tay nghề cao ở người thi công, thì với vòm cuồn nhọn Gôtích, việc xây dựng đã bớt phức tạp đi rất nhiều. Cuồn bay cũng là một thành phần cấu tạo rất đặc biệt trong kiến trúc Gôtích, góp phần làm giảm nhẹ lực tác động trực tiếp lên cột chính. Việc dùng cột chịu lực trong kiến trúc Gôtích



209. Quảng trường Xanh Mác và cung Đôgiơ ở Venedig - Italia



210. Vòm buồm trung tâm

thay cho tường chịu lực trong kiến trúc Rôman đã tạo điều kiện mở rộng các khoang cửa sổ cho ánh sáng tràn sâu vào nội thất nhà thờ (hình 211).

Sự ra đời của hệ thống vòm cột Gôtích ở thế kỷ thứ XII có thể coi như bước nhảy vọt quan trọng không chỉ đơn thuần về mặt chịu lực, mà nó còn đưa lại những hiệu quả rất cao về mặt biểu cảm nghệ thuật, có khả năng thể hiện triệt để tư tưởng vươn lên trời của đạo giáo thời trung cổ. Có lẽ cho tới cả sau này, chưa có giai đoạn phát triển kiến trúc nào mà việc kết hợp giữa kỹ thuật với hình thức và ý đồ tư tưởng lại đạt được sự hài hòa mỹ mãn như trong kiến trúc Gôtích thời kỳ chín muồi vào thế kỷ thứ XIII. Tuy nhiên sang thế kỷ sau, phong cách này cũng phải chịu quy luật chung là chuyển sang giai đoạn đi xuống để rồi bị loại bỏ.

3.5. KIẾN TRÚC THỜI KỲ VĂN NGHỆ PHỤC HƯNG

3.5.1. Sự hình thành và đặc điểm phát triển của nền Văn nghệ Phục hưng

Cuối thế kỷ thứ XIII, ở miền Bắc Italia và vùng Toscan đã xuất hiện một trào lưu văn hóa rất mạnh mẽ, được phát triển trên cơ sở những biến đổi to lớn của nền kinh tế - xã hội đương thời (hình 212).

Trào lưu văn hóa đó có tên gọi là trào lưu Văn nghệ Phục hưng (Renaissance).



211.



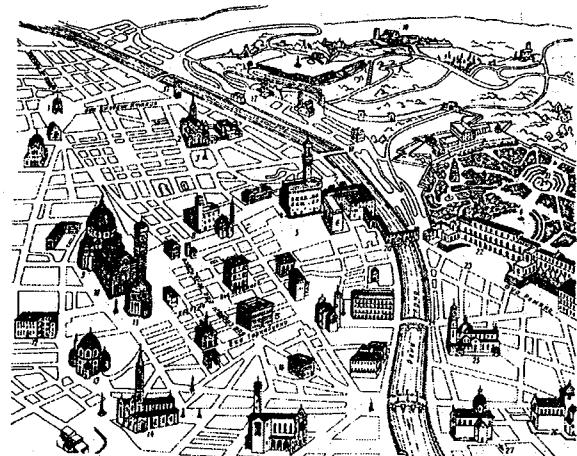
212. Bản đồ Italia Trung thế kỷ

Lúc này, trên khắp lục địa châu Âu, cuộc tấn công vào chế độ phong kiến già nua đang diễn ra trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, đạo đức, tôn giáo, văn hóa văn nghệ. Mọi thế giới quan Trung cổ, mọi truyền thống và hình thái có ít nhiều liên quan đến phong kiến đều bị tẩy chay. Thay vào đó, những nhà nhân văn tìm về kho báu khoa học - nghệ thuật thời cổ đại Hy Lạp - La Mã, nghiên cứu các bản chép tay còn sót lại từ thời đó để tìm cảm hứng mới. Họ đề cao vai trò cá nhân và các điều kiện cho con người phát triển toàn diện.

Ra đời trong bước ngoặt cực điểm của những mâu thuẫn xã hội, khi xích xiềng Trung cổ đã bị đập tan, nhưng khuôn mẫu của xã hội mới - xã hội tư bản - còn chưa kịp định hình, nền Văn nghệ Phục hưng đã bắt đầu từ văn học, với Đặngtê - "nhà thơ cuối cùng của thời Trung cổ, và cũng đồng thời là nhà thơ đầu tiên của thời đại mới"- (F. Ăngghen), với các tác giả văn chương khác như Petraroca, Boccagiô. Tiếp sau đó là các nhà hội họa như Dgiottô, nhà điêu khắc Nhiccôlô Pizano v.v... Nghệ thuật kiến trúc, do có những nhu cầu rất lớn về vật tư và công sức so với văn chương hội họa, nên bước vào thời Văn nghệ Phục hưng chậm hơn - khoảng cuối thế kỷ thứ XIV, đầu thế kỷ thứ XV (hình 213).

3.5.2. Đặc điểm chung và sự phân kỳ kiến trúc Văn nghệ Phục hưng

Trào lưu kiến trúc mới được khởi đầu bằng việc tẩy chay phong cách Gôtich, phục hưng di sản truyền thống của nền kiến trúc La Mã cổ đại. Bố cục các tòa nhà trở lại rõ



213. Các công trình lớn thời Văn nghệ Phục hưng ở Rôma - TK XIII - XV

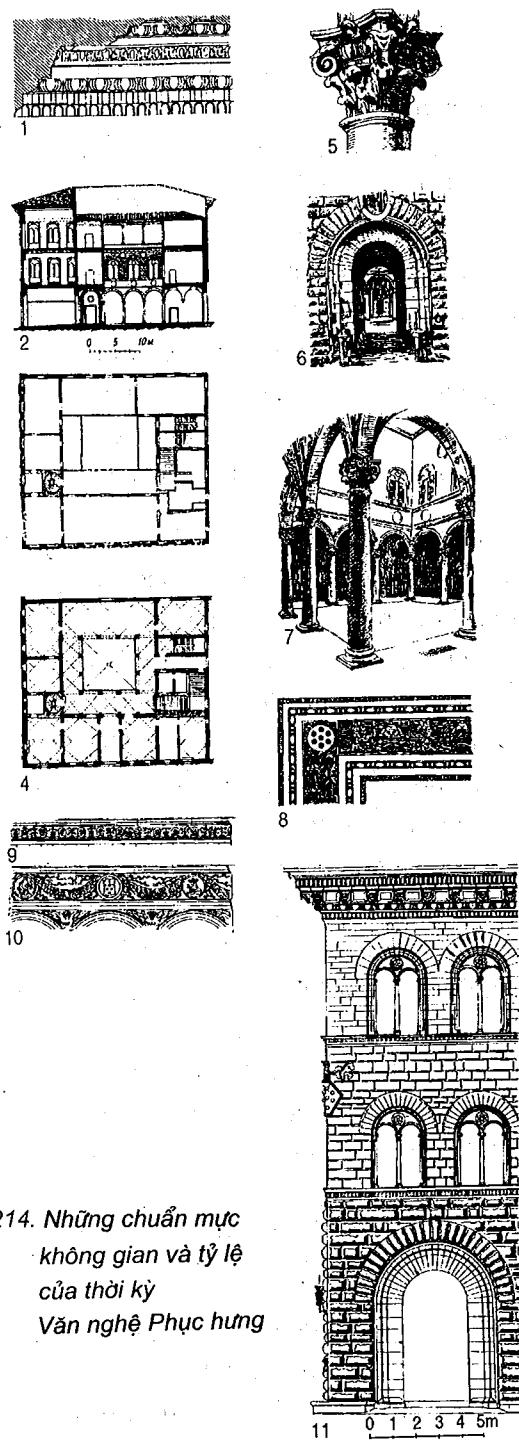
ràng, khúc chiết, có tỷ lệ hài hòa, phân chia mạch lạc, dựa trên hệ thức cột cổ điển.

Tường, cột, cuốn là ba thành phần được nghiên cứu kỹ lưỡng, đã đạt được độ hoàn hảo đáng kinh ngạc. Hàng loạt phương pháp xây dựng mới, nguyên tắc nghệ thuật mới được áp dụng. Trong các công trình mới, tính động của phong cách Gôtích, tính nặng nề của phong cách Rôman được thay thế bằng tính yên tĩnh, êm đềm của các hình thức kiến trúc Phục hưng. Những mái vòm của thời Rôman, mái vòm nhọn mũi tên của thời Gôtích đã phải nhường chỗ cho các loại vòm cuốn chữ thập và vòm bán cầu (hình 214).

Biệt thự, cung điện là loại hình rất phát triển ở cả thành phố lẫn vùng ngoại vi. Các công trình tôn giáo tín ngưỡng thể hiện cuộc đấu tranh gay gắt giữa một bên là xu hướng nhân đạo mới với một bên là thế lực tôn giáo - phong kiến phản động cũ (hình 215).

Trong trang trí nội thất, đá hoa thiên nhiên và đá nhân tạo được sử dụng rộng rãi. Các kỹ năng gia công đá thời cổ đại được khôi phục ở mức độ hoàn thiện cao hơn. Có nhiều chi tiết trang trí được làm từ kim loại. Trần và tường trong nhà được trang hoàng bằng những bức tranh hoành tráng rất lộng lẫy. Song tường ngoài lại được trát vữa thay vì ốp đá như người La Mã cổ đại vẫn làm.

Đánh giá về thời kỳ Văn nghệ Phục hưng, trong cuốn "Phép biện chứng của tự nhiên", F. Ăngghen viết: "Văn nghệ Phục hưng là một biến cố tiến bộ vĩ đại nhất trong mọi biến cố



214. *Những chuẩn mực không gian và tỷ lệ của thời kỳ Văn nghệ Phục hưng*

mà loài người đã trải qua cho đến nay". Điều đó đã được minh chứng một cách hùng hồn qua sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc.

Phát triển liên tục ở Italia trong vòng hai thế kỷ, kiến trúc Văn nghệ Phục hưng có thể được chia làm ba thời kỳ sau:

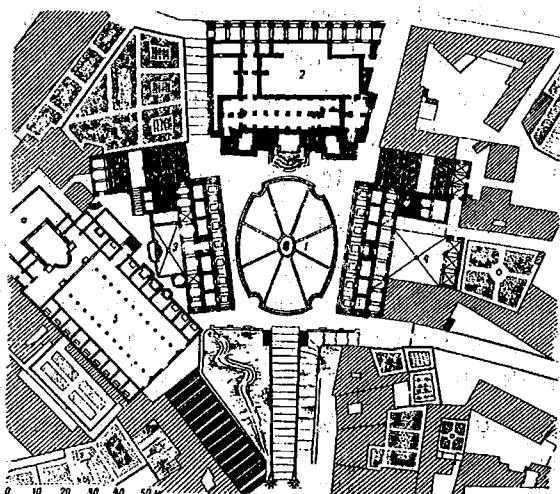
- Thời kỳ tiền Phục hưng (1420 đến thế kỷ thứ XV).
- Thời kỳ Phục hưng toàn thịnh (nửa đầu thế kỷ thứ XVI).
- Thời kỳ hậu Phục hưng (nửa sau thế kỷ thứ XVI).

3.5.3. Kiến trúc thời kỳ Tiền Phục hưng

Nền kiến trúc Tiền Phục hưng được đánh dấu bằng sự ra đời của hàng loạt loại hình kiến trúc mới ở các thành phố Phlorängxơ, Voniđơ, Milan, Rôma, phù hợp với đòi hỏi của giai tầng tư sản.

Lớn mạnh nhất về kinh tế, đi đầu trong đấu tranh chống phong kiến ở miền Bắc Italia là thành phố Phlorängxơ với 90 ngàn dân - một đô thị nằm ở hai bên bờ sông Acnô.

Đặt cơ sở cho nền kiến trúc Tiền Phục hưng là Philippo Bruneleski, sinh tại Phlorängxơ, vốn là thợ kim hoàn và đúc tượng. Năm 1420, người ta đã phải tập trung khá nhiều nhà xây dựng để thảo luận cách lợp mái nhà thờ Xanh Maria Đen Phlori, bị bỏ dở từ cuối thế kỷ XIV do chưa có cách lợp mái nào phù hợp. Và cuối cùng mọi người đã chấp thuận sáng kiến do Bruneleski đưa ra.

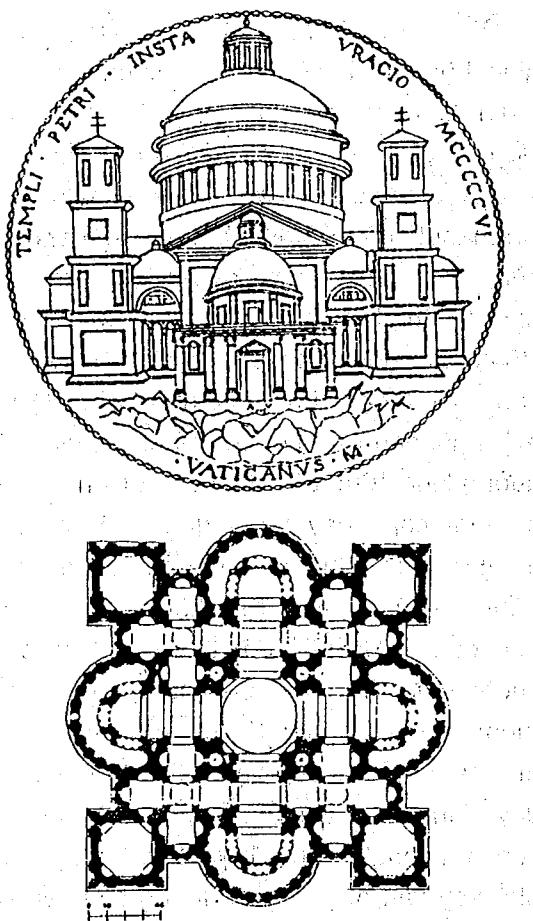


215. Quảng trường Capitolia ở Rôma
Tác phẩm của Michelangelo TK XVI

lạc và hoàn chỉnh về hình khối, có sự liên hoàn, tuân tự phát triển về độ lớn và chiều cao với một vòm bán cầu lớn nhất ở trung tâm. Tựa trên hàng cột chạy vòng quanh, vòm bán cầu này dường như được chồi lên từ các khối cầu thành ở bên dưới, như được Bramängtê mô tả trên kỷ niệm chương được đúc vào dịp khởi công tòa thánh này (hình 222).

Các kiến trúc sư thời kỳ Phục hưng coi kiểu nhà thờ tròn lợp vòm bán cầu là hình thức bố cục hoàn hảo nhất của một công trình công cộng có chức năng làm điểm nhấn đô thị. Phương án tòa thánh Xanh Pie năm 1505 được xem như kết quả cuộc tìm kiếm của nhiều thế hệ các nhà lý luận cũng như thực hành thời Tiên Phục hưng, bắt đầu từ Bruneleski. Song những ý tưởng của Bramängtê không bao giờ trở thành hiện thực. Ông đã qua đời lúc 70 tuổi, một năm sau cái chết của người đặt hàng - Giáo hoàng Lulia II (năm 1513). Tuy nhiên, Bramängtê vẫn được coi là người đặt nền móng cho một quan niệm mới về không gian: nhẹ nhàng, tràn ngập ánh sáng, mang đậm màu sắc thế tục. Sáng tác của Bramängtê đã thoát khỏi những tàn dư Trung cổ, sáng tạo được các nguyên tắc bố cục và hình khối, thể hiện được các quan điểm tiên tiến của thời đại mình. Ảnh hưởng của Bramängtê còn in đậm trong đám học trò và những người kế tục ông trong hơn nửa thế kỷ sau.

Cũng xuất thân từ một nhà hội họa, Raphaen Xăngti (1483 - 1520) được giao sửa lại bản thiết kế năm 1505 của Bramängtê.



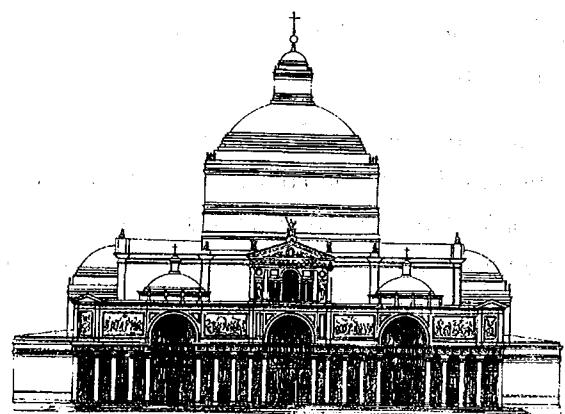
222. Mặt nhà và mặt bằng nhà thờ Xanh Pie
theo thiết kế của Bramängtê 1506

Ông đã dùng một "mặt bằng chữ thập kiểu La Mã" (baxilica) thay cho kiểu mặt bằng tập trung để không gian bên trong rộng hơn, chứa được nhiều tín đồ hơn. Theo đó, vai trò của vòm bán cầu lớn trở thành thứ yếu so với phần mặt trước của tòa nhà, tạo nên một sự hợp khối êm đềm. Đây cũng là một phong cách rất đặc trưng của Raphaen, giống như trong hội họa của ông (hình 223, 224).

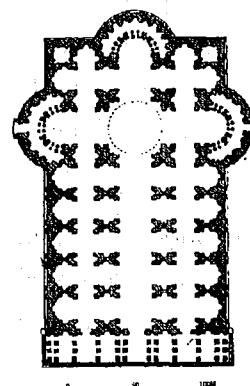
Tiếp sau Raphaen, Peruxi đã trở lại phương án ban đầu có mặt bằng hình chữ thập đều kiểu Hy Lạp của Bramängtê với ít nhiều sửa đổi. Công việc xây dựng nhà thờ Xanh Pie tiến triển rất chậm chạp, có lúc phải ngừng vì chiến tranh. Đến năm 1536, việc xây dựng nhà thờ được giao vào tay Antanhô Xänggalô (con). Ông này lại quay trở lại mặt bằng chữ thập kiểu La Mã của Raphaen. Hai bên lối vào được chốt bởi hai tháp vuông dáng Gôtich, còn mái vòm trung tâm được hai tầng cột nâng cho cao hẳn lên. Nhưng rồi việc đôn đốc xây dựng bị trễ nải, đề xuất của Xänggalô cũng không thành hiện thực (hình 225).

3.5.5. Kiến trúc thời kỳ Hậu Văn nghệ Phục hưng (nửa sau thế kỷ thứ XVI)

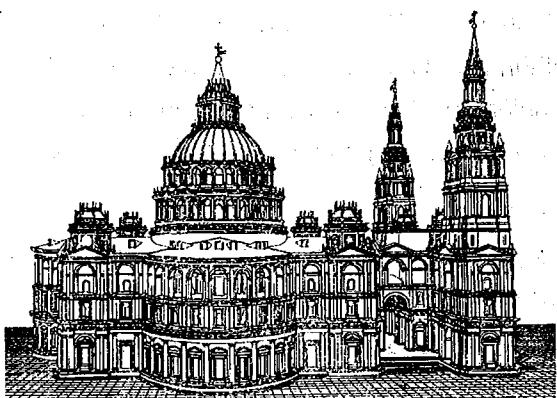
Giữa thế kỷ thứ XVI, nền kinh tế Rôma tiếp tục sa sút, dư âm của kiến trúc Gôtich có cơ hội trở lại thay chỗ cho những hình khối hài hòa êm dịu vốn đặc trưng cho kiến trúc thời Văn nghệ Phục hưng toàn thịnh. Nhiều nhà thờ mới thời kỳ này đã quay về với bố cục kiểu baxilica thay cho bố cục hình tròn, xa rời các nguyên lý hàn lâm về thức cột, để đi



223. Mặt đứng nhà thờ Xanh Pie
theo thiết kế của Raphaen 1514



224. Mặt bằng
nhà thờ Xanh Pie
theo thiết kế của
Raphaen 1514



225. Nhà thờ Xanh Pie
theo đề xuất của Xänggalô 1536

tìm những hình thức mới trong biểu cảm nghệ thuật.

Điều này được thể hiện rõ trong các công trình của Mikaelangelo (1475 - 1564), họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà kiến trúc vĩ đại nhất của nền Văn nghệ Phục hưng, với đỉnh cao là việc kết thúc quá trình xây dựng nhà thờ Xanh Pie đã bị kéo dài nửa thế kỷ (hình 226).

Năm 1547, từ bỏ phương án của Xanggalô, Mikaelangelo đã khôi phục sơ đồ bối cảnh chung của Bramante với khá nhiều thay đổi: nhấn mạnh hơn tư thế của mái vòm chính, tăng độ lớn cột, hiệu chỉnh kích thước các không gian trên cơ sở những hiểu biết rất tường tận của Ông về nghệ thuật cổ đại Hy Lạp.

Tường ngoài mặt chính được chia thành nhiều ô cửa có bố trí thức Côranh, có các mái hắt, băng ngang và tượng trên mái rất mềm mại và sinh động.

Năm Mikaelangelo qua đời, nhà thờ Xanh Pie mới được xây tới chân vòm mái. Những người kế tục đã thực hiện mệnh lệnh nghiêm ngặt của Giáo hoàng là không được thay đổi phương án của nhà kiến trúc vĩ đại.

Nhà thờ Xanh Pie với chiều cao 157,8m tới đỉnh mái, đường kính chân vòm 42m, hoàn thành năm 1590 với sự đóng góp quyết định của Mikaelangelo, đã vượt qua những thành tựu của nghệ thuật cổ điển, làm cho tên tuổi những người sáng tạo ra nó trở thành bất tử (hình 227).



226. Mặt đứng nhà thờ Xanh Pie
theo thiết kế của Mikaelangelo



227. Toàn cảnh khu vực nhà thờ Xanh Pie ở Roma

Đến thế kỷ thứ XVII, các kiến trúc sư Cacbô Madecna, rồi Bechnini lần lượt nối tiếp nhau xây thêm phần trước của nhà thờ Xanh Pie, tạo nên một quảng trường hình bầu dục với 284 cột hiên thức Đôri và nhiều tượng khắc. Đây là quảng trường được coi là đẹp nhất, có bố cục và tầm thước thành công nhất trong lịch sử xây dựng quảng trường thế giới.

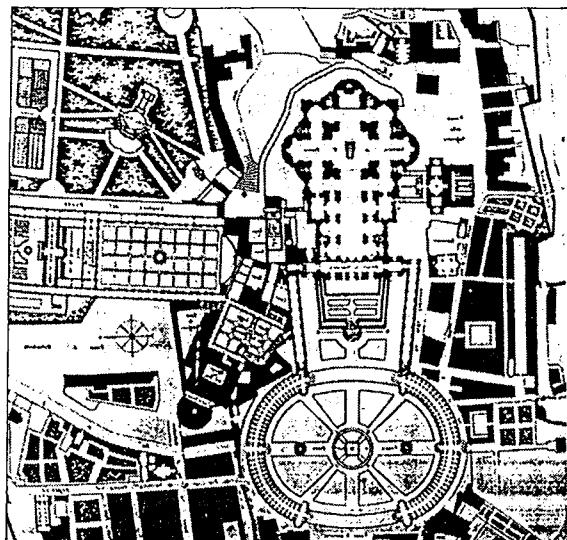
Suốt cuộc đời dài gần trọn thế kỷ của mình, Mikelnanggiêlô đã xây dựng nhiều công trình nổi tiếng ở Rôma, trong đó có tòa nhà thư viện Phlorängxơ, biệt dinh của Giáo chủ Mêđisi, quảng trường Capitola ở Rôma (hình 228).

Bức tượng nổi tiếng chàng trai Đavít ông tạc năm 1501 đã trở thành một huyền thoại nghệ thuật (hình 229).

Trong số những gương mặt sáng giá nhất thời kỳ Hậu Văn nghệ Phục hưng cần phải nhắc đến Vinhôlô, Palađiô, Scamôdi.

Giacômô Vinhôlô (sinh năm 1507), học hội họa, làm phụ tá cho Parusi rồi Mikelnanggiêlô ở Vaticăng, tham gia thiết kế cung điện ngoại ô của Hoàng gia Pháp ở Phôngtendблô và một loạt tư thất, trong đó có biệt điện của Giáo hoàng Inlia III và biệt thự của gia đình Pharnede ở ngoại vi Rôma. Ngoài các công trình xây dựng, ông còn là nhà lý thuyết có tiếng, đã để lại cho đời tác phẩm "Quy chuẩn về 5 thức cột trong kiến trúc".

Ăngđrê Palađiô (1508 - 1580) - nhà kiến trúc bậc thầy thời Hậu Văn nghệ Phục hưng



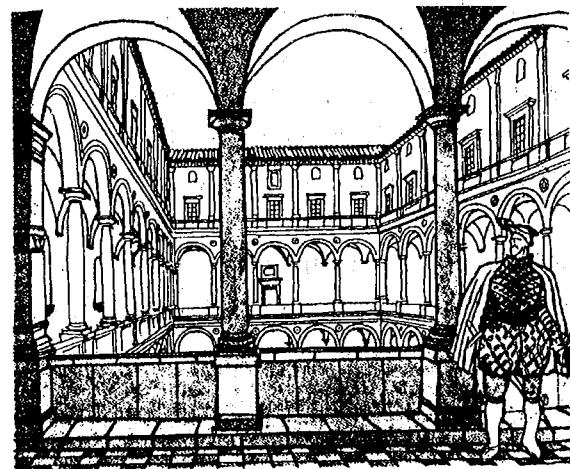
228. Mặt bằng khu vực nhà thờ Xanh Pie



229.
Bức tượng Đavít
của Mikelnanggiêlô

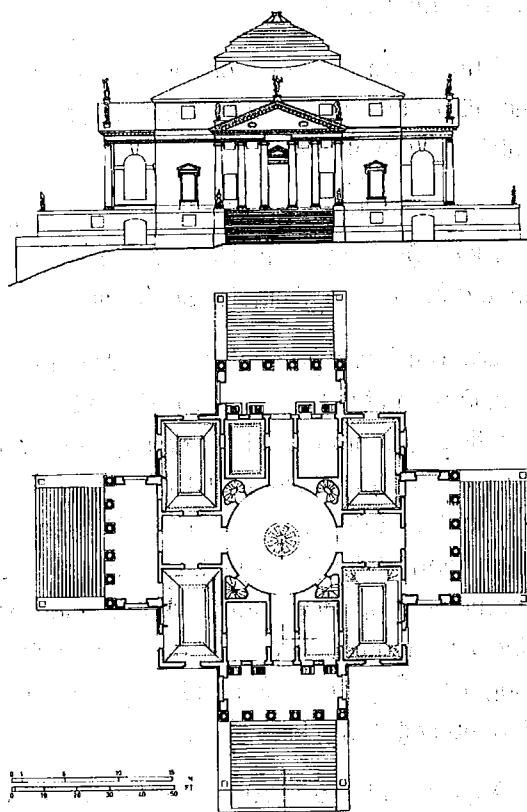
đã khởi đầu sự nghiệp bằng những khảo sát, ghi chép một cách kiên trì và công phu di sản kiến trúc của người La Mã cổ đại, đã tiếp thu được những thành tựu của kiến trúc thời kỳ Phục hưng toàn thịnh trước đó để sáng tạo ra những nguyên tắc bố cục và cấu tạo mới. Trong "Bốn cuốn sách về kiến trúc" được lưu truyền đến tận ngày nay, Palađiô đã ca ngợi sự trong sáng của những nguyên tắc kiến trúc cổ điển, giải thích rõ những nguyên lý về tỷ lệ, về bố cục mặt bằng, cấu tạo và sử dụng vật liệu, về thức cột v.v... Ông đã xây dựng thành công khá nhiều công trình có tỷ lệ chuẩn mực như các tòa biệt dinh Prephetxiô, Publicô v.v... (hình 230). Đặc biệt nhất trong số này là biệt thự Rôtôngđơ được xây dựng vào năm 1550. Theo mô tả của chính ông "tòa biệt thự tọa lạc hầu như ở ngay trong thành phố. Chỗ này thật dễ chịu và tươi đẹp một cách khó tả: trên một quả đồi không cao lắm, ở một phía chân đồi có dòng sông chạy quanh, còn phía kia nhìn sang những triền dốc trông như một nhà hát ngoài trời khổng lồ. Bốn hàng hiên ở bốn mặt nhà đều hướng ra phía phong cảnh ngoạn mục chỗ xa, chỗ gần. Một tầng hầm bên dưới sảnh để làm kho. Phòng chính hình tròn đặt ở trung tâm, được chiếu sáng từ phía trên. Các phòng nhỏ đều có tầng phụ, còn phòng lớn ở tầng trên cùng".

Mặt bằng biệt thự hình chữ thập, đều một cách tuyệt đối, với bốn tiền sảnh làm theo kiểu cổ điển 6 cột. Tòa nhà tạo cảm giác yên tĩnh, êm đềm nhờ xử lý mối tương quan tỷ lệ giữa các phần mặt đứng một cách hết sức chuẩn xác (hình 231).



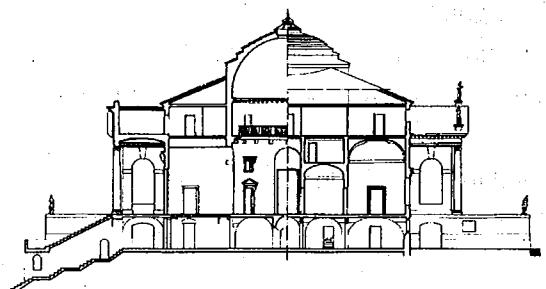
230. Nội thất tòa nhà ở Vichenza

TK XV - XVI



231. Biệt thự Rôtôngđơ, mặt đứng và mặt bằng

Nhược điểm của tòa biệt thự Rôtôngđơ là tính tượng trưng phần nào át tính thích dụng. Chủ nghĩa hình thức làm lu mờ sự đáp ứng tiện nghi của một nơi dùng để ở. Tuy nhiên, tòa nhà này đã bộc lộ toàn bộ lý thuyết kiến trúc của Palađiô - luôn tìm kiếm sự trật tự cao trong bố cục, giải quyết thỏa đáng giữa các phần chính phụ và đề cao yêu cầu về tỷ lệ kiến trúc trong công trình cũng như trong không gian.



231. Mặt cắt biệt thự Rôtôngđơ

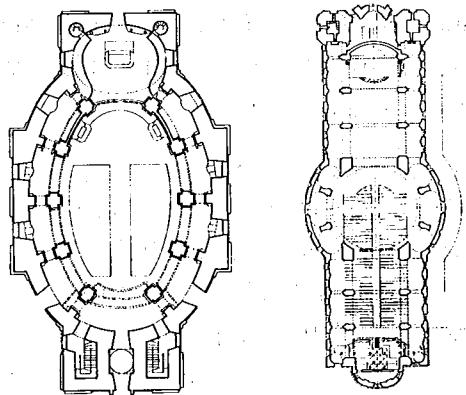
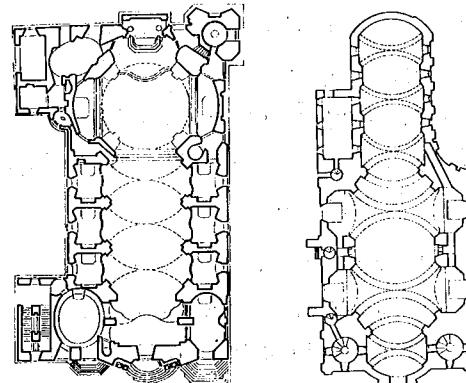
3.6. KIẾN TRÚC BARỐC - RỐCCÔCÔ

3.6.1. Kiến trúc Barốc (Thế kỷ thứ XVII)

Cuối thế kỷ thứ XVI, nền kinh tế Italia hoàn toàn kiệt quệ. Thương mại và thủ công sút kém, các thành thị bị phá sản và bỏ hoang, Dân tình nghèo đói. Trong tình hình đó, ở Italia và một loạt nước khác, người ta dần dần xa rời phong cách kiến trúc Văn nghệ Phục hưng. Nơi duy nhất còn tiếp tục có hoạt động xây dựng là khu vực thành phố Rôma, với những người đặt hàng duy nhất là các Giáo chủ. Dưới sự bảo trợ của Giáo hoàng và giáo hội, tại đây đã hình thành một phong cách kiến trúc mới với tên gọi là Baroque, đặc biệt phát triển trong các công trình phục vụ tôn giáo, các biệt thự, lăng mộ, quảng trường.

Phong cách này thoát ly mọi mối quan hệ với đời sống thực tế của quẩn đại chúng. Nó chỉ đáp ứng nhu cầu khoa trương về ăn chơi xa xỉ của một thiểu số thần quyền (hình 232).

Kiến trúc Baroque sử dụng phương tiện trang trí mỹ thuật hoàn toàn trái ngược với kiến trúc



232. Các dạng mặt bằng nhà trong phong cách kiến trúc Baroque TK XVII

Văn nghệ Phục hưng. Ở đây đã mất đi sự cân đối nhịp nhàng, tính chân thật hợp lý, thể hiện trong dây chuyền công năng cũng như giải pháp kết cấu, đã bộc lộ rõ ý đồ của giai tầng thống trị muốn dùng hình thức nghệ thuật phô trương để xua đi cảm giác và ý nghĩ của dân chúng về những khó khăn trong cuộc sống thực tế, hướng lòng tin của họ vào một cõi hư vô siêu hình nào đó ở nơi thế giới xa xăm.

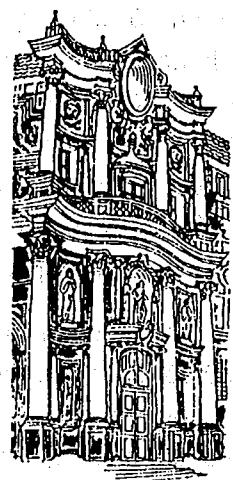
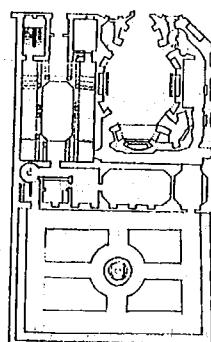
Do đó, thay vì sự mạch lạc giờ đây là sự phức tạp một cách thất thường đồng bóng, thậm chí rối rắm trong nội thất. Thay cho thứ ánh sáng đồng đều êm dịu là sự biến đổi đột ngột với các vùng sáng lờ mờ bí ẩn. Thay vì những mặt bằng ổn định, tĩnh đặc (vuông, tròn) là sự áp dụng các hình không rõ ràng, là sự tùy tiện trong tỷ lệ.

Mọi phương tiện kiến trúc giờ đây đều nhằm vào việc ru ngủ, mê hoặc con người, hướng tâm trạng đang bất an của người dân trước thời cuộc vào những ảo ảnh của một thế giới viển vông. Lúc này kiến trúc còn được cộng thêm sự trợ thủ đắc lực của điêu khắc và hội họa để cùng miêu tả những điều huyền hoặc của tôn giáo.

Nhà thờ II Giêsu ở Rôma là một ví dụ. Mặt bằng kiểu baxilica Trung cổ với nhịp giữa là phòng hành lễ, hai bên có hành lang do Vinhôlô lập năm 1568. Khác với truyền thống thời Văn nghệ Phục hưng, trung tâm bố cục tập trung ở phía sâu bên trong nhà nhờ một mái vòm bán cầu.



233. Nhà thờ II Giêsu ở Rôma



234.
Nhà thờ Xanh Caclô
ở quảng trường
Bốn đài phun nước
ở Rôma TK XVII

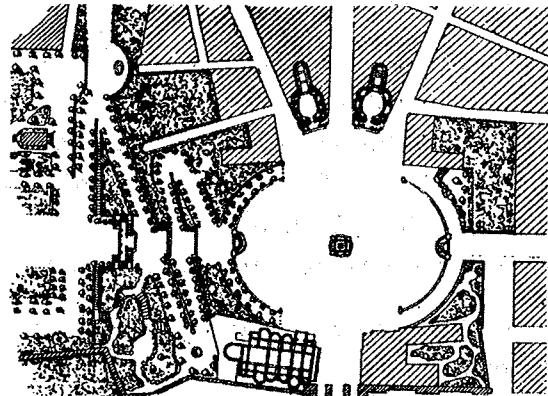
Sau khi Vinhôlô mất, mặt đứng nhà do Giacômô del Poocta thực hiện vào các năm 1575 - 1584 với khá nhiều sửa đổi. Mặt nhà này đã che lấp hình khối của toàn công trình cũng như cửa vòm mái, tạo nên một sự mâu thuẫn giữa hình thức mặt nhà với toàn bộ ngôi nhà (hình 233). Điều đó chứng tỏ kiến trúc Baroque coi bộ mặt ngôi nhà là phần quan trọng nhất.

Hình thức của nhà thờ Giêsu dù sao cũng đã gây được những cảm giác bất thường do sự biến hóa các mảng lồi lõm và những điểm nhấn trang trí cầu kỳ, phức tạp, đã kéo được sự tập trung chú ý trong giây lát vào những điểm dứa của lối vào mà quên đi thế giới thực tại. Số nguyên lý bố cục nhà thờ của phong cách Baroque được nhiều quốc gia Thiên Chúa giáo Tây Âu noi theo. Ngoài ra còn một số công trình mang phong cách Baroque do các kiến trúc sư tài ba thực hiện, như nhà thờ Xanh Xaxanda do Mađecna xây ở Rôma năm 1596, nhà thờ Xanh Andrea do Beccini xây ở Rôma năm 1697, hai nhà thờ Xanh Caclô (1638) và nhà thờ Xanh Ivô (1642 - 1660) xây theo thiết kế của Bôromini (hình 234, 235).

Quảng trường Pôpôlô được quy hoạch xây dựng vào năm 1662 với hai nhà thờ mái vòm bán cầu cũng là một điển hình của thời kỳ này (hình 236). Các quảng trường thường có mặt bằng hình bầu dục, có bể phun nước, cột ghi công (obelisk), tượng, và đôi khi có các bậc thang lên xuống khá cao như ở Quảng trường Xanh Pie, Quảng trường Tây Ban Nha. Tại đây, người ta chăm chú nhiều



235. Nhà thờ Xanh Ivô ở Rôma TK XVII



236. Quảng trường Pôpôlô ở Rôma TK XVII

vào hiệu quả thẩm mỹ, nhưng lại rất coi nhẹ việc tổ chức giao thông. Các công viên với hệ thống vườn nhân tạo khởi đầu từ đây đã có sự phát triển rộng rãi trong nhiều dinh thự ngoại ô của giai cấp phong kiến ở giai đoạn sau.

Cuối thế kỷ thứ XVII, kiến trúc Baroque phát triển rộng rãi ở nhiều quốc gia Thiên chúa giáo Tây Âu như Đức, Tây Ban Nha...

Tuy có nhược điểm, nhưng do lôi cuốn được sự tham gia của nhiều nhà kiến trúc nổi tiếng nên trào lưu kiến trúc Baroque đã đạt được những thành công đáng kể.

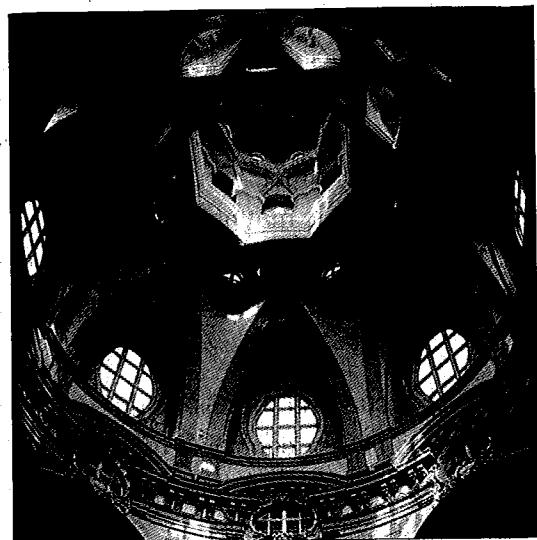
2.6.2 - Kiến trúc Roccocô (Thế kỷ thứ XVII - XVIII)

Vào cuối thế kỷ thứ XVII đầu thế kỷ thứ XVIII, khi chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ thì kiến trúc Văn nghệ Phục hưng và Baroque cũng không còn. Nó được thay thế bằng trào lưu kiến trúc Roccocô.

Kiến trúc Roccocô không những đã tiếp tục chiều hướng Baroque mà còn vượt xa hơn nữa về chủ nghĩa hình thức.

Những nét đặc điểm của kiến trúc Roccocô là: mặt bằng các phòng dùng nhiều đường cong, làm cho giữa tường và trần có sự chuyển biến êm dịu. Trang trí nội thất rất phức tạp, không đối xứng, thường dùng nhiều tượng, phù điêu và tranh gốm (hình 237).

Kiến trúc Roccocô ra đời sau nền kiến trúc cổ điển Pháp nhưng về mặt hình thức nó gần gũi hơn với kiến trúc Baroque.



237. Hình thức và trang trí nội thất
trong kiến trúc Roccocô TK XVII - XVIII

Phòng gương trong cung điện Vecxây là tác phẩm tiêu biểu nhất của kiến trúc Roccocô, do Kiến trúc sư Mängsac (1646 - 1708) và Họa sĩ Lơ Broong (1619 - 1690) thực hiện. Tại đây vua Pháp Lui XIV thường tiếp đón các sứ thần và tổ chức các vũ hội. Kích thước của phòng gương là 73m. x 9,7m, cao 13,1m. Bên trong phòng có đặt nhiều gương lớn. Trang trí nội thất của phòng này rất cầu kỳ. Tường và cột khảm đá cẩm thạch., nhấn mạnh cách phân vị theo chiều đứng. Ngoài ra còn có thêm nhiều hoạ tiết trang trí theo phong cách phương Đông khá tinh xảo với nhiều mầu sắc sắc sỡ. Toàn bộ trang trí và đắp điếm ở đây toát lên sự xa hoa diêm dúa chưa từng thấy. Và kiến trúc Roccocô ở Pháp chủ yếu cũng chỉ được áp dụng vào nội thất.

3.7. KIẾN TRÚC CỔ ĐIỂN PHÁP (THẾ KỶ THỨ XVII-XVIII)

Thế kỷ thứ XVII - XVIII là thời kỳ nước Pháp chuyển dần từ chế độ phong kiến sang chế độ sản xuất tư bản công nghiệp. Đối với kiến trúc Pháp, khoảng giáp ranh giữa hai thế kỷ thứ XV và XVI là giai đoạn khởi đầu cho phong cách kiến trúc Văn nghệ Phục hưng Pháp, kéo dài sang tận thế kỷ thứ XVII.

Trong thế kỷ thứ XVI đã diễn ra những biến đổi cơ bản về văn hóa và lối sống của giai tầng quý tộc mới, của một thiểu số tư bản lớp trên và giáo chủ theo mô hình của các nhà quý tộc Văn nghệ Phục hưng Italia.



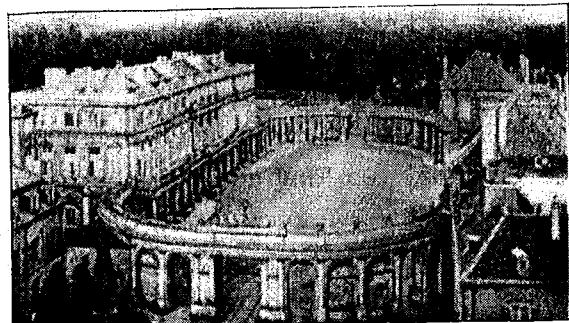
237. (tiếp theo)

Quyền lực và sự giàu có của các hoàng đế Pháp trong thời kỳ quân quyền cực đoan đã tạo mọi điều kiện cho kiến trúc phát triển đáp ứng các nhu cầu mới, dựa trên sự kế thừa và bổ sung những nguyên tắc sáng tác kiến trúc của thời cổ đại và thời Văn nghệ Phục hưng, xa rời dần với phong cách kiến trúc Gô-tích (hình 238, 239).

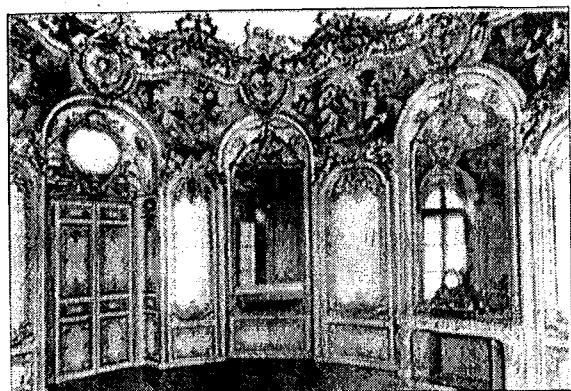
Theo đó, nguyên tắc quy hoạch đô thị và nhà ở thượng lưu đã khác xa thời kỳ trước. Các hình thức thành quách cũ nay chuyển sang kiểu nguyên tắc cung điện. Thức cột cổ điển được sử dụng ngày càng rộng rãi trên mặt nhà. Cửa đi, cửa sổ được bố cục một cách nhất quán với thức cột, đạt được các tỷ lệ rất hài hòa, cân đối. Tiêu biểu cho sự chuyển biến này là lâu đài Sãmbô (1519 - 1559, hình 240) và lâu đài Adê lơ Ridô (1518 - 1524, hình 241).

Nền kinh tế và phương thức sản xuất công nghiệp đã đưa nước Pháp trở thành một quốc gia cường thịnh, có vai trò nổi bật ở châu Âu thời bấy giờ. Do vậy, nền kiến trúc Pháp cũng phải góp phần vào công cuộc kiến thiết để biến thủ đô Paris thành một trung tâm lớn.

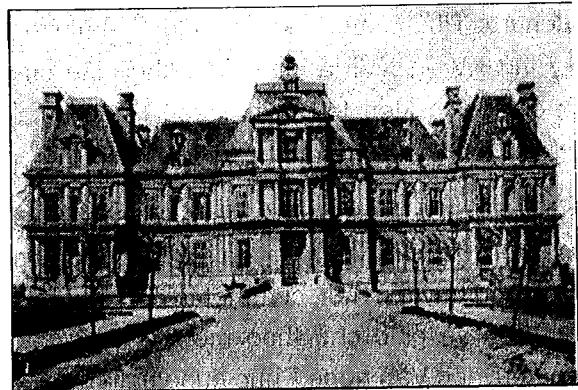
Tương phản với cuộc sống bần cùng của lớp người lao động trong các túp lều thô sơ hay những khu ổ chuột ngoại ô là nhiều khách sạn lớn, các sàn nhảy, các phòng ngủ, phòng làm việc tráng lệ (hình 242, 243), là các công viên, vườn cây được tân trang lộng lẫy và hàng loạt nhà ở kiểu mới rất xa hoa của giới quý tộc.



238. Quang trường ở Nanking - Pháp TK XVIII



239. Nội thất khách sạn Xubidơ ở Paris TK XVIII



240. Lâu đài Sãmbô TK XVI

Nền kiến trúc cổ điển Pháp trải qua hai giai đoạn thăng hoa vào nửa sau thế kỷ thứ XVII - lấy kiến trúc La Mã cổ đại làm mẫu mực - và vào nửa sau của thế kỷ thứ XVIII - lấy kiến trúc Hy Lạp cổ đại làm mẫu mực.

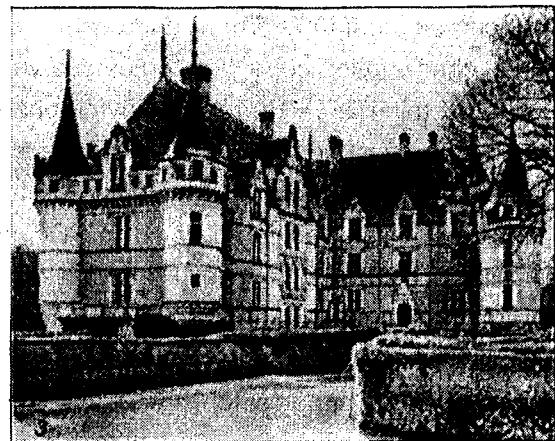
Đặc điểm chung của phong cách kiến trúc cổ điển Pháp trong hai thế kỷ này là sự đồ sộ, tạo được ấn tượng và ngưỡng mộ cả đối với hình thức bề ngoài lẫn phần nội thất bên trong, nhờ ở cách sắp đặt nhịp nhàng, hợp lý, hài hòa mọi bộ phận của ngôi nhà.

Những đặc điểm này còn được bộc lộ mạnh mẽ trong nghệ thuật quy hoạch sân vườn, với các đường đi dạo kết hợp mạng đường ô cờ và mạng đường chéo, với các lùm cây được xén tỉa công phu, với sức biểu cảm của các mặt nhà dung dị, không có chi tiết thừa. Các mô típ (hình mẫu) cổ điển như cột, cổng cuốn, vòm được xử lý theo những nguyên tắc tỷ lệ rất mực thước.

Điển hình của kiến trúc cổ điển Pháp là cung điện Luvrø ở trung tâm thủ đô Paris và quần thể kiến trúc Vecxay ở ngoại vi phía Tây Nam thành phố này.

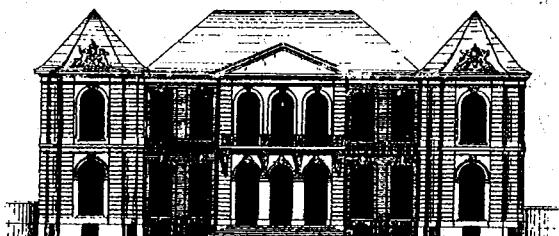
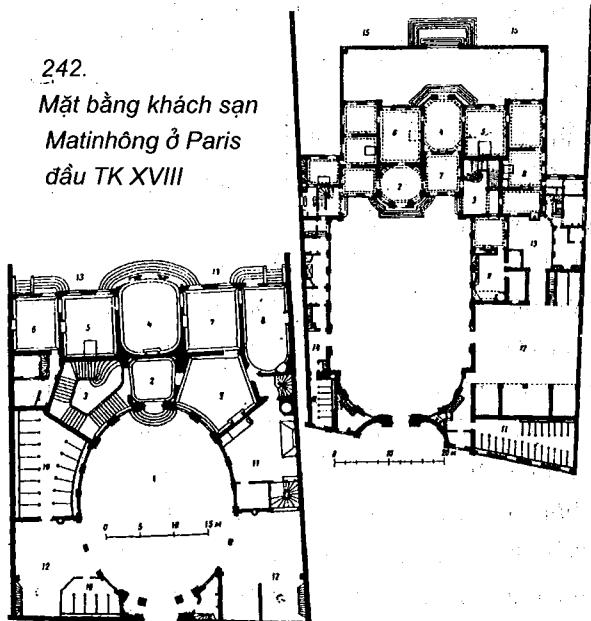
Cung điện Luvrø

Nhằm mục đích tạo nên bộ mặt mới trên quảng trường trung tâm Paris, tác giả Clôđơ Perrô (1613 - 1688) đã thiết kế để xây dựng mặt đứng phía đông của cung điện Luvrø - một tòa nhà được coi là hoành tráng nhất thời bấy giờ (thế kỷ thứ XVII). Cách sử dụng thức cột Coranh từng đôi một chắn ngoài hàng



241. Lâu đài Adê lơ Riđô TK XVI

242.
Mặt bằng khách sạn
Matinhông ở Paris
đầu TK XVIII

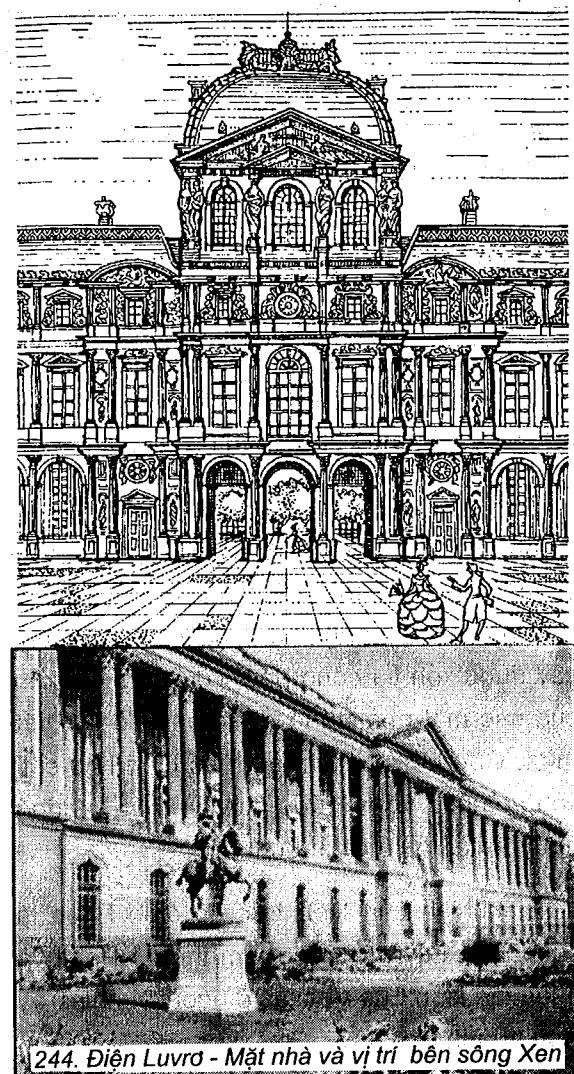


243. Mặt bằng và mặt nhà khách sạn Payrăng
đở Mora (Biroong) ở Paris đầu TK XVIII

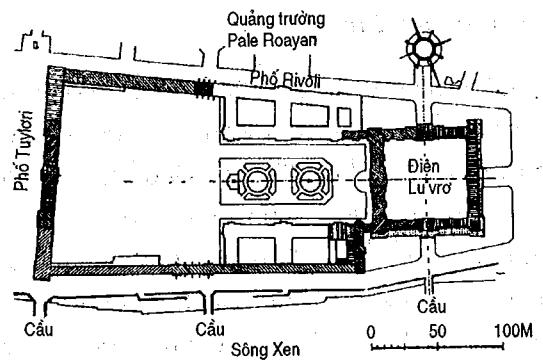
hiên cao suốt hai tầng đã tạo được cảm giác chững chắc cho tòa cung điện thủ đô của vua Louis XIV (hình 244). Rõ ràng ở đây có phần ảnh hưởng của phong cách kiến trúc Baroque trên Quảng trường Xanh Pie ở Roma do nhà kiến trúc Italia Beccini thực hiện. Chính Beccini là người đã từng tới Paris làm việc vào những năm 1660 và đã đề xuất phương án cải tạo mặt đứng phía đông cung điện Luvr với những hàng cột lớn.

Mặt nhà phía đông cung điện Luvr chia làm năm đoạn trải trên một chiều dài 170,55m, trong đó có ba đoạn nhỏ hơi nhô về phía trước. Mặc dù vậy, toàn bộ chiều dài này vẫn được tiếp nhận như một tòa nhà liên tục, nhất quán. Ba tầng nhà cao tới 27,65m được phân vị ngang một cách khá rành rọt. Tầng dưới cùng phẳng, đặc một cách khỏe khoắn, làm để đỡ chó dây cột phía bên trên, đồng thời xác định rõ đặc điểm cấu trúc của ngôi nhà. Tiếp đến là phần hiên thoáng nhẹ nhàng với hàng cột đôi cao tới 12,32m. Phần này có sự biến hóa đặc - rõ ràng làm cho các điểm nhấn, nhất là đoạn trung tâm, được nổi rõ. Giải pháp mặt đứng tòa nhà này đã tuân thủ một cách chính xác các lý thuyết về hình học chuẩn đối với tỷ lệ chung của ngôi nhà cũng như đối với riêng thức cột. Mặt nhà toát lên vẻ giản dị, nghiêm túc; chân thật, không có bất kỳ sự đắp điếm uốn lượn nào như trong kiến trúc Baroque.

Quần thể kiến trúc Vecxây



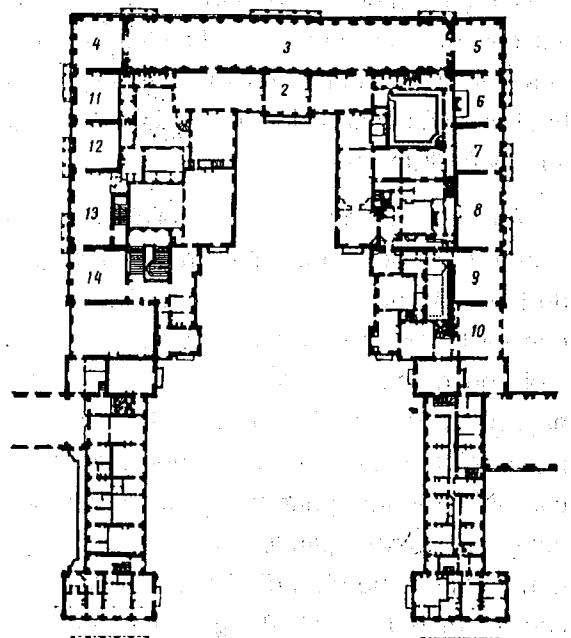
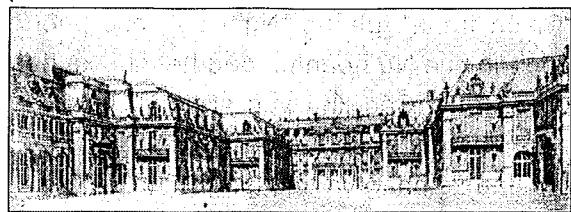
244. Điện Luvr - Mặt nhà và vị trí bên sông Xen



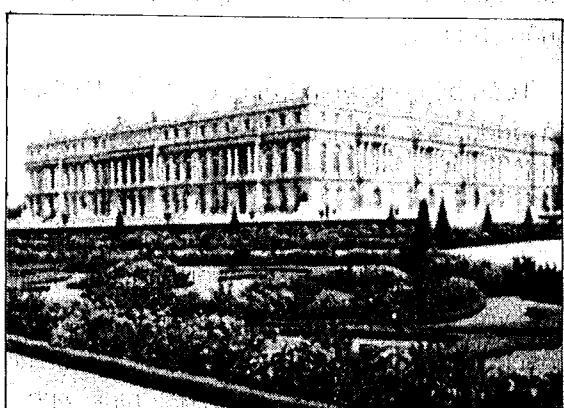
Lịch sử xây dựng Vecxây được bắt đầu từ những năm 20 của thế kỷ thứ XVII. Lúc này vua Louis XIV không còn thấy thỏa mãn với điện Luvr ở nơi nội thành ồn à. Cần một nơi có thể kết hợp giữa sự tráng lệ hấp dẫn của kiến trúc đô thành với cuộc sống êm ái giữa thiên nhiên. Công việc này được giao vào tay Phrăngxoạ Đoocebé - một kiến trúc sư cung đình triều đại Louis XIV*. Cung điện được xây dựng qua ba giai đoạn. Đầu tiên là hạt nhân trung tâm xây gạch vây quanh sân Cẩm thạch. Sau đó là dãy nhà chính nối tiếp hạt nhân trung tâm, là nơi ở của Hoàng gia. Cuối cùng là hai dãy cánh gà chạy dài ra hai phía dành cho các cận thần. Ngoại trừ một nhà hát được xây thêm vào cuối thế kỷ thứ XVIII, còn cơ cấu trên đã tồn tại hầu như không đổi suốt hai thế kỷ. Những phần sửa đổi bổ sung về sau chủ yếu ở nội thất và sân vườn (hình 245).

Tòa nhà cung điện Vecxây phải trở thành một dinh thự xứng đáng của đấng quân vương đầy quyền lực và của cải, phải tạo nên một môi trường mà mỗi ngày sống ở đó là một ngày đầy ắp các hoạt động lễ hội tưng bừng cho giới quý tộc thượng lưu. Phòng gương lộng lẫy và bát ngát. Các phòng "Hòa bình",

* Theo tác giả người Nga Xires A.G. thì trước đây người ta thường gán nhầm tác giả quần thể Vecxay cho Hacıdoanh Mangsac. Sau năm 1960, nhà nghiên cứu A. Laprad đã chứng minh Đoocebé mới là tác giả thật của quần thể này. (Theo Tống sử kiến trúc Quyển II do B.P. Mikhailốp chủ biên, trang 97, bản tiếng Nga)



245. Quần thể Vecxây nhìn từ sân, mặt bằng.
mặt từ phía công viên



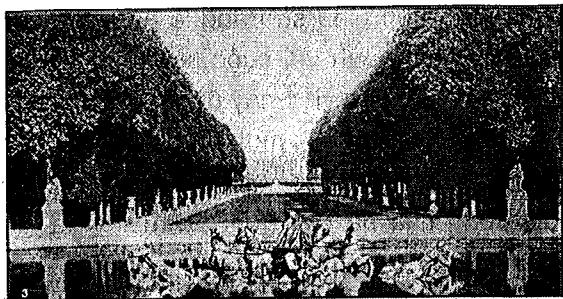
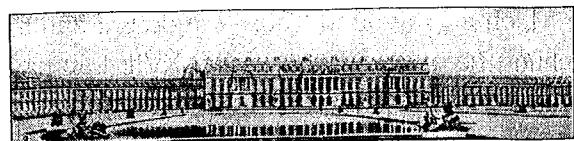
"Chiến tranh", phòng "Nghị sự", các phòng tiếp tân của Nữ hoàng... đều hết sức xa hoa quyền quý. Các khu vực phục vụ như nhà bếp, nhà giữ ngựa lúc nào cũng nhộn nhịp, tấp nập xe pháo và tiệc tùng (hình 246).

Cùng một mục tiêu và phong thái như vậy, với quy mô lớn chưa từng thấy, quy hoạch hoa viên của quần thể Vecxây chiếm vị trí nổi bật trong các di sản kiến trúc của nước Pháp và Tây Âu trung cổ.

Với cách bố cục kiểu ba tia đường của kiến trúc Baroque, với sự nhấn mạnh trực tiếp để biến câu nói "Tất cả mọi con đường đều dẫn tới La Mã" thời trước thành câu "Tất cả mọi con đường đều dẫn tới Paris" của thời nay, nhằm tới cái đích là cung điện Vecxay, người thiết kế đã thỏa mãn được ước mong của nhà vua. Mọi phương tiện biểu hiện của nghệ thuật không gian từ công trình nguy nga đến mặt nước hồ rộng rãi, hàng cây dày đặc, các nhóm tượng sinh động, đài phun nước v.v... đều được huy động, được chăm chút một cách công phu chỉ để chứng minh cho sức mạnh và sức tồn tại vững chãi của chế độ quân chủ mới.

Toàn bộ công viên trải suốt chiều dài 3 km đã được thực hiện trong một bối cảnh thống nhất, hài hòa, một cơ cấu hoàn chỉnh.

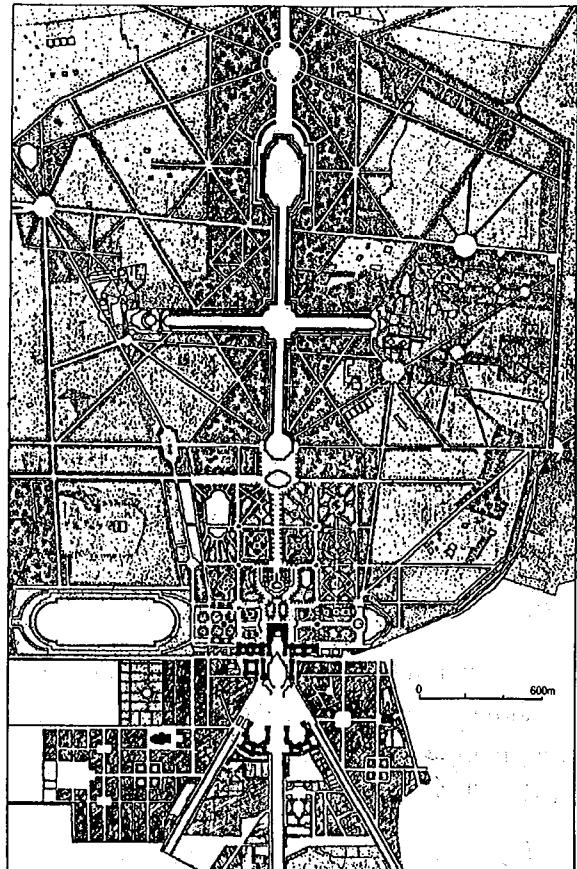
Nghệ thuật quy hoạch hoa viên của quần thể Vecxây đã được ca ngợi như một mẫu mực vô song và đã có ảnh hưởng lớn tới quy hoạch các công viên của Pháp và một số nước khác trong một thời gian dài (hình 247).



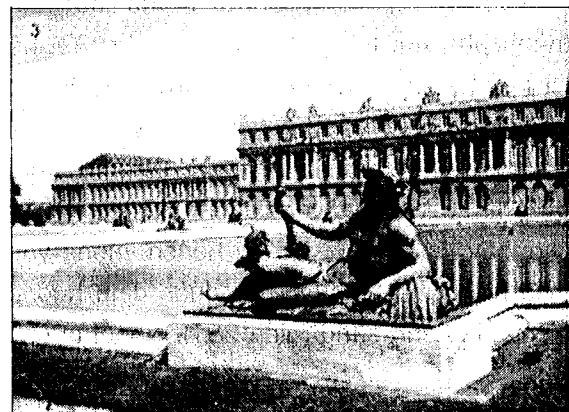
246. Toàn cảnh và nội thất phòng gương
trong cung Vecxây

Nhìn chung, kiến trúc cổ điển Pháp đã chứng tỏ những bước tiến nhất định so với các phong cách kiến trúc thời kỳ trước đó. Nó đã loại trừ được các kiểu trang trí vô bổ của kiến trúc Baroque, tạo nên bộ mặt mới đầy tính hoành tráng cho các đô thị (hình 248).

Tuy nhiên, trong một mức độ nhất định, phong cách kiến trúc cổ điển Pháp đã áp dụng một số hình thức giả tạo, xa lì, có sự khiên cưỡng trong nghệ thuật hoa viên, không thừa nhận thứ thẩm mỹ tự nhiên thể hiện trong các công trình xây dựng đầu thế kỷ XIX (còn gọi là kiến trúc kiểu Đế chế). Nó nặng về sao chép các hình thức vay mượn từ các nơi. Các loại cổng chào, biểu huy quân sự, cột kỷ niệm (Obelisk) ra đời vào thời kỳ này cũng có cùng các tính chất đó.



247. Mặt bằng tổng thể quần thể Vecxay TKXVII



248. Mặt nhà cung điện Vecxay
nhìn từ phía đường chính

Chương 4

KIẾN TRÚC CỔ VÀ TRUNG ĐẠI CHÂU Á

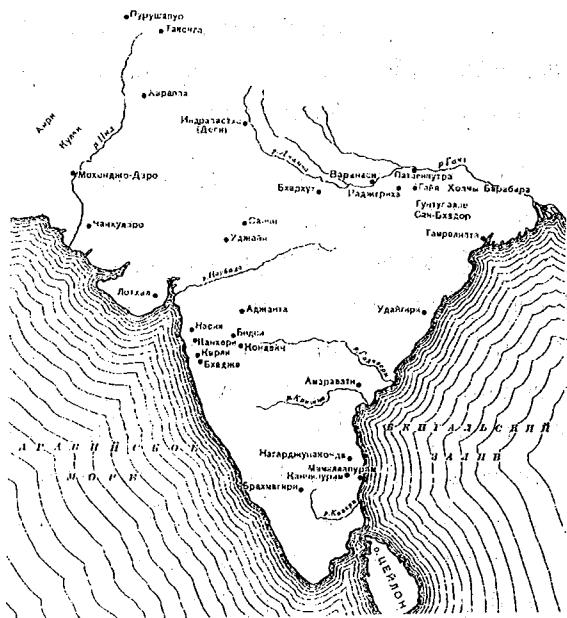
4.1. KIẾN TRÚC ẤN ĐỘ*

Ấn Độ là một quốc gia Nam Á, được bao bọc bởi Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương ở phía Nam, và che chắn bởi dãy núi Himalaya hùng vĩ ở phía Bắc. Hai con sông lớn là sông Indus (sông Ấn) phía Tây Bắc và sông Hằng phía Đông Bắc được coi là những cái nôi của nền văn minh Ấn cổ đại (hình 249).

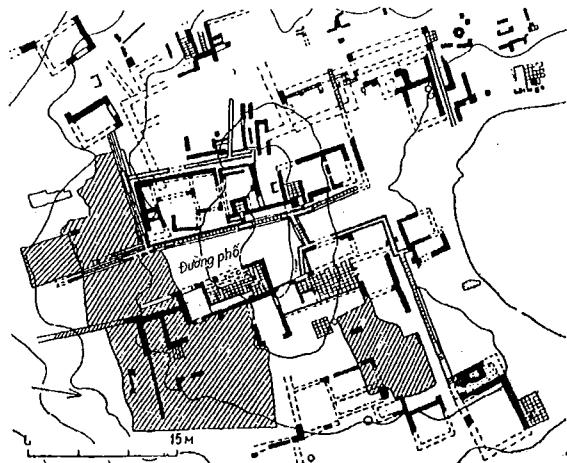
Nền văn minh này cũng có lịch sử lâu đời, từ khoảng 3000 năm trước CN, như các nền văn minh khu vực Địa Trung Hải, Lưỡng Hà, Ai Cập (hình 250).

Nền văn hóa Harappa (từ thế kỷ thứ XXXIII đến thế kỷ thứ XVI trước CN)

Nằm trong vùng sông Indus có loạt thành phố nổi tiếng thời cổ đại như Санхô Darô, Harappa, Mohengiô Darô (nay thuộc Pakistan). Nền văn hóa vùng này được gọi chung là văn hóa Harappa. Những khai quật khảo cổ học tại đây (1950 -1958) đã cho thấy thành phố có quy hoạch vuông vắn theo hình bàn cờ, nhà cửa được định hướng theo chiều ánh sáng (hình 251). Người ta cho



249. Bản đồ Ấn Độ



250. Thành phố Sanhô Darô vào các năm 3000 - 2000 TCN

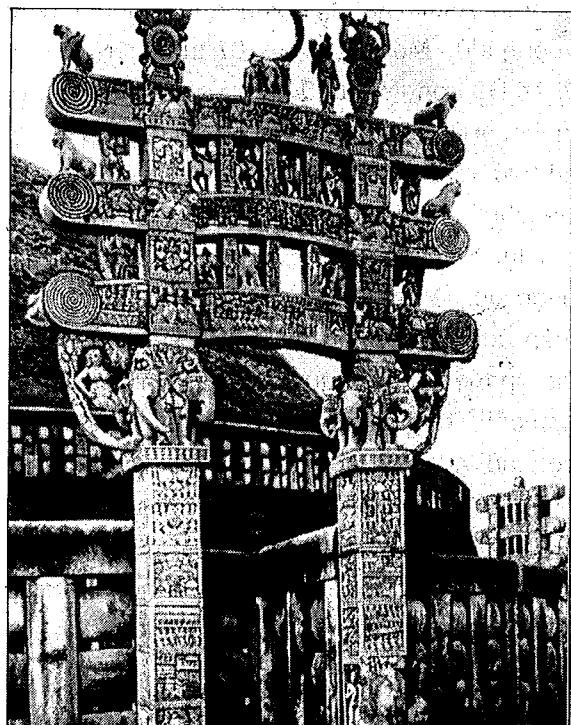
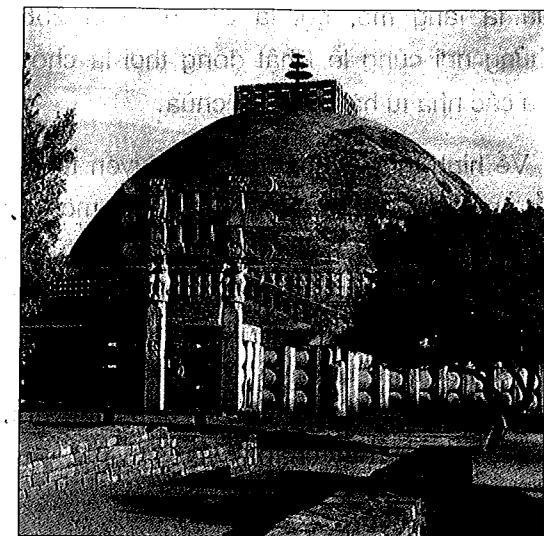
* Mục này có sử dụng một số tư liệu do ThS. KTS. Trần Quốc Thái chuẩn bị.

những nghi lễ hiến tế các vị thần tượng trưng cho các thế lực siêu nhiên đầy bí ẩn. Những mô tả về cuộc sống, những truyền thuyết và lời ca ngợi các vị thần được tập hợp lại trong bốn tập kinh Vêđa vào đầu thế kỷ thứ IX trước CN. Những nội dung của kinh Vêđa đã trở thành đề tài muôn thuở cho các trang trí phong phú và sinh động trong các đền đài của đạo Hindu nhiều thế kỷ về sau (như ở quần thể kiến trúc Khagirahô thế kỷ X - XII sau CN). Trong thời kỳ này, vật liệu xây dựng chủ yếu là lau, sây, đất sét, gạch không nung, gỗ và tre nứa. Rất có thể, cấu tạo tre trúc với các đốt tre uốn cong buộc chụm lại đã gợi ý cho hình thức của các công trình bằng gạch đá ở những thời kỳ sau. Những loại vật liệu có độ bền thấp, lại do chiến tranh với người Arian nên kiến trúc của một giai đoạn dài hàng chục thế kỷ tiếp theo đã bị mai một gần hết, không còn để lại chút dấu vết.

4.1.1. Kiến trúc Phật giáo. Stupa và chùa hang

Trong các quốc gia phương Đông, có lẽ không nơi nào lại có nền kiến trúc tôn giáo phong phú, đầy tính huyền bí như Ấn Độ. Những đền đài Hindu giáo, những chùa chiền Phật giáo, những thánh đường Hồi giáo có ở khắp mọi nơi, đứng xen kẽ với vô số đền đài của các giáo phái khác (hình 255).

Ngay từ thế kỷ thứ XIII trước CN, kiến trúc tôn giáo ở Ấn Độ đã bắt đầu phát triển. Đạo Phật ra đời vào cuối thế kỷ thứ VI trước CN, với loại công trình vừa là tháp thờ, thánh tích,



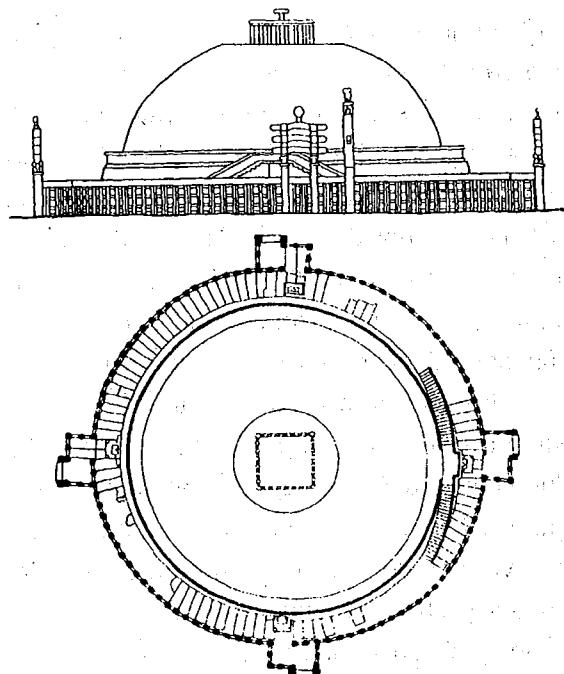
255. Stupa Sanchi TK I TCN
Toàn cảnh và chi tiết cổng

vừa là lăng mộ, gọi là Stupa (hình 256). Những nơi cúng lễ Phật đồng thời là chỗ ở của các nhà tu hành, gọi là chùa.

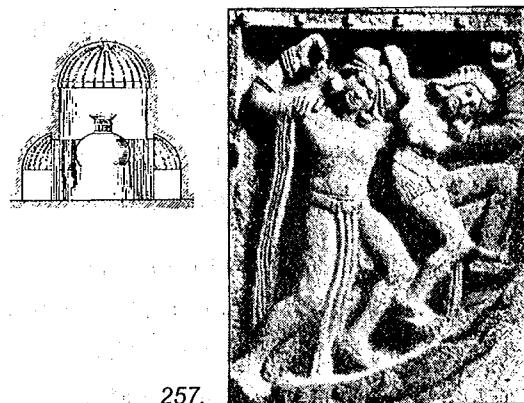
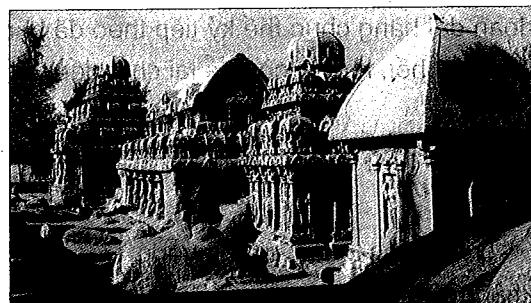
Về hình thức Stupa, có một truyền thuyết kể rằng khi Phật tổ lâm chung, một mòn đê đến hỏi liệu sau này nên xây ngôi mộ của Người như thế nào. Phật không nói, chỉ lặng lẽ cầm tấm áo cà sa gấp làm tư đặt lên đất, úp cái bát khất thực và đặt cây gậy chống lên trên. Có thể điều đó gợi nên hình ảnh các Stupa sau này chẳng?

Stupa Sanchi

Vua Asoka là nhà vua cuối cùng thuộc vương triều Morya (321 - 187 trước CN) đã trị vì Ấn Độ trong suốt 49 năm, được mệnh danh là thời hoàng kim. Vua Asoka đã cho dựng tới 84.000 tháp Phật, tập trung nhiều ở vùng Sanchi thuộc Trung Ấn. Tại đây hiện vẫn còn tồn tại tòa bảo tháp Stupa Sanchi hùng vĩ được gọi là Sanchi 1 (hình 257). Mới đầu, tháp được xây bằng gạch. Về sau, người ta đã ốp thêm lắn đá quý ở ngoài thành to rộng gấp đôi. Tổng chiều cao tháp hơn 17m, kể cả bệ cao 4,3m. Đường kính đáy tháp 32m. Tháp được kết thúc bằng một vọng lâu (đài quan sát) hình vuông, được xem là nơi để xá lị của Phật*. Trên tận cùng của nóc có một cây cột gắn ba phiến đá lớn hình đĩa, tạo nên



256. Mặt nhà và mặt bằng Stupa Sanchi



257.

* Tương truyền, xá lị là những hạt trắng như ngọc, rắn như kim cương, búa đậm không vỡ, lửa thiêu không cháy - phát hiện được trong thi thể của Phật tổ sau khi hỏa táng (Tri thức trẻ 6/99 trang 39).

một chiếc dù nhiều tầng mà người ta coi là biểu tượng của sự tôn nghiêm. Xung quanh tháp bán cầu có hàng rào đá với 120 thanh chống và bốn cổng mở ra bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi cổng là một biểu tượng của tam thế trong giáo lý nhà Phật: quá khứ, hiện tại, tương lai. Trên cột có nhiều hình chạm khắc với nghệ thuật rất điêu luyện, hình ảnh tinh tế, sống động. Ở đây hội tụ đủ các loại thú vật, thảo mộc, người và thần thánh, các huyền thoại về cuộc đời nhà Phật, bánh xe pháp luân... Các nghệ nhân đã truyền đạt được những cảm xúc tràn trề, sự say đắm với cuộc sống và cái đẹp. Ở trên cổng phía Đông còn có cặp tượng nữ thần khỏa thân "mông dày, bụng thon, bộ ngực nhô ra đồ sộ, điệu bộ phóng túng gợi tình" (theo Will Durand) toát lên vẻ đẹp vừa thánh thiện, vừa trần tục.

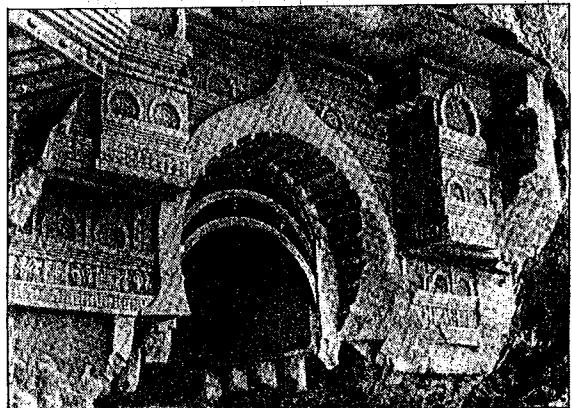
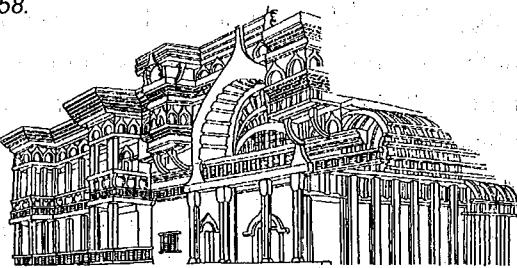
Xung quanh Stupa Sanchi có cả một quần thể công trình dùng làm chỗ ở cho các vị sư và là trường học Phật giáo.

Chùa hang Agianta

Đến khoảng thế kỷ thứ VI sau CN, Phật giáo không còn nhận được sự ủng hộ của các vương triều như trước nữa. Các nhà sư phải rút vào ở ẩn trong các khu rừng núi hoang vu. Tuy vậy, giai đoạn này cũng có những kiệt tác được liệt vào loại kỳ quan thế giới. Đó là những ngôi chùa được đục vào hang đá một cách hết sức công phu ở Agianta - một thành phố Trung Ấn (nay thuộc Maharashtra gần Bombay) và trong một vùng bán kính rộng tới 300 km bao quanh Naxich (hình 258, 259). Ở Agianta có tới 30 chùa hang, được

đắp bằng đất nung và vôi. Các chùa hang có kiến trúc đặc biệt, với lối đi uốn lượn, phòng thờ, phòng nguyện, phòng đọc kinh, phòng tu... Các bức tranh và điêu khắc trang trí trong chùa hang rất đa dạng, phản ánh cuộc sống và tâm linh của người dân thời đó. Các bức tranh thường vẽ cảnh Phật giáo, các vị thần, các vị vua, các nhà sư, các con vật... Các điêu khắc thường là các bức tượng Phật, các bức tượng thần, các bức tượng vua, các bức tượng nhà sư... Các bức tranh và điêu khắc thường có màu sơn hoặc vẽ bằng bột đất.

258.

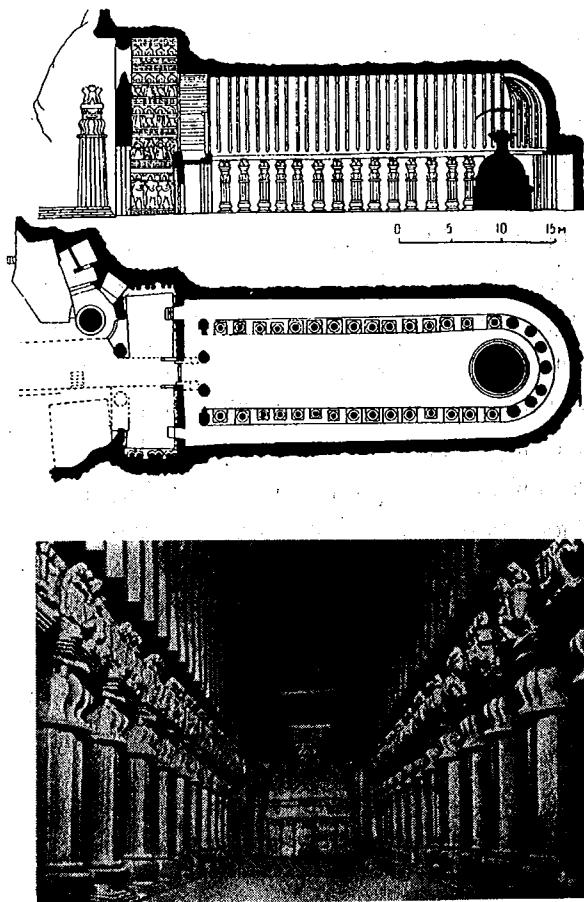


259. Chùa hang ở Cônđen TK II TCN
Toàn cảnh và chi tiết

đánh số từ 1 đến 30, hầu hết là sản phẩm của vương triều Phật giáo Gupta (kéo dài từ đầu thế kỷ thứ III đến giữa thế kỷ thứ VIII). Hai dạng chùa hang chủ yếu là dạng Chaitya - nơi tiến hành các nghi thức tôn giáo và dạng Vihara - tu viện.

Các Chaitya được đục vào vách núi, bắt đầu từ trần trở xuống. Thông thường Chaitya có mặt cắt dọc kéo dài sâu vào trong lòng núi, kết thúc bằng một vòm trần, dưới đó đặt bàn thờ Phật. Mặt cắt ngang thường gồm một phòng rộng ở giữa có vòm rất cao, hai bên có hai hàng cột bằng đá đục liền, có phù điêu, hoa văn trang trí công phu. Sau hàng cột đá là các dãy trai phòng trần thấp dùng làm nơi cư ngụ cho các vị sư. Lớn nhất trong số các Chaitya là Chaitya ở Carli (thế kỷ thứ I trước CN) dài 38,4m; rộng 13,7m; cao 14m. Còn Chaitya số 9 ở Agianta chỉ cao có 7m; rộng 6,4m; dài 14m (hình 260). Ngoài những Chaitya có lối vào từ đầu hồi, đôi khi còn gặp loại có lối vào từ bên hông. Căn cứ vào số ít hình cổ còn sót lại, người ta cho rằng hình thức các Chaitya bắt nguồn từ những kiểu nhà ở đã tồn tại ở cả vùng Ấn Độ lẫn Hy Lạp từ thời xa xưa.

Nội thất các Chaitya được trang trí bằng những phù điêu hay những bức họa nhiều màu đỏ, xanh, lam... trên nền đá tự nhiên vẽ hình Phật tai to, minh quấn áo cà sa sát người, hở vai, mắt nhìn xuống, bàn tay phải mở ra phía trước; hoặc hình những người mẹ bế con với ánh mắt cầu xin được cứu rỗi.



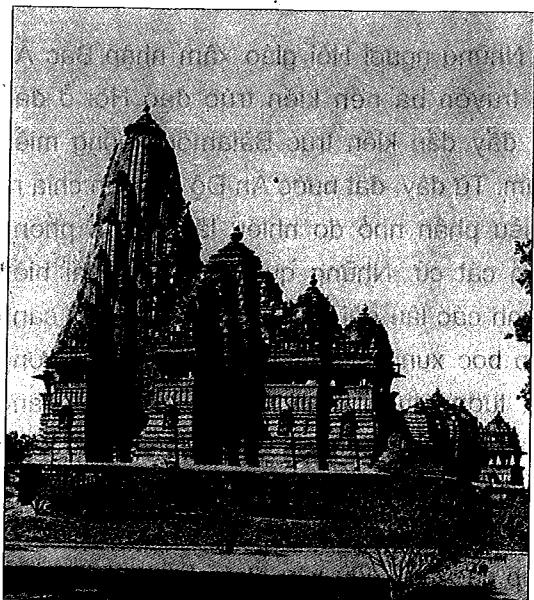
260. Chùa Hang Chaitya ở Carli TK I TCN

Các chùa hang Agianta còn đạt được hiệu quả cao về mặt chiếu sáng, làm cho các hình ảnh lúc thâm nghiêm tư lự, lúc tươi cười dịu dàng, rất sống động. Tuy nhiên, các kho báu này từng bị vùi trong quên lãng suốt hàng ngàn năm, tới tận đầu thế kỷ thứ XIX mới được phát hiện và được trả lại vị trí xứng đáng của mình trong kho tàng văn hóa nhân loại.

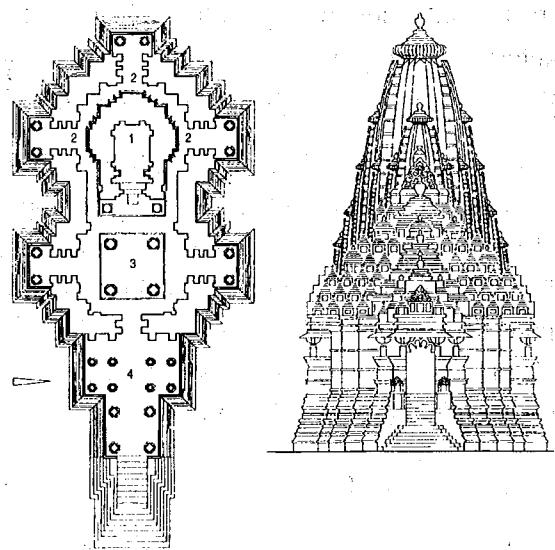
4.1.2. Kiến trúc Bàlamôn và kiến trúc Hồi giáo Ấn Độ

Từ thế kỷ thứ IX, Phật giáo bị thu lại trong một vùng nhỏ ở Bengal, cho đến cuối thế kỷ thứ XII thì mất hẳn, chấm dứt sứ mạng 15 thế kỷ đạo Phật trên đất Ấn. Từ thế kỷ thứ X, thay cho kiến trúc Phật giáo, kiến trúc đạo Bàlamôn và kiến trúc đạo Hồi mới có điều kiện phát triển mạnh.

Nhiều quần thể kiến trúc - điêu khắc rất lớn của đạo Bàlamôn mang rõ đặc thù của từng miền. Đền đài miền Nam Ấn có dạng kim tự tháp nhiều nấc, đỉnh bẹt, cao tới 50 - 60m, nội thất có chạm khắc nhiều tượng thần thánh. Tiêu biểu là các đền Tridambaraba và đền Brihadesvara (1010) ở Tānggiorō (Nam Ấn), khu đền của đạo Gianh trên núi Abu (Tây Ấn). Cùng thời này, chùa miền Bắc lại có đường bao hình parabô có mũi, kết thúc bằng một hình đĩa úp có chóp gọi là bảo tháp. Ở Khagiurahô có tới 85 ngôi đền kiểu này, nay còn giữ được 22 đền, trong đó điển hình là các ngôi đền Khandaria Mahadeô ở Khaginharô (hình 261, 262) và hai đền khác



261. Toàn cảnh đền Khandaria Mahadeo ở Khagiurahô Trung Ấn TK XI



262. Mặt bằng mặt đứng đền Khandaria Mahadeo ở Khagiudarô

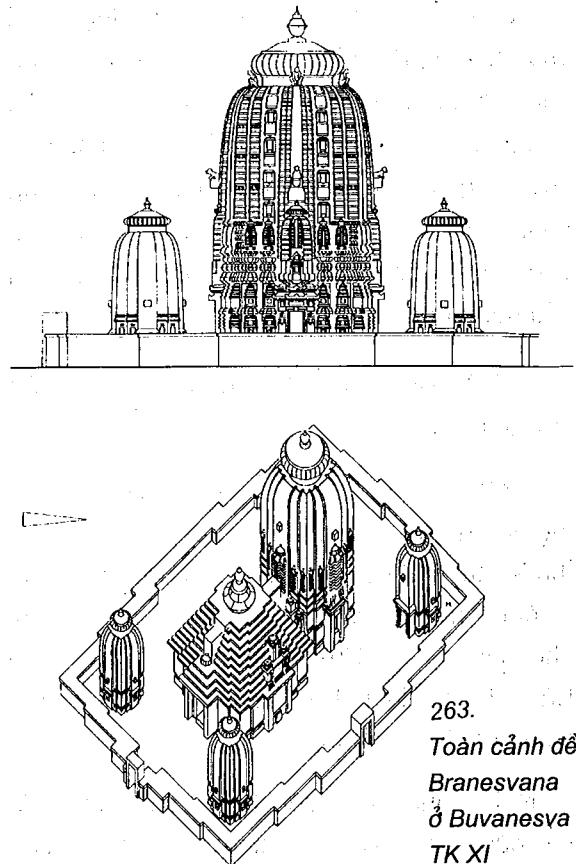
ở Buvanesva (hình 263) rất nổi tiếng xây vào thế kỷ thứ XI và XII.

Những người Hồi giáo xâm nhập Bắc Ấn đã truyền bá nền kiến trúc đạo Hồi ở đây và đẩy dần kiến trúc Bàlamôn xuống miền Nam. Từ đây, đất nước Ấn Độ bị phân chia ra nhiều phần nhỏ do nhiều lãnh chúa phong kiến cát cứ. Những quần thể đền đài biến thành các lâu đài có thành lũy và tháp canh bao bọc xung quanh. Trên các tháp thường đặt tượng thần. Đền thường có hành lang rộng và nhiều cột. Lăng mộ được xây rất đồ sộ, có không gian nội thất lớn, có cửa cuốn hình mũi tên, mái vòm, có tiền sảnh rộng và tháp cao. Vật liệu xây dựng là đá thường và đá hoa cương chạm đục rất tinh xảo, gắn bằng vôi vữa. Kiến trúc Hồi giáo còn lưu lại nhiều công trình giá trị như ngôi đền tháp Kutbø (lấy tên Vua Kutbø Utđin Aibac) cao nhất xưa nay, tới 73m, hiện vẫn còn ở Đêli.

Đến thế kỷ thứ XVI, nền chính trị kinh tế miền Bắc Ấn đi vào thời kỳ tương đối ổn định nên đã xây dựng được nhiều đô thị, cung điện, lăng mộ, lâu đài nổi tiếng như Hoàng cung ở thành Phatepur Sikri (1569 - 1574), lâu đài Giami Masgit (1571), lăng vua Humayum, lăng Tagior Mahan (1630 - 1653) v.v...

Lăng Tagior Mahan

Nền thống trị Mông Cổ được thiết lập ở Ấn Độ kể từ vương triều Môgol năm 1526 và kéo dài trong suốt 332 năm, với ông vua đầu tiên là Babua. Vương triều này đã có



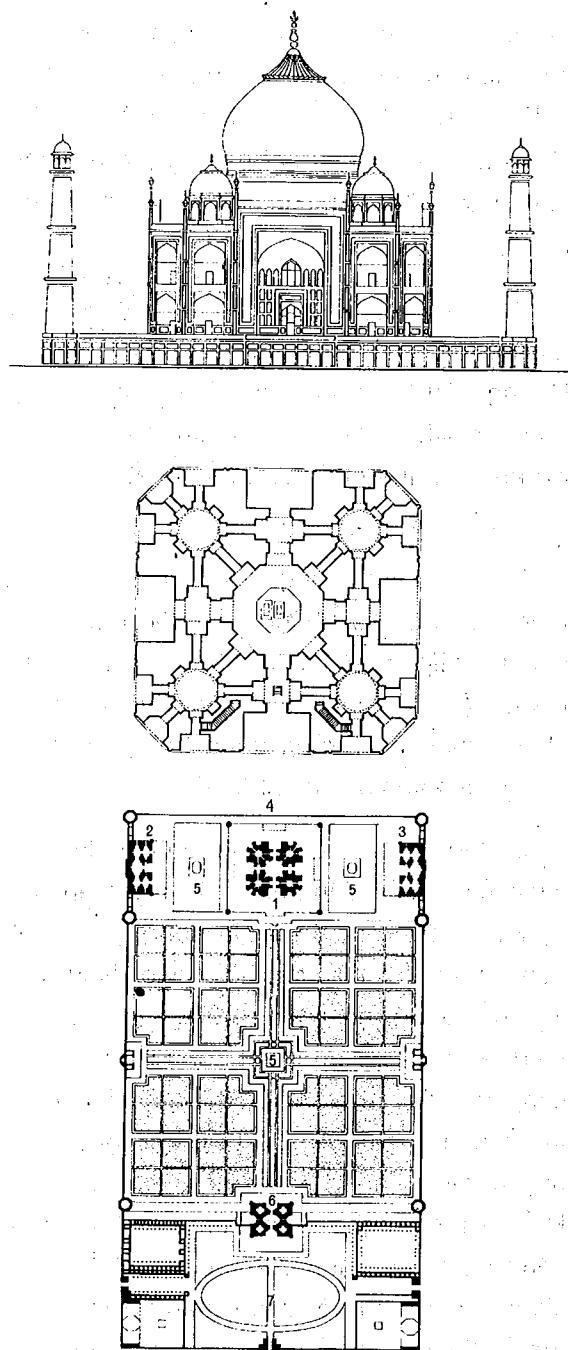
263.
Toàn cảnh đền
Branesvana
ở Buvanesva
TK XI

công xây dựng nên hai thành phố đẹp nổi tiếng là Đêli và Agra.

Vua đời thứ năm tên là Sagiahan, một ông vua có xu hướng Hồi giáo, rất ham thích nghệ thuật xây dựng. Sau 19 năm chung sống và 4 lần sinh, Hoàng hậu của vua Sagiahan tên là Arguman Bano Begum qua đời ở tuổi 38. Sự thương tiếc người đàn bà chết còn trẻ đã thôi thúc vua Sagiahan xây lên một công trình tưởng niệm đẹp vô song: Lăng Tagi Mahan - tiếng Ba Tư có nghĩa là Vương miện của người Môgol. Khởi công xây dựng năm 1632 theo thiết kế của nhà kiến trúc Han Effendi người Ấn Độ*, công trình đã huy động tới 24 ngàn người làm trong 24 năm.

Tại hạ lưu sông Yamura, cách Đêli 200km về phía Đông Nam, trên khu đất hình chữ nhật ($580m \times 290m$) có tường rào, sân trước, cổng và hồ nước, một tòa nhà bằng đá trắng pha sa thạch đỏ với một vòm hình cầu cao tới 75m lừng lững đứng dưới bầu trời xanh (hình 264).

Hai bên tòa nhà chính có hai công trình xây bằng đá sa thạch đỏ cùng với bốn tháp tròn cao 40m ở bốn góc làm tăng sự hùng vĩ và vai trò chủ đạo của mái vòm chính. Mái vòm chính có đường kính 17,7m cao tới 61m, còn mặt bằng có dạng hình vuông $56,7m \times 56,7m$, bốn góc vát chéo. Cửa cuốn lớn theo



264. Lăng Tagi Mahan
Toàn cảnh, mặt bằng, tổng thể

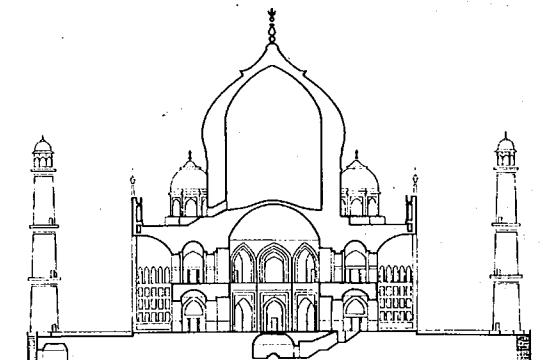
* Có sách dẫn tên 3 kiến trúc sư tác giả Lăng này là Ustad (người Ba Tư), Gieromin (người Italia) và Ôxtri đơ Boocđô (người Pháp).

một típ người Tuốc có tỷ lệ đẹp, có bóng đổ sâu tạo nên một phong thái dung dị mà trang nghiêm. Nội thất dùng nhiều đường điếm chạm khắc bằng 12 loại đá quý ghép thành những hoa văn màu sắc sỡ rất đặc trưng cho phong cách Ấn.

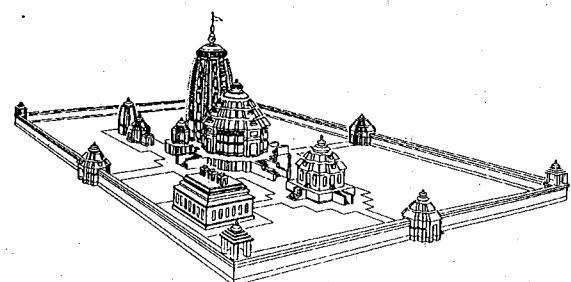
Ngay chính giữa gian phòng rộng tầng hai có đặt hai quan tài giả của Vua và Hoàng hậu bằng đá cẩm thạch màu hồng nhạt có khắc đầy chữ Ả Rập lấy từ kinh Koran. Hai quan tài đựng xác chết được đặt ở tầng dưới (hình 265).

Dưới bầu trời trong đầy ánh nắng, trên thảm cỏ xanh và những tia nước phun ánh bạc, ngồi lên trong màu đá trắng hồng, Tagor Mahan quả là một viên ngọc quý Ấn Độ đã chiếm được vị trí xứng đáng trong kho tàng các giá trị văn hóa của nhân loại.

Có thể coi các công trình tôn giáo là tiếng nói chủ đạo của kiến trúc cổ Ấn Độ. Tiếng nói ấy không đồng nhất mà đa dạng, phản ánh đúng màu sắc của các tôn giáo. Nếu kiến trúc cổ Ai Cập là những công trình có kích thước khổng lồ, kiến trúc Lưỡng Hà là những công trình đầy màu sắc bằng gạch và gốm thì trong kiến trúc cổ Ấn Độ ta thấy một sự hòa quyện giữa không gian kiến trúc và điêu khắc. Những nghệ nhân Ấn Độ đã trang trí công trình của mình với các tác phẩm điêu khắc phong phú và nhiều màu vẻ theo các truyền thuyết mô tả trong các cuốn kinh cổ. Sự phong phú về chi tiết trên quy mô hoành tráng đã tạo nên tiếng nói riêng cho các công



265. Mặt cắt Lăng Tagor Mahan



266. Quần thể đền thờ ở Konarak - Trung Ấn

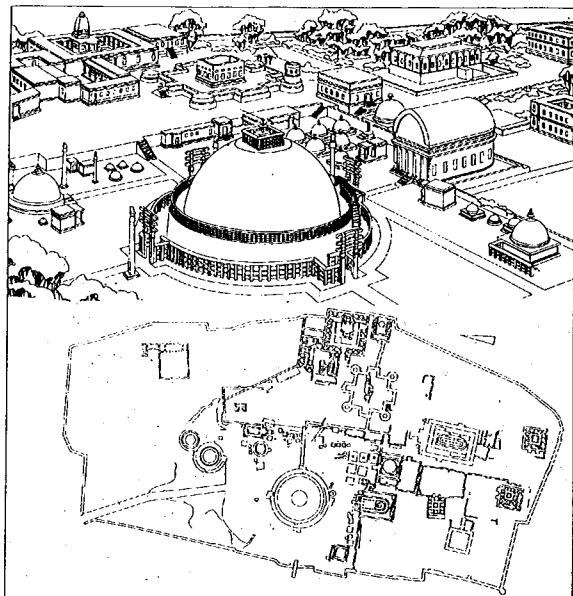
trình tôn giáo của đạo Hindu. Không gian càng vào sâu càng cao và ánh sáng càng vào sâu càng giảm đã tạo nên sự huyền bí của ngôi đền. Ngược lại với kiến trúc Hindu, kiến trúc các công trình đạo Hồi lại kết nối một cách thoáng mở, tạo nên sự phong phú hấp dẫn trong chuyển biến không gian. Bên cạnh đó, những công trình đạo Phật vẫn có những nét riêng. Công trình toát lên vẻ thanh tịnh của Phật giáo, có tính hình tượng cao. Các nghệ nhân vẫn sử dụng điêu khắc để trang trí cho công trình nhưng ở mức độ biết kiềm chế (hình 266, 267).

Tóm lại, kiến trúc Ấn Độ là một sự phản ánh trung thực, phong phú, đa dạng một nền văn hóa lâu đời với những cơ sở triết lý riêng mang màu sắc Ấn Độ không thể trộn lẫn. Màu sắc ấy rất khó phân tích mà có lẽ chỉ có thể cảm nhận được mà thôi.

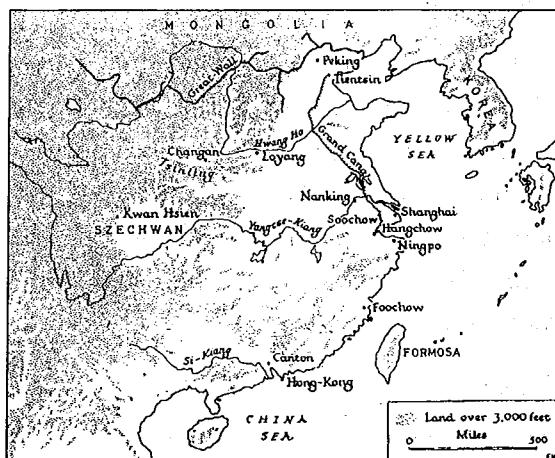
4.2. KIẾN TRÚC TRUNG QUỐC

Với diện tích gần 10 triệu km², lớn hơn cả toàn bộ diện tích các nước châu Âu cộng lại, Trung Quốc là một trong những quốc gia lớn nhất thế giới. Từ hàng vạn năm trước, nơi đây đã sớm có một nền văn minh rực rỡ và uyên bác. Dân cư thời đó chủ yếu sống dọc theo các con sông Hoàng Hà ở phía Bắc, sông Trường Giang ở phía Nam, vùng duyên hải biển Đông và một số vùng cao nguyên thuộc Nội Mông và Tây Tạng.

Chế độ xã hội thị tộc công xã ở Trung Quốc được hình thành từ cách đây 5 vạn năm. Khoảng thế kỷ thứ XVII đến thế kỷ thứ V



267. Toàn cảnh khu vực Stupa Sanchi I



Bản đồ Trung Quốc

trước CN là thời kỳ chiếm hữu nô lệ (nhà Hạ), và nhà nước nô lệ (nhà Thương, Chu). Từ cuối thế kỷ thứ V trước CN, chế độ phong kiến Trung Quốc được hình thành và phát triển trong 25 thế kỷ tiếp theo.

Suốt trong mấy ngàn năm qua, nền văn minh Trung Quốc đã cống hiến cho nhân loại những thành tựu rất to lớn, trong đó có các kỳ công thuộc lĩnh vực kiến trúc (hình 268).

Lịch sử phát triển kiến trúc Trung Quốc cổ và trung đại có thể quy vào 4 thời kỳ chính:

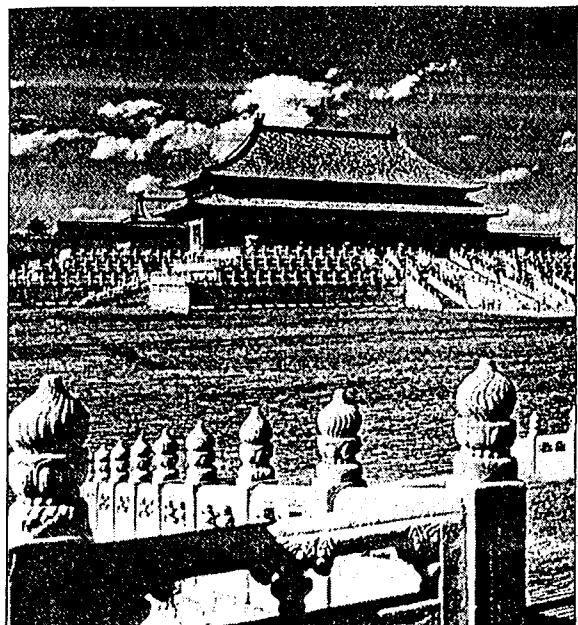
Thời kỳ thứ nhất (5 thế kỷ) - từ 475 trước CN đến 220 sau CN, bao gồm thời Chiến quốc và các nhà Tần, Hán.

Thời kỳ thứ hai (4 thế kỷ) - từ năm 221 đến 1368, bao gồm thời Tam quốc, Lưỡng Tần, Nam - Bắc triều, nhà Tuỳ và nhà Đường.

Thời kỳ thứ ba (4 thế kỷ) - từ năm 908 đến 1368, thuộc các thời Ngũ đại, Liêu, Tống, Kim, Nguyên.

Thời kỳ thứ tư (hơn 6 thế kỷ) - bắt đầu từ năm 1369 thuộc các nhà Minh, Thanh, kết thúc bằng cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 với việc thoái vị của vua Phổ Nghi - ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa năm 1949.

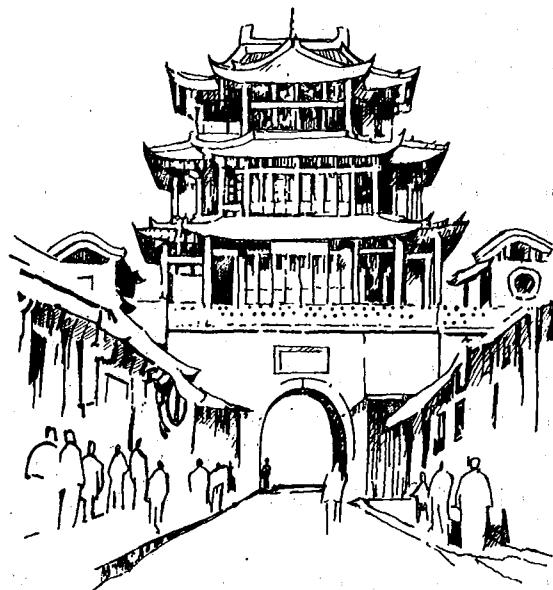
Ngay từ thời Chiến quốc (TK thứ V trước CN), ở Trung Quốc đã xuất hiện nhiều đô thị lớn như các thành Yến Hạ Đô, Đan Thiền Triệu, đều thuộc Hà Bắc ngày nay. Đặc biệt



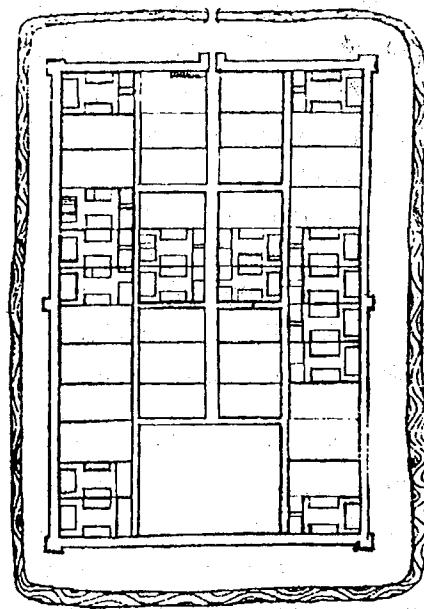
268. Điện Thái Hòa trong Tử cấm thành,
Bắc Kinh - Trung Quốc

là *Đô thành Trường An* (thuộc Tây An ngày nay), đã tồn tại từ khoảng TK thứ II, đến năm 582 thì được xây lại, lấy tên là Đại Hưng Thành. Tường thành bằng đất nén dày 9 - 12m, cao 6m, bên ngoài có hào rộng 8m, sâu 4m. Tổng chiều dài thành 25km, có một mặt thẳng và ba mặt uốn lượn. Đường trong thành có chỗ rộng tới 18 m, với 160 phố, 108 phường ở phía Đông Bắc, và các lò thủ công ở phía Tây Bắc thành. Đến TK thứ VII, dân số Tràng An đã đạt tới 1 triệu người, với chiều dài thành lên tới 35km. Vào các triều đại sau, Trường An càng được mở rộng, thay đổi, tôn tạo thành một trung tâm chính trị, văn hóa và thương mại, thủ đô của nhiều triều đại Trung Hoa, đến tận thời nhà Đường, kéo dài hơn 1000 năm (hình 269).

Thành Lâm An (nay là Hàng Châu thuộc tỉnh Triết Giang) từ thời Nam Tống đã có nhiều nhà cửa san sát, thành quách bao la, người nhiều vô kể. Phố hẹp nhưng tấp nập trên bến dưới thuyền, đèn luôn rực sáng trong các chợ đêm ở khu Bắc qua, được coi là một trong tám thang cảnh của Hàng Châu. Thành Bình Giang thời Nam Tống (nay là Tô Châu) thuộc tỉnh Giang Tô, vốn là kinh đô của nước Ngô cổ đại, đã trên 2400 năm được coi là danh thắng thơ mộng bậc nhất Trung Hoa. Ở đây còn giữ được tới 180 vườn hoa mang phong cách tự nhiên, với những núi đồi nhấp nhô, đèn chùa thấp thoáng giữa rừng tre trúc, với 160 cây cầu đá uốn cong và những con đường lượn theo bờ suối có hàng liễu rủ quanh năm.



269. Gác chuông thành Ngân Xuyên



Mặt bằng huyện lỵ Huồng - Tỉnh Cam Túc

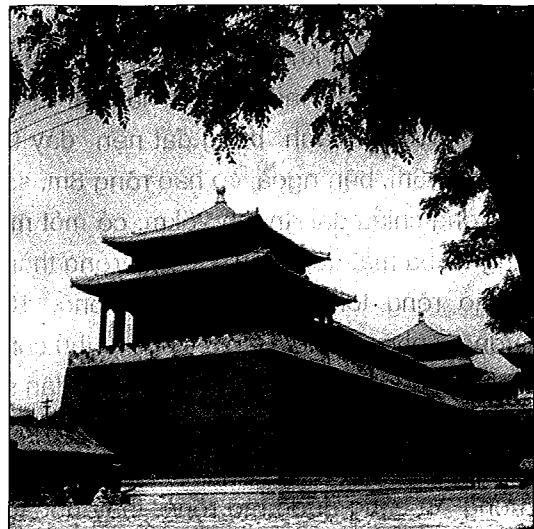
Một đặc điểm quy hoạch của đô thị này là sự kết hợp tài tình giữa đường thuỷ và đường bộ trong mạng lưới giao thông. Người Trung Quốc có câu: "Trên trời có Thiên đàng, trần gian có Hàng, Tô" (Hàng Châu, Tô Châu) để nói lên vẻ đẹp bậc nhất của hai đô thị này.

Những nguyên lý bố cục kiến trúc và quy cách xây dựng của Trung Quốc đã được hình thành và ổn định ngay từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ (khoảng thế kỷ thứ XII trước CN) và đã có ảnh hưởng lâu dài trong suốt hơn 30 thế kỷ. Quy hoạch đô thị theo ô cờ và bố cục mặt bằng đối xứng là hai đặc điểm nổi bật nhất bao trùm toàn bộ nghệ thuật xây cất Trung Hoa.

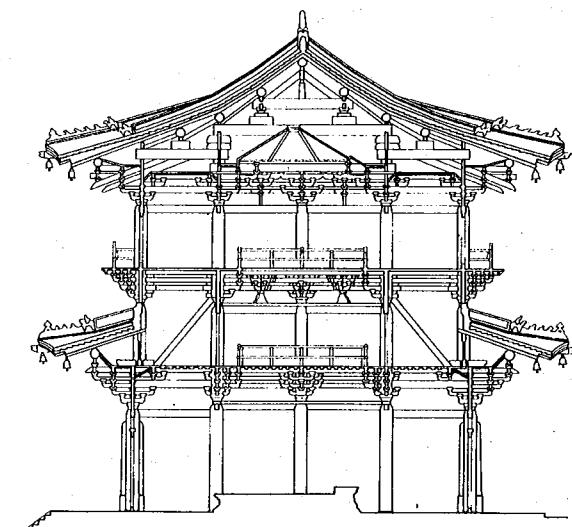
Đạo Phật từ phía Ấn Độ được truyền vào Trung Quốc từ thế kỷ thứ I trước CN, mang theo số ảnh hưởng của kiến trúc đá và chùa hang Ấn. Tuy vậy kiến trúc gỗ vẫn là dòng phát triển mạnh mẽ cho đến tận các thế kỷ sau này (hình 270, 271).

Nền kiến trúc Phật giáo Trung Quốc qua nhiều triều đại đã tạo nên khá nhiều ngôi chùa tháp nổi tiếng ở nhiều đô thị.

Chùa Long Hưng ở phủ Chính Định (Hà Bắc ngày nay) có điện Đại Bi 3 tầng cao 33m, bên trong đặt tượng Phật nghìn mắt nghìn tay bằng đồng cao 24m. Điện Môn ở đây dài 35m, rộng 28m, có hàng cột vàng và ba pho tượng lớn, mặt tường có vẽ bích họa (hình 272). *Tháp Xá Lợi* ở Nam Kinh hình bát giác cao 15m, xây từ năm 601 bằng đá



270. Kiến trúc gỗ trong Cố thành Bắc Kinh



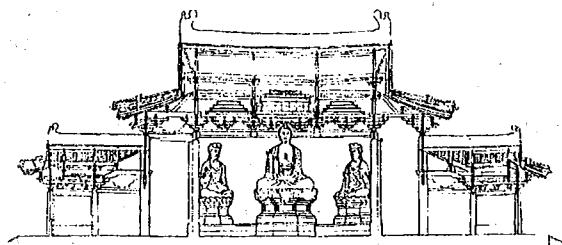
271. Cấu tạo bộ khung sườn bằng gỗ trong kiến trúc truyền thống Trung Hoa

trắng, toàn bộ nền và thân tháp đều được chạm khắc tinh vi. *Tháp Thích Ca* ở chùa Phật Cung huyện Ưng (tỉnh Sơn Tây) xây năm 1056 cao 9 tầng (67m), mái hình bát giác có chuông treo ở các góc, đỉnh mái có lõi sắt. Toàn bộ tháp này tuy được làm bằng gỗ nhưng đã vượt qua nhiều trận động đất và thử thách của thời gian để đứng vững gần 1000 năm, cho đến tận ngày nay. Số chùa tháp Phật giáo ở Bắc Kinh như Thiên Ninh, Diệu Ưng (1090), ở Hà Bắc như Liêu Dịch (1001), Am Kinh (1038) v.v...đều rất nổi tiếng về quy mô và giá trị nghệ thuật (hình 273).

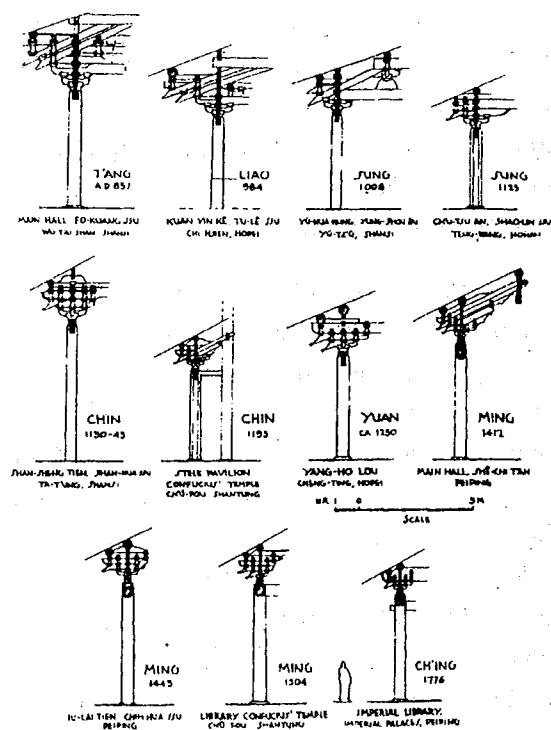
Thời nhà Đường, người Arập xâm nhập bằng đường buôn bán vào Trung Quốc mang theo kiến trúc Hồi giáo. Một ví dụ của kiến trúc Hồi giáo Trung Quốc thời kỳ này là *chùa Thanh Quang* (1131) xây bằng đá xanh cao 20m, cửa cuốn theo hình củ hành là hình thức khá điển hình của kiến trúc Hồi giáo.

Bố cục phổ biến của đền chùa Trung Quốc là sắp xếp các nhà riêng biệt, lần lượt đứng tiếp nhau theo một trục chính, nhà nọ cách nhà kia một khoảng sân. Nhà cao nhất chỉ phối toàn bộ các nhà còn lại trong một quần thể có tường cao bao bọc xung quanh.

Vật liệu xây dựng gồm có gạch, đá, và đặc biệt là gỗ. Gỗ được dùng phổ biến, có vai trò quyết định trong cấu trúc nhà cửa, đền đài đồng thời cũng quyết định luôn cả dáng dấp, hình thức bề ngoài, giá trị nghệ thuật của tòa nhà. Các công trình dù có được xây bằng gạch đá ở các thời kỳ sau thì cũng chủ yếu



272. Mặt cắt dọc điện Moni chùa Long Hưng

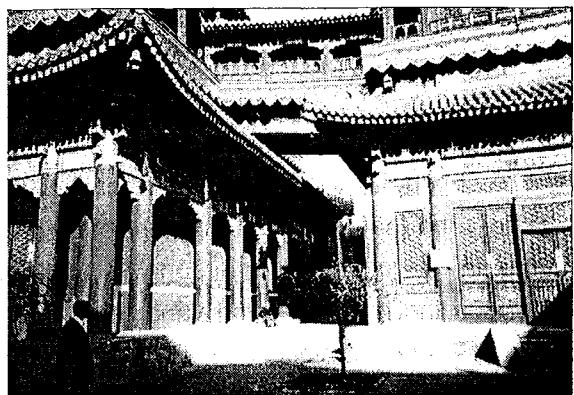


273. Sự phát triển của thức cột Trung Quốc theo thời gian

dựa trên cấu trúc khung sườn bằng gỗ là chính. Mỗi ngôi đền thường có ba phần: nền móng bằng đá, cột, cửa, vò kèo bằng gỗ, mái lợp ngói. Hệ sườn gỗ đỡ ngói dồn toàn bộ trọng lượng mái lên các cột. Vật liệu gỗ giúp cho mái nhà có độ cong mềm mại, độ dốc lớn, không gây ra cảm giác bị đè nén nặng nề. Ở đây vai trò mỹ thuật của diềm mái là đáng kể. Diềm mái kết hợp với màu xanh ngọc hay vàng nhạt của ngói gốm lưu ly tạo nên sự kết thúc công trình một cách hoàn hảo (hình 274, 275).

Người Trung Quốc từ thời cổ đại đã có những quy chế-sử dụng vật liệu, với những tiêu chuẩn định mức vật tư rất chi li cho từng thể loại công trình. Thời kỳ sau chỉ hoàn thiện và cải tiến chi tiết các mẫu mã kiến trúc có sẵn của thời kỳ trước, còn các nguyên tắc bố cục thì giữ nguyên trong hàng ngàn năm. Có thể điều này đã làm hạn chế sự phong phú về mặt tạo dáng của kiến trúc.

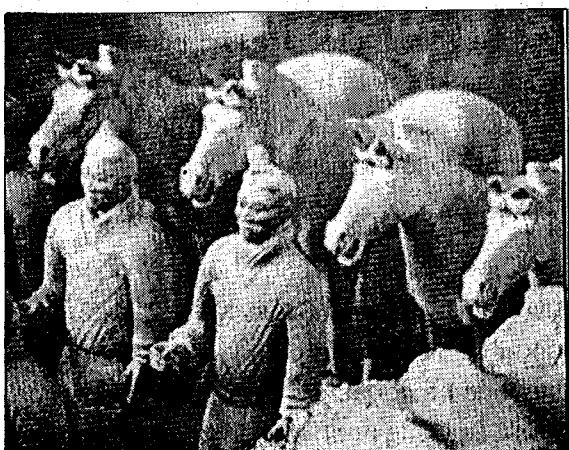
Ở Trung Quốc thời nào cũng có xây dựng nhiều lăng mộ với những quy mô hết sức rộng lớn. Điển hình nhất là *Khu lăng mộ Tần Thuỷ Hoàng* - ông vua đầu tiên đã thống nhất cả 65 dân tộc Hoa Hạ (250 - 210 trước CN) - nằm cách thành Tây An 160km. Đây quả thực là một kinh đô tráng lệ đầy huyền bí của nhà Tần bị thời gian che phủ suốt mấy ngàn năm, mãi tới năm 1974 mới được phát hiện và khai quật. Trên diện tích 11km², người ta đã tìm thấy 3 hầm mộ cực lớn, bên trong có tới gần một vạn tượng người ngựa to bằng thật và trên 10 vạn bình khí. Các tượng người



274.



275. Bộ khung nhà bằng gỗ



276. Tượng binh sĩ trong mộ Tần Thuỷ Hoàng

ngựa đều được tạc rất sống động, màu sắc trong suốt, được pha chế từ khoáng vật (hình 276). Khu lăng mộ nhà Tần được các nhà nghiên cứu, các chính khách đánh giá là kỳ quan thứ 8 của thế giới.

Nhà ở phong lưu thời Trung Quốc cổ đại thường có dạng trang viên, bao gồm cả kho, bếp, chuồng trại chăn nuôi, một số nhà ở nhiều gian một tầng với hàng cột và hiên chạy quanh.

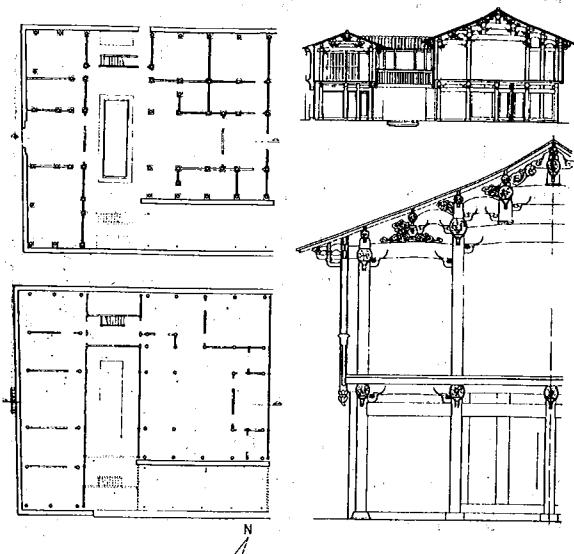
Một tòa lâu đứng giữa sân rộng, một nhà chờ để ngồi ngắm cảnh và các tháp đá và vườn cây được chăm chút rất công phu là những bộ phận chính của loại nhà ở này.

Nhà ở dân gian thì mỗi nơi lại có phong thái riêng, tùy thuộc vào khí hậu mỗi vùng một khác (hình 277, 278).

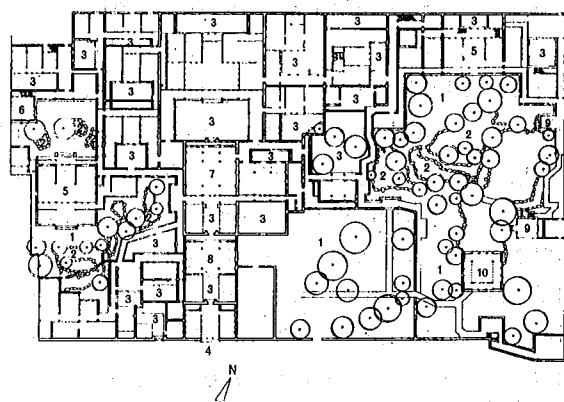
Nghệ thuật kiến trúc cổ đại Trung Quốc quả đã tạo nên rất nhiều kiệt tác, mà Vạn lý trường thành và Bắc Kinh là những ví dụ.

Vạn lý trường thành

Còn được gọi là Bức tường vĩ đại (great wall), khởi xây từ thời Xuân Thu Chiến quốc (thế kỷ thứ VII trước CN) và mãi đến thế kỷ thứ XIX sau CN mới thực sự hoàn thành. Trải dài trên 6.700km*, đây thực chất là một hệ thống phòng thủ khổng lồ chạy qua đồng



277. Nhà ở dưới thời Minh với hệ khung gỗ



278. Nhà vườn ở miền Nam Trung Quốc

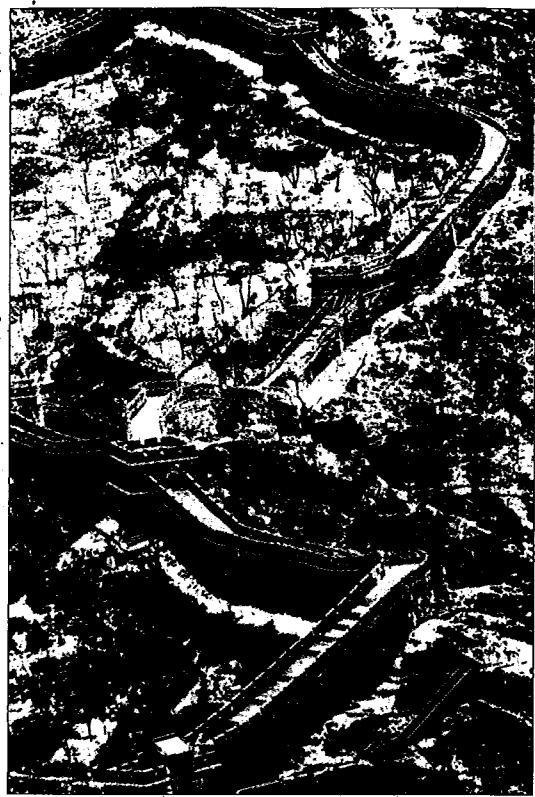
* Có sách chép tổng chiều dài của tất cả các tường thành đã được xây vào các thời kỳ khác nhau là 54.000km.

bằng, núi cao, đầm lầy, sa mạc khắp một vùng rộng lớn phía Tây Bắc Trung Hoa.

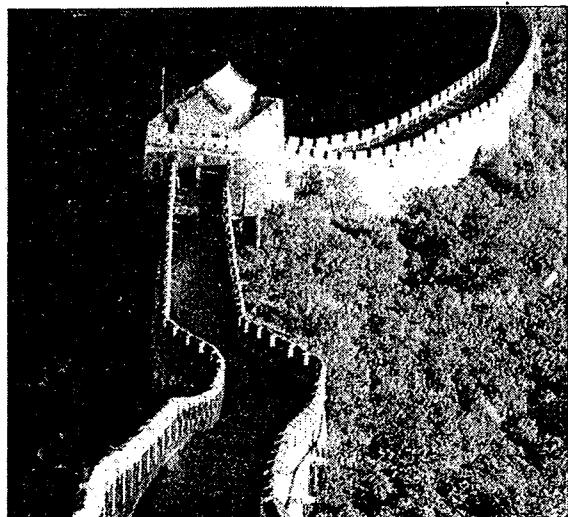
Chiều cao phổ biến của tường thành là 10m. Chiều rộng tường là 5 - 6m. Cứ cách từ 100 - 500m có một tháp canh cao 12 - 15m. Tổng số tháp lên tới gần 10.000, gọi là phong hoả đài. Xen kẽ giữa các tháp còn có những điểm thư truyền tin, trạm ngựa, kho vũ khí, trang trại đảm bảo hậu cần v.v... Mỗi tháp canh thường chia thành 2 tầng: dưới làm phòng ngủ, các loại kho; trên để tuần tiễu, có tường dày với nhiều lỗ chau mai. Liên hệ trên dưới có nơi có thang xây, có nơi không làm thang mà phải leo dây cốt để đề phòng kẻ địch đột nhập bất ngờ (hình 279, 280).

Vật liệu xây dựng thường được khai thác tại chỗ. Cách thức gia công vật liệu khá cầu kỳ nên đạt độ bền rất cao (gạch có sức chịu nén tới 1.000 kg/cm^2 được gọi là "gạch vạn năm") tồn tại được tới trên 2.000 năm chưa hỏng. Công trình vĩ đại này do phải làm thủ công nên lao động xây dựng là một cực hình khổ sai, dẫn đến tiến độ rất chậm chạp. Có đoạn tường thành chỉ dài 23m mà phải huy động cả ngàn nông dân, binh lính làm trong suốt 6 tháng. Người chết xác chất thành đống, máu chảy dài ngàn dặm, có lẽ còn hơn cả người Ai Cập xây Kim Tự tháp vào thời cổ đại.

Vạn lý trường thành ngày nay không còn mang ý nghĩa phòng thủ, nhưng bù lại đã tạo nên dấu ấn của tính cách Trung Hoa: bền bỉ, nhất quán, hoành tráng và vĩ đại.



279. Vạn lý trường thành



280. Tháp canh trên Vạn lý trường thành

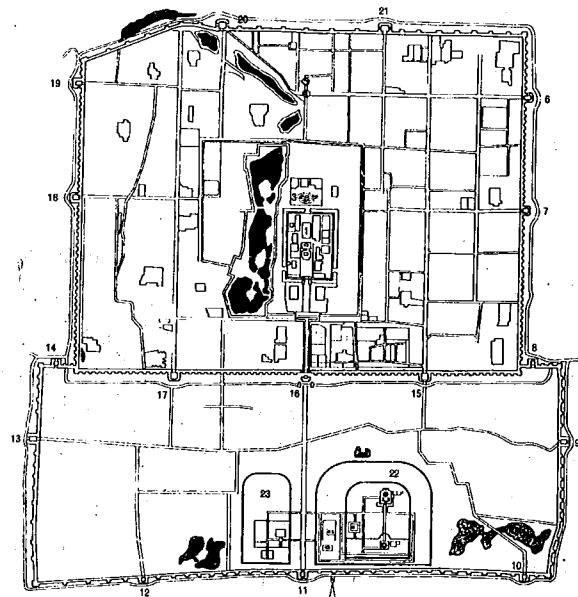
Thành phố Bắc Kinh và Tử Cấm thành

Thành phố Bắc Kinh và Tử Cấm thành đại diện cho kiến trúc triều Minh (thế kỷ thứ XV - XVI), mặc dù trước đó đã từng có 3 triều đại Liêu, Kim, Nguyên đóng đô ở đây.

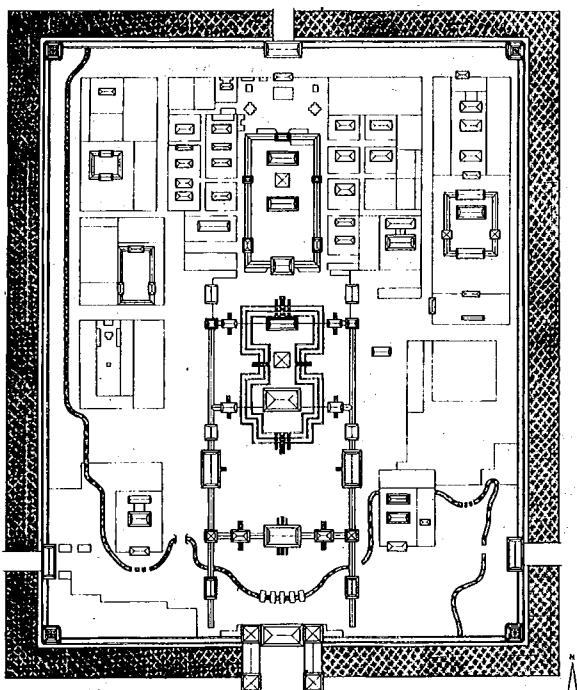
Ngay từ thời Nguyên, nước Trung Hoa thống nhất đã đào nhiều con sông để thông thương từ Bắc Kinh tới những vùng hạ lưu sông Trường Giang, đặt những cơ sở đầu tiên cho quy hoạch Bắc Kinh.

Mặt bằng thành Bắc Kinh thể hiện rõ nét những nguyên tắc xây dựng lâu đời của Trung Quốc (hình 281) có bố cục đối xứng qua trục Bắc - Nam với ba vòng thành: vòng trong cùng là Tử Cấm thành (còn gọi là Hoàng cung hay Cố cung), dài 960m, rộng 760m, cân xứng tuyệt đối, có tường dày bao quanh cao 10m, bên ngoài có hào rộng 52m.

Kiến trúc Tử Cấm thành lại chia ra hai phần là Ngoại triều (ở phía trước) và Nội dinh (ở phía sau). Ngoại triều gồm ba điện lớn: *Thái Hoà* lớn nhất, dài 64m, rộng 37m, cao 27m, được đặt trên bệ cao 8m. Trước điện có một sân rộng tới 3,6 ha, đây là nơi thường cử hành các nghi lễ quốc gia. Tiếp đến *Trung Hoà* là nơi dành riêng để nhà vua làm các công việc chuẩn bị trước khi dự lễ. Sau nữa là *Bảo Hoà*, nơi vua thường chủ khảo các khoa thi và tham dự các buổi yến tiệc (hình 282).



281. Tổng thể thành phố Bắc Kinh dưới triều Minh



282. Mặt bằng Tử Cấm thành

Bao quanh Tử Cấm thành là nơi ở của quan lại, tướng sĩ, quan thần với nhiều lầu đài, vườn hoa, công viên. Vòng ngoài cùng dành cho dân thường.

Nằm trên trục chính Bắc - Nam trong khu vực thành nội, ở phía bắc Tử Cấm thành có hai tòa tháp nối tiếp nhau là *Tháp Trống* và *Tháp Chuông*. Ở ngoại thành, về phía Nam Cấm thành còn có hai quần thể lớn là *Đền thờ trời* (Temple Heaven) và *Đền thờ thần Nông* (Temple of Agriculture). Cả hai khu thành nội ngoại đều được bức tường thành bằng gạch bảo vệ. Bức tường này dài tới 23,55km có 12 cổng từ ngoài vào và 3 cổng nối giữa hai khu (hình 283).

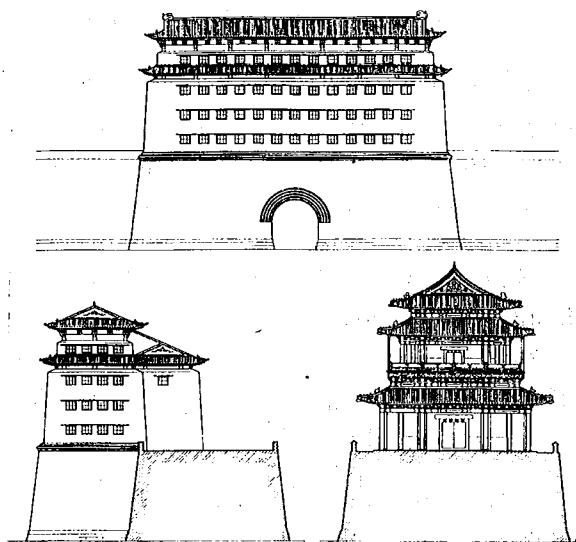
Thiên Đàn

Được xây dựng tại phía Nam thành Bắc Kinh vào năm Vĩnh Lạc thứ 18 thời Minh (1420), Thiên Đàn là nơi để các Hoàng đế Trung Hoa tế trời và cầu được mùa.

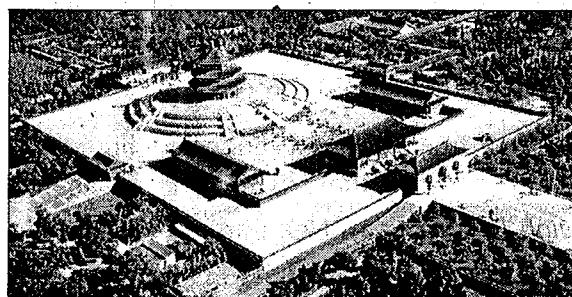
Ban đầu, Đàn có tên là Thiên Địa Đàn để tế cả trời và đất; song từ năm 1530, nơi đây chỉ chuyên dùng để tế trời.

Trên khu đất rộng gấp 4 lần Cố cung ($2.730.000m^2$), Thiên đàn có 3 công trình chủ yếu nằm dọc theo trục Bắc - Nam: Kỳ Niên Điện, Hoàng Khung Vũ và Hoàng Khưu Đàn (hình 284).

Nằm ở đầu Bắc, Kỳ Niên Điện là nơi vào ngày 8 tháng giêng hàng năm, nhà vua tiến hành lễ cầu được mùa. Điện hình tròn, cao



283. Cổng Bắc (trên) và cổng giữa (dưới) trong Cấm thành (Bắc Kinh)

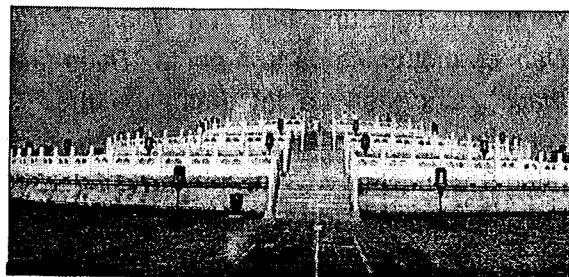


284. Toàn cảnh Kỳ Niên Điện (trên)
Hoàng Khung Vũ (dưới)

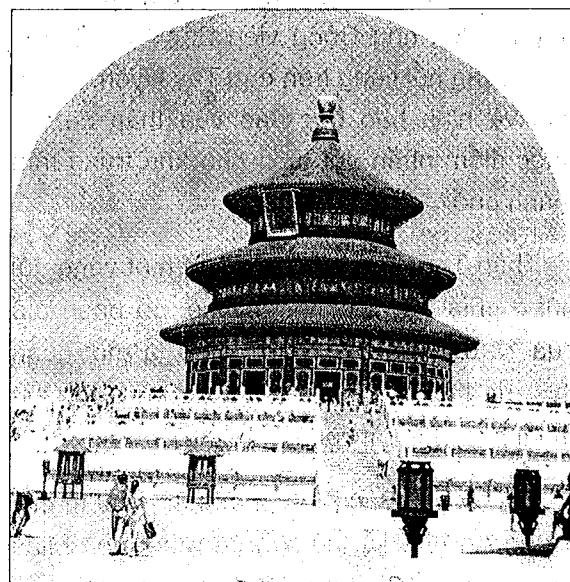
38m. Nền điện cao 6m, chia ra 3 bậc. Đường kính bậc dưới cùng 90,9m. Đường kính thân điện 20,5m. Mái điện cũng chia làm ba tầng, lợp ngói lưu ly màu xanh, kết thúc bằng một chóp nhọn. Vòm trần và mái trên cùng được đỡ bằng 4 cây cột có tên là "Cột Long tinh", tượng trưng cho 4 mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông. Mái giữa và mái trên cùng được đỡ bằng 24 cây cột chia thành hai vòng, mỗi vòng 12 cột tượng trưng cho 12 chi của giáp và 12 tháng của năm. Đường bao của Kỳ Niên Điện gây được cảm giác vươn lên mạnh mẽ tới tận trời, đầy vẻ thiêng liêng, huyền bí (hình 285).

Phía Nam Kỳ Niên Điện là *Hoàng Khung Vũ*, nơi lưu giữ các bài vị tế trời. Toà tháp này hình tròn đường kính 15,6m, cao 19,5m, mái hình tán ô do 8 cột đỡ. Bức tường bao quanh Hoàng Khung Vũ hình tròn đường kính 64m, cao 6 m có khả năng hồi âm rất tốt. Đứng ở tâm bức tường này trên phiến đá trắng của bậc tam cấp, nếu gọi một tiếng sẽ có ba iếng vọng lại. Vì vậy đá có tên là "Tam âm thạch".

Ở đầu cùng phía Nam của trục là *Hoàng Khuê Đàm*, nơi vua chúa tiến hành các buổi lễ tế trời. Đàm này có hình tròn, xây bằng đá cao 5m, chia thành 3 cấp. Cấp dưới cùng có đường kính 54,7m, còn cấp trên cùng có đường kính 23m. Mỗi cấp được ngăn bằng 360 thanh lan can bằng đá trắng chạm khắc tinh vi, tượng trưng cho 360 độ của



284 (tiếp theo) *Hoàng Khuê Đàm*



285. *Kỳ Niên Điện* với đường bao hướng lên trời

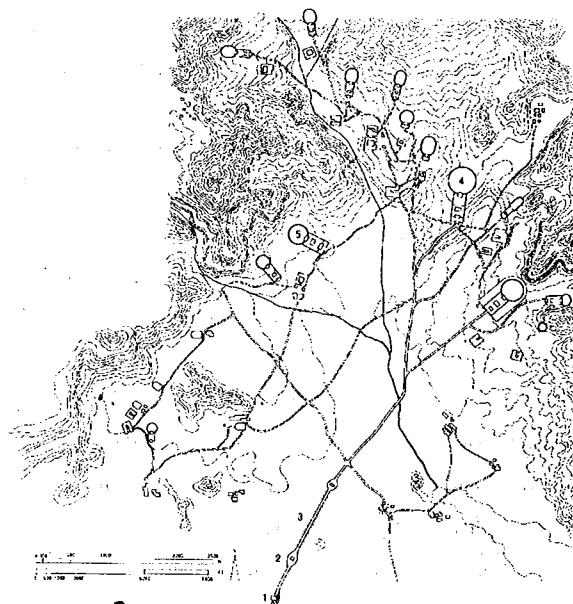
vòng trời. Tại trung tâm của *Hoàng Khưu Đàn* có một phiến đá tròn gọi là “*Thiên tâm thạch*”. Các viên đá lát được xếp theo 9 vòng tròn đồng tâm, mỗi vòng hơn kém nhau 9 viên. Như vậy vòng trong cùng có 9 viên, còn vòng ngoài cùng có 81 viên. *Hoàng Khưu Đàn* được xây bằng thứ đá có khả năng phản âm kỳ lạ: một tiếng hô to từ “*Thiên tâm thạch*” sẽ vang đi rất xa, như tiếng vọng của đất trời.

Bắc Kinh còn có nhiều công trình hoa viên quy mô lớn như Công viên Bắc Hải với tòa tháp trắng nổi tiếng trên đảo Tây Uyển. Chiều cao và hình bao độc đáo của tháp đã tạo được điểm nhấn đột biến cho khu trung tâm thành phố.

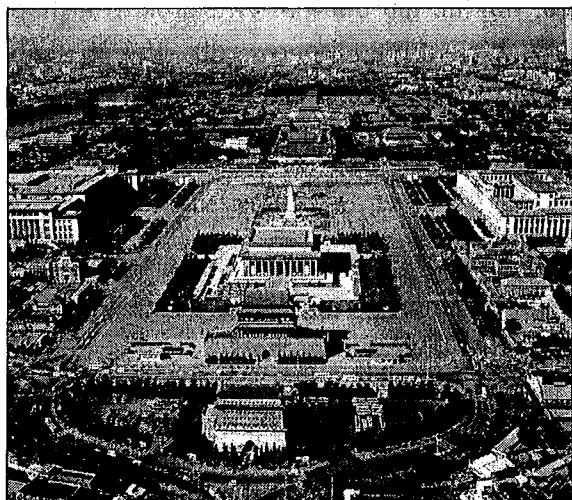
Thập Tam lăng toạ lạc trong một vùng đồi núi ở phía Tây Bắc thành phố, có phần mộ của 13 đời vua triều Minh. Đây là một quần thể vừa huyền bí, vừa hoành tráng với nghệ thuật hoa viên rất cao (hình 286).

Thành phố Bắc Kinh phát triển suốt từ thời Tràng An (thế kỷ thứ VII) đến thời nhà Minh (thế kỷ thứ XVII) và cho tới sau này luôn giữ được sự ổn định và nhất quán trong bố cục tổng thể, đồ sộ và chuẩn xác về đường nét công trình và phong phú về màu sắc kiến trúc (hình 287).

Nhân tài trong sự nghiệp kiến thiết nước Trung Hoa thời nào cũng săn. Thời Minh - Thanh có Bằng Tường, Dương Thanh đã xây nên các cung điện ở thành Bắc Kinh, có anh



286. Thập tam lăng ở Bắc Kinh



287. Khu vực trung tâm Bắc Kinh ngày nay

em nhà Lục Hiền, Lục Tường xây dựng cung điện ở Nam Kinh, có dòng họ Lôi bảy đời đều chủ trì xây dựng các cung thất và vườn hoa, biệt dã nhà Thanh.

Sử sách Việt Nam và Trung Quốc còn nhắc đến một người Việt tên là Nguyễn An đã đóng góp nhiều công lao trong xây dựng thành Bắc Kinh. Theo tác giả Trần văn Giáp thì *Nguyễn An, người Giao Chỉ, tính tình thanh bạch, khắc khổ... giỏi việc kiến trúc công trình,... đã từng cho kiểu mẫu và đứng ra trông coi việc sửa sang thành Bắc Kinh, làm 9 cửa thành, sửa lại 3 điện, 6 bộ và trụ sở các ty, đắp lại đê trên khúc sông chảy qua vùng Tắc Dương... Các quan ở bộ Công chỉ việc dựa theo những kiểu do Ông vạch sẵn mà làm. Khi sắp mất, Ông đem tất cả của cải được vua ban và của riêng hiến làm quỹ công.*

Tựu chung lại, tiềm năng vô tận của một quốc gia đất rộng, người đông đã góp phần tạo nên những sắc thái vô cùng phong phú về cảnh quan và công trình trên một không gian hết sức rộng lớn, dù ta có dày công cũng khó có thể tìm hiểu cho hết (hình 288).

4.3. KIẾN TRÚC NHẬT BẢN*

Nhật Bản là một nước nằm trên mặt biển với hơn 6800 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 600



288. Cung Ung Hòa
Bắc Kinh - Trung Quốc

* Mục này có sử dụng số tư liệu do ThS. KTS Trần Thị Quế Hà chuẩn bị.

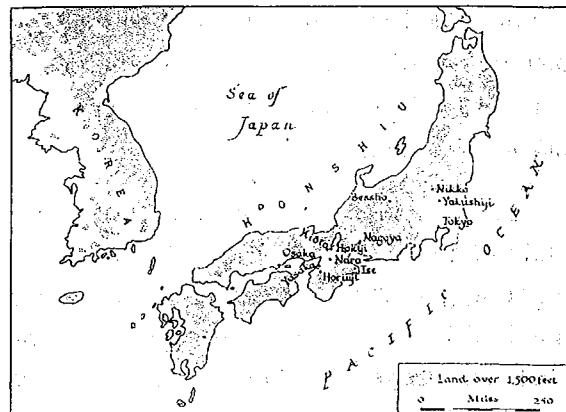
đảo với 380.000km² có người sinh sống*. Khí hậu nhiệt đới mùa hè nóng và mưa nhiều, nhưng mùa đông lại có tuyết. Ở đây ít đồng bằng, mà phần nhiều là đồi núi và hay có động đất. Những đặc điểm này làm cho ảnh hưởng văn hóa bên ngoài vào Nhật khá chậm và chủ yếu thông qua giao lưu với các nước láng giềng, tách hẳn ảnh hưởng từ các nước Địa Trung Hải, Ấn Độ hoặc Trung Đông như thường thấy ở nhiều nơi khác. Điều đó đồng thời cũng tạo cho Nhật Bản có số nét riêng trong lối sống cũng như trong xây dựng (hình 289, 290).

Để chống động đất, nhà cửa thường làm bằng các vật liệu nhẹ như tre, rơm rạ, giấy bồi và đặc biệt là gỗ. Đến thế kỷ thứ XVI mới thấy xuất hiện số công trình xây bằng đá. Ngói bằng gỗ được dùng để lợp mái các công trình đền dài, tôn giáo.

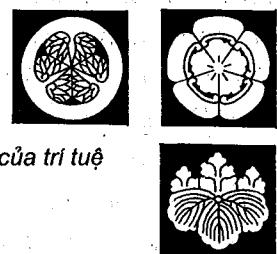
Sự phát triển của kiến trúc Nhật Bản có thể chia làm ba thời kỳ: cổ đại (từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ XII), trung đại (từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XVI), cận đại (từ thế kỷ thứ XVII đến thế kỷ thứ XIX).

Kiến trúc Nhật Bản cổ đại

Người Nhật theo Thần đạo (Shinto) - đạo thờ cúng ông bà tổ tiên, có nguồn gốc từ xa xưa. Ngôi đền điển hình nhất là Ise ở Sintō xây vào thế kỷ thứ III. Mặt bằng đền có hình



289. Nhật Bản - đất nước của trí tuệ và sự tinh tế

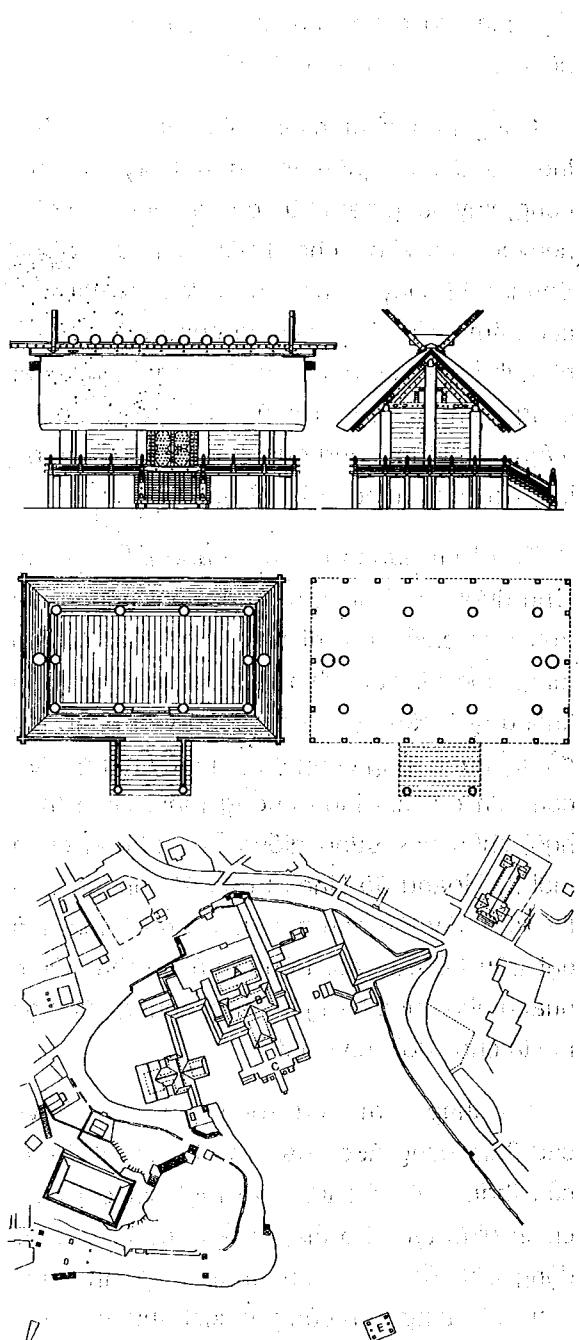


290. Đền Ise ở Sintō

* Có sách nêu con số 4.223 đảo.

chữ nhật với ba gian chiều dài và hai gian chiều đầu hồi. Sàn nhà cao; hai mái dốc lợp bằng rạ rất dày, có 10 thanh gỗ tròn nằm ngang để giữ cho mái khỏi bị tốc khi gió mạnh và bốn thanh bắt chéo từng đôi một ở hai đầu mái. Thanh nóc vươn khỏi chiều dài nhà, được đỡ bằng hai cột chống nằm ở hai hồi. Tất cả các cột đều tròn và được chôn trực tiếp xuống đất. Lối vào đặt ở gian giữa, có 10 bậc thang dẫn lên sàn và hàng lan can chạy bao quanh. Tương quan tỷ lệ giữa các bộ phận và mọi chi tiết ở đây đều sáng sủa, mạch lạc, đơn giản, đạt đến độ chắt lọc rất cao. Cột chống nóc ở hai hồi, các thanh tròn nằm ngang trên mái và hai đôi thanh chéo là những hình ảnh đặc trưng của đền thờ thần cổ đại. Đều đặn từ thời Edo đến nay, kiểu đền Ise cứ 20 năm được xây lại một lần (hình 291).

Đầu thế kỷ thứ V, đạo Phật từ Trung Quốc bắt đầu được truyền vào Nhật Bản và đến đầu thế kỷ thứ VI được Nữ hoàng Suikô tôn làm quốc giáo. Chùa chiền xây ở khắp nơi. Kiến trúc Phật giáo ở Nhật tuy chịu nhiều ảnh hưởng kiến trúc nhà Tùy của Trung Quốc, nhưng trong bố cục tổng thể vẫn có số nét riêng. Hình dáng rất khác nhau của từng công trình làm mất đi cảm giác đối xứng nghiêm ngặt trong mặt bằng. Các công trình được đặt tách nhau nên nhìn rất thoáng đãng. Chùa được đặt cao trên nền cát trắng tạo ấn tượng siêu thoát và thanh bình. Mái đền lợp bằng gỗ khá dày làm tăng thêm vẻ uy nghi.



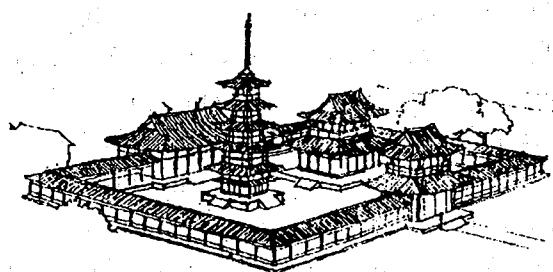
291. Đền Ise ở Sinto - Mặt nhà, mặt bằng tổng thể

Đặc biệt độ cong của mái đã làm nên nét riêng của kiến trúc đền đài Nhật Bản.

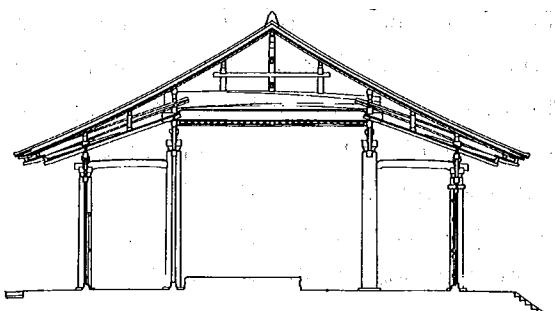
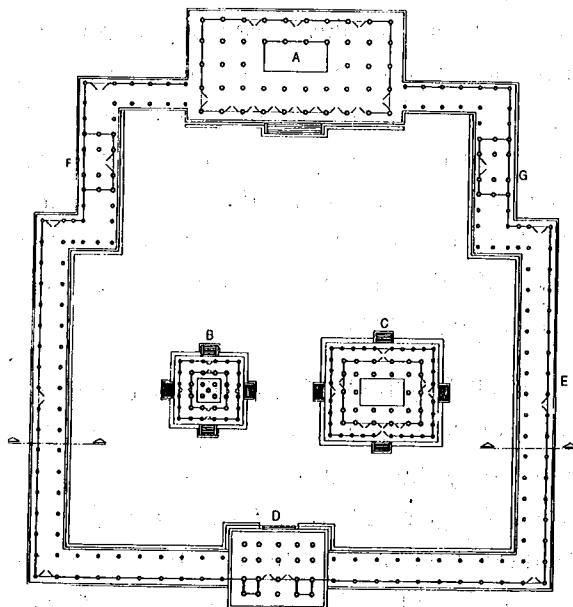
Công trình gỗ điển hình nhất giai đoạn đầu thời cổ đại là quần thể đền Horyu (Pháp Long) xây dựng năm 607 ở quận Nara để cầu nguyện sức khỏe cho Thiên hoàng Yomei. Sau lần bị cháy, công trình được xây lại vào các năm 670 - 714. Đây là công trình gỗ cổ nhất thế giới còn giữ được đến ngày nay. Hai công trình chính của chùa là Kim đường và tháp năm tầng, xung quanh có các dãy hành lang và cổng (hình 292, 293).

Tòa Kim đường có mặt bằng gần vuông, tầng dưới dài 5 gian, rộng 4 gian, nhưng lên trên mỗi chiều bớt đi một gian. Mái có hai tầng, dốc về bốn phía. Mái chùa Nhật Bản không quá cầu kỳ, có độ cong vừa phải nên dù diện mái rộng cũng không thấy nặng. Các con sơn đỡ mái hình chồng mây. Hình thức ngôi chùa này cũng giống như những chùa thời kỳ Hoàng đế Naca trước đó, nhưng kích thước ở đây lớn hơn nhiều. Toàn bộ tòa nhà đặt trên bệ đá cao, trông khá bề thế. Vách quanh nhà được trang trí bằng những bức họa mô tả cuộc đời của Phật.

Tòa tháp năm tầng trong quần thể Horyu cao 32m cũng được đặt trên bệ đá. Kết cấu của tháp chủ yếu tựa vào một cột cái nằm chính giữa tạo cho tháp khả năng chịu được động đất tốt. Lên trên, tháp được thu nhỏ dần. Đến tầng trên cùng thì kích thước ngang dọc còn lại đúng một nửa so với tầng một. Tháp xây dựng muộn, nhưng các chi tiết cũng được rập khuôn như ở tòa Kim đường. Ngoài



292. Chùa Horyu



293. Mặt bằng tổng thể và mặt cắt định (Kôđô)

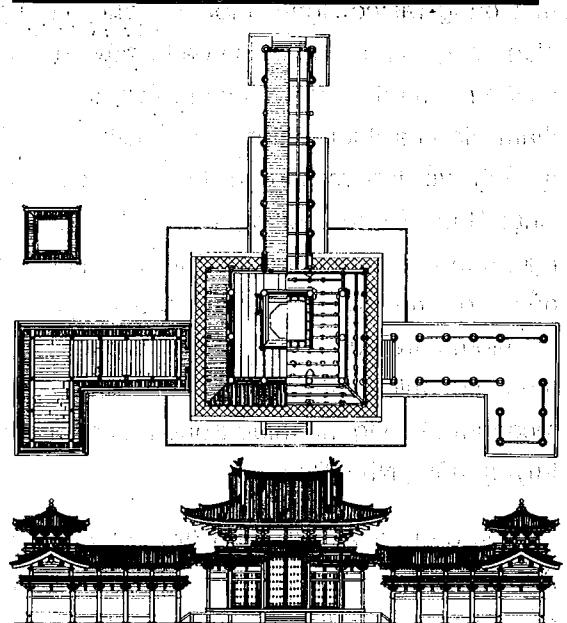
tòa tháp và Kim đường, trong khu đền Horyu còn có nhà hội họp một tầng khá rộng (gần 400m²), mái thoải hơi gãy giữa, tạo ấn tượng đôi cánh bay. Giữa nhà có phần nền được tôn cao, có thể đó là chỗ ngồi của chức sắc làng xã, giống như trong các đình chùa của Việt Nam.

Nhà chòi ngắm cảnh Hudo ở Uji quận Kyôtô xây năm 1053 theo nguyên mẫu của nhà chòi quý tộc Trung Hoa, về sau được sửa thành đền thờ. Mặt bằng hình con Phượng Hoàng bay (hình 294).

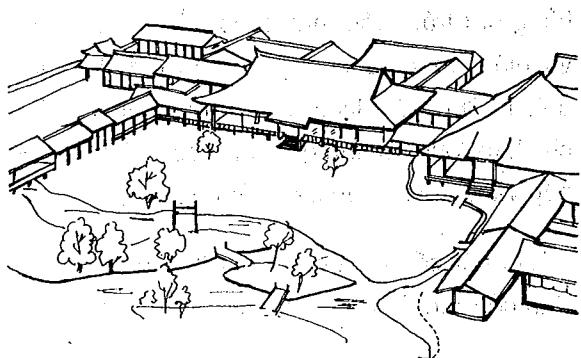
Trong số nhà ở Nhật Bản cổ đại có hai loại đáng chú ý: nhà ở của các võ sĩ đạo (samurai)* và nhà quan lại.

Nhà ở samurai có tên gọi là Sindен (hình 295), thường chiếm các khu đất rộng hàng vạn mét vuông (mỗi chiều không dưới 100m). Phòng ngủ đặt ở chính giữa. Mặt chính hướng Nam nhìn ra một sân rộng là nơi tiến hành các nghi lễ. Tiếp theo sân là vườn với ao, đảo, cầu, các loại cây quý. Cổng chính vào nhà từ phía Đông. Tất cả các công trình được bố trí đối xứng qua trục Bắc - Nam, và được nối với nhau bằng hành lang, kéo dài đến tận bờ ao ngoài vườn và kết thúc bằng nhà câu cá - ngắm cảnh. Nhà chính rộng 2 gian, dài từ 5 đến 7 gian, là chỗ ở của chủ nhà. Quanh nhà có hàng hiên. Sàn thường bằng gỗ,

* Thời kỳ này, đẳng cấp võ sĩ đạo Nhật Bản bao gồm mọi tầng lớp quý phái, số lượng lên tới hơn 1 triệu người.



294. Nhà chòi Hudo ở quận Kyôtô



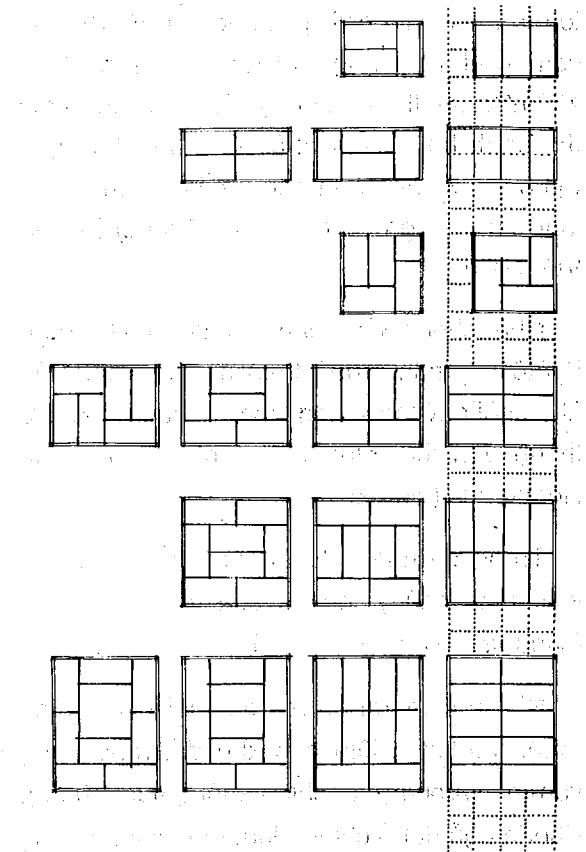
295. Nhà ở của samurai (Sindен)

nhưng cũng có khi bằng đất nén trải chiếu. Chiếu (dệt từ rơm rạ) gọi là tatami, là đơn vị định hình trong kiến trúc nhà ở Nhật Bản (hình 296). Việc phân chia các phòng trong nhà dùng vách nhẹ, bình phong hay cửa đẩy làm bằng nán gỗ phủ giấy. Cột nhà có tiết diện tròn.

Nhà ở Nhật Bản có bố cục và giải pháp mặt bằng rất cơ động, thoáng đãng, không gian trong và ngoài nhà có hoa lá, cây cổ lồng quyện nhau rất nhuần nhuyễn (hình 297). Sự tham gia của thiên nhiên vào sâu trong nhà tạo nên vẻ đẹp và sự độc đáo của ngôi nhà Nhật Bản. Trong mỗi ngôi nhà ở, sau chỗ ngồi của các samurai được tôn cao một bậc đều có một ô hõm vào tường gọi là toconoma, trên đó có trang trí các loại cây cổ theo sở thích riêng của chủ nhà. Các toconoma không thể thiếu trong mỗi ngôi nhà truyền thống Nhật Bản.

Nhà ở quan lại thời Nara (trước thế kỷ thứ IX) có mái lợp bằng vỏ cây hay ván; sàn lát gỗ, cột chôn trực tiếp xuống đất. Những nhà đông trên 5 người phải làm mái rạ, tường bằng đất trát. Nóc mái được đắp lên rất cao, và diềm mái được chạm khắc cầu kỳ theo ảnh hưởng của kiến trúc Trung Quốc. Nhà chính thường có sàn gỗ, còn các nhà phụ như bếp và kho làm nền bằng đất nén.

Hệ kết cấu gỗ trong kiến trúc nhà ở Nhật Bản có trình độ hoàn thiện cao. Hệ này, cùng



296. Tatami đơn vị định hình kích thước phòng ở Nhật Bản



297. Quần thể nhà ở giữa thiên nhiên

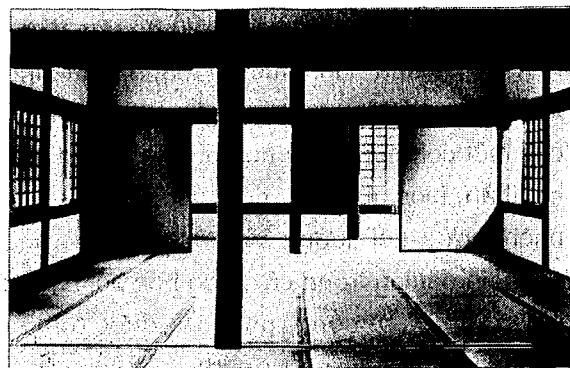
với các kiểu mái cong đă làm nên hình ảnh đặc sắc giàu sức biểu cảm.

Kiến trúc nhà ở Nhật Bản Trung thế kỷ (từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XVI)

Cuối thế kỷ thứ XII, chính quyền trung ương ngày càng yếu kém. Kinh thành không còn khả năng xây các công trình lớn. Quyền lực được chia ra khắp nước, trong tay các tướng lĩnh samurai. Do vậy việc xây dựng được tiến hành ở mọi nơi, kỹ thuật xây dựng có điều kiện phát triển. Ảnh hưởng của kiến trúc Trung Quốc được thấy rõ qua sự tái thiết các chùa. Đó là hình thức cột góc với quattro giang ba chiều có móng trực tiếp. Hiên rộng, sàn lát ván, cấu tạo mái có nhiều tay đòn chồng lên nhau. Toàn bộ kết cấu mái được lộ nguyên trong nội thất. Hình thức và bố cục các kiểu kiến trúc, kể cả nhà ở, đều rất chặt chẽ, không có sự phô trương diêm dúa. Nhà ở dài 4 gian, rộng 3 gian, cửa chính quay hướng Đông, xung quanh có hiên thấp lợp ván. Chỉ có nhà chính ngăn bằng ván, còn các nhà phụ làm vách đất (hình 298).

Vườn trà và phòng trà

Thế kỷ thứ XVI, Thiền - một nhánh của đạo Phật - bắt rễ rất sâu trong nếp sống người Nhật, đã ảnh hưởng đến nghệ thuật sân vườn, làm thay đổi ngôi vườn của các samurai. Vườn có bố cục đơn giản nhưng thể hiện được bản chất sự hòa đồng giữa con người và thiên nhiên, đậm nét nhất là những



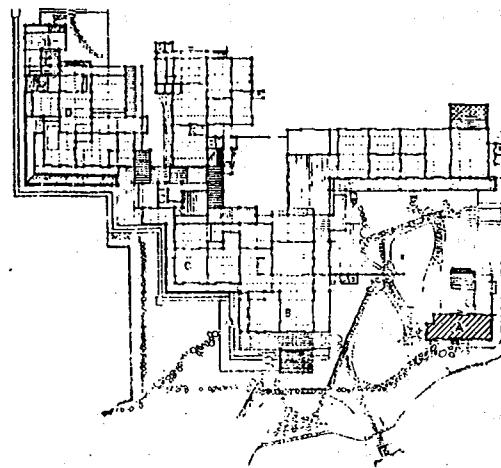
298. Bố cục một ngôi nhà ở



299. Lối vào phòng trà

vườn trà. Nó giúp con người giữ bỏ mọi ưu tư trắc túc để đưa mình vào sự thanh thản, tĩnh tâm. Vườn trà là một không gian vừa phải, đủ cho một con đường đá hẹp đi qua, một ít cây cổ thấp mọc trải dài dọc đường dẫn đến phòng trà. Cuối đường có một bồn nước nhỏ bằng đá đặt lẵng trong cây, bào bọc bởi những phiến đá xếp công phu và được chiếu sáng bởi đôi cây đèn đá (hình 299, 300). Mọi vật ở đây tuổng như được dàn dựng một cách vô tinh, nhưng lại không hề cẩu thả, có dụng ý, được tính toán đến từng chi tiết. Bước vào tới phòng trà, con người dường như đã đến được một thế giới tinh thần hoàn toàn khác, bỏ lại sau lưng thế giới phàm tục. Phòng trà thường rất bé, chỉ bằng 4-5 chiếc chiếu tatami, được thiết kế theo thuyết chủ hành vô thường. Mái tranh là biểu tượng cho sự phù du, cột mảnh là biểu tượng của ý tuồng hư nhược, còn những vật liệu bình thường mang khái niệm về sự dung dị. Trong phòng trà cũng như trong nghi lễ uống trà không có sự trùng lặp của đồ vật và màu sắc. Chén uống trà màu đen thì hộp đựng trà phải có màu khác. Lư hương hay lọ hoa trên giá toconoma không được đặt đúng giữa v.v...

Trà đạo Nhật Bản được coi là một phương pháp tu thân như võ đạo, thư đạo hay kiếm đạo, được phát triển như một thứ tôn giáo gọi là sadô. Cuộc sống, kiến trúc và thiên nhiên hòa quyện đã tạo nên sự độc đáo của người Nhật suốt bao thế kỷ qua.

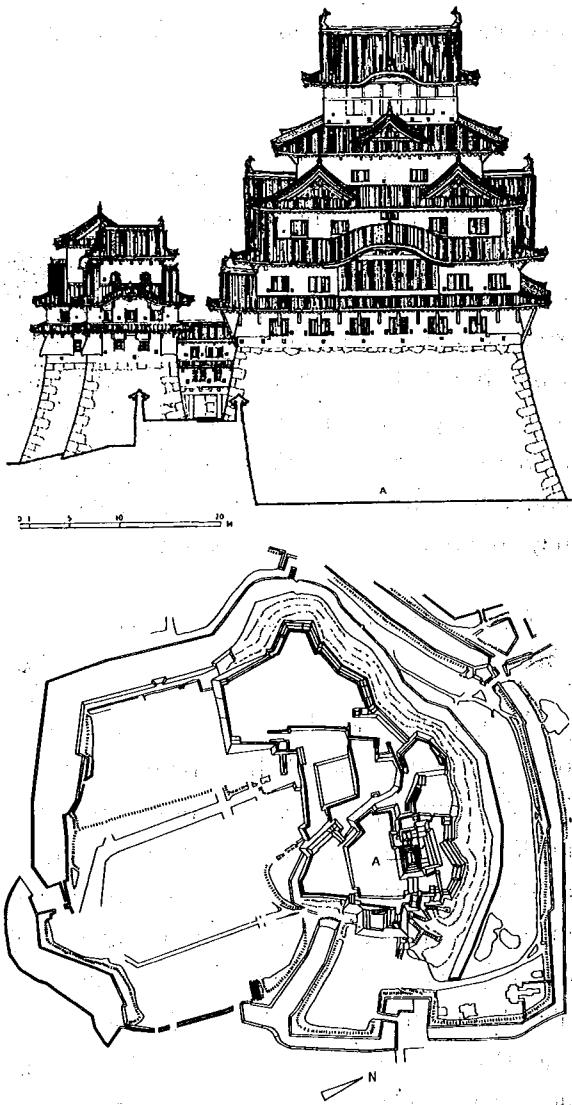


300. Vị trí phòng trà trong khu vườn ngôi nhà Nhật

Kiến trúc Nhật Bản từ sau thế kỷ thứ XVI

Từ thế kỷ thứ XIV, nước Nhật đã bị phân quyền cát cứ, có lúc tới 270 vùng. Mỗi lãnh chúa hùng cứ một phương. Khắp nơi đều có lâu đài kết hợp với pháo đài phòng thủ. Mỗi lâu đài là biểu tượng tham vọng quyền lực của một lãnh chúa. Thông thường, đó là những tòa tháp khổng lồ ngự tọa trên đỉnh đồi cao, bốn góc có kèm bốn tháp. Lâu đài cổ thường được làm bằng gỗ cao tới 7 tầng, mái lợp ngói, xung quanh có vườn hoa, non bộ. Phía chân có ba vòng tường đá dựng đứng che khuất đường lên, và một hào nước bao quanh. Kỹ thuật xây đá là nét độc đáo rất Nhật Bản: đá gắn với nhau chỉ bằng những hốc và gờ được tính toán sẵn mà không dùng vữa dính cứng để có thể xê dịch mỗi khi có động đất.

Lâu đài Himeji (lâu đài Bạch Hạc) là một điển hình được bảo tồn khá đồng bộ, được xây dựng theo thiết kế của kiến trúc sư Ieda Terumasa trong khoảng thời gian từ 1580 đến 1615. Đây cũng là một pháo đài dạng mê cung rất phổ biến ở Nhật Bản trong thế kỷ thứ XVI (hình 301). Lâu đài Himeji có 83 toà nhà với một hệ thống phòng thủ kiên cố, bao gồm các cửa vào thành, vọng gác ở ba phía Tây, Tây Bắc, Đông, nối với nhau bằng hệ thống nhà cầu với 4 vòng thành bao bọc. Để thành là những bức tường đá xây hơi vồng lòng chảo vào phía trong (concave walls). Tất cả



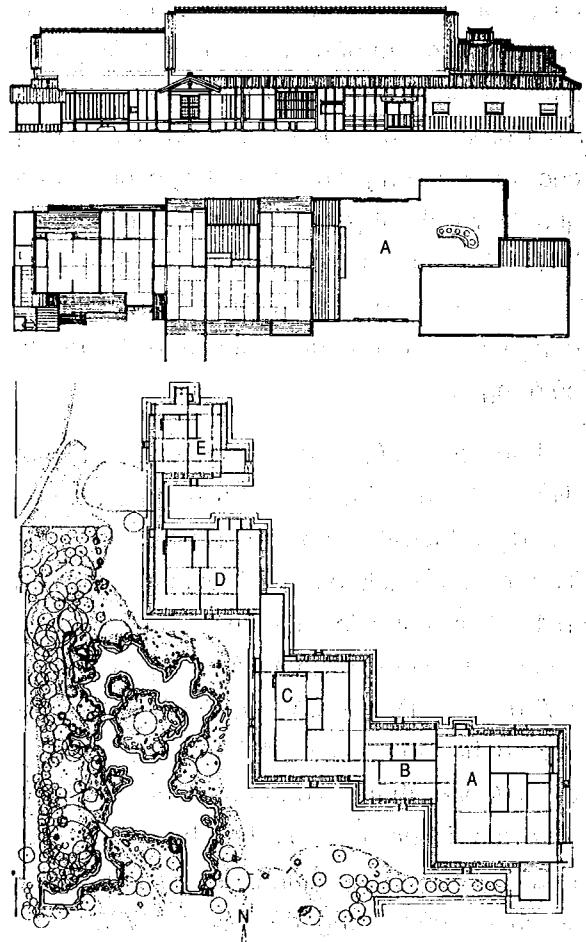
301. Lâu đài Himeji, mặt bằng tổng thể

các hạng mục nhà cửa được biến hóa, nhập vào thế đất một cách hài hòa.

Toà lâu đài chính có 6 tầng trên mặt đất và một tầng hầm, cao 50m so với mặt đường vào. Tường màu trắng, có những chi tiết cửa điểm con sơn đỡ mái thanh tú. Mai đưa hơi cong lợp gạch men màu ghi. Mái mái lớn xen những mái tam giác nhỏ hoặc vòng cung. Giải pháp kết cấu dùng bốn cột cái xuyên suốt 5 tầng, còn những cột xung quanh ngắt ra hai tầng một. Kết cấu phần trên và phần hầm hoàn toàn tách biệt nhau. Rất có thể điều này xuất phát từ mục tiêu chống động đất.

Đặc điểm nhà ở dân gian sau thế kỷ thứ XIV

Tại vùng Ise vào thế kỷ thứ XIV, nhà ở dân gian lấy đơn vị diện tích là binh (1 binh = 3,3m²). Nhà ở phổ biến là 5 binh, cao nhất là 35 binh. Về sau, nhà ở chủ yếu có diện tích 20 binh, trong đó bao gồm chỗ ở được tôn cao và nơi sản xuất, kho, bếp, chuồng trại đặt thấp hơn. Tất cả cùng nằm dưới một mái nhà, hoặc hai mái kề nhau, một chính, một phụ. Bố cục mặt bằng mạch lạc, kết cấu đơn giản. Không gian liên hoàn thông nhau bằng vách nhẹ cửa đẩy và song gỗ. Cột nhà bằng gỗ được đẽo vuông, còn các xà thì được để tự nhiên không đẽo gọt trang trí như ở các công trình tín ngưỡng. Mái lợp bằng rạ dày từ 0,6m đến 1m. Đồ đạc trong phòng hầu như không lộ rõ. Tối trải thảm ra sàn để nằm ngủ, ngày lại cất vào các tủ tường. Nhờ vậy phòng ở



302. Phong cách Nhật Bản trong nhà ở mặt nhà, mặt bằng

luôn gây được cảm giác sạch sẽ, thoảng đãng (hình 302).

Tựu chung lại, nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản đã in đậm sắc thái nhẹ nhàng uyển chuyển của một vùng luôn có động đất, người dân có lối sống khiêm nhường, khéo léo, tiết kiệm, hòa trong tự nhiên, được thể hiện trong các giải pháp kết cấu cũng như tổ chức không gian độc đáo, ít thấy ở bất cứ một dân tộc nào khác (hình 303, 304).

Từ thế kỷ thứ XVII trở đi, ảnh hưởng người Âu vào Nhật ngày càng nhiều, nhưng sự tiếp thu mạnh mẽ văn hóa Tây Âu vẫn được phát triển song song với những đặc điểm cổ truyền của dân tộc Nhật Bản, dẫn đến những bùng nổ kỳ diệu của dân tộc này vào nửa sau của thế kỷ thứ XX.

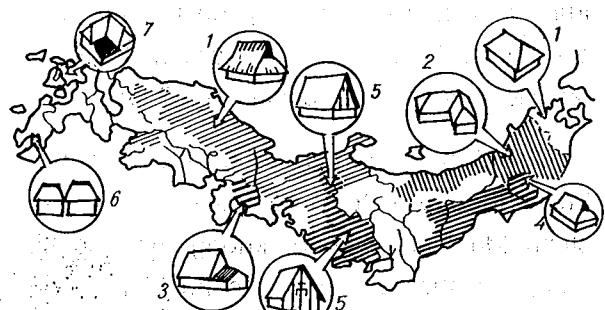
4. KIẾN TRÚC ĐÔNG NAM Á

4.4.1. Kiến trúc Indônêxia

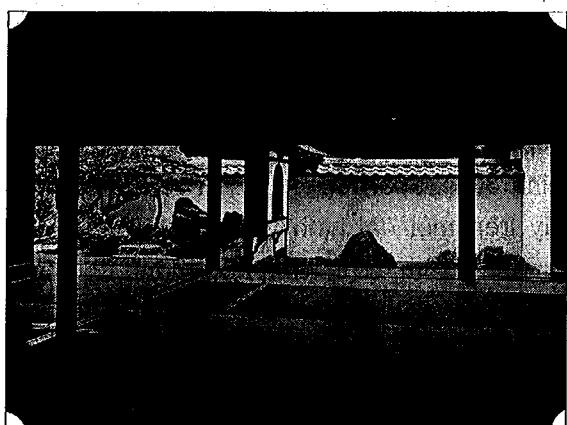
Borobudua - Kỳ quan Phật giáo của Indônêxia

Nói đến kiến trúc của quần đảo Indônêxia, phải kể đến Borobudua, một ngôi đền núi uyển rũ, tọa lạc tại trung tâm đảo Java, được xây dựng vào các thế kỷ thứ VIII và thứ X.

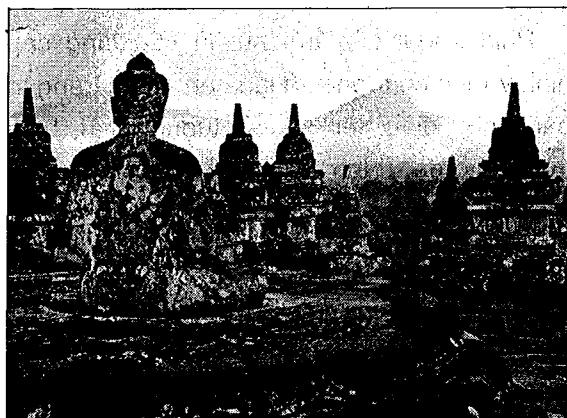
Nhin từ xa, quần thể nổi tiếng này không hề lộ rõ cấu trúc và ý đồ nghệ thuật. Lúc tới gần thì thật bất ngờ: những pho tượng Phật tuyệt vời, những hình chạm khắc huyền bí, những bậc thang kéo dài, những hành lang



303. Nhà ở dân gian các vùng



304. Không gian ở Nhật Bản hòa vào thiên nhiên



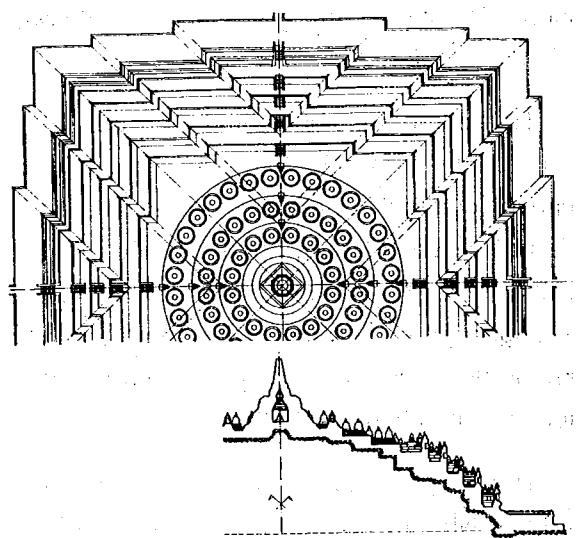
305. Toàn cảnh ngôi đền Borobudua

trùng điệp xen giữa những tán lá xanh của các hàng cây đã tạo nên ở đây một Vương quốc lô thiêng rất hoàn chỉnh (hình 305).

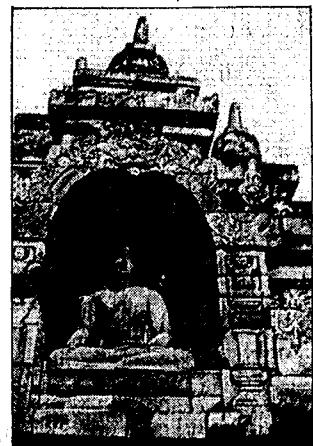
Chịu ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc truyền thống Ấn Độ, Borobudua là một dạng stupa lớn hình chuông, không mang chức năng đền thờ, mà là một công trình tưởng niệm của Phật giáo. Trong những ngày nước lụt dâng cao, ngôi đền núi này trông như một tòa sen nổi trên mặt nước. Kiến trúc đền gồm những lô đài hình vuông, hình tròn và 73 vòm bát úp như hình những quả chuông (kiểu stupa Ấn Độ), bên trong có đặt tượng Phật (hình 306). Toàn bộ ngôi đền cao 42m được xây trên một đài hình vuông, chiều dài mỗi cạnh là 123m. Mặt bằng công trình chia làm hai phần chính. Phần phía trong của núi này ở trên cao bao gồm ba vòng tròn đồng tâm. Ở vòng tròn trong cùng có 16 đài tháp (stupa), vòng tiếp theo 24 stupa, vòng ngoài cùng 36 stupa. Chính giữa tâm là stupa cao nhất, lớn nhất. Phần tròn này biểu trưng cho trời.

Phía ngoài của trái núi là các tầng cấp hình vuông có tường và lan can, được trang trí bằng phù điêu xen kẽ với tượng Phật, biểu trưng cho đất (hình 307). Trời tròn, đất vuông là quan niệm của nhà Phật.

Nhưng chưa hết. Gần đây (1971 - 1983) người ta còn phát hiện thêm một tầng ngầm với 160 bức phù điêu được dấu kín trong lòng đất. Nội dung của 160 bức phù điêu ở phần ngầm và phần đài vuông mô tả triết lý nhân quả của đạo Phật trong kinh Kácmaviphaga,



306. Mặt bằng, mặt cắt đền Bôrôbuda



307.
Stupa và
tượng Phật
ở đền
Borobudua

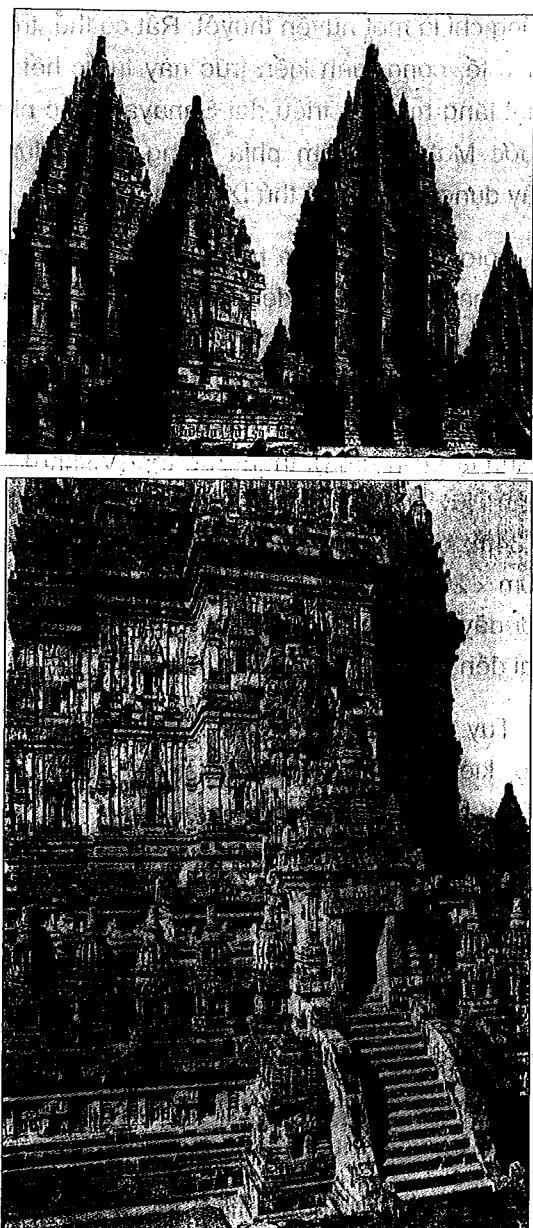
kinh Látivitlara, kinh Gandabuha được viết vào thế kỷ thứ VII. Mỗi khi đến nơi đây, tâm trí con người dường như được giải tỏa khỏi mọi ràng buộc trần thế để vươn tới cõi đại ngã vô biên.

Suốt gần 10 thế kỷ, cùng với sự thâm nhập của đạo Hồi vào Java, đẩy lùi đạo Phật, kỳ quan Phật giáo Borobudua bị phó thác cho gió mưa, núi lửa và động đất mệt sức biến mình thành một đồi cây rậm rạp, và bị quên lãng với thời gian.

Nhờ cố gắng của các chuyên gia châu Âu và cộng đồng thế giới chung sức cứu vãn khỏi sự sụp đổ do bị nước ngầm xói mòn, phải đến đầu những năm 1980, Borobudua mới rũ bùn đứng dậy, hiện nguyên hình là một kỳ quan xứng đáng với tài năng của dân tộc Indônêxia.

Lôro Gionggrang - điểm kiến trúc chói sáng trong lịch sử nghệ thuật Java

Lôro Gionggrang là tên một người con gái đẹp. Để tìm cách từ chối lời cầu hôn của người mình không ưng, cô gái đã thách cưới thật đắt giá: 6 tòa lâu đài lộng lẫy có 6 giếng sâu ở bên trong, 1000 bức tượng, tất cả phải được làm xong trong một đêm. Rồi lời cầu hôn vẫn tiếp tục bị kéo dài do người đẹp yểm bùa làm hỏng bức tượng cuối cùng. Biết được mưu này, chàng trai dùng phép thuật biến cô gái thành bức tượng thứ 1000 rồi đem đặt ở ngôi đền chính. Công trình do đấy mà có tên là Lôro Gionggrang (hình 308). Dù sao, đây



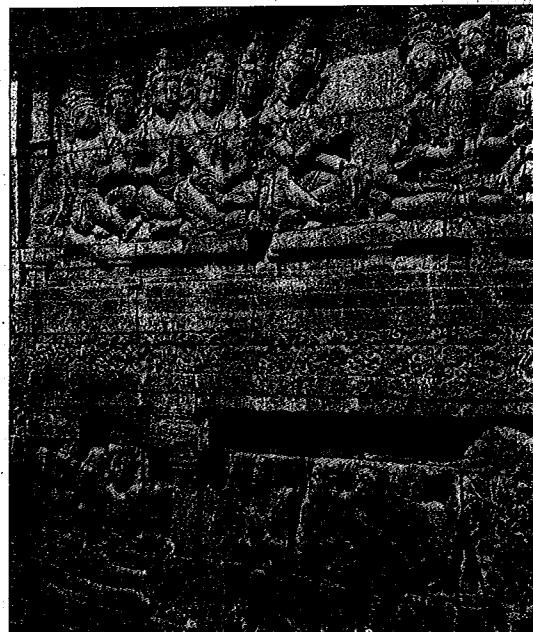
308. Tổng thể và một góc đền Lôro Gionggrang

cũng chỉ là một huyền thuyết. Rất có thể, trên thực tế, công trình kiến trúc này trước hết là một lăng mộ của triều đại Sạnaya thuộc nhà nước Mataram nằm phía Đông Java, được xây dựng vào thế kỷ thứ IX (hình 309).

Lôro Giongrang là một quần thể kiến trúc gồm hàng trăm ngôi đền lớn nhỏ giữa một bộ cục sân vuông lồng nhau, tương trưng cho ba thế giới người, vật và thánh thần. Với dây đèn thờ ba vị thần chính của Hindu giáo là thần Sáng tạo (Brahma), thần Bảo tồn (Vishnu) và thần Hủy diệt (Shiva). Đền Shiva có đáy 34m × 34m, cao 47m. Hai đền còn lại đều có đáy 20m × 20m, cao 23m. Về phía Đông, đối diện với dây đèn này là ba ngôi đền nhỏ hơn, và hai đền nhỏ nữa chốt ở hai đầu Nam Bắc.

Tuy chịu ảnh hưởng của cách bố cục Ấn Độ, kiến trúc Trung Java vẫn có những nét riêng. Ngôi đền Shiva có mặt bằng hình chữ thập, có lối vào từ ba phía Tây, Nam và Bắc, nhưng không thông với không gian trung tâm. Riêng phía Đông đi thẳng vào gian thờ chính. Các khối tháp vuông thành sắc cạnh, dùng các gờ chỉ để chia thành nhiều tầng bậc. Hàng ngàn phù điêu mô tả bộ sử thi Ấn Độ Ramayana đã tạo nên phong cách độc đáo và giá trị nghệ thuật lớn cho toàn ngôi đền.

Lôro Giongrang là niềm tự hào của nền kiến trúc và nghệ thuật tạo hình Trung Java. Tuy có chung một phong cách, song nội dung các phù điêu mô tả sử thi chính là điểm làm cho Lôro Giongrang khác với Borobudua: cảnh bắn vua Khỉ, cảnh anh em vật nhau,



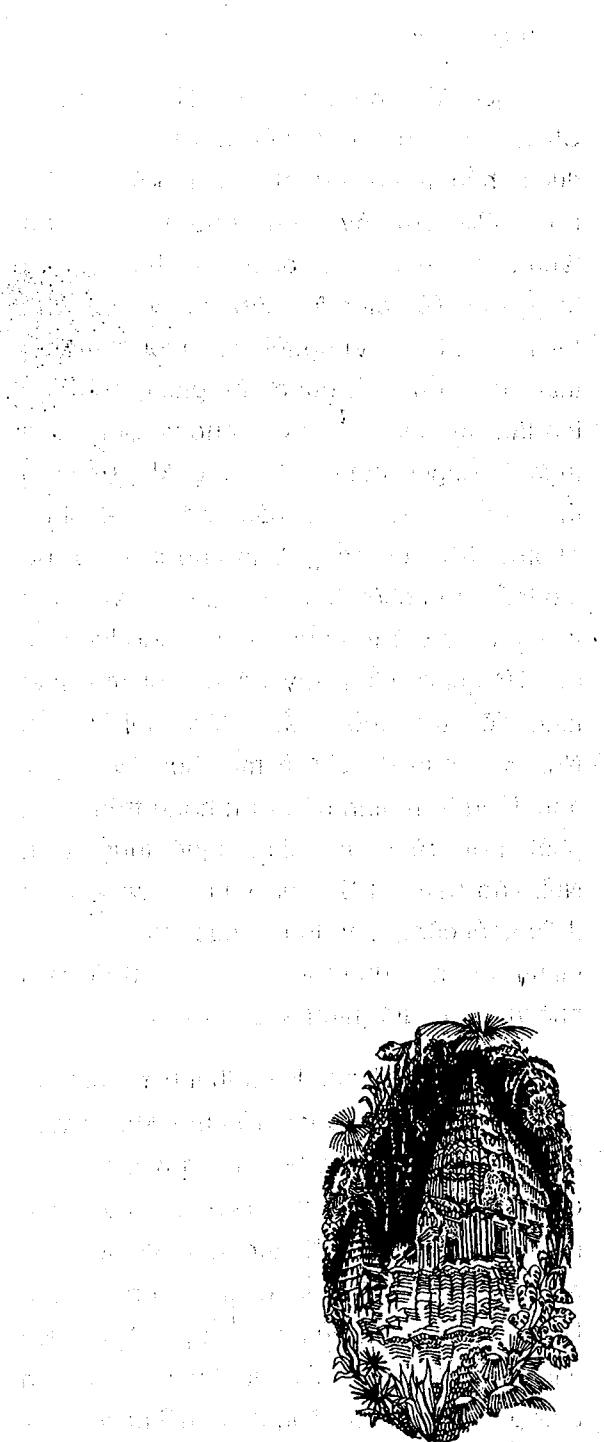
309. 310. Các phù điêu mô tả sử thi Ramayana
trên bề mặt Loro Giongrang

cảnh chúa Khỉ kể chuyện hay chúa Khỉ bị bắt, bị đốt đuôi phải bỏ chạy, rồi dùng cái đuôi đang bốc lửa của mình đốt cung điện của quỷ Ravana trên đảo Lanca. Lại có những đoạn mô tả đời thường, chim muông, gia súc, đồ dùng được thể hiện rất sinh động và đầy kịch tính (hình 310).

Borobudua và Lôro Giongrang là hai di tích lớn thuộc hai hệ thống tôn giáo khác nhau - Phật giáo và Hindu giáo - nhưng lại đứng chung trong phong cách nghệ thuật Trung Java của Indônêxia thế kỷ VII-X. Đối lập với sự lặng lẽ, thanh thản và dịu dàng của nghệ thuật Phật giáo Borobudua, các phù điêu Lôro Giongrang lại thể hiện rõ tính nhịp điệu, tính năng động trong đường nét và hình khối. Phù điêu Lôro Giongrang được coi là đỉnh cao, là điểm sáng rực rỡ cuối cùng của nghệ thuật Trung Java.

4.4.2. Kiến trúc Campuchia

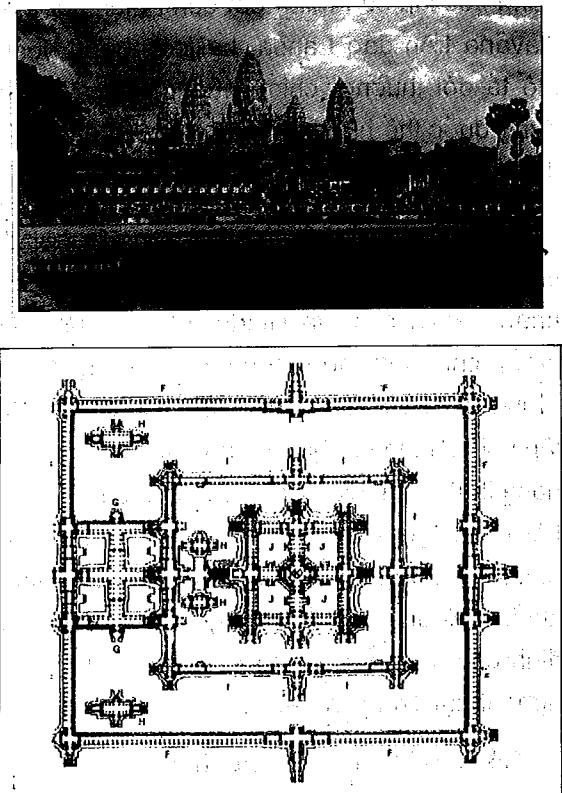
Một đất nước có diện tích nhỏ nhưng đã gây được sự chú ý lớn về nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc. Đó là nước Campuchia với các khu đền Ăngco kỳ vĩ. Chữ "Ăngco" là do người Pháp phát âm chệch của từ Nagara, tiếng Phạn có nghĩa là kinh đô. Thời kỳ huy hoàng của kinh đô Khome bắt đầu từ đời vua Giaiavacman II năm 802, và kéo dài đến tận năm 1431. Tại đây đã hình thành và phát triển những loại đền dài độc đáo của dân tộc Khome, nổi bật hơn cả là hai công trình Ăngco Thom và Ăngco Vat.



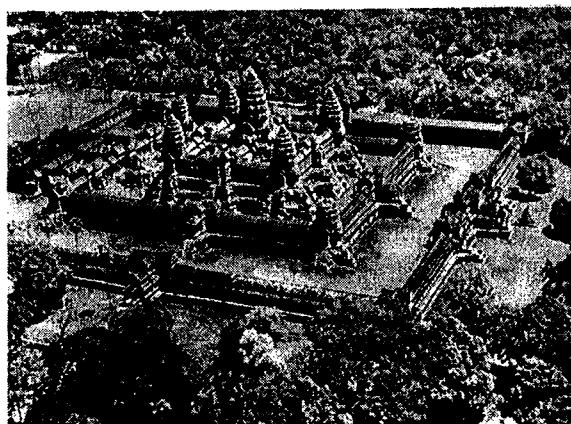
Ăngco Vat

Ăngco Vat có nghĩa là Thành phố - Chùa. Theo truyền thuyết thì Ăngco Vat đã được thần Indra sai nhà kiến trúc vĩ đại Preah Pisnuka xây xong trong một đêm để tặng cho người con nuôi của mình là Hoàng tử Preah Két Mêalêa sắp kế vị vua cha (hình 311, 312). Vì người cha nuôi là một vị thần nên đền phải được xây giống như các tòa lâu đài của thần trên thượng giới. Trên thực tế, Ăngco Vat chính là một khu đền mộ thờ Thần - Vua của các triều vua chúa Khơme. Khi còn sống, Vua cho xây đền để thờ thần. Khi chết đi, hồn vua nhập vào đền và cũng trở thành thần để được thờ luôn tại đó. Từ quan điểm này đã ra đời một loại hình kiến trúc thờ Thần - Vua gọi là Đền Núi. Ban đầu đó chỉ là một hoặc vài ngôi đền đứng trên đỉnh đồi. Sau hàng trăm năm phát triển và hoàn thiện nghệ thuật Đền Núi, vào năm 1122, nhà vua Saryavacman II đã khởi công xây dựng Ăngco Vat và hoàn thành đền này đúng vào năm 1150 là năm nhà vua qua đời (hình 313, 314).

Nằm về phía Đông Nam thành Yasodhara-pura, Ăngco Vat tọa lạc trên một khuôn viên có hình gần vuông $1.500m \times 1.300m$, xung quanh có hào rộng và khá sâu, phải dùng nhiều bậc thang mới xuống được tới mặt nước. Khác với lệ thường quay cổng hướng Đông, cổng chính của đền Ăngco Vat quay hướng Tây - về hướng đô thành. Một con đường dài tới 350m, rộng 9,5m nối từ cổng tới



311, 312. Ăngco Vát - mặt đứng, mặt bằng.



313. Toàn cảnh Ăngco Vat

chân đèn, hai bên có hai hàng lan can đá chạm hình rắn.

Trên mặt các bức tượng phía Tây cao đến 2m, dài hàng trăm mét có 8 bức phù điêu mô tả cảnh vua thiết triều, Vua xung trận, các tướng lính cưỡi voi, có lọng che, những toán quân lính mặt đầy sát khí, và cả các cảnh sinh hoạt hội hè sôi động của dân chúng.

Mặt tường hành lang phía Đông có mảng phù điêu dài tới 50m mô tả cảnh khuấy động biển sữa lấy thuốc trường sinh. Tượng nổi đắp hình nhà vua Vishnu nằm trên mình rùa ở chính giữa, hai bên là đàn quỷ thần đang ra sức kéo con rắn Vasuka khổng lồ. Từ biển sữa bị khuấy động bay lên các tiên nữ Apsara cùng nữ thần sắc đẹp Lăcsomî, vợ của Vishnu. Ở khu đền này có tới 2000 nàng Apsara bằng đá kiều diễm tay đang cầm hoa hoặc đang múa, nét mặt rạng rỡ với trang phục nhiều màu vẻ, đúng là cảnh một thiên cung nơi hạ giới.

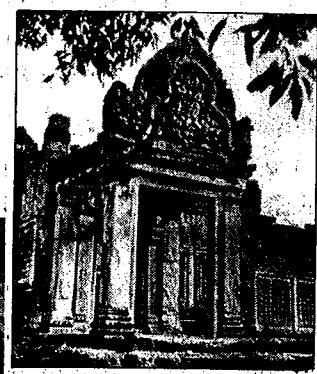
Ngoài chủ đề trên còn có nhiều mảng phù điêu mô tả cảnh trích từ các tích của bộ sử thi Ấn Độ Ramayana (hình 315).

Về mặt tạo khối, Ăngco Vát là một Kim tự tháp ba tầng với một tháp lớn ở chính giữa cao 42m và bốn tháp nhỏ hơn ở bốn góc. Vây quanh tháp trung tâm là hai lớp hành lang có cột và mái che, tạo thành hai vòng sân, ngoài thấp trong cao. Tháp này cũng có một hệ thống ba hành lang chạy dọc và một hành lang nằm cắt ngang nối thẳng với cổng vào ở



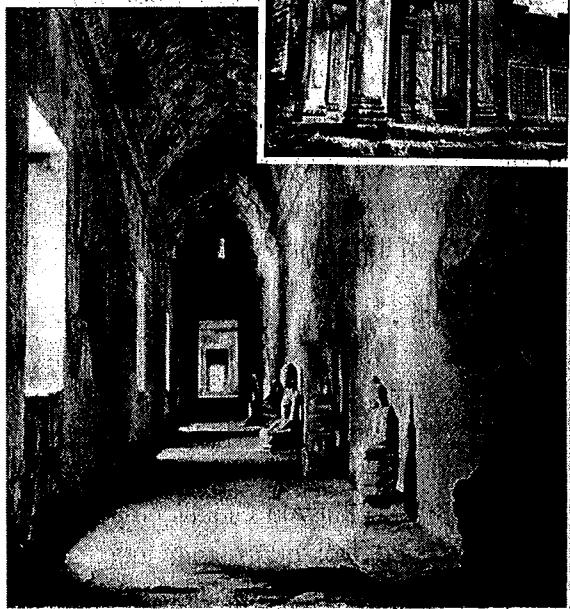
314.

*Đường vào
đền Ăngco Vát*



315.

*Lối vào đền
và nội thất*



phía Tây, tạo thành bốn sân vuông lộ thiên (hình 316).

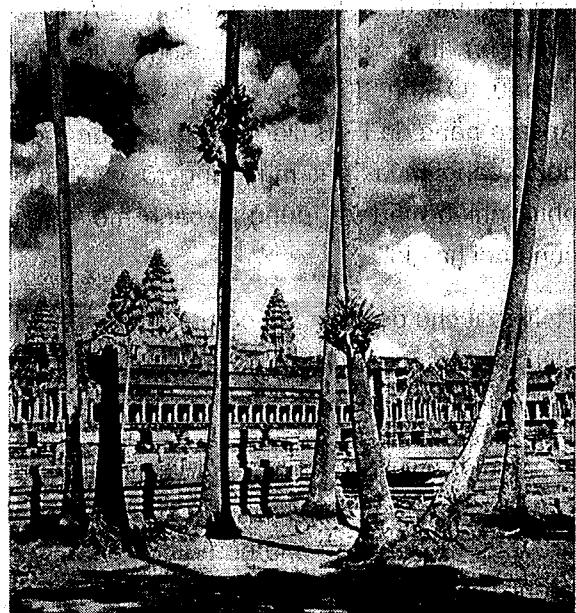
Việc xử lý không gian và tỷ lệ trên mặt đứng cũng như mặt bằng một cách chuẩn mực đã tạo nên giá trị nghệ thuật của ngôi đền Ăngco Vat. Luật phối cảnh được thể hiện ở trình độ cao: đoạn khoảng cách từ cổng tới đền dài gấp đôi chiều ngang khu đền là theo đúng cách của người Hy Lạp cổ đại (đứng xa hai lần kích cỡ một vật thể để quan sát nó được tốt nhất). Tỷ lệ phân theo chiều cao là 6m (tầng 1), lên hết tầng hai là $6 + 7 = 13m$ và lên hết tầng ba là $6 \times 7 = 42m$. Các tầng đều có dáng dấp và cấu trúc giống nhau. Nhìn từ xa, tầng trên như được chống trực tiếp lên tầng dưới, vừa tách riêng, vừa hòa quyện, biến đổi uyển chuyển khôn lường. Những cách thức cao siêu ở đây đã khiến một số học giả cho rằng chắc hẳn phải có bàn tay của những bậc thày của xứ sở của Kim tự tháp. Số nhà nghiên cứu khác lại đưa giả thuyết về sự có mặt của những nhà xây dựng lão luyện xứ Hy - La. Còn dân chúng Khơme thì tin rằng Ăngco Vat là con đẻ của các đấng thần linh ngoài trần thế (hình 317).

Āngco Thom

Từ cửa đền Ăngco Vat đi về hướng Bắc 1700m thì gặp bức tường thành Ăngco Thom, kinh đô mới được khởi công sau Ăngco Vat gần 60 năm, sau khi vua Giaiavacman VII đã dẹp xong được Đôi quân xâm lược Chàm (1181). Kinh đô mới này có diện tích $16km^2$,



316. Phù điêu mô tả cảnh vua thiết triều và các tiên nữ

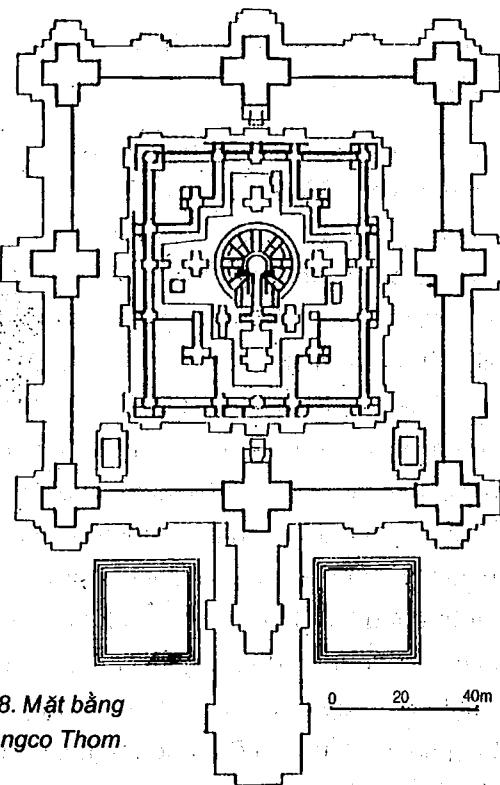


317. Ăngco Vat nhìn từ sân đền

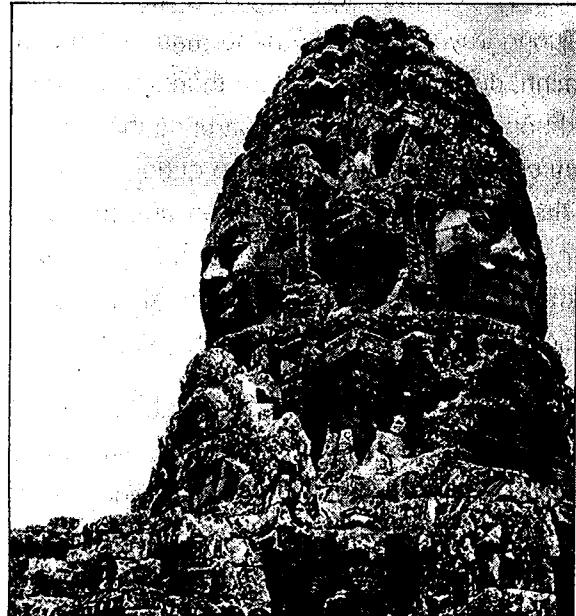
gấp bốn lần Ăngco Vat, được đánh giá là thơ mộng và lãng mạn nhất trong thế giới cổ đại phương Đông. Bao quanh bức tường thành hình vuông cao 8m xây bằng đá ong là một hào nước sâu có tổng chiều dài 4km, rộng 100m. Mỗi góc thành có một ngọn tháp gọi là Prasat Chrung, bên trong có bia đá ghi lại công cuộc xây dựng kinh thành (hình 318).

Ăngco Thom có năm cửa ra vào, bốn cửa nằm ở bốn trục và một cửa phụ phía Đông. Mỗi cửa là một cổng thành. Phần kết thúc ở phía trên mỗi cửa đều có những ngọn tháp tạc hình mặt Phật cực lớn quay về các phía, tượng trưng cho uy quyền vĩ đại của nhà vua tỏa khắp bốn phương (hình 319). Trong thành còn có chỗ ở của Vua nằm chéch về phía Bắc và khá nhiều đền miếu nhỏ khác. Cách tường thành không xa về phía Đông và Đông Bắc, nhà vua còn cho xây dựng loạt đền thờ như Banteay Srei thờ đức Phật Thích Ca, Ta Prohm thờ Phật và Preah Khan - cây gươm báu của thần Indra ban tặng cho các đấng tiên vương Campuchia v.v... (hình 320).

Các công trình ban đầu của Ăngco Thom có phỏng theo phong cách của Ăngco Vat. Nhưng rồi hai phong cách nghệ thuật mới đã ra đời - đó là các tháp mặt người và các lan can đá tạc chủ đề "khuấy biển sữa tìm thuốc trường sinh" được nâng lên tầm cõi hoành tráng khổng lồ. Những bức phù điêu tạc hình ảnh các thần đang gắng sức ngả về phía sau, những thần rắn cong mình vút lên trời để chống lại, khắc họa lại cảnh khuấy biển sữa. Những phù điêu này được



318. Mặt bằng
Ăngco Thom

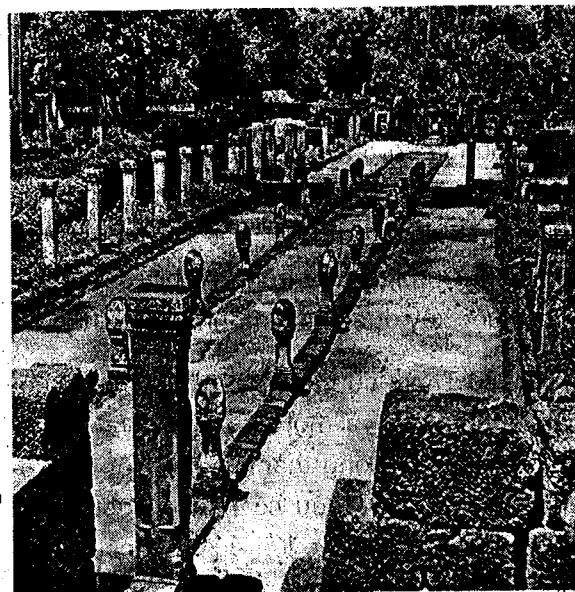


319. Nữ cưỡi Đức Phật lấp lánh hào quang

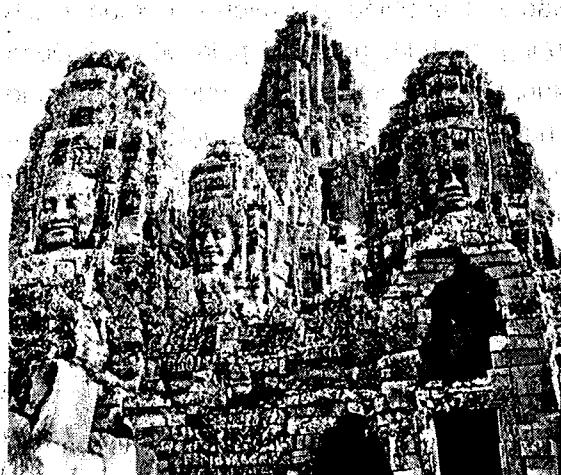
xếp vào loại sáng tác tạo hình kỳ lạ bậc nhất trên thế giới.

Nói về Ăngco Thom không thể không nói đến đền Bayon. Đền Bayon là trung tâm của cả quần thể, là sự kỳ vọng lớn nhất và kết quả rực rõ nhất, độc đáo nhất của nhà vua Giayavarman VII. Đền bao gồm một vành ngoài cùng có hình gần vuông ($160m \times 140m$). Phía bên trong là một hình vuông nhỏ hơn ($80m \times 57m$). Các dãy hành lang song song và vuông góc đan cài giữa 54 ngọn tháp nhỏ cao tới $10m$, trông xà như một rừng đá. Ở trung tâm là một đế tròn đường kính $25m$, phía trên dựng tòa tháp chính cao $23m$. Tổng chiều cao công trình đền Bayon là $43m$. Trên mỗi mặt của tháp đều có tạc hình mặt người với tổng số 43 đầu và 172 khuôn mặt (cứ mỗi đầu có bốn mặt người quay về bốn hướng). Tương truyền để tỏ khả năng màu nhiệm của mình, đức Phật đã hóa thân thành hàng ngàn khuôn mặt có nụ cười huyền bí có thể hiểu là nụ cười bình yên lấp lánh hào quang của Đức Phật hay nụ cười mãn nguyện của nhà vua trước một thời thịnh trị. Đây là một giải pháp khá thành công trong việc dùng kiến trúc và điêu khắc để mô tả Đức Phật (hình 321).

Giống như trong Ăngco Vat, các mặt tường ở Bayon được trang trí dày đặc bằng phù điêu, mô tả từ cảnh sinh hoạt đời thường như chơi gà, rước lễ, chèo thuyền, hái quả, cảnh chiến trận, bắn cung, cưỡi voi đến các sinh hoạt của triều đình. Những hình ảnh này khiến Bayon trở thành cuốn lịch sử đồ



320. Đền Banteay Srei ngày nay



321. Tháp ở Ăngco Thom

sở của dân tộc Campuchia viết bằng đá. Chỉ ở tầng trên cùng, các hình tạc mới mang nội dung tôn giáo, thể hiện các tích nhà Phật. Đây là một điều độc đáo hiếm thấy trong nội dung nghệ thuật các đền đài thời xưa (hình 322).

Không chỉ có phù điêu, Bayon còn nổi tiếng bởi rất nhiều tượng tròn tạc hình vua quan, Đức Phật và các Bồ tát. Các tượng này đã góp phần cùng hàng ngàn mét vuông phù điêu làm nên phong cách nghệ thuật Bayon tuyệt vời và độc đáo. Không chỉ dừng lại ở chất liệu đá, nhiều chi tiết kiến trúc và điêu khắc đã được khảm thép hoặc dát mạ bằng vàng bạc và đá quý. Đất nước đã chi tốn tới năm tấn vàng, năm tấn bạc và bốn mươi nghìn viên đá quý cho việc này. Và đã phải huy động tới 1000 nhà điêu khắc giỏi làm việc cẩn mẫn trong suốt 20 năm trời.

Song, hoa trái nào rồi cũng đến thời chín rụng; đám hội vui nào rồi cũng đến điểm tàn canh. Khối tiền của như nước đổ vào xây cất cung điện đã làm quốc gia khánh kiệt, dân chúng lầm than. Sau thế kỷ huy hoàng, khu đền Ăngco tiến đến đoạn cáo chung của nghệ thuật kiến trúc đền núi, để đi dần vào lãng quên và hoang phế. Phải tới tận cuối thế kỷ XIX, khu đền Ăngco mới được tái sinh để được người đời xếp vào hàng các kỳ quan bậc nhất của nhân loại.



322. Phù điêu ở Bayon



Hàng hiên hoang phế ở Bayon

4.4.3. Kiến trúc Thái Lan*

Những quốc gia sống trong khu vực Nam và Đông Nam châu Á tuy có chung nền văn minh lúa nước, có số ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, đôi khi còn có chung cội nguồn, nhưng mỗi dân tộc lại có một lịch sử văn hóa riêng biệt và độc đáo. Thái Lan là một quốc gia như vậy.

Đi chỉ khảo cổ Bạng Chiang thuộc tỉnh Udon Thana (Đông Bắc Thái) cho thấy thời đại đồ đồng đã tồn tại ở đây từ những năm 3600 trước CN, là bằng chứng khá sớm của một xã hội nông nghiệp phi đô thị (hình 323).

Nền nghệ thuật kiến trúc Thái Lan cổ và trung đại có thể tạm chia thành hai thời kỳ chính: thời kỳ người Môn và thời kỳ người Thái (hình 324).

Kiến trúc thời kỳ người Môn

Tộc người Môn đã có mặt ở Thái Lan từ hàng vạn năm trước và hình thức tổ chức nhà nước đã có từ cách đây hai ngàn năm.

Người ta đã tìm thấy dấu tích những pho tượng Phật cổ từ thế kỷ thứ VII và những tòa tháp cao trên 50m như tháp Kukut 5 tầng ở Lămpun còn khá nguyên vẹn, có mặt nền hai cấp bằng đá ống vuông mỗi cạnh 34m, trên đó là khối 5 tầng xây gạch, có tượng Phật đặt



323. Thái Lan trong cộng đồng các nước Đông Nam Á

* Mục này có sử dụng một số tư liệu do PGS. Trần Hùng cung cấp.

ở từng tầng quay ra bốn phía. Tháp được kết thúc bằng một chóp nhọn.

Thế kỷ thứ IX, ở vùng Bắc Thái Lan có loại tháp đáy vuông đỉnh thu nhọn phình ra ở giữa. Điển hình là tháp Prathat Panon ở tỉnh Nakhon Panon. Phong cách nghệ thuật thời kỳ này có tên là *phong cách Dvaravati*.

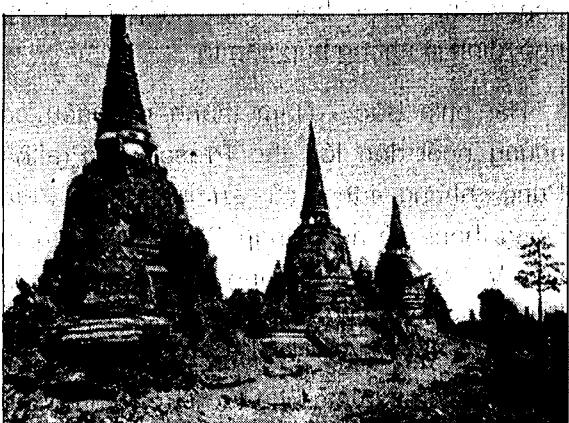
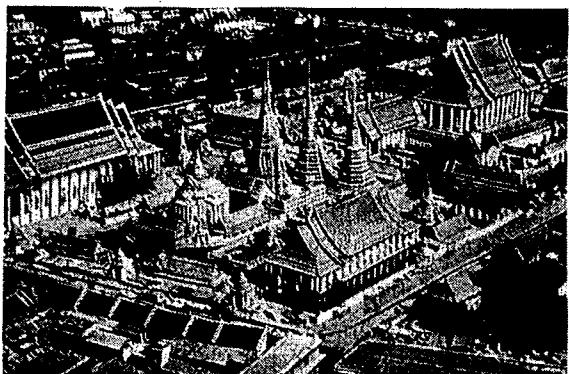
Trong các thế kỷ từ VII đến XIII, ở nhiều miền khác nhau của Thái Lan đã hình thành những phong cách nghệ thuật khác như:

- Phong cách Lôpburi (thế kỷ thứ VII - XIV) ở miền Trung và Đông Bắc Thái, nơi có nhiều ảnh hưởng kiến trúc Ăngco Vát của Khơme. Nhiều tác phẩm điêu khắc làm từ đá và đồng về chủ đề Phật giáo đại thừa rất đặc trưng cho phong cách này.

- Phong cách Svirijaia (thế kỷ thứ VIII - XIII) là phong cách nghệ thuật vùng Nam Thái Lan có nhiều nét tương đồng với nghệ thuật miền Trung Java của Indônêxia. Như chùa Pra Barômthat có mặt bằng hình vuông, mái tròn nhiều tầng, đỉnh tháp hình chuông. Đền thờ Vạt Keo ở tỉnh Chaiya có cấu trúc và dáng dấp gần với Tháp Chàm Việt Nam thế kỷ thứ IX - X, nhưng bên trong lại có một phòng chính và ba phòng phụ là kiểu bố cục quen thuộc của tháp Java (Indônêxia).

Kiến trúc thời kỳ người Thái

Khoảng thế kỷ thứ XI, người Thái từ phương Bắc tràn xuống đã chính thức định cư ở đây và lập ra nhà nước Sukhôthai đóng đô



324. Nghệ thuật kiến trúc Thái Lan

trong vùng đồng bằng. Thành phố này là trung tâm của vương quốc Sukhothai, tồn tại từ thế kỷ XII đến XV. Các công trình kiến trúc tại đây phản ánh sự ảnh hưởng của văn hóa Khmer và bản địa. Đặc điểm nổi bật là các tháp (prathat) với kiến trúc đa cấp, mái cong và chóp nhọn. Các đền chùa thường có kết cấu khung gỗ với các bức tượng Phật bằng đồng và gốm.

Sau sự sụp đổ của Sukhothai, vương quốc Ayutthaya đã tiếp quản và phát triển phong cách kiến trúc riêng. Ayutthaya tồn tại từ thế kỷ XIV đến XVII. Kiến trúc của Ayutthaya chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Khmer, đặc biệt là các đền Wat Mahathat và Wat Phra Si Sanphet. Các tháp (prathat) tại đây có kiến trúc đa cấp, mái cong và chóp nhọn. Các đền chùa thường có kết cấu khung gỗ với các bức tượng Phật bằng đồng và gốm.

tại thành phố Sukhôthai (tiếng Pali có nghĩa là bình minh của hạnh phúc).

Tuy chỉ tồn tại chưa đầy hai thế kỷ - từ năm 1293 đến cuối thế kỷ thứ XIV - nhưng Sukhôthai đã từng là một đô thị lớn với ba vòng tường thành và bốn cổng chính. Một mặt hồ rộng nước luôn trống vắng nằm ở chính giữa Hoàng thành, nơi có ngôi chùa tháp Vat Mahathai rất lớn xây theo kiểu Khơmê trên nền vuông nhiều bậc. Thân tháp hình bắp ngô, đỉnh là những búp sen to.

Hai phía Bắc - Nam thành phố đều có những ngôi đền lớn thờ Prasat và Prakha Pung - những vị thần của sự hưng thịnh. Phía Đông thành có ngọn tháp Chedi Sung và tu viện Vat Sichum. Ở những nơi này hiện còn lưu giữ được nhiều phù điêu và tượng cổ bằng đá, đồng, đất nung... có trình độ nghệ thuật khá tinh xảo. Những pho tượng Phật trong tư thế đang đi, một gót chân nhấc cao tay vươn ra thuyết pháp được các nhà nghiên cứu xếp vào hàng những bức tượng đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc Đông Nam Á. Phong cách nghệ thuật thời kỳ này có tên là *phong cách Sukhôthai*.

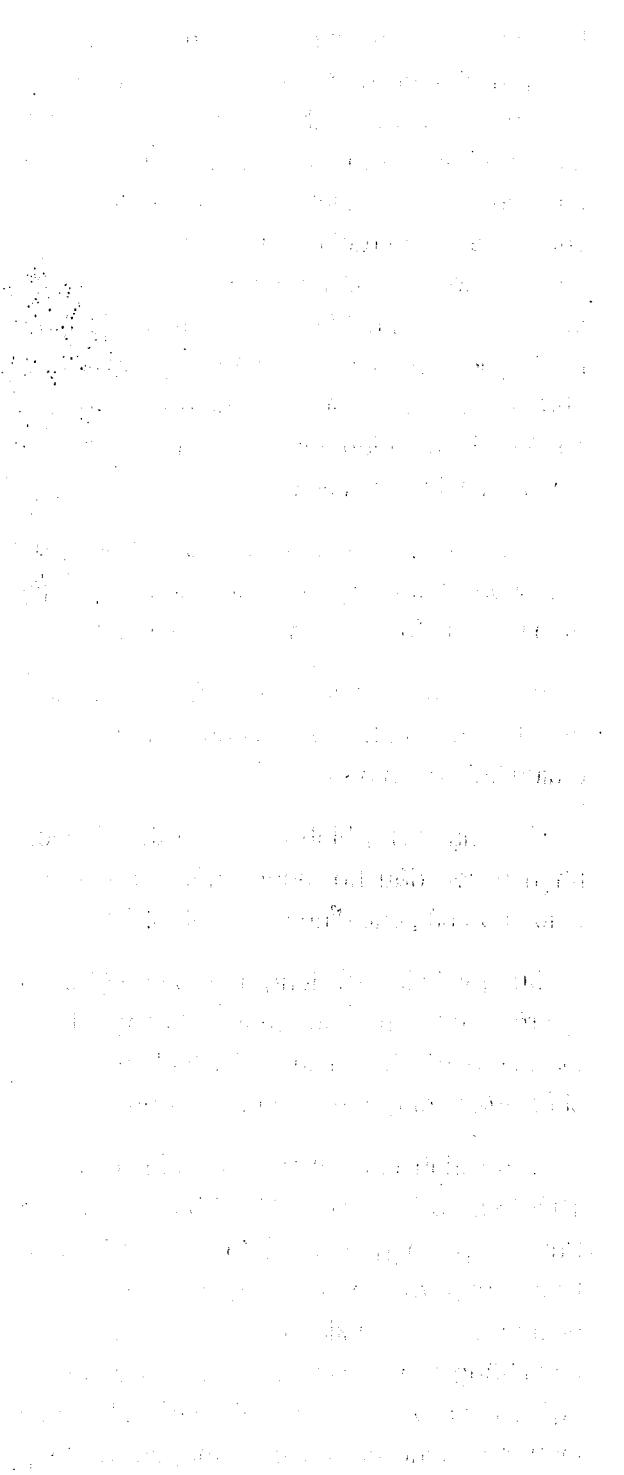
- *Phong cách Lan hay Chiêng Sêng* (thế kỷ thứ XI - XVIII) ở vùng Chiêng Mai, có nhiều chùa tượng kể thừa nghệ thuật của người Môn và người An. Tiêu biểu là chùa Bảy đỉnh (Vat Chet Yot) xây theo kiểu các đền Ấn Độ. Chùa tháp Chedi Siliêm vuông 5 tầng tương tự tháp Kukut của người Môn ở Lămpun. Ngoài ra còn có chùa Vat Pasak ở Chieng Sêng cũng thuộc phong cách này.

- Phong cách Ayutthaya - được gọi theo tên cố đô của Vương quốc Aya Thaga nằm ở hạ lưu sông Menam thuộc miền Trung Thái Lan. Trong 400 năm trị vì, 33 đời vua của vương quốc này đã tạo nên những đỉnh cao mới cho nền nghệ thuật chùa tháp. Các kiểu tháp tròn thời Sukhôthai được bổ sung thêm những hàng cột bao quanh ở phía trên cửa thân tháp. Thời kỳ này cũng xuất hiện những ngôi chùa bằng gỗ đặt trên nền cao với bộ mái cong nhiều lớp, có các cửa sổ đầu nhọn.

Từ cuối thế kỷ thứ XVII, trong nhiều ngôi chùa đã có sử dụng loại ngói tráng men. Tranh tường mô tả các hoạt động của tôn giáo là thể loại mới được phổ biến rộng rãi và vẫn còn được lưu giữ cho đến tận ngày nay trong các ngôi chùa nổi tiếng như chùa Wat Chetupon ở phía Nam Sukhôthai và đền Wat Chettheo ở Sisat Chanalai.

Là một đất nước theo đạo Phật, ở Thái Lan trung bình cứ 3000 dân số có một ngôi chùa. Đặc điểm chung của ngôi chùa Thái thể hiện ở chức năng và bố cục tổng thể chùa. Đây vừa là nơi hành lễ, vừa là trung tâm sinh hoạt văn hóa giáo dục của cộng đồng, là trường dạy lễ nghĩa cho trẻ em. Điều này được nhận rõ trong cơ cấu tổng thể, gọi là wat (hay vat).

Wat là một khuôn viên có tường rào, có cổng và nhiều ngôi nhà có các chức năng chính phụ khác nhau. Trong ngôi nhà chính (gọi là Bot) có đặt tượng Phật. Khu tụng niệm gọi là Viharn. Các tòa tháp tròn, đầu nhọn



hình chuông hoặc hình chóp nón có nhiều trang trí, thường được dát bằng vàng (gọi là Chedi), là nơi cất giữ thi hài Phật, là bộ phận nổi bật nhất của mỗi ngôi chùa. Ngoài ra, ở đây còn có nhà để kinh Phật (gọi là Mondop), chỗ ở của sư sãi (gọi là Kuti), các dãy nhà chỉ có mái không có tường vây che (gọi là Sala) dùng cho khách nghỉ hoặc tiến hành các sinh hoạt cộng đồng. Đáng chú ý trong các wat là những tháp nhỏ, thường có hình bắp ngô và có đắp hình nhiều loài chim Thần (gọi là Chofa) hay hình rắn Naga.

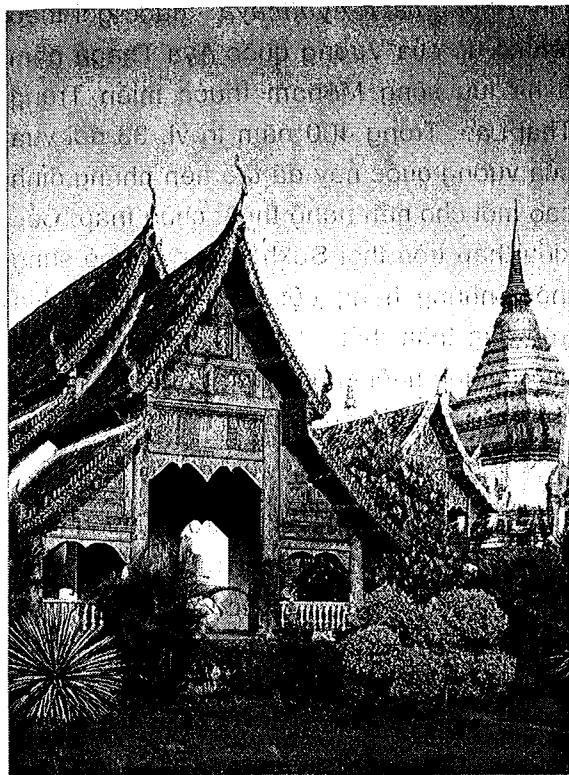
Điều gây được ấn tượng đặc biệt ở kiến trúc các chùa Thái là bộ mái dán những lớp ngói men nhiều màu và có nhiều gờ chỉ tinh vi.

Với các mặt bằng hình chữ nhật thì các mái dốc về hai phía, đôi khi được nhấn mạnh ở giữa khối (hình 325).

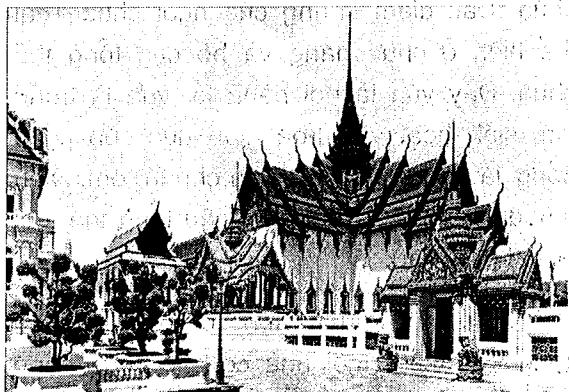
Nếu mặt bằng hình chữ thập thì có chóp nhọn ở các đầu hồi hoặc chóp tháp ở chỗ giao nhau của các đỉnh mái (hình 326).

Cùng với việc sử dụng màu sắc một cách rực rõ, các bờ mái, góc mái được chạm khắc tối đa đã góp phần tạo nên hình ảnh ngôi chùa vừa phong phú, vừa trang trọng.

Công trình chùa tháp tiêu biểu nhất của Thái Lan có lẽ là chùa Vat Phra Keo (chùa Phật Ngọc) ở gần trung tâm thủ đô Băng Cốc. Cùng với hoàng cung, chùa này nằm giữa một pháo đài kiên cố (đến nay pháo đài này không còn nguyên vẹn). Trong quần thể ngôi chùa này có rất nhiều tháp được lợp ngói màu, có đường nét duyên dáng, có tòa tháp



325. Bộ mái chùa Thái
được nhấn mạnh ở giữa khối



326. Bộ mái chùa Thái có mặt bằng
hình chữ thập

chính được dát vàng. Ngôi nhà bờ (trung tâm chùa) có mặt bằng hình chữ nhật, có các hàng cột chạy dọc nhà để đỡ bộ mái hiên 3 lớp. Diềm mái ở hai đầu hồi được chạm khắc hình rắn Naga với các đầu rồng đang uốn lượn. Với độ cong được trang trí kỳ công bằng nhiều hình hoa lá, chim muông, hình Phật ngồi thiền trên tòa sen, được ghép từ các mảng kính - sứ nhiều màu, bộ mái chùa trông như những tấm thảm long lanh rực rỡ đang nhẹ nhàng bay lượn trên bầu trời.

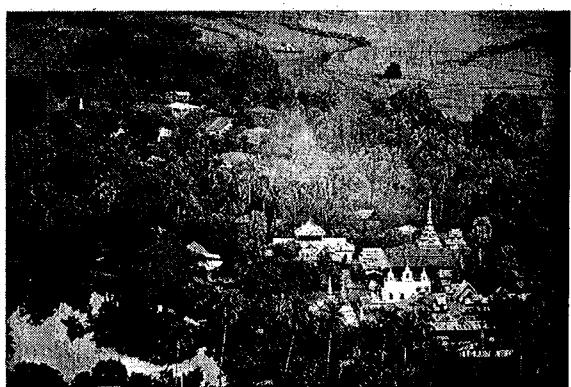
Bên trong tòa tháp Wat Phra Keo, trên bệ cao, trong lồng kính có một bức tượng Phật được làm bằng ngọc bích liền khối cao 66cm, rộng 48cm, tượng truyền được đưa về từ Lào (?). Ở đầu vai, bụng và đầu gối pho tượng này có đặt 9 viên xá lị lấy từ tro hài cốt của đức Phật. Xung quanh bức tượng chính này còn có số tượng Phật khác nhỏ hơn và một bức tượng chân dung của nhà vua Cha Kri - ông vua đầu tiên của vương triều Thái Lan hiện đại (hình 327).

Nhà ở dân gian

Nhà ở dân gian chính thống của người Thái là ngôi nhà sàn - một kiểu nhà ở rất khoa học, rất đặc sắc về không gian, tỷ lệ cũng như về các chi tiết cấu tạo, nên rất quyến rũ. Đây là loại kiến trúc mở khá thích hợp với khí hậu nóng ẩm nhiệt đới, có thể xây cất trên mọi địa hình, có khả năng thông thoáng tối đa, có cấu trúc đơn giản, chắc chắn, được làm bằng gỗ. Đôi khi nhà có thêm những trang trí hình chim muông, hoa lá



327. Nội thất một ngôi chùa Thái ở Bangkok.



328. Quang cảnh một góc ngôi làng Thái

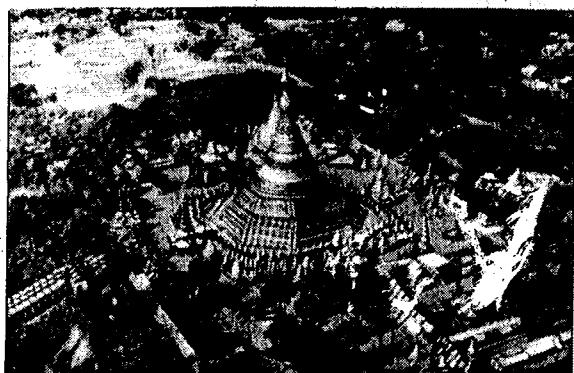
(thường thấy ở các ngôi nhà của các gia đình khá giả). Trước mỗi nhà đều có sân, cũng được đặt trên cọc, rất thuận tiện cho sinh hoạt gia đình, đồng thời làm cho ngôi nhà dân gian của người Thái có một vẻ dịu dàng duyên dáng hiếm có (hình 328).

4.4.4. Kiến trúc Myanmar

Chùa Vàng

Là một tổng thể kiến trúc lớn không những của Myanmar mà của cả vùng Đông Nam Á. Theo truyền thuyết, cách đây chừng 2500 năm đã có những nhà buôn vùng thủ đô Rangun tới Ấn Độ thỉnh kinh và đã được Đức Phật ban cho bảy sợi tóc vàng. Trở về nhà, họ được dân chúng nô nức đón chào và quyết định góp công của xây nơi cất giữ những sợi tóc quý. Ngọn tháp Vàng cao 20m trên đồi Singutara đã ra đời để làm việc đó. Cùng với tháp Vàng, dân chúng còn xây tiếp 6 tháp là tháp Bạc, tháp Thiếc, tháp Đồng, tháp Chì, tháp Sắt và tháp Đá.

Khảo cổ chưa xác định được chính xác thời điểm ra đời của chùa Vàng. Song một điều chắc chắn là có nhiều trận động đất đã xảy ra làm chùa bị hư hại nặng. Người ta đã phải nhiều lần tu bổ, sửa chữa và sau mỗi lần, ngôi chùa lại được làm cho cao hơn, rộng lớn hơn. Tháp chùa Sve Đagôn sau lần tu bổ năm 1774 đã đạt tới chiều cao 99m (hình 329, 330). Mặt bằng chùa có hình gần vuông ($214m \times 276m$) đặt theo hướng Bắc - Nam, nhô cao lên 20m so với xung quanh, có bốn dãy nhà cầu có mái che đưa người từ dưới đi



329. Toàn cảnh khu vực chùa Vàng



330. Chùa Vàng ở Myanmar

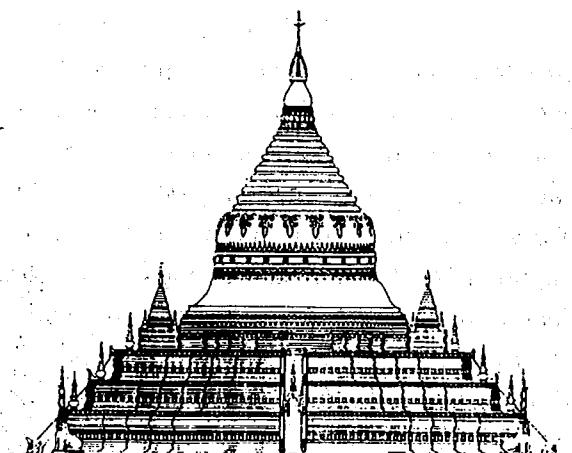
lên. Dãy bậc phía Tây dài nhất (175m). Dãy ngắn nhất ở phía Nam (104m). Hai bên cổng chính phía Nam có hai pho tượng sư tử Sinte cao 9 mét. Các cổng vào phía bên có những dãy nhà nghỉ dành cho khách thập phương tới hành hương. Tất cả gồm một tháp chính, 72 ngọn tháp phụ và vô vàn tượng voi, sư tử, tượng thần và quái vật đứng hài hòa cạnh nhau tạo nên một khối tượng hình phong phú.

Điêu làm nên vinh quang cho quần thể này là phần đỉnh của tháp chính, được hoàn thiện vào năm 1871, cao 10m, có 7 vòng vàng. Người ta đã gắn vào đây tới 9300 lá vàng cỡ 30cm × 30cm, nặng đến 560kg, hàng trăm viên kim cương và hồng ngọc. Giá trị vật chất lớn nhất có lẽ là các trụ bạc đỡ một quả cầu đường kính 25cm được khám tới 5.488 viên kim cương và 3.217 viên đá quý (hình 331).

Với một tập hợp chùa, tháp, cột, điện trùng điệp, với lượng kim loại và đá quý gắn trên công trình, Sve Đagôn xứng đáng là một tòa kiến trúc bằng vàng, trong cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen của từ này.

Thành phố cổ Pagan và chùa Vàng Ananda

Pagan là vùng đất thuộc vương quốc hùng mạnh từng vang bóng một thời, nằm bên dòng sông Irrawadi ở chính giữa đất nước Myanmar, trên con đường giao lưu thương mại giữa Ấn Độ và Trung Hoa trong thời cổ đại (hình 332).



331. Tháp chùa Vàng - Sve Daagon



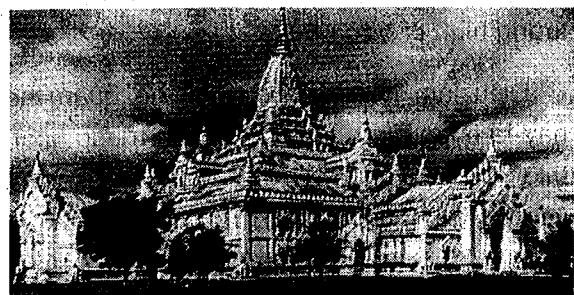
332. Quần thể Pagan

Truyền thuyết đã từng kể về giai đoạn phát triển rực rỡ của Pagan trong suốt gần mươi thế kỷ sau Công nguyên. Nhưng lịch sử thành văn ghi nhận sự hưng thịnh của Pagan bắt đầu từ đời vua Aniruda (1044), sau khi nhà vua này thống nhất được đất nước, biến Pagan thành thủ đô của Vương quốc, huy động hàng ngàn hàng vạn thợ ngày đêm xây nên rất nhiều chùa tháp. Truyền thuyết cũng kể rằng một ngày ở đây mọc thêm 40 ngôi chùa, một năm - 15 ngàn chùa tháp và trong 300 năm đã có cả thảy bốn triệu ngôi chùa tháp được xây dựng, biến Pagan thành thủ đô tâm linh của cả dân tộc Myanmar.

Quần thể Pagan được xây dựng trên một diện tích rộng tới 40km^2 , gồm 5.000 công trình lớn nhỏ (nay chỉ còn lại khoảng 2.300). Trong số này có những tháp cao tới 50 - 60m (hình 333).

Những khai quật khảo cổ cho thấy ngay từ đầu thế kỷ thứ IX, Pagan đã được quy hoạch theo hình vuông mỗi chiều 1,2km có tường cao, hào sâu chạy bốn phía, từng đoạn lõi nhô lên những tháp cao. Mạng đường phố trong thành có hình ô cờ. Trên cổng thành phía Đông có tạc hình hai vị thần Bảo hộ (gọi là Nát). Tương truyền, có một chàng thợ rèn tài ba cùng người em gái bị một tên vua tàn bạo hãm hại, về sau hai anh em chàng trai này được dân chúng tôn sùng thành những vị thần trong huyền thoại. Phía ngoài thành trong tầm bán kính 5 - 7km nay vẫn còn dấu vết của rất nhiều cụm chùa tháp, điểm dân cư và hệ thống thủy lợi.

Đến thế kỷ XII, triều đại của vua Aniruda đã tan rã, và sau đó là một thời kỳ dài của chiến tranh nội bộ và xâm lược. Đến năm 1287, quân Mông Cổ do Thành Cát Tư Hãn chỉ huy đã đánh chiếm Pagan, phá hủy thành phố và các công trình kiến trúc. Sau đó, triều đại mới của vua Kyawswa (1293-1317) đã tái thiết thành phố và các công trình, và Pagan trở thành thủ đô của vương quốc mới. Tuy nhiên, vào năm 1351, thành phố đã bị quân Mông Cổ đánh chiếm lần nữa, và sau đó là một thời kỳ dài của suy thoái và suy giảm. Đến năm 1752, thành phố đã bị quân Thanh đánh chiếm và phá hủy, và sau đó là một thời kỳ dài của suy thoái và suy giảm.



333. Toàn cảnh chùa Ananda ở Pagan



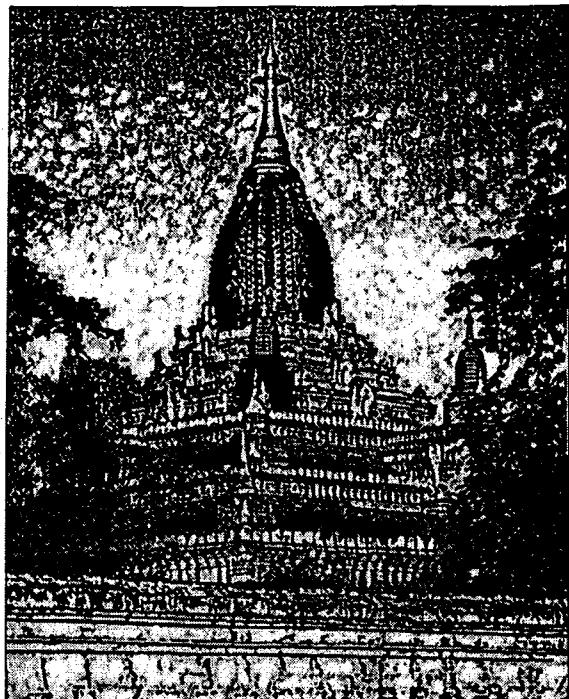
334. Vòm ở Stuppa Mandalay

Những kiến trúc tôn giáo ở Pagan xây bằng gạch và vôi vũa bao gồm hai thể loại chính: loại đền tháp (Stupa hoặc Xetiva theo tiếng địa phương) và chùa (tiếng địa phương gọi là Gu). Các Stupa đều có hình bát úp như thường thấy (hình 334). Stupa Shvezigon xây năm 1059 gồm ba tầng được dát vàng từ chân đến đỉnh. Bên cạnh hình Phật, ở đây còn có 37 tượng thần "Nat" - những vị thần bảo vệ của Shvezigon. Cùng đồng dạng nhưng lớn hơn nhiều lần, Stupa Mangalaxetiga cao tới 45m, lớn nhất ở Pagan, được xây dựng năm 1284.

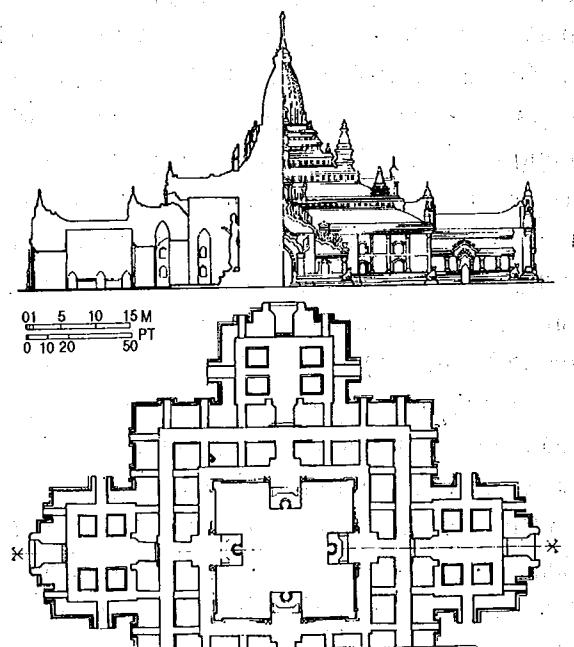
Loại chùa "Gu" - tiếng Myanmar có nghĩa là hang - là những khối hộp vuông chồng lên nhau, dưới lớn, trên nhỏ dần, kết thúc bằng một đỉnh hình tròn nhọn kéo dài, hoặc bằng một tháp hình vuông. Vào khoảng thế kỷ thứ XIII, một nhà vua có công, có tài tên là Tilanman đã xây cho mình một công trình kỷ niệm xứng đáng - đó là ngôi chùa Ananda - ngôi chùa đẹp nhất vùng Pagan (hình 335).

Chùa Ananda có mặt bằng hình vuông, cạnh đáy 80m, cao 50m, xung quanh là dãy hành lang có mái che. Ở độ cao 10m, giữa các bức tường đá có trổ các ô cửa sổ hẹp. Người đến cúng vái ở phía dưới không nhìn thấy cửa sổ mà chỉ nhìn thấy những tia sáng huyền ảo rơi lên bức tượng Phật dát vàng cao 10m, đặt trên bệ cao 3m với khuôn mặt Phật bình thản nở nụ cười điềm tĩnh đang nhìn xuống đám chúng sinh nhỏ bé phía dưới chân (hình 336).

Vương triều Pagan tuy chỉ tồn tại trong gần ba thế kỷ, nhưng đã để lại một thành tựu



335. Chùa Ananda



336. Mặt cắt, mặt nhà và mặt bằng chùa Ananda TK XI

mẫu mực về quy hoạch đô thị và hình ảnh về một quần thể công trình kiến trúc huy hoàng, còn sống mãi trong tâm khảm mọi người dân Myanmar.

4.4.5. Kiến trúc Lào

Nếu truyền thuyết về bảy sợi tóc vàng đã gắn với sự ra đời ngôi Chùa Vàng của người Myanmar thì sự tích huyền thoại về chiếc xương đầu gối của Đức Phật Ấn Độ ban cho năm nhà sư Lào từ thế kỷ thứ III trước CN lại là lý do để người Viêng Chăn dựng nên tòa tháp Đại Phật tích (That Luông).

Đây là công trình kiến trúc tiêu biểu nhất của đất nước Triệu Voi (hình 337). That Luông được khởi xây vào năm 1566 trên nền và khung của một ngôi chùa cũ, cách trung tâm Viêng Chăn chừng 2km. Đây là một trong những ngọn tháp Phật lớn nhất nước Lào với chiều dài hai cạnh đáy là $90m \times 90m$, chiều cao 45m. Phần thân tháp được đặt cao ở vị trí trung tâm, có mặt bằng rộng 52m, dài 54m. Trong khuôn viên này còn có 30 tháp nhỏ màu vàng, đế vuông hình chóp cụt sơn màu trắng. Trên mặt chính các tháp đều có ghi những lời thần chú bằng thứ tiếng địa phương (tiếng Thăm Pali). Chân tháp chính là một đài sen vuông xòe cánh ra bốn phía. Đài sen này được đặt trên bệ vuông có cấu trúc phức tạp, càng lên cao càng nhỏ lại, sau đó phình ra một gờ nổi được chạm khắc tinh vi. Ở trên cùng có một trụ vuông phình ở dưới, miệng thắt dần lại như hình trái bầu, kết thúc bằng một tháp nhỏ, có mũi tên đâm thẳng lên trời. Toàn bộ trục tháp này được dát tới một ngàn

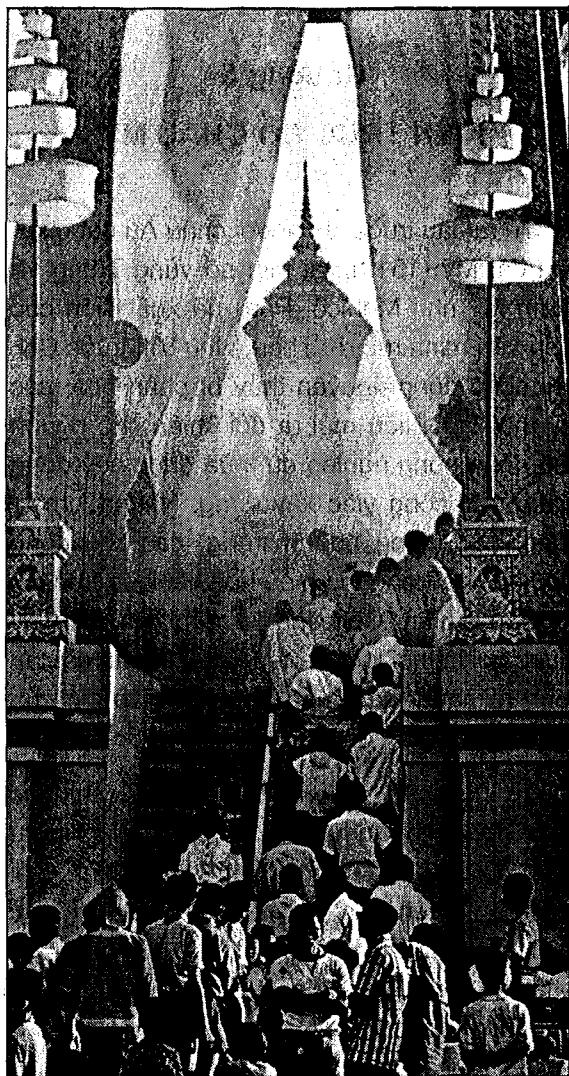


337. Tòa tháp Đại Phật Tích (That Luông)

cân vàng lá. Chạy quanh các tháp nhỏ là dãy hành lang vuông lô thiên có các bậc lên xuống và các hành lang cao khắc 228 ngọn lá. Giữa mỗi lá có một khâm nhỏ đặt tượng Phật bằng đất nung. Chính giữa mỗi mặt lan can đều có trổ cổng vào. Những cổng này hình vòng cung, trên có các tháp nhọn:

Thoạt nhìn, kiến trúc Thạt Luồng có một số bộ phận lặp lại các khối thân hình bán cầu của tháp Sanchi Ấn Độ thế kỷ III TCN, khối đỉnh mang dáng tháp Thái Lan thế kỷ XV-XVIII, chân tháp nhắc lại tháp Myanmar v.v...

Thế nhưng, tất cả những ảnh hưởng riêng lẻ đó lại hòa hợp và được kết tinh một cách khéo léo để tạo nên một công trình kiến trúc mang đậm bản sắc dân tộc Lào. Thạt Luồng không hề giống bất kỳ một kiểu tháp Phật giáo nào. Ở đây hành lang dài rộng hơn, chiều cao vừa phải hơn so với các tháp Myanmar. Thân bán cầu tuy lớn, nhưng giảm được cảm giác chiều cao nhờ các vòng tháp nhỏ bao quanh, nên không hoàn toàn giống như Sanchi của Ấn Độ. Đỉnh công trình đã biến thành khối trung tâm chứ không còn là một bộ phận như trên đỉnh các tháp Thái. Sự nhất quán trong bố cục, sự nhịp nhàng về tỷ lệ, sự hài hòa về đường nét đi kèm với sự tương phản hợp lý về màu sắc (xám ở tường, trắng ở các đế, vàng rực ở đỉnh tháp) đã tạo nên vị trí của một công trình văn hóa tiêu biểu cho trí tuệ, óc sáng tạo và tính thống nhất của các dân tộc Lào, đưa Thạt Luồng lên hàng các công trình kiến trúc có giá trị nổi bật ở Đông Nam Á (hình 338).



338. Tiến hành một thủ tục tín ngưỡng ở chùa Lào

Chương 5

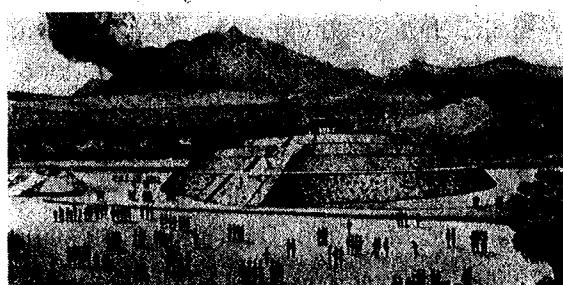
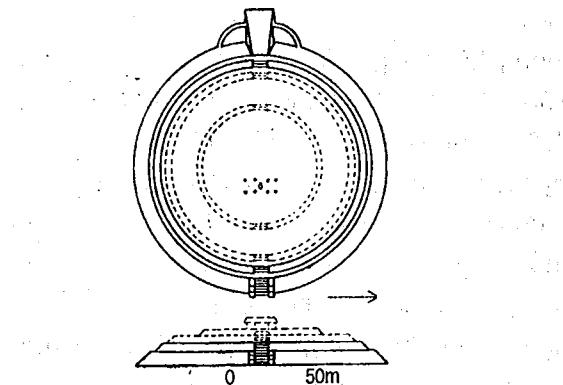
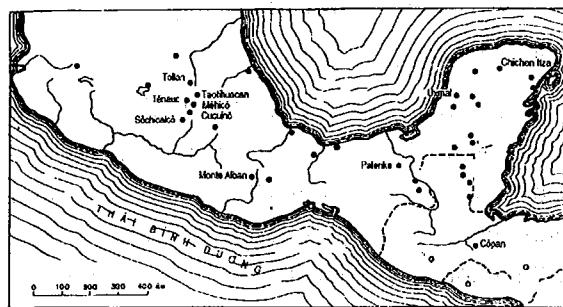
KIẾN TRÚC CỔ CHÂU MỸ

Từ rất lâu trước khi người châu Âu đặt chân lên đất Mỹ (1519), tại một số vùng Trung và Nam Mỹ như Mêhicô, Pêru đã xuất hiện các nền văn minh rực rỡ. Thế kỷ thứ VIII trước CN, khi cộng đồng nguyên thủy bị phân hóa, các kỹ thuật tưới tiêu mới ra đời khiến cho nguồn lao động nông nghiệp dư thừa được huy động sang làm công việc xây dựng. Những kim tự tháp, các tượng hoành tráng, các khu công trình lớn có trang trí nhiều họa tiết kiến trúc lần lượt xuất hiện. Chín thế kỷ đầu tiên sau CN được gọi là thời kỳ Cổ điển. Tục tế thần đã sản sinh ra hàng loạt trung tâm tôn giáo lớn của nhiều quốc gia - đô thị.

Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XV các quốc gia - đô thị cổ tàn lụi dần. Việc xây các kim tự tháp để tế thần cũng hầu như chấm dứt. Giới quân phiệt lên thay thế đã cho xây dựng các quốc gia - đô thị nô lệ mới. Từ đó, nền văn hóa của dân tộc Toltéc đã phát triển ở Trung Mỹ và văn hóa của dân tộc Inca đã phát triển ở Andes cho đến khi người Âu tràn vào.

5.1. KIẾN TRÚC CỦA NGƯỜI TOLTÉC

Toltec là dân tộc xuất hiện sớm nhất trên lãnh thổ châu Mỹ. Khoảng 5000 năm trước CN, cách thành phố Mêhicô không xa về phía Nam họ đã từng xây dựng Kim tự tháp Cucuñô bốn cấp hình tròn cao tới 20m, đường kính đáy 135m với những thang rộng dẫn lên đền thờ trên đỉnh (hình 339).

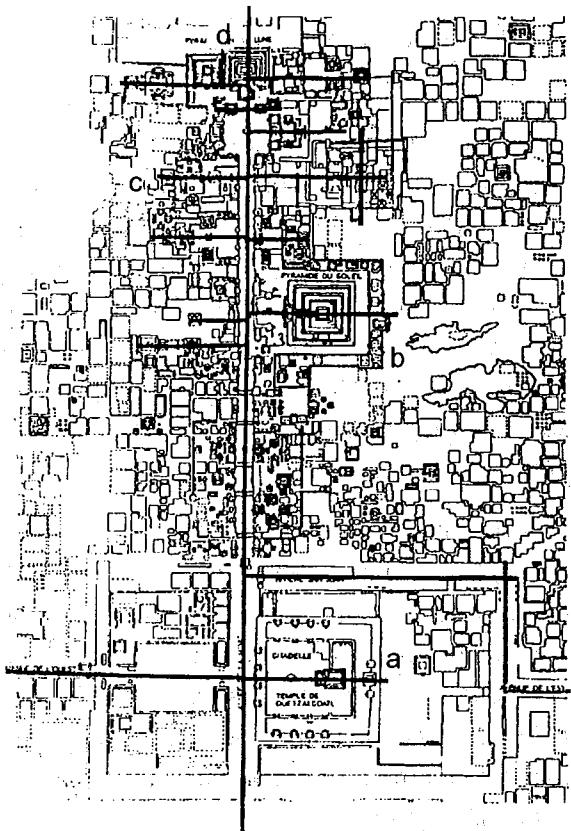


339. Kim tự tháp Cucuñô TK VI TCN.
Mặt đứng, mặt bằng, toàn cảnh

Về phía Bắc thủ đô Mêhicô 50km, từ thế kỷ thứ V trước CN đến thế kỷ thứ VI, có một thành phố của người Toltéc có tên là Teotihuacan (hình 340).

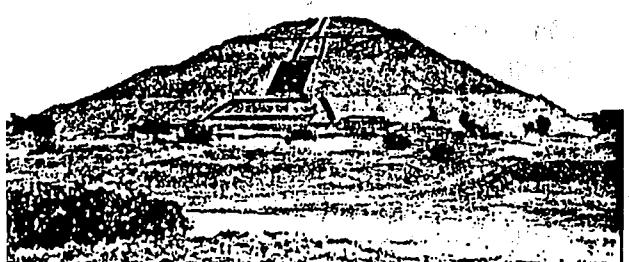
Teotihuacan có nghĩa là thị trấn của Thần Mưa. Thị trấn này rộng 36km², nằm ở độ cao 2.300 mét so với mực biển. Vào thời thịnh vượng nhất, dân số đã lên tới 20 vạn, với 4.000 tòa nhà xây bằng đá núi lửa trong đó có cả những cung điện được trang trí bằng những pho tượng mỹ lệ. Tất cả các công trình được bố cục dọc theo mặt bằng hình chữ nhật, dựa trên các nguyên lý hài hòa vũ trụ.

Một đại lộ lớn chia đôi thành phố và nối liền các chợ, đền đài và quảng trường. Ở đây đã từng có khá nhiều kim tự tháp giá trị. Nổi tiếng nhất là kim tự tháp Mặt Trời cao khoảng 63m, kích thước đáy tháp là 225m × 220m, được xây bằng 2,5 triệu tấn vật liệu. Tháp này gồm 5 tầng với các bậc thềm được dùng làm khán đài khi có đám rước. Các bậc thang ở dưới rộng, càng lên cao càng hẹp và dốc dần. Đỉnh tháp ngày nay chỉ còn là một mặt bằng rộng độ 12m². Định cư trên một cao nguyên đất cát, bị mặt trời chói chang hun nóng, bị mưa to xói mòn nên "ân huệ của Trời" đã trở thành nhân tố quyết định cuộc sống của con người. Mưa ít, khô hạn hay mưa đến không phải lúc, trái mùa hoặc mưa quá nhiều đều là tai họa đối với người Toltec. Theo một quan niệm cổ, Mặt Trời tượng trưng cho sức nóng và sự sung túc, là mơ ước của mọi con người. Có lẽ đây chính là lý do khiến cho người Toltéc phải tốn công xây dựng một ngôi đền



340. Thánh địa Teotihuacan

- a) Đền thờ Quetzacoatl
- b) Quần thể kim tự tháp Thần Mặt trời
- c) Điện Quetzalpapalotl
- d) Kim tự tháp Mặt Trăng



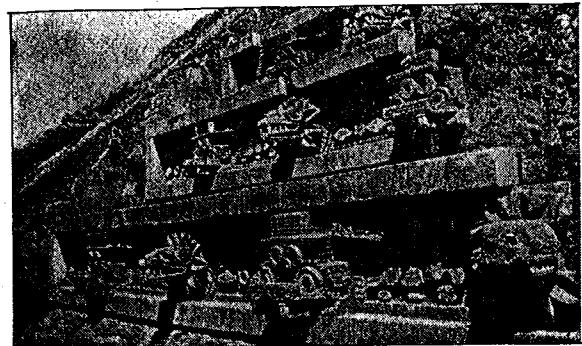
341. Toàn cảnh đền thờ Thần Mặt Trời
ở Teotihuacan

tháp lớn nhất của mình để thờ thần Mặt Trời (hình 341, 342).

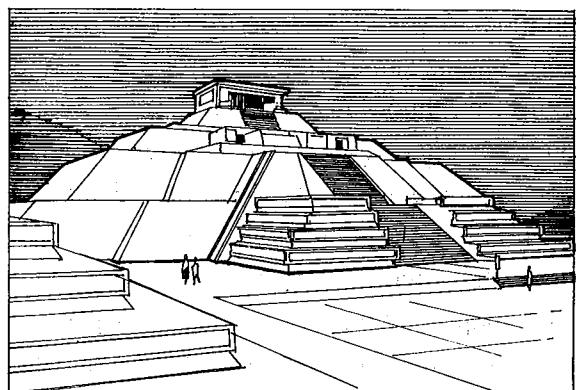
Mặt ngoài của đền-tháp được trang trí bằng các tranh vẽ và hình chạm chìm được phân cách đều theo chiều nằm ngang. Trong đền có một tượng thần bằng đá, ngực dát bằng vàng, tỏa ánh sáng lóng lánh dưới ánh Mặt Trời. (bức tượng này về sau đã bị người Tây Ban Nha phá hủy). Tháp được xây bằng gạch, bên ngoài ốp bằng các đá núi lửa màu đỏ.

Mặt bằng tháp được đặt lệch 17° so với hướng Bắc - Nam. Hàng năm cứ vào lúc 12 giờ trưa ngày 21 tháng sáu là mặt trời lại rơi ánh sáng lên đủ cả bốn mặt tháp. Khi đó bóng của tháp trùng với chân của đế tháp. Có thể tháp này cũng là một thứ lịch dùng để tính năm và tính mùa theo ánh sáng mặt trời, của người dân địa phương.

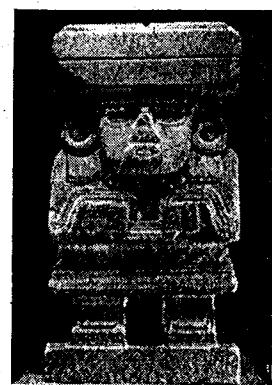
Rẽ phải từ tháp Mặt Trời, một con đường dài 2km, rộng 45m sẽ đến tháp Mặt Trăng nằm ở phía Bắc. Tháp này thấp hơn, khoảng 56 mét, đáy rộng 142×158 mét. Có lẽ đây là tháp xưa nhất của người Toltec được xây bằng đá sỏi vớt từ dưới sông lên. Dưới chân tháp có công trình điêu khắc chính của thị trấn Teotihuacan: tượng "Nữ thần sông nước", là em gái của thần mưa Tlaloc. Tượng này bằng đá badan, cao 3,19m (hình 343). Cách đó không xa là đền thờ Quetzalcoatl, vị vua anh minh cai trị vào thời phát triển rực rỡ nhất của nền văn minh Toltec. Mặt tiền của đền là một điêu khắc tiêu biểu của văn hóa Toltéc, miêu tả Tlaloc với cặp mắt



342. Chi tiết đền thờ Thần Mặt Trăng



343.
Đền thờ Thần
Mặt Trăng và
bức tượng
Nữ thần sông nước



lồi ra ngoài, răng nhô, xung quanh có nhiều hình rắn có lông vũ (hình 344).

Trên sân đền có bốn bàn thờ cao. Đây là nơi các giáo sĩ và chức sắc chứng kiến các lễ hội và những cuộc vui chơi nhảy múa. Giữa sân có một bàn thờ chính, với 4 đợt thang, mỗi đợt gồm 13 bậc. Như vậy tổng cộng có 52 bậc, tượng trưng cho một thế kỷ gồm 52 năm theo cách tính của người Toltéc. Cứ mỗi 52 năm một lần, các giáo sĩ lại tập trung ở đền Quetzalcoatl để tiễn thế kỷ cũ, đón thế kỷ mới. Trong mỗi dịp như vậy lại có một mạng người bị dâng lên để tế thần, hầu cứu cho hạ giới thoát được sự sụp đổ. Ngoài ngôi đền, ở đây còn có Điện Quetzalcoatl (hình 345).

Người Toltec còn là tác giả của kim tự tháp lớn nhất thế giới ở Cholu với chiều dài đáy $300m \times 300m$. Kim tự tháp này được xây dựng trên cơ sở của một công trình có từ 800 năm trước, nhiều lần bị phá đi xây lại và cuối cùng đã trở thành một bệ rất lớn để đặt ngôi đền thờ Quetzalcoatl lên trên.

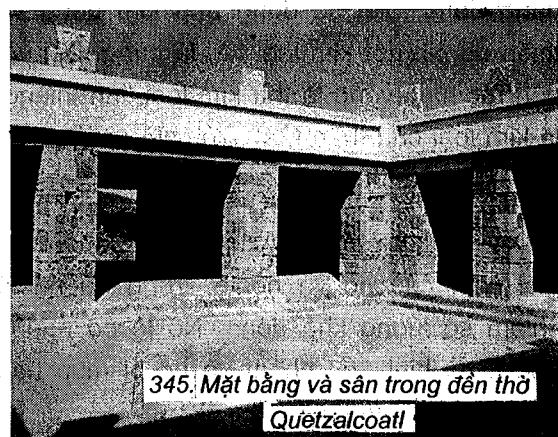
Đầu thế kỷ thứ VI, Teotihuacan đã là một nhà nước hùng mạnh có lãnh thổ rất rộng. Nhưng đến khoảng năm 900, có thể do sự xâm lăng của rợ phương Bắc mà nhà cửa bị cháy trụi, dân chúng bỏ đi hết, và thành phố lui tàn dần.

5.2. KIẾN TRÚC CỦA NGƯỜI AZTEC

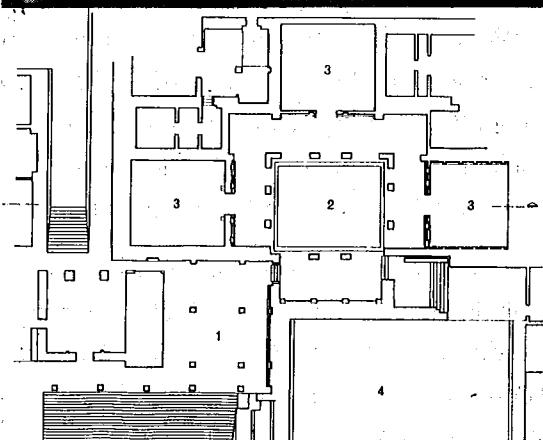
Đầu thế kỷ thứ XIV, một tộc người da đỏ sống ở miền Bắc Mỹ có tên là Aztec di cư xuống Trung Mỹ và định cư trên vùng đất



344.
Tượng
đầu người
khổng lồ



345. Mặt bằng và sân trong đền thờ
Quetzalcoatl



thuộc Mêhicô ngày nay. Ở đây, họ thừa hưởng một nền văn hóa phát triển từ "thời kỳ Cổ điển" với những đô thị và trung tâm tín ngưỡng lớn như Sochicalco, Tollar (hình 346), Tenoxic-titlan v.v... từ thế kỷ thứ VIII-IX, đã hình thành được quốc gia và nhanh chóng đạt được sự phát triển hưng thịnh vào cuối thế kỷ thứ XIV đầu thế kỷ thứ XV.

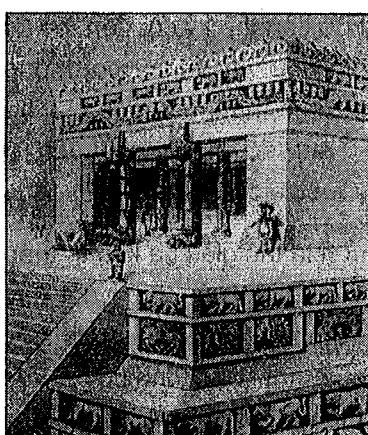
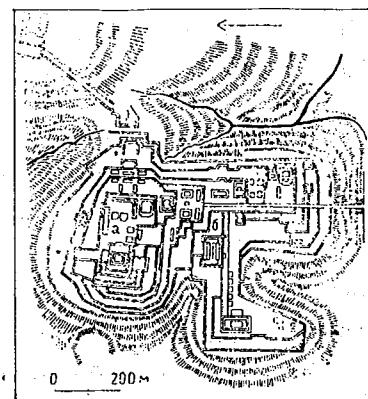
Người Aztec sống chủ yếu bằng nghề nông, nhưng cũng chú trọng nhiều đến các nghề thủ công mỹ nghệ như bạc, vàng, gỗ và đá quý. Họ khéo dùng lông chim may quần áo, trang trí nhà cửa, sản xuất các đồ đạc bằng đồng, biết sử dụng hợp kim đồng và thiếc để cắt gọt kim loại và đá cứng. Đối với dân tộc này, vàng là thứ kim loại linh thiêng, là kim loại của thần Mặt Trời, chỉ dành riêng cho thủ lĩnh (vua).

Xã hội của người Aztec phân thành hai giai cấp: chủ nô và nô lệ, trong đó nô lệ chiếm số lượng khá đông. Nô lệ có nguồn gốc từ tù binh, tội phạm và họ bị mua bán như một thứ hàng hóa.

Người đứng đầu Nhà nước có quyền lực rất lớn và được tôn sùng như thánh thần. Quý tộc và tăng lữ thuộc giai cấp chủ nô đã đặt ra nhiều nghi lễ huyền bí để chứng tỏ quyền hành người thủ lĩnh là do các vị thần ban cho.

Trong công cuộc xây dựng ở giai đoạn sau Tetihuacan, phải kể đến thành phố Tenoxic-titlan đã tồn tại trong hai thế kỷ từ 1325 đến 1521. Tương truyền thành phố này được xây dựng theo mẫu của thành Azotolan, một cố đô cổ

346. *Mặt bằng thành phố Sochicalco của người Aztec*



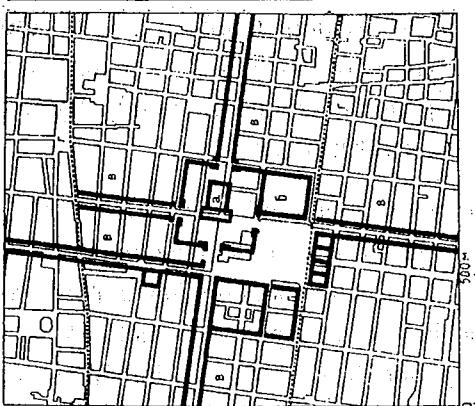
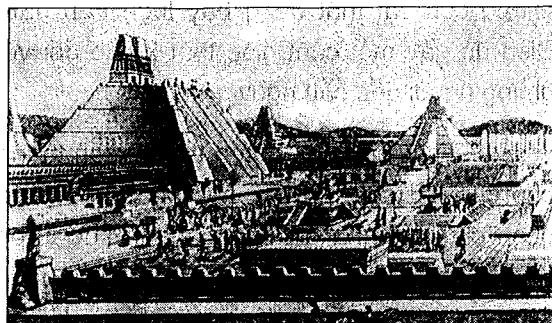
Đền thờ tại thành phố Tollar và hàng cột trong đền

xưa trên quê hương của dân Aztec (hình 347).

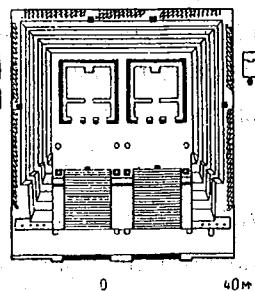
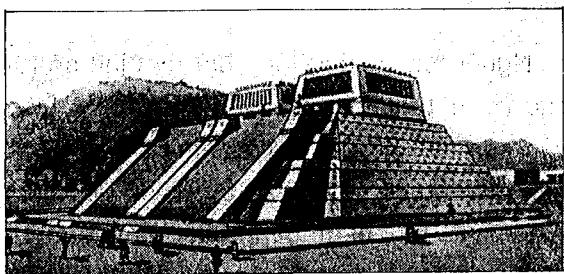
Sống trong bối cảnh các cuộc chiến giành đất đai xảy ra liên tiếp, người Aztec đã chọn giải pháp xây thành Tênocttitlan trên một hòn đảo lớn giữa hồ, nhằm đề phòng các cuộc tấn công. Loạt đảo nhỏ vây quanh làm đất dự trữ cho mở rộng thành phố. Trên đảo có nhiều kênh đào, bờ kênh ốp đá hoặc tấm màu. Từ đất liền có các đập dẫn sang đảo, có cầu nâng hạ được cho thuyền qua lại. Thành phố lúc này đã có số dân tới 6 vạn người. Quảng trường trung tâm rộng $320m \times 275m$ được bao quanh bởi "ô đất linh thiêng" và ba cung điện bằng gỗ của các lãnh chúa. Tại "ô đất linh thiêng" có đặt một kim tự tháp cao tới 30m, cạnh đáy dài 100m, quanh có tường khắc hình rắn bao bọc. Đỉnh tháp có hai ngôi đền thờ thần mưa Tlaloc và thần chiến tranh Uxilopolotc. Tuy tháp này hiện nay không còn tồn tại, nhưng theo mô hình này, người ta đã cho xây ngọn tháp Tenáuc nhỏ hơn với chiều cao 16m đáy dài $65m \times 50m$ (hình 348).

Tại "ô đất linh thiêng" này còn có ngôi đền tròn thờ Quetzalcoatl và một sân vận động là thể loại công trình nhất thiết phải có ở những nơi có người Aztec sinh sống.

Những ngọn tháp và những đền đài trong thành phố đều được xây dựng đồ sộ, bên trong được trang hoàng bằng những tượng vàng rất lớn. Người ta gắn lên trần của ngôi đền những ngôi sao, những con chuồn chuồn, bướm bướm, chim chóc bằng vàng, giống như



347. Phối cảnh tổng thể và mặt bằng khu Trung tâm thành phố Tenochtitlan



348.
Tháp Tenáuc. Toàn cảnh,
mặt đứng, mặt bằng

những con vật thật đang bay lượn trên đầu. Điều đó gây một cảm giác thật kỳ ảo đối với những người đến cầu nguyện.

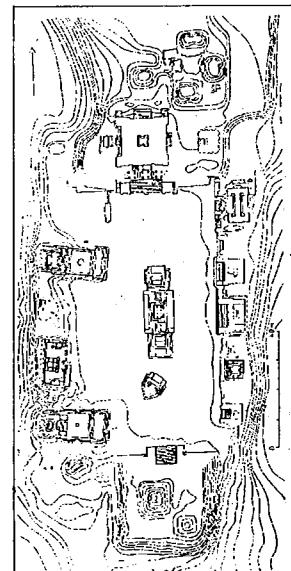
Ngoài các công trình đền tháp, trong thành phố còn có một chợ lớn, các khu nhà ở của quan chức và nhà giàu bao quanh khu trung tâm. Tuy vậy nhìn chung về phương diện nghệ thuật, nền kiến trúc của người Aztec không sánh kịp với những thành quả của thời Teotihuacan, mặc dù cuối cùng nó cũng chịu chung số phận bị cưỡng đoạt và hủy diệt như kiến trúc các thời kỳ trước đó.

Miền Nam Mêhicô nổi tiếng với loạt công trình ở Monte Alban, đạt đỉnh cao vào khoảng thế kỷ thứ V. Đây là một trung tâm hành chính - tôn giáo lớn với Acrôpône trên đỉnh đồi cao. Các công trình được đặt theo chiều ánh sáng. Tại đây cũng có một sân banh (ball court) và nhiều hệ thống đền thờ, kim tự tháp (hình 349).

Người Aztec cũng từng đạt tới trình độ rất cao về mặt thiên văn. Ở thủ đô Mêhicô hiện vẫn còn lưu giữ được một tấm lịch bằng đá nặng 20 tấn của người Aztec. Theo đó người Aztec chia mỗi năm thành 365 ngày gồm 18 tháng, mỗi tháng có 20 ngày, cuối năm có 5 ngày bổ sung. Nếu đem so sánh với lịch dùng ở châu Âu cùng thời thì lịch của người Aztec chính xác hơn.

Vào đầu thế kỷ XVI, quốc gia của người Aztec bị thực dân châu Âu侵占. Tuy vậy, những gì mà người Aztec kiến tạo được trong thời kỳ lịch sử không dài so với lịch sử của đế

349. Tổng thể
thành phố Monte Alban





tồn tại trên bán đảo Yukanta (Mêhicô) cho đến tận nửa đầu thế kỷ XVI, khi thực dân Tây Ban Nha đến xâm lược khu vực này. Quân xâm lược đã sát hại dân bản địa, san phẳng nhiều đền đài, cung điện và phá hủy rất nhiều những tài liệu chữ viết của người Maya, khiến cho cả một dân tộc hầu như bị diệt vong. Nền văn hóa của họ bị tàn phá nghiêm trọng. Phần lớn những tài liệu chữ viết của người Maya đã không thể tìm lại được. Lấy cớ rằng chữ viết của thổ dân da đỏ là sản phẩm của quỷ sa tặc, vào năm 1672, vị giáo chủ người Tây Ban Nha là Diegô đô Landâ đã ra lệnh đốt hết những bản chép tay của người Maya trước toàn thể dân chúng.

Cho đến nay, ngoài bốn bản chép tay ít ỏi đã được tìm thấy (cũng là bốn bộ luật của người Maya), phần lớn di tích văn tự Maya chỉ có trên các bia đá. Nhiều thế kỷ đã trôi qua, nhiều di tích còn lại của nền văn hóa Maya vẫn chưa được giải mã. Đó là các công trình kiến trúc đồ sộ bằng đá có khắc các văn bia, các tác phẩm điêu khắc trên các vách hang, các công cụ lao động do khảo cổ học phát hiện. Tương tự như việc Henri Rawlinson hồi thế kỷ XIX đã khám phá ra cách đọc loại chữ hình nêm của người Ba tư cổ, việc nhà nghiên cứu người Nga Knôdarốp, vào giữa thế kỷ XX, lần đầu tiên đọc được chữ viết của người Maya đã cho phép chúng ta hiểu được phần nào về nền văn minh Cổ đại lâu đời ở vùng Trung Mỹ này.

Cũng như một số dân tộc Nam Mỹ, người Maya lấy trồng trọt làm nguồn sống, dựa trên những kỹ thuật canh tác khá lạc hậu. Họ chặt

cây bằng rìu đá, sau đó đốt cây lấy tro rồi dùng gậy chọc lỗ để tra hạt.

Họ cũng xây dựng những công trình thủy lợi lớn phục vụ nông nghiệp. Ở Etga vẫn còn di tích của một hệ thống thuỷ lợi được xây dựng từ đầu Công nguyên, gồm các kênh dẫn dài tới 20km kèm theo nhiều đê, đập, cống. Kênh chính rộng 50 mét và sâu 1,5 mét có sức chứa đến 2 tỷ mét khối nước, nối liền với các hồ ao. Ngoài trồng trọt, nghề chăn nuôi, săn bắn và nghề thủ công đều khá phát triển.

Xã hội của người Maya là một xã hội có dân tự do và người nô lệ. Trong số dân tự do lại chia thành giới lao động sản xuất và giới chức sắc, quý tộc và đạo giáo.

Tôn giáo có một vai trò không nhỏ trong đời sống tinh thần. Họ thờ thần Mặt Trời và thần Mưa, có tục lệ thả các bức tượng quý xuống nước, đôi khi còn dùng người sống làm vật tế thần.

Người Maya cũng rất nổi tiếng về kiến trúc. Họ đã xây dựng tới khoảng 100 thành phố, trong đó có nhiều thành phố lớn như : Tikal (hình 353), Copan, Palenka. Về quy hoạch, người Maya thường bố trí các điểm dân cư gần nguồn nước, đi lại thuận tiện. Tuy được xây dựng trong những khoảng thời gian khác nhau, nhưng thành phố nào cũng là một tổ hợp được xây dựng bằng đá, bao gồm cung điện, nhà ở, đền thờ và sân vận động, được quy vào ba loại hình kiến trúc chủ yếu : Một là những kim tự tháp nhiều tầng với bậc thang thẳng đứng,



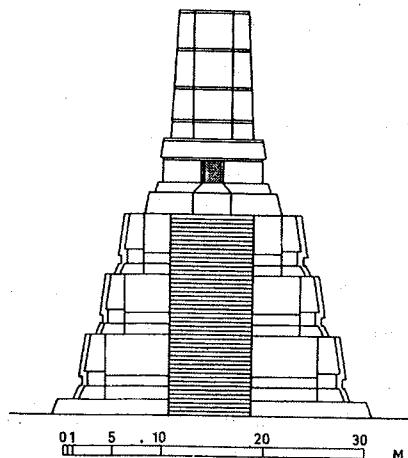
353. Toàn cảnh khu vực đền số II ở Tikal

dùng làm nhà thờ (hình 354), hai là nhà ở của quý tộc, tầng lửng, thường được làm dài và hẹp, có hai phòng chạy dọc song song (hình 355, 356), xung quanh là quảng trường hoặc sân rộng. Cuối cùng là những sân vận động có tường bao quanh.

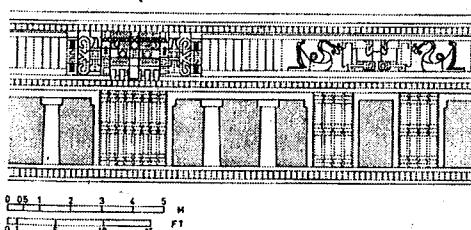
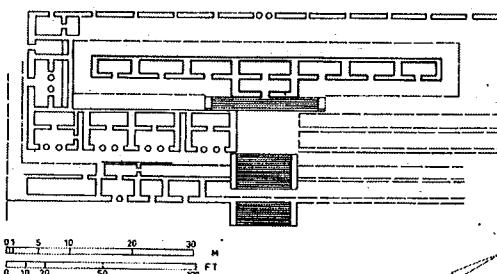
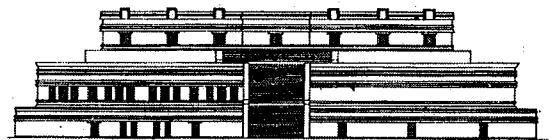
Một trong những thành phố cổ nhất của người Maya là thành phố Tikal đã tồn tại vào thế kỷ thứ VI trước CN đến thế kỷ thứ VI sau CN, trong thung lũng của một vùng rừng già nhiệt đới rất hiếm nước (được phát hiện vào năm 1919). Trên diện tích 16km², thành phố chia thành 9 khu nối với nhau bằng những con đường lát đá chạy qua ba thung lũng khá sâu.

Nhà cửa ở đây hầu hết được xây dựng bằng đá hoặc bằng đất nung, có khắc chạm rất tinh vi. Đáng chú ý là những kim tự tháp cao tới 70m có tên là "Mặt Trăng" và "Mặt Trời", được xây bằng đá. Tikal là thành phố có nhiều công trình kiến trúc đạt đến trình độ nghệ thuật rất độc đáo. Một số cung điện tựa vào sườn núi đá, cao tới 5 tầng. Đáng tiếc là cách đây gần 14 thế kỷ, thành phố này đã bị bùn và nham thạch của núi lửa chôn vùi.

Thành phố được bảo tồn nhiều nhất trong di sản kiến trúc của người Maya là thành phố Cöpan, nằm cạnh sông, trên lãnh thổ nước Goafémala ngày nay (hình 357, 358). Cöpan cũng là một thành phố lớn và một thời từng là trung tâm kinh tế, chính trị của người da đỏ ở Trung Mỹ. Những công trình kiến trúc của thành phố này phần lớn đều được xây dựng trong thời gian từ thế kỷ VII đến thế kỷ IX, là



354. Đền số II ở Tikal



355. Đại diện Sayil ở Luccatan

thời kỳ phát triển hưng thịnh của nền văn minh Maya dưới triều Vua Mokhaguar và Madrugaa. Những kim tự tháp kết hợp làm đền thờ ở Cōpan không hề đồ sộ như những kim tự tháp ở Ai Cập, nhưng lại được xây dựng trong một quần thể kiến trúc có vô số các tấm bia chạm trổ công phu và nhiều bức tượng ở xung quanh, khiến cho những kim tự tháp này có một phong cách nghệ thuật hết sức độc đáo.

Trên một Acrôpôn cao tới 40m giật nhiều cấp có các quảng trường rất lớn. Khác với thành phố Tikal, các công trình ở Cōpan có mối quan hệ khá khăng khít, công trình nọ nối tiếp công trình kia không thể tách rời. Nhiều cầu thang rộng có khi tới 90m, dila các quảng trường cũng đồng thời là chỗ ngồi trong các ngày hội lớn.

Palenke (TK thứ VII - VIII) cũng là một thành phố nổi tiếng của người Maya với những công trình khá tiêu biểu từ "thời kỳ Cổ điển" (hình 359, 360). Kiến trúc ở đây có quy mô khiêm tốn hơn, có hình khối thanh thoát hơn và đạt được các tỷ lệ khá chuẩn mực.

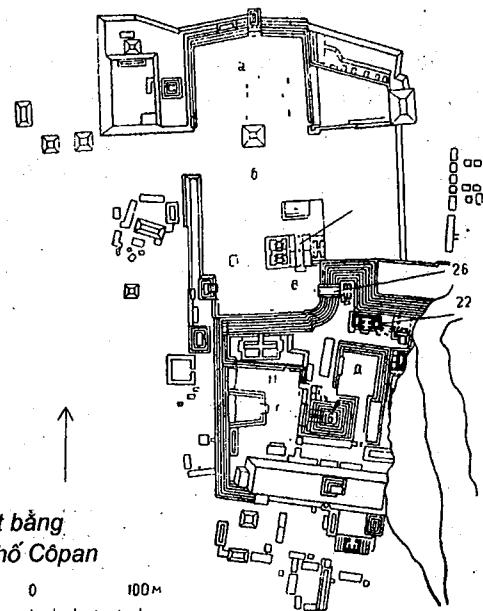
Những hình hoa văn chạm trổ trên tường, trên các đà ngang, các cửa ra vào hay những cột đá bốn mặt, với hình thức khắc nổi đã chứng tỏ tài năng đặc biệt cao của những nhà nghệ thuật Maya cổ xưa.

Những công trình kiến trúc của người Maya gắn bó mật thiết với những kiến thức rất cao về thiên văn so với những kiến thức khác. Điều này được thể hiện rất rõ trong các công

356. Cung điện lãnh chúa ở Uxmal TK XIII - XIV



357. Tòan cảnh thành phố Cōpan



358. Mặt bằng thành phố Cōpan

trình xây dựng và trong việc làm lịch của người Maya, cho đến nay vẫn còn là một bí ẩn.

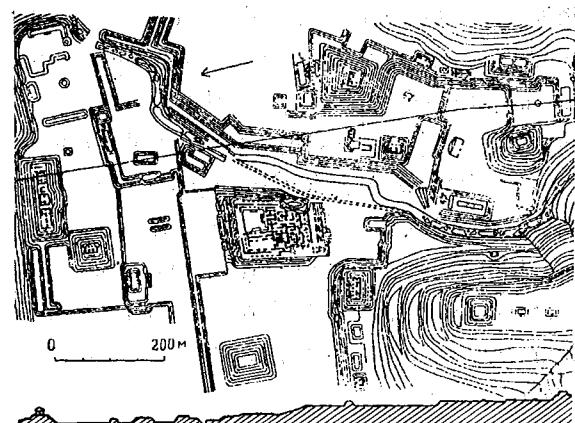
Dựa trên lịch của mình, người Maya thường xây dựng các thánh đường theo nguyên tắc: mỗi ngày trong tháng ứng với một bậc thang, mỗi tháng ứng với một tầng của thánh đường, còn bậc thang cuối cùng ở trên đỉnh ứng với ngày thứ 365 của năm. Bậc này cũng chính là nơi đặt bàn thờ Chúa Trời.

Như vậy, người Maya đã quan sát sự chuyển động của các thiên thể đạt đến độ chính xác phi thường. Một số nhà khoa học cho rằng, phải mất hàng chục nghìn năm quan sát mới đạt được trình độ như vậy. Nếu đúng vậy thì nền văn minh của người Maya phải cổ hơn nhiều so với những nền văn minh khác được coi là cổ nhất hiện nay.

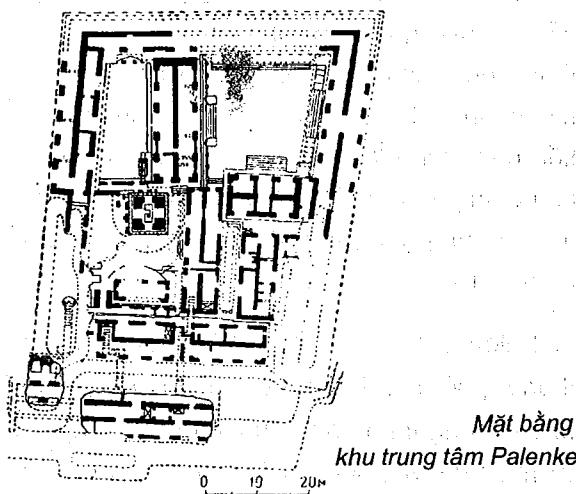
Thành phố Chichen Itza

Có thể nói, tại các vùng Honduras, Goatêmala và Mêhicô, người Maya đã kiến tạo nên một nền văn minh riêng biệt. Nền văn minh đó đã trải qua hai giai đoạn phát triển: giai đoạn đầu từ khoảng năm 300 sau CN và kéo dài sáu thế kỷ, tập trung trong vùng Pentêna thuộc Goatêmala. Giai đoạn sau bắt đầu năm 980 và kéo dài hơn ba thế kỷ, tập trung ở dải đất cực Bắc bán đảo Yucatan.

Do sự tàn phá của chiến tranh và sự hủy hoại của thời gian, các công trình kiến trúc còn sót lại ngày nay thuộc giai đoạn sau, tập trung chủ yếu ở hai địa điểm: Chichen Itza và Uxmal.



359. Mặt bằng, mặt cắt thành phố Palenke



Mặt bằng
khu trung tâm Palenke



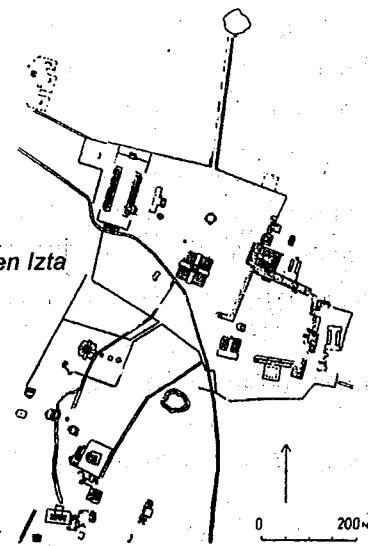
360.
Tháp
trong
cung
diện

Chichen Itza là một thị trấn lớn nhất của vương quốc Maya, nằm ở phía Bắc bán đảo Yucatan (hình 361). Đây là nơi tập trung những công trình đẹp nhất của nghệ thuật kiến trúc Maya như: kim tự tháp, đền thờ chiến binh, sân chơi cầu, đền thờ con báu, đài quan sát.

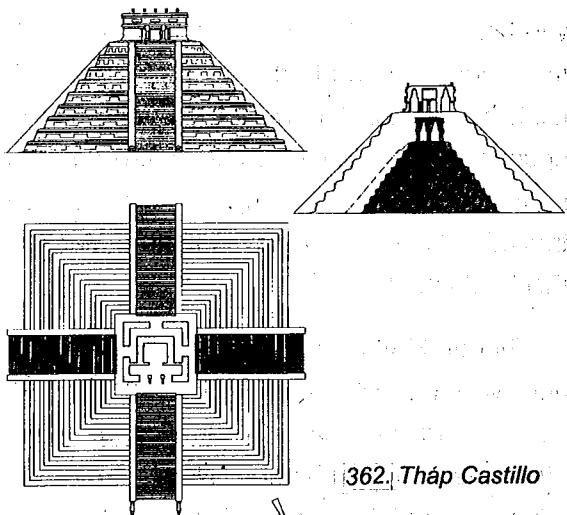
Loại hình kiến trúc khá phổ biến ở Mêhicô thời Tiền Côn lombô là những kim tự tháp cùt chót, thường được xây dựng ở điểm trung tâm của mỗi khu dân cư. Trên mặt phẳng nằm ở phần đỉnh kim tự tháp, người ta xây đền và dựng tượng thần. Khoảng đất nằm dưới chân kim tự tháp thường khá rộng, là nơi dân chúng tập trung hành lễ, cúng tế và ca múa với nội dung tôn giáo (hình 362).

Kim tự tháp của Mêhicô là một công trình gồm nhiều tầng: phần lớn là 7 và 13 tầng. Đây không phải là những con số ngẫu nhiên, mà chúng tương ứng với số bầu trời trong thần thoại của người Maya. Mỗi kim tự tháp đều có các cầu thang dẫn từ đỉnh tháp xuống mặt đất. Thang được coi là cây cầu nối thế giới thần linh với thế giới trần tục. Các vị thần từ thượng giới sẽ xuống dưới trần bằng thang này. Đó cũng là cây cầu để các giáo sĩ ném hia bước lên trời mỗi khi muốn cầu xin trời ban ân huệ cho cả cộng đồng. Tổng số bậc thang của kim tự tháp ứng với tổng số ngày trong năm: bốn thang nằm ở bốn mặt Kim tự tháp Kuculcan đều có 91 bậc, tổng cộng là 364, cộng với nền của công trình là 365 bậc.

361. *Mặt bằng thành phố Chichen Itza*



362. *Tháp Castillo*



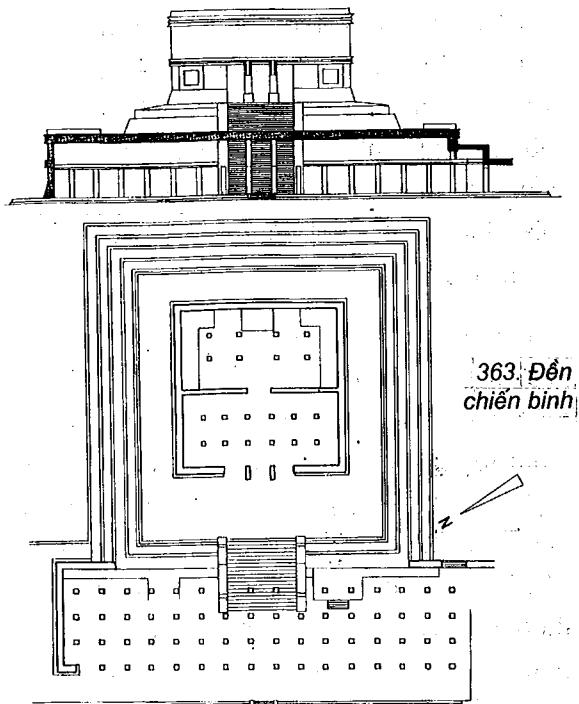
Tầng trên cùng của kim tự tháp là đền thờ thần Kuculca, có biểu tượng là một con vật hỗn hợp giữa chim và rắn.

Mặt ngoài của Kim tự tháp được tô điểm bằng các hoa văn sắp thành các dải băng ngang, phân bức tường thành những khoảng cách đều nhau. Hình tạc những con vật biểu trưng cho tôn giáo bái linh vật của người Maya là rắn có lông vũ, con ó và báo.

5.4. KIẾN TRÚC CỦA NGƯỜI INCA

Từng tồn tại trong phạm vi lãnh thổ các nước Pêru, Êcuadôr, Bôlivia và Chilê ngày nay có một nền văn minh phát triển rực rỡ vào hàng đầu châu Mỹ. Đó là nền văn minh Inca. Được bắt đầu từ thế kỷ thứ XI, nền văn minh này đã tồn tại cho tới khi vùng này bị người Tây Ban Nha xâm chiếm vào đầu thế kỷ thứ XVI (1532). Đô thị nổi tiếng về kiến trúc của nền văn minh này là thị trấn Machu - Picchu (hình 364).

Thị trấn Machu-Picchu nằm giữa hai ngọn núi: Machu-Picchu cao khoảng 3140m và Huayama-Picchu cao 2743m, trong vùng trũng của sông Urubamba. Nằm tại một địa điểm hoang dã trong dãy núi Andes, trên một vùng núi cheo leo, hiểm trở, đi lại khó khăn, lại bị các loài thảo mộc phủ kín trong nhiều thế kỷ liền, Machu-Picchu đã bị vùi sâu trong hoang phế và quên lãng suốt 400 năm, ngay cả sau khi đế chế Inca bị người Tây Ban Nha xâm chiếm và tiêu diệt.

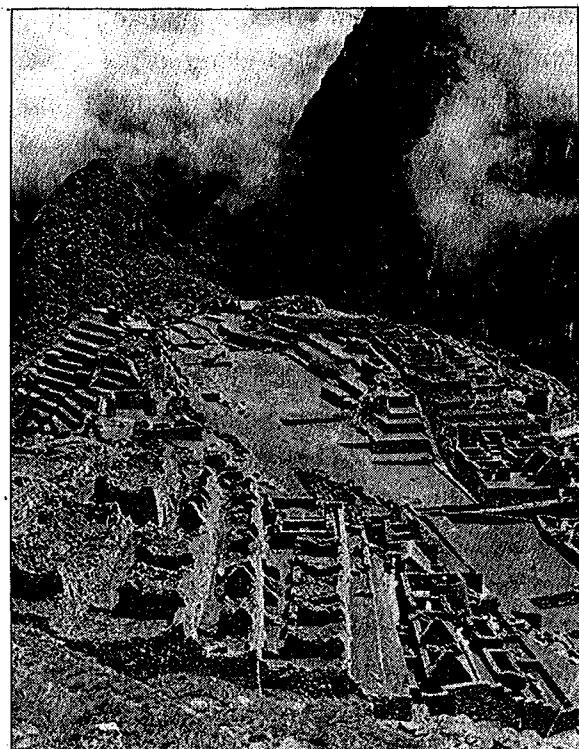


Những người đầu tiên đặt chân đến Machu-Picchu đều sững sờ trước vẻ đẹp của những gì còn sót lại từ các công trình kiến trúc ở đây. Các thủy kiều, nhà tắm, những bức tường hình vòm, tất cả đều bằng đá hoa cương đen rất mịn. Có cả thảy tới 16 nhà tắm. Chúng được đục thẳng vào trong vách núi và được sắp xếp theo một bố cục hài hòa. Các bậc thang được đào trong sườn núi đá, và những cửa lớn mở ra trên dốc núi. Các đền thờ của Machu-Picchu được làm bằng những khối đá lớn, sắp xếp ăn khớp với nhau một cách tài tình trong một vùng dốc đá dựng đứng đã làm tăng thêm vẻ hùng vĩ của cả một quần thể độc đáo (hình 365).

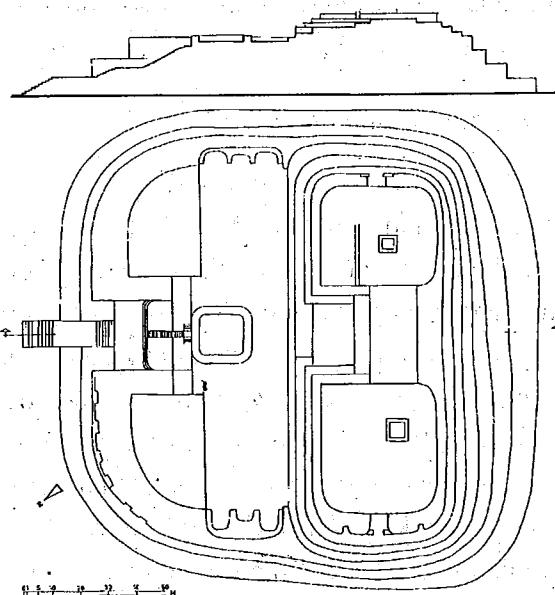
Trên một mảnh đất cao nhìn rộng ra khắp chung quanh, có một địa điểm được chọn làm nơi hành lễ. Tại đây, có đặt một cái đĩa lớn bằng vàng tượng trưng cho Mặt Trời. Khi ánh sáng rọi thẳng đứng vào đĩa thì bắt đầu hành lễ.

Do người Inca không để lại một tài liệu bằng chữ nào, nên không thể biết chính xác Machu-Picchu được dựng lên nhằm mục đích gì, khi được vây quanh bằng dãy thành cao, bên ngoài có các hào sâu và vọng gác. Nhưng dựa vào con số các đền thờ và địa điểm hành lễ còn sót lại, các nhà khoa học nghiêng về giả định cho rằng Machu-Picchu có lẽ là một trung tâm tôn giáo quan trọng (hình 366).

Phần phía Tây của thị trấn, nơi tập trung nhiều đền thờ và địa điểm hành lễ nhất, rõ



365. Toàn cảnh thị trấn Machu-Picchu



366. Kim tự tháp Moche ở thung lũng Casua

giữa trong và ngoài nhà được dễ dàng. Có nơi mái nhà phải làm rất dốc để tránh mưa hoặc tuyết v.v...

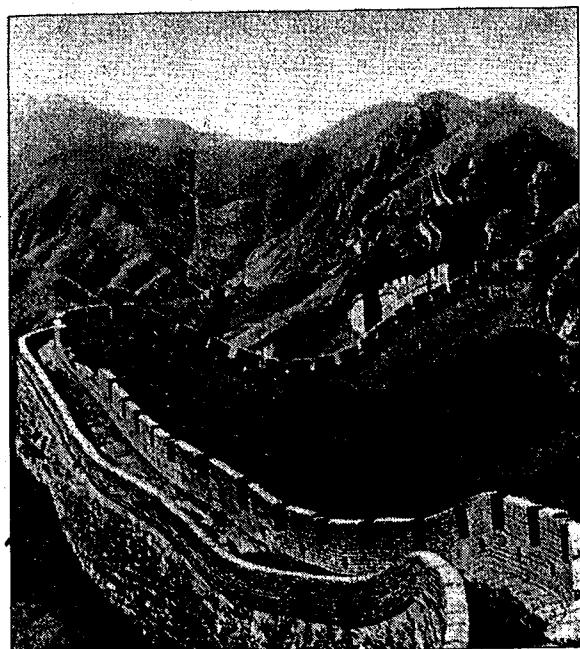
Một điều dễ nhận thấy là việc thực hiện nguyên tắc tận dụng địa hình đã đem lại những hiệu quả lớn về mặt cảnh quan nói riêng, về nghệ thuật tạo hình nói chung. Những công trình nổi tiếng như quần thể Acrôpône ở Aten, lâu đài Himegi ở Nhật Bản, Borobudua ở Indonesia hay Matchu Picchu ở Pêru sở dĩ gây được ấn tượng đặc biệt chính là do được kiến tạo trên nguyên trạng của địa hình thiên nhiên. Nếu những công trình tên tuổi này bị đặt vào các khu đất bằng phẳng (một cách tự nhiên hay do con người san ủi đất núi đồi) thì chắc chắn không thể có được những hiệu quả thẩm mỹ như chúng đã có.

Xem xét các công trình kiến trúc, nhà lý thuyết tiễn bối không phải vô tình khi nói rằng "Kiến trúc là nghệ thuật Mẹ của các nghệ thuật".

Ngay từ thời cổ xưa, kiến trúc luôn tập hợp xung quanh mình một lực lượng đông đảo các nhà điêu khắc, các nhà vẽ tranh, các nghệ nhân thuộc nhiều nghề mộc, kim hoàn v.v... để cùng xây cất một công trình.

Kiến trúc tạo điều kiện, tạo không gian cho các nghệ thuật khác phát triển: chỗ đặt tượng, chỗ treo tranh, các sân vườn, cây cảnh ...

Trong một số thời kỳ, cá biệt có những nghệ sĩ tạo hình cực lớn như Phêđiax, như Raphaen, như Lêôna đơ Vanhxi cũng đồng



384. Vạn lý trường thành ở Trung Quốc



385. Kiến trúc của người Maya ở Palenke

TK VII - VIII

thời vừa thiết kế, vừa nặn tượng, vừa vẽ tranh. Điển hình nhất có thể là Mikenlänggiêlô, người vừa xây dựng tòa nhà Xanh Pie cao 150m với vòm rộng 43m, vừa vẽ bức tranh "Cuộc phán xử cuối cùng" trên trần vòm, vừa đắp tượng cho nhà thờ này.

Khảo sát số công trình đã được xây dựng, có thể rút ra bốn yếu tố cần thiết tạo nên giá trị nghệ thuật của công trình như sau:

Một là cần một giải pháp (đáp án) sáng tạo về hình khối, dựa trên khả năng kỹ thuật của thời đại.

Nhiều khi sự sáng tạo về kỹ thuật lại đưa kiến trúc bước lên đỉnh vinh quang. Chẳng hạn kỹ thuật lợp các mái vòm đường kính lớn tới 40m, các kỹ thuật lợp mái khác nhau trong các nhà thờ Rômăng, Gôtích.

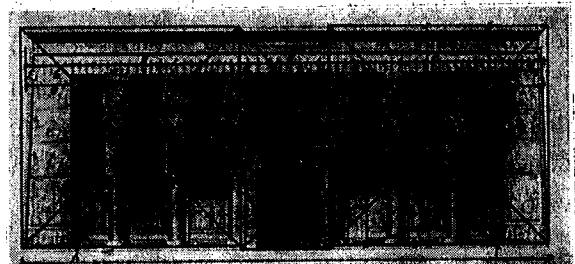
Hai là cần có các hình chuẩn về tỷ lệ tương đối và tỷ lệ tuyệt đối.

Tỷ lệ tương đối là tỷ lệ tương quan giữa các thành phần trong công trình với nhau. Ở các công trình kiến trúc cổ, sự tương quan này bao giờ cũng được xử lý một cách hài hòa, cân đối. Ví dụ: tỷ lệ giữa chiều cao so với đường kính thân cột, giữa đầu cột, thân cột và bệ cột trong các thức cột Hy Lạp và La Mã, tỷ lệ giữa các bộ phận trong nhà thờ Gôtích v.v... Điều này cũng được bộc lộ ở các mặt bằng của hầu hết các công trình nổi tiếng.

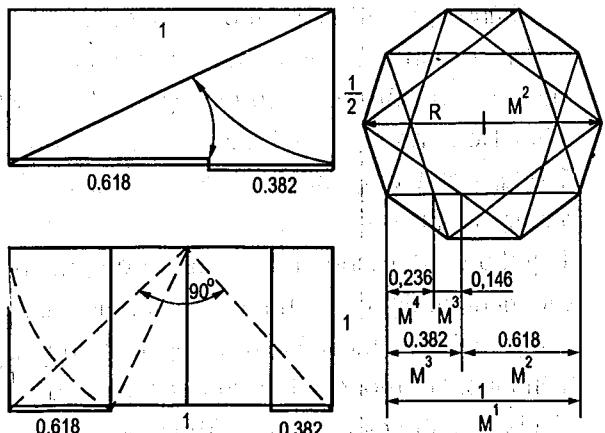
Tỷ lệ tuyệt đối là tỷ lệ giữa công trình so với thứ thước đo ổn định là chiều cao



386. Phù điêu trong đền ở Sanchi - Ấn Độ



387. Xây dựng tỉ lệ trong kiến trúc cổ
và cách dùng tỉ lệ vàng



con người. Đôi khi công trình áp đảo con người (như Kim tự tháp Ai cập). Song thường thì công trình hòa hợp với con người.

Ba là việc đặt công trình vào cảnh quan thiên nhiên một cách êm dịu, làm cho công trình trở thành một bộ phận hữu cơ của thiên nhiên.

Bốn là khéo sử dụng các loại vật liệu và việc thực thi công trình một cách hoàn hảo.

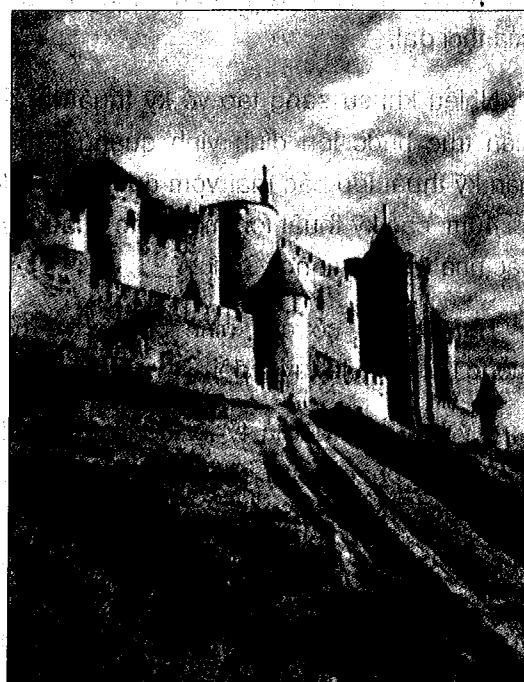
Trong khiêu giá trị nghệ thuật của kiến trúc Cổ đại và Trung đại, cần nhấn mạnh vai trò nổi bật của nền kiến trúc cổ Hy Lạp như một mẫu mực của kho tàng kiến trúc nhân loại. Đó là tính nhân văn cao trong tổ chức đô thị, sự gắn bó hài hòa vào thiên nhiên, tính thực tiễn của nội dung cũng như hình thức công trình, không chấp nhận các thành phần và chi tiết giả tạo.

Kiến trúc Hy Lạp đã đạt đến đỉnh cao trong nghệ thuật xử lý tỷ lệ, mà điển hình là số công trình nằm trong quần thể Acrôpô.

Chúng ta cũng không thể quên vai trò của người tạo dựng đích thực các công trình kiến trúc - đó là *đông đảo những người dân lao động*. Họ là những người đục đá, chở đá, đắp đường, gọt tượng, những người đóng thuế, những người đi lính, tựu chung lại là những thày thợ và dân chúng. Họ mang trong mình sức mạnh vĩ đại để biến mọi ý định, mọi hình dung, mọi ước mơ của tầng lớp trên thành hiện thực. Họ mới chính là lực lượng xây đắp và biến đổi thế giới. Tạo nên kho tàng Lịch sử Kiến trúc Thế giới cũng chính là tạo nên bộ



382. Đền Partenông - Hy Lạp



383. Lâu đài châu Âu

mặt của hành tinh, trong đó có một phần đóng góp của các thế hệ vua chúa, và phần đóng góp lớn hơn thuộc về sức mạnh tổng hợp của người bình dân.

Trong thời đại ngày nay, từ việc nghiên cứu học tập Lịch sử Kiến trúc Thế giới, có bốn điều sau đây có thể coi là bài học:

Một là: Tôn trọng tự nhiên, lựa theo tự nhiên khi xây dựng.

Hai là: Đề cao tính nhân văn trong đường lối đầu tư và trong nội dung xây dựng.

Ba là: Tính đồng bộ và sáng tạo, tính chu đáo của người thực hiện việc xây dựng và của sản phẩm xây dựng.

Bốn là: Không ngừng nâng cao dân trí, giáo dục lòng quý trọng và ý thức giữ gìn những thành quả lao động của các thế hệ.

Phụ lục 1

DANH MỤC BẢY KỲ QUAN THẾ GIỚI TRONG THỜI CỔ ĐẠI

1. **Kim tự tháp** ở Ai Cập. Thế kỷ thứ XXVI trước CN.
2. **Vườn treo Babilon** ở Irắc ngày nay. Thế kỷ thứ XX trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn).
3. **Tượng Khổng lồ Hêlios** trên đảo Rốt (Địa Trung Hải). Thế kỷ III trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn).
4. **Ngọn hải đăng Pharos** trên cảng Alexandria (bên bờ Địa Trung Hải thuộc Ai Cập). Thế kỷ thứ IV trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn).
5. **Lăng mộ Mausolus** ở Halicarnas (Hy Lạp). Thế kỷ thứ ... trước CN (đã bị một trận động đất phá sập vào đầu thế kỷ thứ XV).
6. **Đền thờ Nữ thần Artemis**, con gái thần Dót ở thành Ephes (bên bờ biển Egie thuộc Hy Lạp ngày nay). Thế kỷ thứ V trước CN (đã bị phá hủy một phần).
7. **Tượng Thần Dót** ở Olimpia (Hy Lạp). Thế kỷ thứ V trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn).

Phụ lục 2

BẢNG TRA CỨU MỘT SỐ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM KIẾN TRÚC THỜI KỲ CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

1. *Agippe*. Kỹ sư công binh, xây nhiều cầu lớn ở Rôma và các nơi thuộc Italia, thế kỷ thứ I trước CN (90).
2. *Antimuis*. Kỹ sư người vùng Tiểu Á đã xây dựng nhà thờ Xanh Xôphia ở Côngxtăngtinốp vào thế kỷ thứ VI (103).
3. *Apollodor*. Nhà kiến trúc lỗi lạc thành Rôma, người góp phần lớn trong xây dựng phorum Tơragian ở Rôma vào thế kỷ thứ I (86).
4. *Bechnini*. KTS. Italia thời Hậu văn nghệ Phục hưng, tiếp theo Mađecna Carbô xây quảng trường Xanh Pie ở Rôma với hàng cột và tượng rất thành công (139).
5. *Bisôp Suger*. Tu viện trưởng, người phụ trách xây dựng nhà thờ Xanh Đêni, một trong những nhà thờ Gôtich đầu tiên ở Pháp thế kỷ XIII - XIV (118).
6. *Bramāngtē Đônatō* (1444 - 1514). Người đặt nền móng đầu tiên cho nhà thờ lớn Xanh Pie (nay là Tòa thánh Vaticăng) vào năm 1505, với sự sáng tạo những nguyên tắc bố cục và hình khối hoàn chỉnh, mạch lạc, liên hoàn với một vòm bán cầu lớn ngự trị ở trung tâm (134, 135, 136).
7. *Bruneleski Philippo* (1377 - 1466). KTS. thời kỳ Văn nghệ Phục hưng người Phlorăngxơ, người đề xuất hình thức vòm mái có 6 gân cứng để lợp được nóc nhà thờ Xanh Maria Den Phiori cao 10m từng bị bô dở từ hơn 20 năm trước đó (131,132).
8. *Buskētō*. KTS. Italia, người thiết kế nhà thờ Pida ở Phlorăngxơ vào thế kỷ thứ XI, cũng là người sớm nhất có tên tuổi được lưu trên mộ chí cho đến ngày nay (112).
9. *Calicrat*. Một trong những tác giả khu đền Acrôpôん ở Hy Lạp thế kỷ thứ V trước CN, người trực tiếp xây dựng ngôi đền Nikê (56).
10. *Clôđa Perrô* (1613 - 1688). KTS. Pháp, tác giả Cung điện Luvr ở Paris thế kỷ thứ XVII (147).
11. *Giacomô del Poocta*. Người có công thực hiện đến cùng thiết kế nhà thờ Xanh Pie ở Rôma sau khi Mikelănggiêlô qua đời. Ông cũng là tác giả nhà thờ Dgiêxu xây dựng ở Rôma năm 1575 - 1584 (143).

12. *Ichtinos*. Một trong những cộng sự của Phidias và Calirat trong xây dựng khu đền Acrôpô ở Aten (58).
13. *Imihotép* được mệnh danh là Thánh (divine). Người chỉ huy xây Kim tự tháp giật cấp sớm nhất, năm 2800 - 2700 trước CN (23).
14. *Isidor*. KTS. người vùng Tiểu Á đã cùng Antêmuis xây nhà thờ Xanh Xôphia ở Côngxtăngtinốp thế kỷ thứ VI (103).
15. *Istat Han Effendi*. KTS. Ấn Độ. Theo sách Almanach những nền văn minh thế giới (trang 995) thì ông là tác giả của Lăng Tagiø Mahan nổi tiếng thế kỷ thứ XVII (161).
16. *Lêôna đơ Vanhxi* (1452 - 1519). Nhà hội họa kiệt xuất, nhà kiến trúc, xây dựng, nhà toán học, thiên văn, nhà bác học thiên tài thời kỳ Văn nghệ Phục hưng ở Italia, người đã đưa ra các ý tưởng về những nhà thờ mái vòm được các đời sau noi theo (134).
17. *Lor Broong* (1619 - 1690). Họa sĩ Pháp, người cùng với Mängsác Hacđoanh (19) thiết kế nội thất cho Phòng Gương trong cung điện Vecxây ở Paris mang phong cách Rôcôcô (145).
18. *Madecna Carbô*. KTS. Italia, người xây dựng phần trước nhà thờ Xanh Pie ở Rôma tạo nên một quảng trường vào loại đẹp nhất của mọi thời đại (139).
19. *Mangsac Hacđoanh* (1646 - 1708). KTS. Pháp, người thiết kế kiến trúc Phòng Gương trong cung điện Vecxây ở Paris (Pháp) vào thế kỷ XVII (145).
20. *Mikenlănggiêlô Buônarôti* (1475 - 1564). Nhà hội họa, điêu khắc, KTS. kiệt xuất nhất thời kỳ Văn nghệ Phục hưng, tác giả cuối cùng của công cuộc thiết kế nhà thờ Xanh Pie kéo dài hơn 40 năm, và bản thiết kế của ông đã trở thành hiện thực sau khi ông qua đời. Ông còn rất nổi tiếng với các bức tượng bất hủ và những tranh trailable tuyệt vời (138,139).
21. *Mirôn*. Nhà điêu khắc thành Aten, tác giả bức tượng "Nữ thần chiến thắng Promachos" ở Acrôpô (56).
22. *Palađiô Angđrê* (1508 - 1580). Nhà kiến trúc bậc thầy thời kỳ Hậu Văn nghệ Phục hưng, đã xây dựng nhiều công trình chuẩn mực như biệt dinh Publicô, biệt thự Rôtângđơ v.v... đồng thời là tác giả "Bốn cuốn sách về kiến trúc" có giá trị (139).
23. *Peruxi Palthada* (1481 - 1536). KTS. thời kỳ Văn nghệ Phục hưng, người đề xuất việc quay trở lại phương án nhà thờ Xanh Pie lần đầu của Bramăngtê (6) với ít nhiều sửa đổi (137).

24. *Phidias*. Nhà điêu khắc Hy Lạp kiệt xuất, tác giả các tượng phù điêu ở Acrôpône Aten (55) và tượng thần Dót ở Olimpia (57).
25. *Phrăngxoa Doocbê*. KTS. cung đình của Pháp, sống dưới triều vua Louis XIV, tác giả của cung điện Vecxây - ngoại ô Paris thế kỷ thứ XVII (149).
26. *Raphaen Xăngti* (1483 - 1514). Nhà hội họa bậc thầy, nhà kiến trúc thời Văn nghệ Phục hưng đã góp vào việc sửa phương án nhà thờ Xanh Pie ở Rôma do Brämängtê lập năm 1505 bằng một bố cục chữ thập kiểu La Mã êm đềm hơn so với phương án trước (136).
27. *Scamôdi*. KTS. thời Hậu Văn nghệ Phục hưng, người cùng thời với Vinhôla (27) và Plađiô (22), có nhiều đóng góp vào nền kiến trúc Italia thế kỷ thứ XVI (139).
28. *Vinhôlô Giacômô* (s.1507). Nhà lý luận và thực hành kiến trúc hoạt động ở Italia và Pháp với nhiều biệt thự nổi tiếng. Ông cũng là tác giả cuốn "Quy chuẩn và 5 thức cột trong kiến trúc" còn lưu truyền đến nay (139).
29. *Xănggalô Antanhô* (1485 - 1546). KTS. thời Văn nghệ Phục hưng, người đề xuất quay trở lại phương án nhà thờ Xanh Pie của Raphaen (25) với việc làm thêm hai chóp vuông cao ở hai bên và nâng mái vòm nhà thờ này (137).
30. *Xenmut*. KTS., nhà xây dựng, tác giả đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut và nhiều đền đài khác ở Ai Cập vào cuối thế kỷ thứ XVI trước CN (34).

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Andrea Palladio. (Bản dịch của Lê Phục Quốc và Nguyễn Trực Luyện). *Giáo huấn vàng ngọc về kiến trúc*. NXB Xây dựng, 1998.
2. Đặng Thái Hoàng. *Lược khảo nghệ thuật kiến trúc thế giới*. NXB Văn hoá, H 1978.
3. Đặng Thái Hoàng. *Lịch sử kiến trúc qua hình vẽ*. NXB Khoa học Kỹ thuật, H 1997.
4. Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc. *Các công trình kiến trú tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1999.
5. Hoàng Văn Huyền. *Bảy kỳ quan thế giới*. NXB Xây dựng, 1987.
6. Trần Văn Khải. *Lịch sử kiến trúc phương Tây – Tóm tắt bài giảng và mĩ họa*. NXB Giao thông vận tải, 2000.
7. Nguyễn Hiến Lê. *Lịch sử thế giới*. NXB Văn hoá, 1997-1999.
8. Đỗ An Lộc. *Lược khảo lịch sử kiến trúc thế giới*. Tài liệu nội bộ – Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 1984.
9. Lương Ninh (chủ biên). *Lược sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1998.
10. Ngô Huy Quỳnh. *Kiến trúc cổ đại Châu Á*. NXB Văn hoá thông tin, 1999.
11. Hoàng Minh Thảo (chủ biên). *Almanach những nền văn minh thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1997.
12. Trần Mạnh Thường. *Những di sản nổi tiếng thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1998.
13. Henri Stierlin. *Encyclopedia of Architecture*. Evergreen, 1977.
14. Banister Fletcher. *History of Architecture*. University of London, The Athlone Press, Seventeenth Edition.
15. Glancey Jonathan. *The Story of Architecture*. Porling Kindersley (DK) 2000.
16. Leonardo Benevolo. *Histoire de la Ville*. Editions Parenthèses, Marseille, 1994.
17. Louis Callebat & autres. *Histoire de L'Architecte*.
18. Norton J. Leonard. *Early Japan*. Time-LifeBook, New York.
19. Samuel N.Kramer. *Cradle of Civilization*. Time Incorporated, New York.

20. Stanley Karnov. *Southeast Asia*. Time-Life Book, New York.
21. Yosuke & Others. *The concise History of Western Architecture*. Bijutsu Shuppan-sha, 1998.
22. W & B. Forman Vilixova Rahman. *Agyptische Kunst*. Artia Praha, 1962.
23. Баранов Н.Б (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры Т.Т.1, 2 , 3, 4, 5.* Издательство Литературы по Строительству, Москва 1973..
24. Бунин А.В. Саваренская Т.Ф. *История Градостроительного Искусства*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуре и Строительным материалам, М. 1961.
25. Гуднов А. *Мир Архитектуры*. "Молодая Гвардия", 1985.
26. Кириллова Л. *Масштабность в Архитектуре*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуре и Строительным материалам, М. 1961.
27. Михаилов Б.П. (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуре и Строительным материалам, М. 1963.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Andrea Palladio. (Bản dịch của Lê Phục Quốc và Nguyễn Trực Luyện). *Những giáo huấn vàng ngọc về kiến trúc*. NXB Xây dựng, 1998.
2. Đặng Thái Hoàng. *Lược khảo nghệ thuật kiến trúc thế giới*. NXB Văn hoá, Hà Nội, 1978.
3. Đặng Thái Hoàng. *Lịch sử kiến trúc qua hình vẽ*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 1997.
4. Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc. *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1999.
5. Hoàng Văn Huyền. *Bảy kỳ quan thế giới*. NXB Xây dựng, 1987.
6. Trần Văn Khải. *Lịch sử kiến trúc phương Tây – Tóm tắt bài giảng và minh họa*. NXB Giao thông vận tải, 2000.
7. Nguyễn Hiến Lê. *Lịch sử thế giới*. NXB Văn hoá, 1997-1999.
8. Đỗ An Lộc. *Lược khảo lịch sử kiến trúc thế giới*. Tài liệu nội bộ – Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 1984.
9. Lương Ninh (chủ biên). *Lược sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1998.
10. Ngô Huy Quỳnh. *Kiến trúc cổ đại Châu Á*. NXB Văn hoá thông tin, 1999.
11. Hoàng Minh Thảo (chủ biên). *Almanach những nền văn minh thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1997.
12. Trần Mạnh Thường. *Những di sản nổi tiếng thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1998.
13. Henri Stierlin. *Encyclopedia of Architecture*. Evergreen, 1977.
14. Banister Fletcher. *History of Architecture*. University of London, The Athlone Press, Seventeenth Edition.
15. Glancey Jonathan. *The Story of Architecture*. Porling Kindersley (DK) 2000.
16. Leonardo Benevolo. *Histoire de la Ville*. Editions Parenthèses, Marseille, 1994.
17. Louis Callebat & autres. *Histoire de L'Architecte*.
18. Norton J. Leonard. *Early Japan*. Time-LifeBook, New York.
19. Samuel N.Kramer. *Cradle of Civilization*. Time Incorporated, New York.

20. Stanley Karnov. *Southeast Asia*. Time-Life Book, New York.
21. Yosuke & Others. *The concise History of Western Architecture*. Bijutsu Shuppan-sha, 1998.
22. W & B. Forman Vilixova Rahman. *Agyptische Kunst*. Artia Praha, 1962.
23. Баранов Н.Б (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры Т.Т.1, 2 , 3, 4, 5*. Издательство Литературы по Строительству, Москва 1973.
24. Бунин А.В. Саваренская Т.Ф. *История Градостроительного Искусства*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектурные и Строительным материалам, М. 1961.
25. Гуднов А. *Мир Архитектуры. "Молодая Гвардия"*, 1985.
26. Кириллова Л. *Масштабность в Архитектуре*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектурные и Строительным материалам, М. 1961.
27. Михаилов Б.П. (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектурные и Строительным материалам, М. 1963.

